BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

NGUYỄN THỊ LUYẾN

TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

***Chuyên ngành*: Lý luận và PPDH bộ môn Địa lí**
***Mã số:* 9.14.01.11**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Đặng Văn Đức
2.TS. Lê Đông Phương

Hà Nội - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2018

Tác giả

NGUYỄN THỊ LUYẾN

LỜI CẢM ƠN

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành nhất đến PGS.TS Đặng Văn Đức và TS. Lê Đông Phương đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện để em thực hiện luận án này.

Xin gửi lời cảm ơn đến các Thầy/Cô giáo trong và ngoài Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, bạn bè và đồng nghiệp đã hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi trong thời gian tác giả làm nghiên cứu sinh, cũng như đã đưa ra những góp ý quý báu trong quá trình tác giả thực hiện luận án.

Xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám hiệu, các Thầy/Cô giáo và học sinh trường THPT Lê Lợi (Hà Đông – Hà Nội), trường THPT Thăng Long (Lâm Hà – Lâm Đồng), trường THPT B Kim Bảng (Hà Nam), trường THPT Hòn Gai (Hạ Long – Quảng Ninh) đã tạo điều kiện, giúp đỡ cho tác giả được khảo sát và thực nghiệm.

Xin gửi lời tri ân tới gia đình, bạn bè và những người thân yêu đã luôn động viên, khích lệ và giúp đỡ tác giả trong thời gian học tập và nghiên cứu.

Do điều kiện chủ quan và khách quan, luận án chắc chắn còn thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến phản hồi để tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng luận án.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2018

Tác giả

NGUYỄN THỊ LUYẾN

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ ĐẦY ĐỦ
1	CM KH – KT	Cách mạng khoa học – kĩ thuật
2	ĐC	Đối chứng
3	CĐ	Cao đẳng
4	ĐH	Đại học
5	GD	Giáo dục
6	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
7	GDHN	Giáo dục hướng nghiệp
8	GQVĐ	Giải quyết vấn đề
9	GV	Giáo viên
10	HS	Học sinh
11	NPT	Nghề phổ thông
12	NXB	Nhà xuất bản
13	PPDH	Phương pháp dạy học
14	SGK	Sách giáo khoa
15	TCCN	Trung cấp chuyên nghiệp
16	THCS	Trung học cơ sở
17	THPT	Trung học phổ thông
18	TN	Thực nghiệm
19	TNSP	Thực nghiệm sư phạm
20	VN	Việt Nam

MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan i
Lời cảm ơn ii
Danh mục các chữ viết tắt iii
Mục lục iv
Danh mục sơ đồ ix
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
4. Giả thuyết khoa học 3
5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu 4
6. Quan điểm và Phương pháp nghiên cứu 16
7. Những đóng góp của luận án 19
8. Cấu trúc của luận án 20
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 21
1.1. Hướng nghiệp và Giáo dục hướng nghiệp 21
1.1.1. Khái niệm Hướng nghiệp và Giáo dục hướng nghiệp 21
1.1.2. Các giai đoạn của Giáo dục hướng nghiệp 24
1.1.3. Nhiệm vụ của Giáo dục hướng nghiệp qua các môn học ở trường THPT ... 26
1.2. Tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 Trung học phổ thông 32
1.2.1. Khái niệm tích hợp và dạy học tích hợp 32
1.2.2. Sự cần thiết của việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 trung học phổ thông 33
1.3. Đặc điểm chương trình Giáo dục phổ thông 37
1.3.1. Chương trình Địa lí 12 trung học phổ thông 37
1.3.2. Chương trình Giáo dục hướng nghiệp trung học phổ thông 41

1.4. Đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức của học sinh lớp 12 đối với Giáo dục hướng nghiệp 47

1.4.1. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 12 47

1.4.2. Nhận thức của học sinh lớp 12 với Giáo dục hướng nghiệp 49

1.5. Thực trạng Giáo dục hướng nghiệp ở trường Trung học phổ thông 51

Tiểu kết chương 1 61

Chương 2. QUY TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 62

2.1. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT 62

2.1.1. Nguyên tắc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 . 62

2.1.2. Yêu cầu đối với việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 64

2.2. Xác định nội dung tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông 67

2.3. Quy trình tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 Trung học phổ thông 80

2.3.1. Giai đoạn 1 – Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT 81

2.3.2. Giai đoạn 2 - Thực hiện kế hoạch dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT 82

2.3.3. Giai đoạn 3– Phản ánh, đánh giá kết quả tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT 83

2.4. Biện pháp tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông 85

2.5. Thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp một số bài học trong môn Địa lí 12 trung học phổ thông 102

2.5.1.Thiết kế giáo án Bài 16 (Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta) và Bài 17 (Lao động và việc làm) thành một chủ đề "Dân số và việc làm" .. 102

2.5.2. Thiết kế giáo án Bài7. Đất nước nhiều đồi núi (tiết 2) (PHỤ LỤC 3) ... 118
2.5.3. Thiết kế giáo án Bài 21. Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta (PHỤ LỤC 4).... 118
2.5.4. Thiết kế giáo án Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ (PHỤ LỤC 5) 118
2.5.5. Thiết kế giáo án Bài 33. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng (PHỤ LỤC 6)..... 118
Tiểu kết chương 2 118
CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 120
3.1. Mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc thực nghiệm 120
3.1.1. Mục đích thực nghiệm 120
3.1.2. Nguyên tắc thực nghiệm sư phạm 120
3.1.3. Nhiệm vụ thực nghiệm 120
3.2. Nội dung và phương pháp thực nghiệm 120
3.2.1. Nội dung thực nghiệm 120
3.2.2. Phương pháp thực nghiệm 122
3.3. Tổ chức thực nghiệm 124
3.3.1. Chuẩn bị thực nghiệm 124
3.3.2. Triển khai thực nghiệm 125
3.4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm 126
3.4.1. Thực nghiệm đợt 1 126
3.4.2. Thực nghiệm đợt 2 129
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 147
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ BẰNG TIẾNG VIỆT NAM CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN 150
TÀI LIỆU THAM KHẢO 151
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1.1. Năng lực hướng nghiệp cần đạt ở học sinh sau GDHN 29
Bảng 1.2. Chủ đề GDHN trung học phổ thông từ lớp 10 – 12 42
Bảng 1.3. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12 43
Bảng 1.4. Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của nội dung GDHN lớp 12 THPT..... 45
Bảng 1.5. Tổng hợp ý kiến GV và cán bộ quản lý đối với nhận thức của học sinh về bản thân và thế giới nghề nghiệp 52
Bảng 1.6. Tổng hợp ý kiến HS về dự định sau khi học xong THPT 53
Bảng 1.7. Tổng hợp ý kiến HS về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành, nghề 54
Bảng 1.8. Tổng hợp ý kiến GV về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành, nghề của HS 56
Bảng 1.9. Tổng hợp ý kiến HS về những việc trường THPT, nơi HS học, đã làm để giúp HS hiểu và lựa chọn nghề 57
Bảng 1.10. Tổng hợp ý kiến GV và cán bộ quản lý , về những việc trường THPT, nơi Thầy/Cô công tác, đã làm để giúp HS hiểu và lựa chọn nghề..... 57
Bảng 2.1. Bảng tổng hợp khái quát khả năng tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT 73
Bảng 3.1. Danh sách các trường dạy thực nghiệm và đối chứng..... 125
Bảng 3.2. Bảng tổng hợp phiếu xin ý kiến GV sau thực nghiệm đợt 1 127
Bảng 3.3. Danh sách HS và GV tham gia thực nghiệm lần 2 đợt 2..... 131
Bảng 3.4. Số lượng học sinh và giáo viên tham gia khảo sát, làm bài kiểm tra trong thực nghiệm và sau thực nghiệm..... 131
Bảng 3.5. Tổng hợp nhận xét của GV và HS sau TNSP đợt 2, lần 2 132
Bảng 3.6. Tổng hợp câu 3 phiếu khảo sát sau thực nghiệm (phụ lục 10)..... 133
Bảng 3.7. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 1 theo từng lớp, từng trường trường 136
Bảng 3.8. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 1 theo nhóm Thực nghiệm – Đối chứng 136
Bảng 3.9. Tổng hợp điểm kiểm tra kiến thức GDHN bài kiểm tra số 1 137

Bảng 3.10. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 2 theo từng lớp, từng trường 139
Bảng 3.11. Tổng hợp điểm kiểm tra bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12) 139
Bảng 3.12. Tổng hợp điểm phần GDHN bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12) 141
Bảng 3.13. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 1 (phụ lục 11) 142
Bảng 3.14. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12) 143
Bảng 3.15. Tổng hợp điểm Địa lí, điểm GDHN bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2 của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng..... 144
Bảng 3.16. Bảng so sánh điểm bài kiểm tra 1 và điểm bài kiểm tra 2 giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng 145

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1. Tổng hợp câu 3 phiếu khảo sát sau thực nghiệm (phụ lục 10)..... 134
Biểu đồ 3.2. Điểm kiểm tra bài số 1 (TNSP đợt 2, lần 2)..... 137
Biểu đồ 3.3. Tổng hợp điểm kiểm tra kiến thức GDHN bài kiểm tra số 1 138
Biểu đồ 3.4. Tổng hợp điểm kiểm tra bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)..... 140
Biểu đồ 3.5. Tổng hợp điểm phần GDHN bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)..... 141
Biểu đồ 3.6. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 1 (phụ lục 11) 142
Biểu đồ 3.7. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12) 143

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Trang

Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa các khâu trong giáo dục hướng nghiệp 24
Sơ đồ 2.1. Các bước trong giáo dục hướng nghiệp..... 71
Sơ đồ 2.2. Quy trình tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 81
Sơ đồ 2.3. Bài 6 và Bài 7: Địa hình Việt Nam..... 96

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) là một trong những hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện của giáo dục phổ thông Việt Nam. GDHN giúp cho HS hiểu về bản thân, hiểu về thế giới nghề nghiệp, hiểu về nhu cầu lao động của địa phương và của đất nước, ... Qua đó, giúp cho HS có những quyết định lựa chọn nghề phù hợp với bản thân, với gia đình và với sự phát triển của xã hội,... góp phần tăng năng suất lao động, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế - xã hội,... rút ngắn khoảng cách về kinh tế - xã hội giữa Việt Nam và các nước trên thế giới.

Không phải HS nào cũng nhận thức đúng các vấn đề về GDHN và có quyết định nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp. Vì vậy, GDHN để giúp học sinh chọn con đường đi phù hợp với bản thân, gia đình và nhu cầu của xã hội là vô cùng cần thiết. Ngày 19 tháng 3 năm 1981, Hội đồng Chính phủ đã ban hành quyết định số 126/CP, khẳng định mục tiêu của GDHN là giúp học sinh định hướng, chọn nghề phù hợp với hứng thú, nguyện vọng, năng lực và hoàn cảnh của bản thân và đáp ứng được sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội. Hoạt động này luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, được đề cập trong các văn kiện của Đại hội, trong các văn bản Luật,...

Ngày 17/8/1981, Bộ GD&ĐT ra thông tư 31/TT hướng dẫn thực hiện quyết định 126/CP. Mục 2 Thông tư đã quy định các hình thức GDHN trong nhà trường phổ thông [6]:

. Hướng nghiệp qua các môn học;

. Hướng nghiệp qua hoạt động lao động sản xuất;

. Hướng nghiệp qua việc giới thiệu các ngành nghề;

. Hướng nghiệp qua các hoạt động ngoại khóa.

Như vậy, GDHN qua môn học là một trong bốn hình thức GDHN trong trường phổ thông. Trong các môn học ở phổ thông, môn học có nội dung chứa nhiều kiến thức liên quan đến Giáo dục hướng nghiệp là môn Địa lí. Trong khi GV và HS nghiên cứu tìm hiểu nội dung của môn Địa lí, đạt được các mục tiêu đề ra

cho môn Địa lý ở trường phổ thông, thì đồng thời cũng đã phần nào thỏa mãn được cả mục tiêu của GDHN. Đặc biệt là chương trình Địa lí lớp 12 THPT (hiện hành) gồm bài mở đầu và bốn phần lớn, với thời lượng là 52 tiết: 35 tiết là bài lý thuyết, 7 tiết là bài thực hành, thì hầu hết các bài đều có thể giảng dạy nội dung GDHN, với các mức độ khác nhau. Nhưng thực tế, hoạt động này tại trường phổ thông đã thực sự được quan tâm chưa? Chất lượng, hiệu quả như thế nào? (tham khảo nội dung báo cáo tổng kết nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ: "*Điều tra xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông*", của Bùi Đức Thiệp, tác giả thấy có đoạn: "*Chất lượng và hiệu quả của các giờ hoạt động GDHN còn thấp,... GDHN chưa được thực hiện đồng bộ. Việc hướng nghiệp qua dạy – học các môn văn hóa hay nói cách khác tích hợp nội dung hướng nghiệp vào các môn học là một hình thức GDHN quan trọng, song hiện nay chưa được thực hiện trong nhà trường phổ thông*"[65]).

Đồng thời, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2011– 2020 đã đề cập: "..., *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo;... Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam .... Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo. kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp,...*"[21].

Với những lí do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề nghiên cứu là: ***"Tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông"***, làm đề tài luận án tiến sĩ của mình, mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả của GDHN trong trường phổ thông, nâng cao khả năng sáng tạo, kĩ năng thực hành và lập nghiệp,... cho HS,

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất quy trình và biện pháp tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh ở trường THPT.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT.

- Xác định yêu cầu và nguyên tắc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT.

- Xác định nội dung, xây dựng quy trình, biện pháp tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT.

- Thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp GDHN cho học sinh qua một số bài học Địa lí 12 THPT.

- Tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng tính hiệu quả và khả thi của đề tài nghiên cứu.

- Đưa ra kết luận và khuyến nghị của việc tích hợp GDHN cho học sinh trong dạy học Địa lí 12 THPT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu quy trình và biện pháp tích hợp GDHN cho học sinh trong dạy học Địa lí 12 Trung học phổ thông.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Nghiên cứu quy trình và biện pháp tích hợp GDHN vào môn Địa lí lớp 12 trung học phổ thông.

- Thực nghiệm sư phạm tại trường THPT Lê Lợi (Hà Đông - Hà Nội), trường THPT Thăng Long (Lâm Hà – Lâm Đồng), trường THPT B Kim Bảng (Hà Nam), trường THPT Hòn Gai (Hạ Long – Quảng Ninh) trong năm học 2015-2016 và 2016-2017.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu vận dụng quy trình và biện pháp tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT một cách hợp lí, đảm bảo yêu cầu, nguyên tắc sư phạm thì sẽ góp phần nâng cao hiệu quả GDHN cho HS ở trường Trung học phổ thông.

5. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

5.1. Ở nước ngoài

Giáo dục hướng nghiệp đã xuất hiện, tồn tại và phát triển cùng với lịch sử phát triển giáo dục của nhiều nước trên thế giới.

Giáo dục hướng nghiệp đã được quan tâm, nghiên cứu bởi nhiều nhà khoa học trên thế giới. Nhưng những nghiên cứu sâu vấn đề tích hợp GDHN trong môn học ở trường THPT thì không có nhiều. Một trong những nghiên cứu đã đề cập đến vấn đề tích hợp GDHN được đăng bởi Dora Grote, GCDFi [94] đã đề cập đến bốn cách tích hợp GDHN vào dạy học: 1. Kết nối nội dung học GDHN với kinh nghiệm làm việc thực tế, 2. Tạo ra môi trường để HS được chia sẻ cùng nhau, 3. GDHN là một phần nội dung trong các cuộc hội thảo được tổ chức tại trường, 4. Kết nối HS với thực tế. Tuy nhiên, cả bốn cách tích hợp GDHN vào dạy học này đều chưa đề cập đến cách thức tích hợp GDHN vào môn học Địa lí; Trong cuốn "*Careers education in the classroom*"[95] đã miêu tả GV nên làm như thế nào để HS thực sự học về Hướng nghiệp trong lớp học, trường học; Cuốn: "*Teachers and Careers*" của Tristram Hooley, A.G. Watts, David Andrews (2015), Trung tâm nghiên cứu hướng dẫn quốc tế - Trường ĐH Derby[96] đã đề cập đến ý nghĩa của GDHN, các khái niệm và công việc của GV trong trường học đối với GDHN, các khóa học liên quan đến GDHN trong trường học,...; đồng thời tài liệu cũng đề cập đến nhiều tác giả trên thế giới đã giúp tài liệu hoàn hảo hơn như: Annemarie Oomen (Netherlands), Caroline VanBruinswaardt (USA), David Cameron (Scotland), Dorianne Gravina (Malta), Erik Hagaseth Haug (Norway), Frances O'Hara (Northern Ireland), Ji-Yeon Lee (Korea), Joe Tsui (Hong Kong), Isabelle Zuppiger (Switzerland), Karen Vaughan (New Zealand), Linda Darbey (Republic of Ireland), Peter Härtel (Austria), Raimo Vuorinen (Finland), Ray Collier (Wales), Sareena Hopkins (Canada), Scott Solberg (USA), ...; Nhiều đề tài liên quan đến vấn đề GDHN trong trường học như: Hooley, T. (2014). *The Evidence Base on Lifelong Guidance. Jyväskylä, Finland*: European Lifelong Guidance Policy Network (ELGPN); Hooley, T., Hutchinson, J. & Neary S. (2014). *Evaluating Brightside's Approach to*

Online Mentoring. Derby: International Centre for Guidance Studies, University of Derby; Hooley, T., Marriott, J., Watts, A.G. & Coiffait, L. (2012). *Careers 2020: Options for Future Careers Work in English Schools. London*: Pearson; Hooley, T., Matheson, J. & Watts, A.G. (2014). Advancing Ambitions: *The Role of Career Guidance in Supporting Social Mobility. London*: Sutton Trust; Hutchinson, J. (2012). *Career-related learning and science education*: The changing landscape. School Science Review, 346: 91-98; Hutchinson, J. (2013). *School Organisation and STEM Career-related Learning.* York: National STEM Centre; Hutchinson, J. (2014). '*Girls into STEM and Komm mach MINT'*: English and German approaches to support girls' STEM career-related learning. Journal of the National Institute for Career Education and Counselling, 32: 27-34; Hutchinson, J., & Dickinson, B. (2014). *Employers and schools: How Mansfield is building a world of work approach.* Local Economy, 29(3): 236-245; Langley, E., Hooley, T. & Bertuchi, D. (2014). *A Career Postcode Lottery? Local Authority Provision of Youth and Career Support Following the 2011 Education Act*. Derby: International Centre for Guidance Studies, University of Derby,.... => Hầu hết các nghiên cứu của các tác giả, các nước trên thế giới đều quan tâm, nghiên cứu, đề cập đến tổ chức GDHN cho HS làm sao để HS đạt hiệu quả cao nhất trong việc lựa chọn nghề, tăng sự hiểu biết của bản thân về thế giới nghề nghiệp để tiếp cận nhiều hơn với các nghề, qua đó có sự lựa chọn nghề đúng đắn hơn; chưa đi sâu vào nghiên cứu vấn đề tích hợp GDHN trong môn học Địa lí tại trường THPT.

Khi tác giả tìm hiểu về GDHN và việc tích hợp GDHN trong trường học ở các nước trên thế giới theo thời gian và không gian, thì thấy sự phát triển nhanh, mạnh của GDHN tại các quốc gia, nhưng cũng chưa thấy các nghiên sâu về tích hợp GDHN trong môn học tại trường THPT. Tại một số nước GDHN đã được đưa vào trường học giảng dạy tích hợp cùng môn học là môn Công nghệ hoặc có cách cách tổ chức giảng dạy khác nhau. Cụ thể, giữa thế kỉ XIX, một số nhà khoa học trên thế giới đã từng khẳng định con người để làm được một công việc cụ thể không chỉ cần phải học, mà còn cần phải có những năng lực phù hợp với nghề. Do đó những thanh

niên đang chọn nghề cần được giúp đỡ một cách thỏa đáng. Như vậy, nhu cầu hướng nghiệp, đặc biệt là tư vấn tuyển chọn nghề đã xuất hiện từ giữa thế kỉ XIX. Thời gian này, ở Pháp đã xuất hiện cuốn sách *Hướng dẫn chọn nghề* mà nội dung chủ yếu là đề cập tới vấn đề phát triển đa dạng của nghề do sự phát triển công nghiệp và việc nhất thiết phải giúp đỡ thanh niên trong sự lựa chọn nghề nghiệp. Từ đó, hướng nghiệp được các nước công nghiệp quan tâm nghiên cứu, áp dụng ngày càng sâu rộng. Các nhà khoa học không chỉ quan tâm đến việc nghiên cứu cơ sở lí luận, mà còn quan tâm đến việc nghiên cứu các công cụ và đưa vấn đề triển khai trong thực tế để phục vụ tốt nhất cho hướng nghiệp và tư vấn nghề; Đến đầu thế kỉ XX, các sở dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp lần lượt ra đời ở Mỹ, Anh, Đức, Nga,... Hệ thống hướng nghiệp vì vậy được nghiên cứu rất kĩ. Mục đích của nó là tiếp cận học sinh với các nghề khác nhau, nghiên cứu xu hướng, năng lực của các em và giúp đỡ các em chọn nghề. Trung tâm hướng nghiệp quốc gia chuyên soạn thảo, in ấn các tài liệu về phương pháp hướng nghiệp. Tham gia vào công tác này còn có cả một số trung tâm lớn và các tổ chức quan tâm đến vấn đề Hướng nghiệp trong phạm vi cả nước,... Vấn đề chọn nghề của thanh niên cũng được nhiều nhà khoa học của Liên Bang Nga như: N.K.Crupxcaia; A.V.Lunasatsky; M.i.Kalinin; N.O.Blonxki; E.A.Klimov; P.R.Atutov rất quan tâm và họ đã có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Các công trình của các tác giả này tập trung triển khai nguyên lý học tập kết hợp với lao động sản xuất để hình thành nhân cách toàn diện cho học sinh. Ví dụ như: N.K.Crupxcaia đã làm sáng tỏ và cụ thể hóa những luận điểm quan trọng trong nguyên lý giáo dục kỹ thuật tổng hợp của V.I. Lê Nin vào thực tiễn. Theo tác giả thì mối quan hệ giữa học tập và lao động cần phải được thực hiện sao cho học tập lý thuyết soi sáng con đường thực hành vào lao động sản xuất, còn lao động sản xuất làm giầu kiến thức giúp nắm kiến thức một cách có ý thức. GV dạy lao động cần trang bị cho HS những kiến thức, kỹ năng kỹ thuật tổng hợp cần thiết cho người lao động về các nghề khác nhau để lao động sản xuất. Vấn đề chọn nghề của thanh niên cũng được tác giả rất quan tâm; Sau năm 1975 (sau cải cách giáo dục), các trường ở Pháp đều chú trọng đến GDHN qua dạy *môn Công*

nghệ, coi trọng việc chuẩn bị cho HS tâm lí sẵn sàng đi vào lao động. Và nhiều tác giả như Anne Lancry - Hoest Land, Resgis Ouvrier-Bonnaz,… Ở viện nghiên cứu quốc gia về lao động và hướng nghiệp Pari đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về mô hình GDHN, các tác giả đều nhấn mạnh đến môi trường học đường, thị trường lao động,…

Allan Walker trong công trình nghiên cứu "*Một số vấn đề về quản lý giáo dục ở Australia*" đã phân tích phương thức đào tạo học sinh phổ thông: "*Nhà trường hiện nay không chỉ là nơi dạy lý thuyết, mà phải cung cấp cho học sinh một khả năng chuyển đổi thật nhanh và có sự bình đẳng trong tất cả học sinh, làm cho học sinh vừa có kĩ năng lao động, vừa có tri thức*"[4, tr53-54]. GDHN trong các nhà trường ở Australia là việc phát triển các kĩ năng, kiến thức và quan điểm thông qua một chương trình học đã được hoạch định từ trước (HS học về bản thân trong công việc; học về thế giới việc làm; Học lập kế hoạch và quyết định nghề nghiệp; Thực thi các quyết định nghề nghiệp và vượt qua các giai đoạn chuyển đổi việc làm). Nhằm phát triển những kĩ năng, kiến thức và thái độ thông qua một chương trình học tập được kế hoạch hóa để giúp HS đưa ra những quyết định về việc lựa chọn có tính hướng nghiệp sau khi học xong bậc phổ thông. Các chương trình này, sẽ giúp HS nhận ra những cơ hội nghề nghiệp có thể gặp.

Magumi Nishino ở Viện nghiên cứu giáo dục Nhật Bản đã nghiên cứu vấn đề bồi dưỡng tri thức và những kĩ năng cơ bản của những ngành nghề cần thiết cho học sinh phổ thông. Theo tác giả, học sinh trung học phải được: "*Bồi dưỡng tri thức và kĩ năng cơ bản của ngành nghề cần thiết trong xã hội, có thái độ tôn trọng đối với lao động và có khả năng lựa chọn ngành nghề tương lai phù hợp với mỗi cá nhân*"[52, tr49]. Đã từ lâu, giáo dục Nhật Bản đã chú ý đến vấn đề hoàn thiện nội dung, hình thức dạy học kĩ thuật nhằm cung cấp tri thức, rèn luyện kĩ năng lao động nghề nghiệp và phát triển tư duy sáng tạo cho HS phổ thông. Trong nhiều năm qua, ở Nhật, đã tiến hành nhiều cuộc cải cách giáo dục với mục đích đảm bảo cho giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế cụ thể của đất nước. trong đó có nhiều biện pháp đã được áp dụng để nâng cao trình độ đào tạo về hướng nghiệp và

khoa học tự nhiên trong các trường tiểu học và trung học cơ sở. Nhật Bản sớm quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa học vấn văn hóa phổ thông với kiến thức và kĩ năng lao động – nghề nghiệp ở tất cả các bậc học. Có khoảng một phần tư số trường phổ thông trung học ở Nhật Bản vừa học văn hóa phổ thông, vừa học các môn kĩ thuật về các lĩnh vực cơ khí, ngư nghiệp, công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ…

Ở Đức, Các công trình nghiên cứu của các nhà sư phạm ở Viện Hàn lâm Khoa học Giáo dục - Cộng hòa Dân chủ Đức (cũ) như: Heiz Frankiewiez, Bernd Rothe, Ulrich Viets, B.Germer, K.Jaritr, D.Marschneider đã đề cập đến các vấn đề cơ sở khoa học sư phạm của tổ chức hoạt động dạy học lao động nghề nghiệp của học sinh. Các tác giả đã đưa ra phương thức: "*Phối hợp, cộng tác chặt chẽ giữa trung tâm giáo dục kĩ thuật tổng hợp và các trường phổ thông trong việc lập kế hoạch thực tập cho học sinh phổ thông"*[88, tr197]. Nổi bật là những công trình nghiên cứu về phương thức tổ chức cho HS phổ thông thực tập ở các nhà máy, xí nghiệp, ở các cơ sở kinh doanh - dịch vụ của các tác giả Rolf Oberliesen, Helmut Keim, Michaell Schumann, Gehart Duismann, H.Sellin, H.Dedering, Wolfgang Schulz đã khẳng định rằng hoạt động dạy học lao động - kĩ thuật - kinh tế không chỉ mang tính quan trọng đối với các môn học khác, mà còn là bộ phận cấu thành cơ bản của giáo dục trung học phổ thông,… bởi vì nó tạo điều kiện cho HS phát triển thành những con người trưởng thành trong cuộc sống lao động - xã hội. Hiện nay, GDHN ở Đức là một bộ phận của giáo dục phổ thông và là trách nhiệm của mọi trường phổ thông. Đa phần các bang ở Đức đều đưa GDHN vào trường phổ thông từ tiểu học đến THCS dưới dạng các môn học (có những yêu cầu về nhận thức, hành động, đánh giá cụ thể cho từng lớp học). Tùy theo từng cấp học có các chương trình và yêu cầu nâng cao dần. Ví dụ: GDHN bậc tiểu học tại bang Hamburg: Mục tiêu: Hướng nghiệp ở trường tiểu học hỗ trợ HS - từ quan sát cuộc sống thường nhật xung quanh mình - tự tìm ra ý nghĩa của công việc và phân công lao động trong gia đình, trong phạm vi môi trường không gian hẹp quanh mình như khu phố, lớp học,… Và giá trị của công việc đối với các cá nhân, việc sử dụng các máy móc thiết đơn giản bị tại cơ quan hay ở nhà. Nó mở ra cho HS hiểu biết về các mối quan hệ và

các quy trình làm việc/giai đoạn của các nhóm nghề và các lĩnh vực làm việc ngành nghề khác nhau và có những thay đổi trong thế giới nghề nghiệp sẽ tác động tới từng cá nhân. Họ học cách phân biệt các loại công việc: làm việc cho chính mình - tự làm chủ như chủ cửa hàng,… công việc được trả tiền và công việc tình nguyện; biết điều tra, quan sát và lập kế hoạch để thực hiện điều tra, phân tích kết quả những vấn đề đơn giản và trình bày nó dưới các hình thức khác nhau. Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với đối tác ngoài xã hội và đặc biệt là cha mẹ HS để điều phối những dự án ở quy mô nội bộ trong trường học và trong môi trường sống của HS. GDHN bậc trung học tại Berlin: Berlin tổ chức GDHN thành môn *Kinh tế - Lao động - Kỹ thuật* (GDHN là 1 trong 15 môn học trong trường, cùng tồn tại song song với các môn như toán, Địa lí,… Hệ thống trường phổ thông ở Cộng hòa Liên bang Đức rất chú trọng đến nguyên tắc GDHN, chuẩn bị cho HS bước vào trường đào tạo nghề tùy theo năng lực và trình độ của từng em).

Ở Hoa Kỳ, hướng nghiệp được tiến hành khá sớm, từ bậc tiểu học. Ở bậc THPT, HS lớp 12 phải xác định rõ nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp, hiểu về cách thức gia nhập giáo dục bậc cao hơn và tiếp cận với thế giới nghề nghiệp, các em được khuyến khích thực tập, làm thêm,… ngay sau khi kết thúc lớp 12 để có cơ hội trải nghiệm nghề nghiệp. Đây cũng là một trong những phương pháp giúp HS nhanh chóng thích nghi với bước chuyển đổi từ phổ thông lên các bậc học cao hơn hoặc ra thị trường lao động. Hệ thống các thông tin nghề nghiệp được cung cấp trực tuyến cho HS, phụ huynh và các nhà giáo dục trên phạm vi rộng, trên website. Kế hoạch nghề nghiệp bao gồm 1000 cơ hội, được miêu tả cụ thể về từng nghề, sở thích, kĩ năng, năng lực, yêu cầu giáo dục và đầu vào,… HS có thể lựa chọn thông tin về chương trình sau trung học, phạm vi và hình thức đào tạo. HS cũng có thể học về việc chuẩn bị các chương trình và nghiên cứu tài chính. Đội ngũ GV giảng dạy, tư vấn trong GDHN ở Hoa Kỳ phải đáp ứng các tiêu chuẩn nhất định, được quy định bởi từng bang ở Hoa Kỳ (Bằng cấp, kinh nghiệm giảng dạy, lĩnh vực giảng dạy,…). Xu hướng chính hiện nay ở bậc học THPT của Hoa Kì là *tích hợp giáo dục văn hóa và giáo dục nghề*. Các mô hình giáo dục THPT ở Hoa Kì rất đa dạng nhằm

làm cho quá trình giáo dục phù hợp hơn với nhu cầu, khả năng của cá nhân người học và lợi ích cộng đồng.

Nhiều tác giả đã nghiên cứu về GDHN, nhiều tài liệu bổ ích phục vụ cho Giáo dục hướng nghiệp liên tục được xuất bản, gần đây là một số cuốn như: *Career Counselling* (2006) của các tác giả Robert Nathan & Linda Hill đã đề cập cụ thể, chi tiết về công tác tư vấn hướng nghiệp[83]; *50 Best jobs for your Personality* (2009) của các tác giả Michael Farr and Laurence Shatkin đã đề cập đến 50 công việc tốt nhất phù hợp với tính cách của các cá nhân[86]; hay như cuốn *International Handbook of Career Guidance* (2008) của các tác giả James A. Athanasou, Raoul Van Esbroeck như một kim chỉ nam giúp các em lựa chọn nghề[86],… ; Đồng thời, nhiều quốc gia đã đưa nội dung GDHN vào trong trường phổ thông qua tất cả các cấp học, và dạy dưới nhiều hình thức khác nhau, như coi nó là một môn học, tích hợp với các môn học khác, hoặc qua các hoạt động liên kết giữa nhà trường và các tổ chức xã hội khác nhau,…

=> Điểm qua các nghiên cứu về GDHN, tích hợp GDHN hay việc phát triển GDHN trên thế giới, tác giả thấy rằng, xu hướng chung của nhiều nước trên thế giới khá coi trọng GDHN cho HS, xem nó như một hoạt động tạo nguồn nhân lực mới cho xã hội. Các nhà khoa học trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này; GDHN cũng đã được đưa vào trường học như một hoạt động, hoặc một môn học, hoặc tích hợp vào môn văn hóa - đặc biệt là môn *Công nghệ* (qua môn Công nghệ trong giáo dục ở Pháp và Nga; hay tích hợp giáo dục văn hóa và giáo dục nghề ở Mĩ,…). -> Tùy theo yêu cầu và mục tiêu giáo dục phổ thông của từng nước mà mức độ, nội dung, phương pháp tiến hành GDHN có sự khác nhau giữa các quốc gia. Nhưng các nước đều khá quan tâm đến việc cung cấp các kiến thức về GDHN cho HS dưới mọi hình thức, đặc biệt là trong giáo dục ở trường phổ thông, trong việc tích hợp vào môn Công nghệ; nhiều công trình nghiên cứu, viết nhiều bài báo, nhiều trang wed đề cập đến vấn đề này ở nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy vậy, các nghiên cứu sâu về tích hợp GDHN trong một môn học cụ thể, tác giả chưa tìm thấy nhiều.

5.2. Ở Việt Nam

Ở Việt Nam, cùng chung xu hướng nghiên cứu và phát triển về GDHN của các nước trên TG, nhiều nhà khoa học đã quan tâm GDHN, nhiều nghiên cứu về GDHN. Nhưng cũng chưa có nhiều đề tài đề cập sâu đến vấn đề tích hợp GDHN trong môn Địa lí. Tác giả tìm được 2 đề tài và bài báo có đề cập đến việc tích hợp GDHN trong môn học nói chung và trong môn Địa lí nói riêng là: đề tài "*Nghiên cứu đề xuất nội dung GDHN thông qua chương trình các môn văn hóa ở trường THPT*"[63] của Lê Thị Thu Thủy năm 2007. Tác giả ngoài việc tìm hiểu một số vấn đề lí luận làm cơ sở cho đề tài, đã bước đầu đề cấp đến việc GDHN thông qua môn ngữ Văn, môn Hóa học, môn Vật lí và môn Sinh học. Tuy nhiên đây mới là những lí luận chung, chưa đi vào từng nội dung chương trình cụ thể trong SGK nên việc áp dụng vào thực tế gần như được thực hiện; Bài viết đăng trên Kỉ yếu hội thảo khoa học của Viện nghiên cứu Sư phạm, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, tác giả: Ngô Thị Hải Yến và Hà Văn Thắng với tiêu đề: "*Khả năng tích hợp nội dung hướng nghiệp trong dạy - học môn Địa lí lớp 12 - THPT*"[78]. Bài viết tuy mới chỉ gói gọn trong 7 trang nhưng đã đề cấp khá chi tiết đến việc khai thác một số bài, một số phần trong SGK Địa lí lớp 12 phục vụ cho việc GDHN, kết hợp phân tích một số vấn đề lí thuyết cho việc giải quyết vấn đề hướng nghiệp ở trường phổ thông, nhưng để đưa vấn đề này triển khai ở trường phổ thông cần một nghiên cứu chi tiết hơn. Rất nhiều tác giả đã quan tâm nghiên cứu về vấn đề GDHN từ những năm 60 của thế kỉ XX, và nhiều đề tài đã nghiên cứu sâu về vấn đề này.

Tác giả xin điểm qua một số nhà khoa học và công trình nghiên cứu theo thời gian như sau: Cuốn "*Một số vấn đề giáo dục lao động*" NXB Giáo dục, Hà Nội, 1965 – đây là một trong những nghiên cứu thời kì đầu, quan niệm hướng nghiệp đi đôi với giáo dục lao động, để định hướng nghề nghiệp cho học sinh trước hết cần giáo dục cho học sinh thái độ sẵn sàng bước vào các hoạt động nghề nghiệp. Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX, đã có nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu vấn đề này, ví dụ như tác giả Phạm Tất Dong. Một trong những vấn đề tác giả quan tâm là hướng nghiệp cho nữ học sinh và phụ nữ. Luận án phó tiến sĩ của tác giả là

đề tài: "*Hướng nghiệp cho nữ sinh phổ thông trung học*" (1973). Vài năm sau, tác giả hoàn thành cuốn "*Phụ nữ và nghề nghiệp*" NXB Phụ nữ, 1978. Đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX, hướng nghiệp thực sự được chú trọng. Năm 1980, theo sáng kiến của Bộ Giáo dục và được sự giúp đỡ của UNICEF, các trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp đầu tiên được thành lập. Các trung tâm này có nhiệm vụ hướng nghiệp, dạy nghề cho thanh niên, bồi dưỡng giáo viên, làm dịch vụ khoa học kỹ thuật và nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Ngày 19 tháng 3 năm 1981, Chính phủ ban hành quyết định 126/CP về "*Công tác hướng nghiệp và sử dụng hợp lý học sinh các cấp phổ thông cơ sở, phổ thông trung học tốt nghiệp ra trường*" đã khẳng định mục tiêu của GDHN là giúp học sinh định hướng, chọn nghề phù hợp với hứng thú, nguyện vọng, năng lực và hoàn cảnh của bản thân và đáp ứng được sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội. Đây là một mốc quan trọng đối với hoạt động GDHN trong trường phổ thông.

Đồng thời với các nghiên cứu của các nhà khoa học quan tâm, chú trọng vấn đề GDHN thì hàng loạt Thông tư, Văn bản, Văn kiện cũng đã đề cập đến GDHN, khẳng định vai trò, tầm quan trọng của GDHN đối với HS. Cụ thể như: "*Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động giáo dục hướng nghiệp*" - NXB Giáo dục năm 2006[10]; Chỉ thị số 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23.7.2003 về "*tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho HS phổ thông*[8]; Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng về công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý HS phổ thông các cấp THCS, THPT tốt nghiệp ra trường[19]; … Trong các văn kiện đại hội Đảng từ Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) đến Đại hội lần thứ XI (2011), Đảng ta cũng luôn nhấn mạnh đến việc tăng cường GDHN cho học sinh. Ví dụ như, trong văn kiện Đại hội IX: "*Thực hiện phương châm học đi đôi với hành,..., coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương...*"[93]; Luật Giáo dục nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cũng khẳng định: "*Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của trung học cơ sở,*

hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kĩ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động"[58],[59]. Thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước, ngày 5 tháng 5 năm 2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đã ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, trong đó đề cập rất rõ *mục tiêu học sinh cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ khi tham gia hoạt động GDHN cấp trung học phổ thông* (THPT)[11]. Quyết định số 4385/QĐ – BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2009, của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2009 – 2010, đã chỉ đạo nhiệm vụ cụ thể cho hoạt động GDHN: "*Các trường THCS, THPT phối hợp với các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp (KTTH-HN) để bố trí, phân công hợp lý đội ngũ GV thực hiện hoạt động giáo dục nghề phổ thông theo hướng dẫn tại văn bản số 8608 /BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2008 của Bộ GDĐT và hoạt động Giáo dục hướng nghiệp; Tích hợp một số nội dung GDHN sang hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và môn Công nghệ,...*"[13]. Quyết định số 1955/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/2014 về Khung kế hoạch thời gian năm học 2014-2015 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục trung học như sau: *"...Tiếp tục đa dạng các phương thức tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh trung học,..."*[12].

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, từ năm 1979 đến năm 1981, tại viện Khoa học dạy nghề, Tổng cục dạy nghề, các tác giả Đặng Danh Ánh, Phạm Đức Quang, Phạm Ngọc Anh, Đỗ Thị Hòa đã tiến hành nghiên cứu với các đề tài: Nguyện vọng học nghề của học sinh phổ thông; Phân luồng học sinh sau trung học; Hứng thú nghề, tư vấn nghề và tuyển chọn nghề trong trường nghề… Kết quả của những nghiên cứu này là tiền đề cho Hội nghị "*Ngành dạy nghề cho công tác hướng nghiệp*" do tổng cục dạy nghề tổ chức vào tháng 11 năm 1981. Tại hội nghị này, 12 báo cáo khoa học về công tác hướng nghiệp đã được trình bày.

Từ năm 1982 đến năm 1986, Đặng Danh Ánh cùng các cộng sự là Nguyễn Viết Sự, Đỗ Thị Hòa, Phạm Đức Quang và Phạm Ngọc Anh tiếp tục nghiên cứu đề tài: "*Mô tả các nghề đào tạo nhằm mục đích hướng nghiệp*". Đề tài đã cung cấp nhiều tư liệu quý giá cho công tác hướng nghiệp ở trường phổ thông. Cuốn sách "*Tuổi trẻ và nghề nghiệp*" (tập 1 và tập 2) thể hiện sản phẩm kết quả nghiên cứu của đề tài được đông đảo học sinh THPT đón nhận. Cùng với các tác giả trên, các nhà giáo dục có công khai phá và đóng góp đầy nhiệt tâm cho sự phát triển của công tác GDHN phải kể đến: Phạm Tất Dong, Phạm Huy Thụ, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Thế Trường, Nguyễn Minh Đường, Lê Đức Phúc, Nguyễn Như Ất, Cù Nguyên Hanh, Đoàn Chi, Nguyễn văn Hùng, Trần Đức Xước… Những nghiên cứu chính về GDHN ở nước ta trong giai đoạn vừa qua có thể khái quát như sau: Tác giả Phạm Tất Dong, Đặng Danh Ánh, Nguyễn văn Hộ là các tác giả có những nghiên cứu lí luận nền tảng về GDHN. Trong các nghiên cứu của mình các tác giả đã phân tích cơ sở khoa học và thực tiễn và các điều kiện để thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất trong các nhà trường Việt Nam, từ đó khẳng định tính tất yếu phải thực hiện GDHN cho HS trong các trường phổ thông. Mối quan hệ giữa học vấn phổ thông và học nghề đã được Hoàng Đức Nhuận viết: "*Trong cơ chế đổi mới hiện nay vấn đề chuẩn bị nghề nghiệp là một yêu cầu nóng bỏng của thực tế xã hội. Học vấn phổ thông và học vấn nghề nghiệp có phần giao thoa ngày càng rõ theo hướng mô đun hóa ở mức phổ thông*"[54]. Từ mối quan hệ đó, tác giả khẳng định sự cần thiết phải tổ chức tốt công tác GDHN trong các trường trung học phổ thông. Công trình khoa học của tác giả Nguyễn Văn Hộ: "*Thiết lập và phát triển hệ thống hướng nghiệp cho học sinh Việt Nam*"[42]. Trong đó, tác giả đã xây dựng luận chứng cho hệ thống hướng nghiệp trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đề xuất những hình thức phối hợp giữa nhà trường, các cơ sở đào tạo nghề, cơ sở sản xuất trong hướng nghiệp - dạy nghề cho học sinh phổ thông.

Các công trình nghiên cứu của các tác giả: Nguyễn Duy Minh, Đặng Danh Ánh, Nguyễn Văn Lê,... đã đề cập đến nhiều khía cạnh của GDHN như: Tư vấn

nghề nghiệp cho học sinh phổ thông, các phương thức giáo dục kĩ thuật và hướng nghiệp trong trường phổ thông,... Đồng thời, các tác giả như Đặng Danh Ánh, Nguyễn Viết Sự, Đỗ Thị Hòa, Phạm Tất Dong, Phạm Huy Thụ,… đã nghiên cứu xây dựng tài liệu giảng dạy phục vụ hoạt động GDHN, các tài liệu đã cung cấp lí luận cơ bản, giới thiệu các hình thức và biện pháp để rèn luyện năng lực làm công tác hướng nghiệp, hướng dẫn nội dung thực hành hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, đã nghiên cứu, soạn thảo giáo trình và sách hướng dẫn giáo viên thực hiện hoạt động GDHN ở trường phổ thông từ lớp 9 đến lớp 12,…; Nguyễn Văn Lê và nhóm cộng sự đã nghiên cứu vấn đề "*Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp - nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*"[49]. Đề tài đã đi vào tìm hiểu thực trạng tiềm năng nghề nghiệp của HS phổ thông, đặt ra phương hướng, nhiệm vụ cho giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục hướng nghiệp nói riêng nhằm phát triển tiềm năng nghề nghiệp cho HS phổ thông.

Trong các năm qua Bộ GD&ĐT, Tổng cục dạy nghề, ban tuyên giáo Trung ương,... đã rất quan tâm đến GDHN thể hiện ở chỗ, bên cạnh các đề tài cấp Bộ, cấp nhà nước, các đề tài tiến sĩ,... còn tổ chức rất nhiều các hội thảo liên quan đến vấn đề này như hội thảo "Nâng cao chất lượng tham mưu của ban tuyên giáo các tỉnh/thành ủy về công tác phân luồng học sinh sau trung học", 'Thực trạng, dự báo, giải pháp về phổ cập và phân luồng học sinh", "Phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông",… các báo cáo trong hội thảo đã đề cập và cung cấp các số liệu thực tế của các tỉnh thành, các địa phương về vấn đề phân luồng HS hiện nay và điều này càng thấy rõ hơn tầm quan trọng của GDHN trong nhà trường phổ thông và hiện trạng của nó. Bên cạnh đó, các tổ chức quốc tế như ILO, VVOB cùng với các nhà biên dịch, biên tập, các nhà nghiên cứu,… cũng đã cung cấp cho Việt Nam các tài liệu phục vụ cho công tác GDHN. Các tài liệu này đã góp thêm một lượng lớn kiến thức tham khảo cho việc triển khai và giảng dạy hướng nghiệp tại các trường phổ thông. Các tài liệu đã đề cập đến cả các chính sách GDHN của Đảng và nhà nước ta, nội dung và phương pháp triển khai hoạt động GDHN ở trường phổ thông,... một số các tài liệu đã được tiến hành thực nghiệm ở một số địa phương.

=> Như vậy, có thể thấy, các nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập và giải quyết được rất nhiều các vấn đề của GDHN như: Tính tất yếu của công tác GDHN; nội dung và phương thức triển khai GDHN; tài liệu giảng dạy phục vụ công tác GDHN; mô tả thực trạng GDHN ở Việt Nam; tiềm năng phát triển nghề nghiệp của HS,... Tuy nhiên, các nghiên cứu về tích hợp GDHN trong môn học ở trường phổ thông, đặc biệt là tích hợp trong môn Địa lí THPT còn khá ít. -> Để nâng cao hiệu quả của GDHN cho HS ở trường phổ thông, cần thiết phải có sự tiếp nối các nghiên cứu về vấn đề này, đặc biệt là những nghiên cứu để thực hiện GDHN thông qua các môn học ở trường phổ thông, góp phần đạt hiệu quả cao nhất cho hoạt động GDHN trong trường, đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực do xã hội đặt ra - giai đoạn đòi hỏi về nguồn nhân lực chất lượng cao; ngành GD&ĐT đang thay đổi các phương pháp sư phạm để HS tiếp thu kiến thức một cách chủ động, sáng tạo, phát huy tính tích cực của các em trong học tập và lựa chọn nghề. Các nghiên cứu này, đã giúp tác giả được kế thừa cơ sở lí luận cho đề tài; giúp tác giả có cái nhìn tổng quan về GDHN trên thế giới và ở Việt Nam; tìm hướng đi mới cho đề tài của tác giả là tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 ở trường THPT, góp phần nâng cao hiệu quả GDHN ở trường THPT.

6. Quan điểm và Phương pháp nghiên cứu

6.1. Quan điểm nghiên cứu

- Quan điểm hệ thống: Mỗi một sự vật, một hiện tượng đều không tồn tại một cách độc lập, riêng lẻ mà là một thành phần của một hệ thống, một thể thống nhất. Trong nghiên cứu, khi xem xét các đối tượng theo quan điểm hệ thống, có thể thấy: các đối tượng phức tạp được xem xét một cách toàn diện, nhiều mặt, được phân tích ra thành nhiều thành phần để nghiên cứu một cách sâu sắc, sau đó tìm ra được mối quan hệ, quy luật vận động của chúng trong hệ thống; Kết quả nghiên cứu phải được trình bày rõ ràng, khoa học để tạo thành một hệ thống có tính logic cao. Như vậy, NCS sử dụng quan điểm hệ thống trong nghiên cứu của mình để có được tri thức đầy đủ, toàn diện, khách quan về vấn đề nghiên cứu, thấy được mối quan hệ

của vấn đề nghiên cứu: đặc điểm cá nhân học sinh, phương pháp dạy học, hình thức dạy học, nội dung học,... sao cho phù hợp với từng HS để đạt mục tiêu đề ra.

- Quan điểm dạy học theo định hướng phát triển năng lực: Luận án nghiên cứu vấn đề theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học, phát triển tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phát triển các năng lực học đi đôi với hành của học sinh. Mỗi HS có có thế mạnh rất khác nhau, vì vậy, GV phải tạo điều kiện để HS được học tập phù hợp với khả năng bản thân, với đặc điểm trí tuệ, ... để hình thành và phát triển các phẩm chất cá nhân, các năng lực cần thiết trong học tập và lựa chọn nghề, trong cuộc sống, ...

- Quan điểm thực tiễn: Đề tài nghiên cứu bám sát thực tiễn và phục vụ cho thực tiễn phát triển của xã hội. Thực chất, nghiên cứu khoa học là khám phá những hiện tượng, phát hiện và cải tạo những quy luật phát triển của hiện thực để phục vụ con người. Vì vậy, các đề tài nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ thực tiễn và phải có ý nghĩa thực tiễn. Thực tiễn là nguồn gốc, là động lực, là mục tiêu, là tiêu chuẩn để đánh giá các sản phẩm của nghiên cứu khoa học. Thực tiễn là gốc của các đề tài nghiên cứu; từ các mâu thuẫn của thực tiễn sẽ gợi ý cho các đề tài nghiên cứu tìm cách giải quyết những mâu thuẫn này. Những yêu cầu của thực tiễn làm nảy sinh các vấn đề và là động lực thúc đẩy việc triển khai nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra bởi thực tiễn. Đồng thời, thực tiễn cũng là tiêu chuẩn để đánh giá các kết quả nghiên cứu; các kết quả này được có được ứng dụng để cải tạo thực tiễn hay không. Nghiên cứu và ứng dụng là 2 khâu quan trong của nghiên cứu khoa học - nghiên cứu thực tiễn và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, cải tạo thực tiễn. Vì vậy, những vấn đề tác giả đưa ra trong luận án gắn liền với thực tiễn ; Trên cơ sở thực tiễn và phục vụ cho thực tiễn: Trên cơ sở đòi hỏi của thực tiễn về việc làm và lao động để HS có thể thỏa mãn được kế hoạch nghề nghiệp của mình; triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của luận án tại các trường phổ thông để góp phần nâng cao hiệu quả GDHN.

- Quan điểm dạy học hướng vào người học: Tổ chức dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí bắt đầu từ nhu cầu về hướng đi sau khi rời trường THPT

của HS, trên nền kiến thức Địa lí và kiến thức về thế giới nghề nghiệp, sự am hiểu bản thân…của HS để phân nhóm hoặc lựa chọn phương pháp tích hợp và lượng kiến thức phù hợp để đạt mục tiêu đề ra của tiết học… Tất cả điều này đều hướng đến người học… sao cho trong lớp HS chủ động, sáng tạo, tích cực tìm hiểu kiến thức và đạt kết quả cao nhất so với khả năng của các em.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu: Tác giả sưu tầm, tham khảo và tổng hợp các tài liệu có liên quan đến đề tài như các tài liệu: lí luận về giáo dục học, tâm lý học, sinh lý học, Địa lí học, các tài liệu về GDHN, sách giáo khoa Địa lí ở trường phổ thông, phương pháp dạy học chung và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí; các tài liệu có liên quan đến tích hợp, đến phương pháp dạy học, đến đổi mới phương pháp dạy học,... và các văn bản, các nghị định, các chỉ thị, các hướng dẫn về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, về phát triển giáo dục,... của Đảng, của Nhà nước, của Chính phủ, của Bộ GD & ĐT,... để nghiên cứu, phân tích, tìm hiểu cơ sở lí luận cho việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT; sưu tầm, biên dịch các tài liệu về GDHN của các nước để tìm hiểu việc GDHN của các nước trên thế giới. Qua đó, tác giả nắm được quan điểm, định hướng, phương pháp tổ chức, cách thức thực hiện GDHN của một số nước trên thế giới và nước ta để vận dụng trong đề tài.

- Phương pháp quan sát: Tác giả quan sát trực tiếp các giờ dạy Địa lí, các giờ dạy GDHN và việc học của HS, để tổ chức tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT một cách hợp lí và khả thi; quan sát trực tiếp các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về GDHN, các buổi ngoại khóa (tổ chức ngày hội hướng nghiệp,...) để có thêm các kiến thức thực tế cho đề tài tác giả đang nghiên cứu.

- Phương pháp điều tra xã hội học: Phát phiếu điều tra, kết hợp với phỏng vấn sâu giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý tại các trường khảo sát để tìm hiểu thực trạng GDHN của trường và việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí ở trường khảo sát. Phát phiếu điều tra, kết hợp với phỏng vấn sâu GV và HS qua các đợt thực nghiệm tại bốn trường thực nghiệm để có những đánh giá định lượng và định tính về tính khả thi của đề tài và chỉnh sửa các nội dung cho phù hợp với thực tiễn.

- Phương pháp chuyên gia: Tác giả đã tiến hành tọa đàm, xin ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các Thầy/Cô giáo, các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý, giáo viên về những vấn đề đề tài nghiên cứu. Qua những đóng góp hữu ích này, Tác giả đã tiến hành chỉnh sửa và hoàn thiện các nội dung trong đề tài của mình.

- Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng toán thống kê để xử lí các số liệu thống kê đã thu thập được, định lượng các kết quả thực nghiệm, làm cơ sở để minh chứng cho tính hiệu quả của đề tài.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Tác giả luận án đã xác định cụ thể mục đích, nội dung, phương pháp tiến hành thực nghiệm. Đối tượng thức nghiệm được lựa chọn đa dạng: vùa có HS đại diện cho khu vực thành thị, HS đại diện cho khu vực nông thôn, HS đại diện cho khu vực địa hình đồi núi, khu vực địa hình đồng bằng,... để tiến hành thực nghiệm sư phạm. Thông qua quan sát thực nghiệm, phân tích kết quả bài kiểm tra, bài khảo sát,... là cơ sở để tác giả kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả của đề tài, qua đó có những nhận xét và điều chỉnh cho hợp lí.

7. Những đóng góp của luận án

7.1. Về lý luận

- Góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về GDHN và tích hợp giáo dục hướng nghiệp trong Địa lí 12 THPT.

- Xác định được yêu cầu, nguyên tắc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT

- Đưa ra được quy trình, biện pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT một cách khả thi, nhằm nâng cao hiệu quả GDHN cho HS THPT.

7.2. Về thực tiễn

- Đánh giá được thực trạng việc GDHN ở nhà trường hiện nay và việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT.

- Thiết kế và tổ chức tích hợp GDHN trong một số bài học của môn Địa lí 12 THPT.

- Đã kiểm chứng được tính hiệu quả và khả thi của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT qua thực nghiệm sư phạm ở trường THPT.

- Đua ra kết luận và khuyến nghị của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT.

8. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở Đầu, Kết Luận, khuyến nghị và Phụ lục, luận án bao gồm ba nội dung chính sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông

Chương 2: Quy trình và biện pháp tổ chức tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông

Chương 3: Thực nghiệm sư phạm

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VIỆC TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Hướng nghiệp và Giáo dục hướng nghiệp

1.1.1. Khái niệm Hướng nghiệp và Giáo dục hướng nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm Hướng nghiệp

Ở lĩnh vực khoa học lao động: "*Hướng nghiệp là hình thức giám định lao động có tính chất chẩn đoán. Đó là quá trình xác lập sự phù hợp nghề của từng người cụ thể dựa trên cơ sở xác định sự tương ứng giữa những đặc điểm tâm - sinh lý của họ với những yêu cầu của một nghề nào đó đối với người lao động*" [4].

Theo từ điển Tiếng Việt: "*Hướng nghiệp là thi hành những biện pháp đảm bảo sự phân bố tối ưu (có chú ý tới năng khiếu, năng lực, thể lực) người dân theo ngành và loại lao động; giúp đỡ lựa chọn hợp lý ngành nghề*" [56].

Theo từ điển Giáo dục học: "*Hướng nghiệp là hệ thống các biện pháp, giúp đỡ HS làm quen, tìm hiểu nghề, lựa chọn, cân nhắc nghề nghiệp với nguyện vọng, năng lực, sở trường của mỗi người. Với nhu cầu và điều kiện thực tế khách quan của xã hội*" [41].

Theo tác giả Phạm Tất Dong: "*Hướng nghiệp như là một hệ thống tác động của xã hội về giáo dục, về y học, kinh tế học nhằm giúp cho thế hệ trẻ vừa chọn được nghề phù hợp với hứng thú, năng lực, nguyện vọng, sở trường của cá nhân, vừa đáp ứng được nhu cầu nhân lực của các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế quốc dân*" [25].

Theo định nghĩa của OECD: "*Hướng nghiệp là những dịch vụ để hỗ trợ cá nhân ở mọi lứa tuổi và vào bất cứ thời điểm nào trong cuộc đời mình đưa ra lựa chọn về GD, đào tạo và nghề nghiệp để quản lý nghề nghiệp/sự nghiệp của mình*" [7].

Qua các khái niệm ở trên, có thể thấy rằng, Hướng nghiệp là công việc mà toàn xã hội phải có trách nhiệm tham gia. Trong bất kì điều kiện nào, HS vẫn cần được hướng nghiệp bằng nhiều hình thức, bằng nhiều con đường khác nhau. Miễn sao các em có nhận thức và hiểu biết về bản thân, về thế giới nghề nghiệp, qua đó

lập được kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân. Hướng nghiệp trong trường phổ thông có thể hiểu là: Hướng nghiệp là một hình thức hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò. Với tư cách là hoạt động dạy của thầy, hướng nghiệp được coi như là công việc của tập thể giáo viên, tập thể sư phạm, có mục đích giáo dục HS trong việc chọn nghề, giúp các em tự quyết định nghề nghiệp trong tương lai qua việc hiểu về bản thân và hiểu về thế giới nghề nghiệp. Như vậy là hướng nghiệp trong trường phổ thông được thể hiện như một hệ thống tác động sư phạm để giúp HS chọn được nghề một cách phù hợp [25].

Với cách hiểu này: "*Hướng nghiệp là sự tác động của một hệ thống những biện pháp tác động của nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó nhà trường đóng vai trò chủ đạo nhằm hướng dẫn và chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng đi vào lao động ở các ngành nghề, tại những nơi xã hội đang cần phát triển, đồng thời phù hợp với hứng thú, năng lực cá nhân*" [43]. Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông là một bộ phận Hướng nghiệp của toàn xã hội. Hướng nghiệp trong trường học phải thống nhất với Hướng nghiệp trong xã hội. Hai bộ phận này có quan hệ hết sức mật thiết với nhau, bổ sung lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau. Hướng nghiệp trong nhà trường không thể có hiệu quả tốt nếu nhà trường tiến hành một cách độc lập và ngược lại.

=> Như vậy, khi nghiên cứu các khái niệm đề cập ở trên, NCS thấy rằng, dù đề cập khái niệm dưới góc độ nào, sử dụng các ngôn từ khác nhau để diễn tả thì: "*Hướng nghiệp*" vẫn được hiểu chung là toàn bộ những tác động của xã hội về giáo dục học, y học, xã hội học, kinh tế học,... để giúp con người định hướng đến một nghề hay một số nghề nhất định đảm bảo được sự phù hợp giữa hứng thú, năng lực, nguyện vọng, sở trường,... của cá nhân với yêu cầu nhân lực của các lĩnh vực sản xuất trong nền kinh tế quốc dân.

1.1.1.2. Khái niệm Giáo dục hướng nghiệp

Theo từ điển Bách khoa Tâm lý học – Giáo dục học Việt Nam: "*GDHN là bộ phận hữu cơ của quá trình giáo dục lao động nói riêng, quá trình giáo dục tổng thể nói chung ở nhà trường phổ thông và là giai đoạn tất yếu để bước sang đào tạo kỹ thuật – nghề nghiệp*" [39];

Giáo dục hướng nghiệp (GDHN) (trong nhà trường phổ thông): *"Là quá trình tác động của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tới HS giúp họ định hướng nghề nghiệp tương lai sao cho phù hợp với năng lực của bản thân đồng thời đáp ứng yêu cầu khách quan của xã hội*"[44].

"*GDHN là hệ thống những tác động sư phạm nhằm làm cho HS chọn được một nghề hợp lí*" [7].

Theo từ điển Tiếng Việt: "*Giáo dục là hoạt động nhằm tác động một cách có hệ thống đến sự phát triển tinh thần, thể chất của một đối tượng nào đó, làm cho đối tượng ấy dần dần có được những phẩm chất và năng lực theo yêu cầu đề ra*" [56].

Cũng theo từ điển Bách khoa Tâm lý học - Giáo dục học Việt Nam: "*Chức năng cơ bản của GDHN là giúp HS lựa chọn đúng ngành nghề trên cơ sở hiểu rõ yêu cầu của sự phát triển xã hội đối với ngành nghề, cũng như hình thành và phát triển những hứng thú và khuynh hướng cá nhân đối với lĩnh vực lao động được lựa chọn. GDHN gồm một loạt biện pháp tác động đến HS mang tính chất tâm lí học, giáo dục học, y học,... nhằm giúp HS bộc lộ những năng lực và khuynh hướng nghề nghiệp của mình, giáo dục cho tâm lí sẵn sàng đi vào lao động trên các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân,…*" [39].

GDHN nhằm tạo ra được sự hợp lí trong sử dụng lao động xã hội. Nghĩa là sự hợp lí được đảm bảo bởi hứng thú, năng lực nghề nghiệp của từng người, được chú ý đi đôi với vấn đề về thoả mãn nhu cầu nhân lực do nghề đó đặt ra. GDHN không chỉ định hướng cho học sinh chọn nghề mà còn giúp cho học sinh thực sự yêu nghề, thích nghề và có năng lực theo đuổi nghề mà mình lựa chọn, hơn nữa còn là nhận thức về trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của bản thân mình với nghề đó. Vì vậy, công tác GDHN có ý nghĩa rất to lớn đối với sự phát triển của xã hội. Kết quả của GD hướng nghiệp là từng cá nhân học sinh có điều kiện nhìn nhận khả năng của bản thân, điều chỉnh xu hướng chọn nghề và chọn được một nghề phù hợp với năng lực và hứng thú của mình hài hòa với lợi ích cộng đồng. GDHN còn góp phần cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của nhà trường phổ thông. Hiện nay, trường phổ thông có vai trò định hướng và tư vấn nghề nghiệp cho học sinh nhằm mục đích giúp thế hệ trẻ có những hiểu biết về những ngành nghề trong xã hội và của địa phương mình, từ đó các em có những hướng đi đúng đắn trong việc lựa chọn ngành nghề của mình. Như vậy, quá trình hướng nghiệp trong trường phổ thông không dừng lại ở

việc GD ý thức lao động chung chung mà còn phải hướng các em đi vào một nghề nghiệp cụ thể.

=> Có thể thấy có nhiều cách đưa khái niệm GDHN khác nhau, nhưng dù hiểu theo phương diện nào thì GDHN đều là quá trình tác động nhiều mặt nhằm chuẩn bị cho thế hệ trẻ chọn nghề nghiệp tương lai hợp lí để đi vào cuộc sống cho phù hợp với năng lực bản thân và sự phân công lao động và nhu cầu nhân lực của xã hội.

1.1.2. Các giai đoạn của Giáo dục hướng nghiệp

GDHN nói chung gồm ba giai đoạn, có mối quan hệ liên hoàn, chặt chẽ là: Định hướng nghề; tư vấn nghề và tuyển chọn nghề. Theo tác giả Đặng Danh Ánh, 3 giai đoạn của công tác GDHN kết hợp với nhau tạo thành tam giác hướng nghiệp (sơ đồ 3).

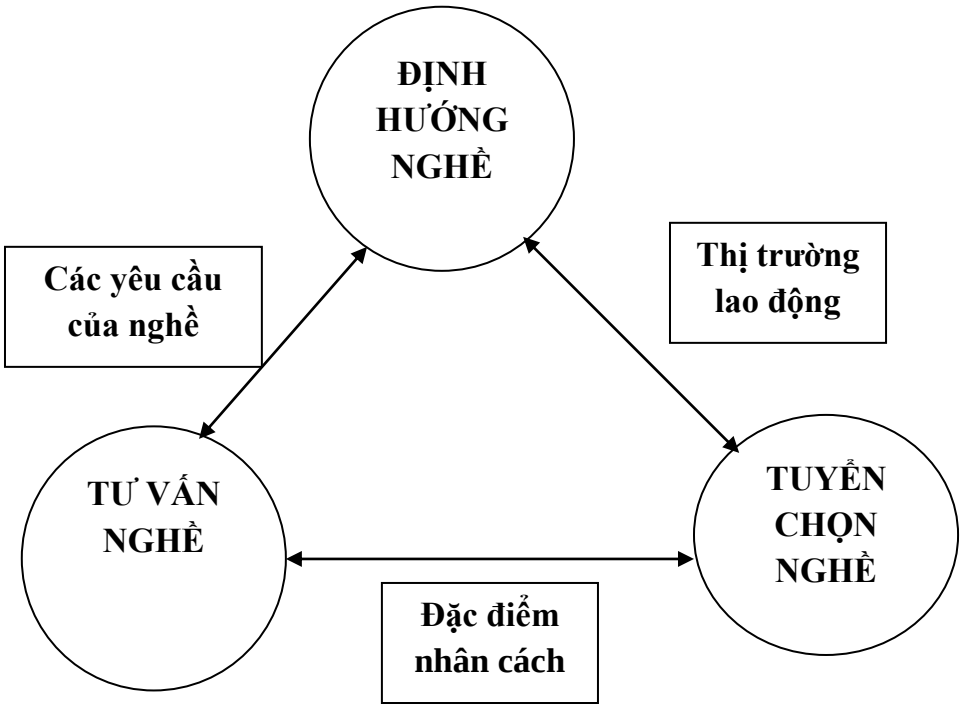

Sơ đồ 1.1. Mối quan hệ giữa các khâu trong giáo dục hướng nghiệp [2]

GDHN bao gồm 3 giai đoạn, có nhiều tranh luận khác nhau, nhưng đa số các tác giả cho rằng, GDHN ở trường phổ thông chỉ bao gồm giai đoạn *Định hướng nghề* và *Tư vấn nghề.*

* *Định hướng nghề*:

- Tổ chức cho HS làm quen với các ngành nghề của nền kinh tế quốc dân và đặc biệt với các nghề phổ biến (cung cấp cho HS các thông tin về thế giới nghề

nghiệp, thông tin về nghề cụ thể, thông tin về hệ thống trường đào tạo nghề đó, thông tin về thị trường lao động,…).

- Tổ chức các hoạt động giáo dục nghề cho HS nhằm giúp các em có hứng thú nghề, khuynh hướng nghề, năng lực nghề ở HS, giúp các em có ý thức chọn nghề (thực hiện chương trình GDHN chính khóa, GDHN qua các môn khoa học cơ bản, GDHN qua dạy môn công nghệ và dạy nghề phổ thông, tổ chức các hoạt động ngoại khóa,…).

- Giáo dục HS nhận rõ bản thân mình, tự giác ý thức được năng lực cá nhân, có thái độ lao động đúng đắn đối với mọi ngành nghề.

* *Tư vấn nghề*

- Tiến hành tư vấn chọn nghề cho HS.

Từ điển Tiếng Việt: "Tư vấn là góp ý kiến về một vấn đề được hỏi, nhưng không có quyền quyết định"[71].

Có thể hiểu Tư vấn là một hoạt động thông tin, trong đó nhà tư vấn đưa ra những lời khuyên hoặc các gợi ý giúp đối tượng cần tư vấn có dược những thông tin và những tri thức cần thiết về những vấn đề mà họ quan tâm.

Tư vấn nghề: Tư vấn nghề cũng giống như định hướng nghề và tuyển chọn nghề được tiến hành trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định, có những quy luật phát triển đặc thù, đồng thời được xem là biện pháp tác động trực tiếp đến con người. Tư vấn nghề là một trong những nhân tố hình thành ở con người hệ thống thái độ đối với thế giới nghề nghiệp và đối với bản thân mình.

Các nhiệm vụ của GDHN gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung cho nhau, bảo đảm tính liên tục của các giai đoạn GDHN. HS từ việc làm quen để biết được bức tranh tổng quát về "*thế giới nghề nghiệp*", từ đó xuất hiện hứng thú đối với 1 nghề nào đó. Việc tổ chức các hoạt động sẽ giúp HS củng cố và phát triển hứng thú nghề, đồng thời được thử sức mình để hình thành năng lực nghề và có thái độ đúng đắn với nghề. Sau khi hiểu bản thân, hiểu về thế giới nghề nghiệp thì đích cuối cùng là tư vấn hướng nghiệp giúp các em HS có kế hoạch nghề nghiệp đúng đắn;

Tuyển chọn nghề, giai đoạn này không thuộc nhiệm vụ hướng nghiệp trong trường phổ thông. Nó thuộc các cơ sở sử dụng lao động vì nhà trường phổ thông

không có đủ các điều kiện để thực hiện (ví dụ: cần đội ngũ chuyên gia:tâm lí + giáo dục + bác sĩ,… được đào tạo về tuyển chọn, biết đối chiếu các đặc điểm tâm lý - sinh lý của con người với các yêu cầu của nghề để quyết định người đó có được tuyển chọn hay không).

=> Việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT có thể góp phần nâng cao hiệu quả GDHN cho HS ở giai đoạn thứ nhất là giai đoạn "Định hướng nghề". Thông qua các bài Địa lí, HS có sự hiểu biết về nhiều ngành nghề trong xã hội và cơ bản tìm hiểu xem bản thân mình thích và phù hợp nghề nào? Nghề nào xã hội đang cần và sẽ phát triển trong tương lai hoặc có nhiều điều kiện để phát triển ở địa phương… qua đó có sự lựa chọn nghề hợp lí, phù hợp với bản thân, gia đình và xã hội.

1.1.3. Nhiệm vụ của Giáo dục hướng nghiệp qua các môn học ở trường THPT

Trong nhà trường phổ thông, như trên phân tích sẽ thực hiện 2 giai đoạn chính của GDHN, đó là giai đoạn Định hướng nghề và giai đoạn Tư vấn nghề (còn giai đoạn Tuyển chọn nghề là thuộc các cơ sở sử dụng lao động). Các môn khoa học cơ bản có chức năng cung cấp một hệ thống các khái niệm làm nền tảng cho sự hình thành tư duy lí luận, thế giới quan khoa học, nhân sinh quan đúng đắn, cũng như tạo ra ở HS những kĩ năng thực hành, ứng dụng những tri thức vào cuộc sống hàng ngày và vào thế giới nghề nghiệp sau này. Tác động hướng nghiệp của các môn khoa học cơ bản ở chỗ: từ những tri thức chung, HS cần hiểu được những con đường dẫn tới nghề nghiệp, thái độ cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, những yêu cầu của nghề nghiệp đang đặt ra trước những người lao động,… và qua việc nghiên cứu các kiến thức của các môn khoa học cơ bản này, HS cũng một phần nào khám phá được bản thân (biết bản thân có khả năng gì; có sở thích gì,…)… Việc tích hợp GDHN vào trong các môn học trong nhà trường tạo ra sự liên kết chặt chẽ hơn giữa các môn học và thế giới nghề nghiệp. Các biện pháp hướng nghiệp cho học sinh phổ thông thường dựa trên cơ sở tâm lý học, sinh lý học, giáo dục học và nhiều khoa học khác để giúp HS lựa chọn nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, đồng thời thỏa mãn tối đa nguyện vọng và sự phù hợp với năng lực, sở trường và các đặc điểm tâm lý của cá nhân để họ có thể phát triển tới đỉnh

cao trong nghề nghiệp, cống hiến được nhiều cho xã hội, cũng như tạo dựng được cuộc sống tốt đẹp cho bản thân. Các nhiệm vụ hướng nghiệp của trường phổ thông thường gắn bó chặt chẽ, bổ sung cho nhau, đảm bảo tính liên tục của các giai đoạn hướng nghiệp.

Nhiệm vụ thứ nhất: Tìm hiểu nghiên cứu HS: Chiếm vị trí đặc biệt trong hướng nghiệp là các vấn đề: động cơ chọn nghề, hứng thú nghề nghiệp, khuynh hướng nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp.

Nhiệm vụ thứ hai: Tổ chức các hoạt động giúp HS làm quen với nghề và các loại hình thông tin như: Thông tin về thế giới nghề nghiệp phân theo loại nghề; thông tin về nghề cụ thể hiện có trong cả nước và ở địa phương; thông tin về hệ thống trường đào tạo; Thông tin về thị trường lao động; Tổ chức các hoạt động giáo dục nghề nhằm hình thành hứng thú nghề, khuynh hướng nghề, năng lực nghề ở HS, giúp các em có ý thức chọn nghề: Nhiệm vụ này chỉ có thể đạt hiệu quả cao khi nhà trường biết tổ chức các hoạt động (thực hiện chương trình hướng nghiệp chính khóa; hướng nghiệp qua dạy các môn khoa học cơ bản; tổ chức hoạt động ngoại khóa...) một cách đồng bộ cùng tác động vào HS, nhằm hình thành nhân cách nghề nghiệp cho các em. Giáo dục cho HS có thái độ đúng đắn đối với mọi ngành nghề trong xã hội: không có nghề "cao sang" hay "thấp hèn", tất cả mọi nghề đều cao quý, đáng kính trọng, quan trọng là chúng ta có tình yêu và thái độ với nghề đó ra sao và làm gì để thành công với nghề.

Nhiệm vụ thứ ba: Nhiệm vụ cuối cùng sau khi HS hiểu về bản thân và về thế giới nghề nghiệp thì GV dạy các môn văn hóa có thể kết hợp với các nhà tư vấn, cha mẹ HS, GV chủ nhiệm… để thực hiện các bước cho giai đoạn Tư vấn nghề. Tư vấn chọn nghề cho HS: việc này được hiểu là hệ thống các biện pháp tâm lý – giáo dục – y học nhằm phát hiện và đánh giá toàn diện năng lực của HS với mục đích giúp các em chọn nghề trên cơ sở khoa học. Qua đó, HS tự tin đưa ra kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân.

=> Như vậy, để thực hiện được các nhiệm vụ này, giáo viên các môn văn hóa ở trường phổ thông cần biết tổ chức cho HS làm quen với thế giới nghề nghiệp theo ngành có liên quan đến môn văn hóa:

Môn Địa lý, giáo viên có thể giúp HS thấy được những tiềm năng kinh tế của đất nước, thấy được sự phân vùng sinh thái và phương hướng phát triển kinh tế của

từng vùng; đặc điểm và sự phát triển của từng ngành kinh tế cụ thể như: công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ...; đặc điểm nguồn lao động của Việt Nam ở cả hiện tại và tương lai,...

Môn Vật lý, HS có thể tìm hiểu và biết được về nhiều ngành nghề khác nhau như: thiên văn học, vật lý học, địa vật lý,... mở ra cho HS rất nhiều ngành nghề với các hứng thú nghề nghiệp khác nhau để HS có thể tìm hiểu và ban đầu trải nghiệm.

Môn Hóa học, giáo viên có thể khơi dậy hứng thú và sự hiểu biết của HS qua nhiều ngành nghề khác nhau như: sản xuất hóa chất, tư vấn môi trường, kĩ sư nghiên cứu, sản xuất các vật liệu thay thế,...

Môn Văn, giáo viên có thể giúp các em hiểu về rất nhiều ngành nghề như: nhà báo, phóng viên, biên tập viên, nhà văn, nhà nghiên cứu, giáo viên,...

Môn Công nghệ: HS làm quen với các nghề cơ bản qua việc học trên lớp hoặc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh,...

Môn Sinh học giúp các em thấy được triển vọng trong các ngành Nông, Lâm, Ngư nghiệp... và hàng loạt các nghề khác như: Thương mại, Luật, Kinh tế... đều có thể được khai thác qua các môn học như Địa lý, Giáo dục công dân...

Thông qua các môn văn hóa ở trường phổ thông, giáo viên không chỉ giúp các em tìm hiểu các kiến thức về thế giới nghề nghiệp, mà còn theo dõi các em để cuối cùng có một "bức tranh" chung về phát triển nhân cách HS, qua đó giúp các em biết chọn nghề phù hợp. Các môn học ở trường phổ thông, giáo viên không chỉ cung cấp cho HS hiểu về thế giới nghề nghiệp, mà còn khuyến khích học sinh theo đuổi sự nghiệp trong lĩnh vực môn học, có HS thích nghề dạy Văn, nhưng cũng có HS thích nghề phóng viên, hướng dẫn viên du lịch,... Qua quá trình giảng dạy, giáo viên cũng có thể phát hiện năng khiếu, tài năng, tính cách,... giúp HS hình thành ước mơ nghề nghiệp và khuyến khích các em thực hiện mơ ước của mình. Giáo viên cần giúp HS phát huy mạnh mẽ các loại tư duy theo thế mạnh từng môn. Ví dụ, trong giờ Toán cần rèn luyện tư duy logic, giờ Vật lý rèn luyện tư duy trừu tượng, giờ công nghệ rèn luyện tư duy kinh tế,... Sau đó, có thể minh họa những nguyên tắc chung trên cơ sở những nghề cụ thể gắn với nội dung từng môn học; giáo viên có thể liên hệ với các doanh nghiệp hoặc các trường chuyên nghiệp để HS tham quan; nghiên cứu nhân cách HS và tiến hành tư vấn nghề cho HS.

* Để thực hiện tốt mục đích và nội dung GDHN ở trường THPT, việc tổ chức GDHN trong các trường trung học phải hướng tới cái đích cuối cùng là đảm bảo cho mọi HS xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân, qua từng giai đoạn ở trên, tương đương với 9 năng lực hướng nghiệp phù hợp với 3 bước GDHN cần đạt được là: HS hiểu về bản thân; hiểu về thế giới nghề nghiệp; và xây dựng được kế hoạch nghề nghiệp.

Bảng 1.1. Năng lực hướng nghiệp cần đạt ở học sinh sau GDHN [76]

Năng lực chuyên biệt	Mức độ và yêu cầu cần đạt
1. Nhận thức bản thân	**Năng lực 1:** Xây dựng được kiến thức về bản thân trong bốn lĩnh vực: sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp và dùng kiến thức này cho việc xây dựng kế hoạch nghề nghiệp. **Năng lực 2:** Tìm hiểu bối cảnh gia đình, cộng đồng, Việt Nam và thế giới và dùng kiến thức này cho việc định hướng nghề nghiệp cho mình. **Năng lực 3:** Xác nhận được mong muốn, ước mơ, hy vọng và mục tiêu đời mình, và dùng kiến thức này cho việc chuẩn kế hoạch nghề nghiệp bản thân.
2. Nhận thức nghề nghiệp	**Năng lực 4:** Xây dựng kiến thức về từng nghề trong các ngành kinh tế, các cơ quan, công ty và doanh nghiệp trong và ngoài nước và dùng kiến thức này cho quyết định chọn nghề, chọn ngành học và nơi làm việc (công ty, cơ quan, nhà máy,…) trong tương lai. **Năng lực 5**: Xây dựng kiến thức về các ngành học, các cơ sở đào tạo (trường ĐH, CĐ, các trường nghề ở trong và ngoài nước,...) và dùng kiến thức này cho việc quyết định chọn ngành học và trường học sau khi tốt nghiệp lớp 12. **Năng lực 6:** Đánh giá được vai trò của thông tin cũng như sử dụng được ảnh hưởng của thông tin đối với việc quyết định nghề nghiệp (chọn nghề, chọn ngành học, trường học,…).
3. Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp	**Năng lực 7:** Xác định mục tiêu nghề nghiệp. **Năng lực 8:** Hoạt động ngoại khóa và tham gia phục vụ cộng đồng để tạo thêm kiến thức thực tế, thêm cơ hội nghề nghiệp. **Năng lực 9:** Lập kế hoạch nghề nghiệp và từng bước thực hiện những kế hoạch nghề nghiệp của mình.

Trong đó:

- Nhận thức bản thân là điều quan trọng nhất trong cuộc hành trình đi tìm nghề nghiệp mỗi người. HS cần hiểu rõ mình là ai, mình thích gì, mình giỏi gì, cá tính mình ra sao và giá trị nghề nghiệp nào quan trọng với mình nhất, thì các em sẽ vững bước trên con đường nghề nghiệp. Qua đó, có thể đưa ra câu trả lời chính xác cho câu hỏi: "Công việc hay nghề nghiệp nào phù hợp với tôi nhất?". HS thường tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp trước khi tìm hiểu bản thân, đây là lỗi thường gặp của các em HS. Vì vậy, vấn đề quan trọng nhất, trước khi các em quyết định xem mình làm nghề gì thì phải hiểu bản thân trong bốn lĩnh vực: sở thích, khả năng, cá tính và giá trị nghề nghiệp.

Sở thích: Mỗi em HS đều có một đam mê nào đó. Nhưng có em biết rõ, có em không. Vấn đề này, cũng bị ảnh hưởng của gia đình, sự giáo dục, môi trường xã hội mà mỗi HS đang sống. Có nhiều trường hợp, một sở thích bị chôn vùi trong mỗi HS, vì các em sợ bị đánh giá, bị cấm đoán hay đơn giản là không được khuyến khích phát triển. Ví dụ, một em HS nữ có sở thích về đá bóng, rất nhanh nhẹn, mạnh khỏe. Nhưng em HS này sinh ra trong một gia đình truyền thống mà cha mẹ nghĩ rằng phụ nữ phải làm việc nhẹ nhàng, khéo léo, "Cầm Kì Thi Họa"… mới là phụ nữ, thì ngay từ nhỏ em đã biết học cách giấu sở thích của mình để khỏi bị la mắng hay để đẹp lòng cha mẹ

Khả năng: Mỗi người có một điểm mạnh riêng biệt làm cho họ khác với người xung quanh. Nếu như mỗi người có thể làm công việc đòi hỏi những kĩ năng thuộc về thế mạnh của họ, họ sẽ làm việc rất hiệu quả, chất lượng cao, và cũng tương tự như ở phần sở thích, họ sẽ có một đời sống cá nhân hạnh phúc. Nhưng chúng ta thường thiên về việc tìm kiếm những điểm yếu của mình để hoàn thiện chúng, hơn là xác định xem bản thân giỏi về cái gì để phát triển chúng. Nhiều người không muốn thể hiện những điểm mạnh của bản thân mình vì tính chất của người Việt Nam là khiêm tốn. Và mọi người thường mất quá nhiều thời gian để hoàn thiện mình bằng cách sửa các điểm yếu của mình thay vì phát huy những điểm mạnh cá nhân. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng, khi một người làm công việc nào có

những yêu cầu, đòi hỏi phù hợp những khả năng của mình thì sự thành công đến đỡ vất vả hơn. Ngược lại, nếu người đó làm những công việc mình không có khả năng thì dù chăm chỉ, vát vả, cố gắng, nỗ lực hơn nhiều thì kết quả cũng khó được như bản thân mong muốn. Mặt khác, bản thân sẽ không tự tin khi mình làm công việc mình không có khả.

Cá tính: Mỗi người sinh ra đều có một cá tính riêng. Cá tính của mỗi người bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố: gien di truyền, môi trường nơi cá nhân đó sinh sống, học tập và phát triển. Việc hiểu rõ cá tính của chính mình sẽ giúp các em chọn công việc và môi trường làm việc phù hợp, giúp các em đạt được thành công và hài lòng với công việc của mình. So với yếu tố sở thích và khả năng, thì yếu tố cá tính không được để ý đến nhiều lắm, cho đến khi HS ra trường và bước vào môi trường làm việc, mỗi vị trí công việc thường phù hợp với cá tính khác nhau. Ví dụ: người có cá tính mạnh mẽ, thích giao tiếp thì khi làm công việc kế toán sẽ gặp nhiều khó khăn và khó yêu nghề.

Giá trị nghề nghiệp: GDHN cần quan tâm đến vai trò của giá trị nghề nghiệp trong quyết định chọn nghề của từng HS. Tùy theo quan điểm, nhận thức, hoàn cảnh của mỗi người, giá trị nghề nghiệp có thể là mức lương, thưởng cao trong nghề nghiệp, có thể là có cơ hội thăng tiến trong công việc, có thể là được làm việc trong môi trường mình được phát huy sở trường, khả năng nghề nghiệp và được nhiều người tôn trọng; Hoặc, đơn giản chỉ là có công ăn việc làm ổn định,... Sự phù hợp giữa việc làm với giá trị nghề nghiệp của người lao động có thể coi là yếu tố quan trọng nhất trong việc quyết định có nhận công việc đó hay không. Người lao động sẵn sàng làm một việc nào đó, dù việc đó không phù hợp với sở thích, khả năng và cá tính, nhưng việc đó thỏa mãn được những giá trị nghề nghiệp của họ.

=> Khi học các môn văn hóa ở trường THPT, HS sẽ khám phá được rất nhiều các vấn đề, qua đó phát triển 3 năng lực cơ bản của GDHN: *Nhận thức bản thân*; *Nhận thức nghề nghiệp*, *Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp*. Khi học các môn văn hóa ở trường THPT (như Địa lí, Văn học, Hóa học,…), HS hiểu được bản thân, nắm được kiến thức về các nghề, các yêu cầu của nghề,… kết hợp với các kênh

thông tin khác HS sẽ phát triển được các năng lực này. Từ đó tiến hành Xây dựng kế hoạch nghề nghiệp, hoàn thiện giai đoạn thứ 2 của GDHN trong nhà trường THPT như trên đã phân tích.

1.2. Tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 Trung học phổ thông

1.2.1. Khái niệm tích hợp và dạy học tích hợp

Theo từ điển Giáo dục học: "*Tích hợp là hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học*" [41]. "*Tích hợp kiến thức là hành động liên kết, nối liền các tri thức khoa học khác nhau thành một tập hợp kiến thức thống nhất*" [41].

Theo từ điển Tiếng Việt: Tích hợp được hiểu là: "*Lắp ráp, nối kết các thành phần của một hệ thống để tạo nên một hệ thống đồng bộ*"[56].

Tuy có nhiều cách phát biểu không như nhau, nhưng các khái niệm cũng có những điểm chung trong quan niệm về tích hợp: Tích hợp là một quá trình kết hợp các đối tượng khác nhau vào một chỉnh thể thống nhất. Kết quả quá trình kết hợp đó là sự hình thành một hệ thống mới hoặc có thể bao gồm chính các phần có ít nhiều liên hệ với các hệ thống trước đó, chúng có mối liên hệ với nhau chặt chẽ hơn và có sự thay đổi về chất trong bản thân thuộc tính của mỗi bộ phận.

Khái niệm *dạy học tích hợp* cũng được đưa ra dưới nhiều cách tiếp cận khác nhau:

Theo Từ điển Giáo dục học: "*Tích hợp giảng dạy là tiến hành quá trình dạy học theo hướng liên kết, lồng ghép những tri thức khoa học, những qui luật chung, gần gũi nhau*"[41].

Tại Hội nghị phối hợp trong chương trình của UNESCO, Paris 1972 đã đưa ra định nghĩa: "*Dạy học tích hợp các khoa học là một cách trình bày các khái niệm và nguyên lý khoa học cho phép diễn đạt sự thống nhất cơ bản của tư tưởng khoa học, tránh nhấn quá mạnh hoặc quá sớm sự sai khác giữa các lĩnh vực khoa học khác nhau*"[17].

Quan điểm của Ban chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau 2015 cho rằng: "*Dạy học tích hợp được hiểu là giáo viên tổ chức để học sinh huy động đồng thời kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các*

nhiệm vụ học tập, thông qua đó lại hình thành những kiến thức, kỹ năng mới, từ đó phát triển những năng lực cần thiết"[17].

=> Như vậy, dạy học tích hợp có thể hiểu đó là một quan điểm dạy học, trong đó giáo viên tổ chức, hướng dẫn để học sinh biết huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau nhằm giải quyết các nhiệm vụ học tập, đời sống; thông qua đó hình thành và phát triển ở học sinh những kiến thức, kĩ năng mới; phát triển được những năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề trong học tập và trong thực tiễn cuộc sống. Thông qua dạy học tích hợp, học sinh có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các bài tập hàng ngày, đặt cơ sở nền móng cho quá trình học tập tiếp theo; cao hơn là có thể vận dụng để giải quyết những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống hàng ngày.

+ *Dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí*

Theo tác giả, *dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí* là trong các bài Địa lí, GV giảng dạy sử dụng các phương pháp dạy học thích hợp khai thác các kiến thức của Hướng nghiệp sao cho không biến tiết học Địa lí thành tiết học GDHN, vẫn đảm bảo được các kiến thức, kĩ năng, thái độ theo yêu cầu của bài Địa lí, nhưng bên cạnh đó vẫn hình thành các kiến thức, kĩ năng, thái độ của GDHN cho HS đáp ứng các giai đoạn hướng nghiệp ở trên.

Và tùy theo nội dung từng bài Địa lí mà GV có thể tích hợp ở các mức độ khác nhau như mức độ liên hệ, mức độ bộ phận hay mức độ toàn phần. Khi tích hợp, GV sử dụng ngôn từ kết nối sao cho lôgic và hài hòa,… đảm bảo khai thác đúng kiến thức Địa lí, mà vẫn uyển chuyển dẫn dắt HS khám phá bản thân hoặc khám phá thế giới nghề nghiệp theo các kiến thức trong bài Địa lí; Bên cạnh đó, GV vẫn gây được hứng thú học tập cho HS trong học Địa lí, vẫn góp phần phát triển tư duy và kiến thức Địa lí cho HS; vẫn đảm bảo tính vừa sức đối với HS và phải linh hoạt, sáng tạo, tùy thuộc vào mục đích, yêu cầu,…

1.2.2. Sự cần thiết của việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 trung học phổ thông

Trong thời gian gần đây, các cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư nối tiếp nhau ra đời, kinh tế tri thức phát triển mạnh đem lại cơ hội

phát triển vượt bậc, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ đối với mỗi quốc gia, nhất là các quốc gia đang phát triển và chậm phát triển. Mặt khác, những biến đổi về khí hậu, tình trạng cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái và những biến động về chính trị, xã hội cũng đặt ra những thách thức có tính toàn cầu. Để bảo đảm phát triển bền vững, nhiều quốc gia đã không ngừng đổi mới giáo dục để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trang bị cho các thế hệ tương lai nền tảng văn hóa vững chắc và năng lực thích ứng cao trước mọi biến động của thiên nhiên và xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trở thành nhu cầu cấp thiết và xu thế mang tính toàn cầu. Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam 2011 - 2020, đã đưa ra: "*... đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo: ... Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, trong đó, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo. kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp,...*"[21]. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đề cập: *"Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực,...*"[34]. Đây là những định hướng quan trọng về chính sách và quan điểm trong việc phát triển và đổi mới giáo dục trung học. Với phương châm: "Học để biết - Học để làm - Học để chung sống - Học để tự khẳng định mình", góp phần tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng, hiệu quả giáo dục và phát triển con người Việt Nam toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ, hướng tới "công dân toàn cầu".

Mặt khác, trong lí do chọn đề tài đã đề cập, GDHN là giúp các em định hướng, chọn nghề phù hợp với hứng thú, nguyện vọng, năng lực và hoàn cảnh của bản thân và đáp ứng được sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội; góp phần cho sự thành công của các em với nghề sau này, qua đó góp phần phát triển nền kinh tế - xã hội đất nước theo đúng định hướng của Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

Quyết định số 1866/QĐ-BGDĐT ngày 17/5/2012 về việc Ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2012-2013 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học, cũng đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch cho GDHN: "*Tăng cường đổi mới phương thức giáo dục đạo đức, tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp theo tinh thần lồng ghép và tích hợp*;..."[15].

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước, nền giáo dục và đào tạo Việt Nam đã đạt những thành tựu rất đáng trân trọng. Giáo dục và đào tạo nhất là giáo dục phổ thông đã góp phần lớn trong việc nâng cao các chỉ số trong việc xếp hạng và phát triển con người, chỉ số năng lực cạnh tranh quốc gia, trong các báo cáo thường niên của các tổ chức và diễn đàn quốc tế. Tuy nhiên, giáo dục đào tạo Việt Nam còn có nhiều hạn chế đó là chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là vấn đề chất lượng và số nguồn lao động có tay nghề và có chuyên môn cao, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, các cơ sở nghề; việc phân luồng ở VN đã có từ lâu. Nhưng theo nghiên cứu của một số chuyên gia về GDHN như: Theo tác giả Phạm Tất Dong: "*Trong số những người không kiếm ra việc làm, 85,8% là thanh niên. Trong tổng số thanh niên đứng ngoài việc làm, 67,4% là không biết nghề*"[25]. Trên cơ sở đó, tác giả đã xác định cần: "*Chú trọng hình thành những năng lực nghề nghiệp cho thế hệ trẻ để tự tìm ra việc làm*"[25], đồng thời: "*Tiếp sau quá trình hướng nghiệp, dứt khoát phải dạy nghề cho học sinh,.. .đây sẽ là một nguyên tắc rất cơ bản*"[25]; Hay như tác giả Hoàng Đức Nhuận đã viết khi đề cập đến mối quan hệ giữa học vấn phổ thông và học nghề: "*Trong cơ chế đổi mới hiện*

nay vấn đề chuẩn bị nghề nghiệp là một yêu cầu nóng bỏng của thực tế xã hội. Học vấn phổ thông và học vấn nghề nghiệp có phần giao thoa ngày càng rõ theo hướng mô đun hóa ở mức phổ thông"[54]. Từ mối quan hệ đó, tác giả khẳng định *sự cần thiết phải tổ chức tốt công tác GDHN trong các trường trung học phổ thông*. => GDHN cho HS là cần thiết và cần tổ chức tốt ở trường THPT và phải có các biện pháp để GDHN đạt hiệu quả như mong muốn. Từ năm học 2008 – 2009, thời gian dành cho môn GDHN ở mỗi lớp cấp THPT đều bị rút ngắn 2/3, rút từ 27 tiết/năm (3tiết/tháng) xuống còn 9 tiết/năm (1tiết/tháng). Lượng kiến thức của từng chủ đề rất lớn, ví dụ, lớp 11 có chủ đề tìm hiểu một số nghề thuộc ngành năng lượng (than, điện, dầu khí), bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin. Đó là 5 ngành trọng điểm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và được truyền đạt trong 1 tiết. Vì vậy, GV và HS rất khó để đạt được mục tiêu của GDHN, chưa kể đến trình độ của GV và cơ sở vật chất của nhà trường.

Đặc biệt là sau khi kết thúc lớp 12 THPT, sau khi chia tay với tuổi học trò để bước vào một giai đoạn mới của sự trưởng thành về con người và nhân cách, HS càng cần có và tích lũy nhiều hơn các kiến thức về nghề nghiệp, hoàn thành được kế hoạch nghề nghiệp cho mình. Lớp 12 THPT cũng là lúc HS cần có những quyết định của mình trong việc chọn trường, chọn nghề và bạn HS nào cũng mong đó là những quyết định đúng đắn, để gặt hái được nhiều thành công sau này,… => GDHN ở giai đoạn này thể hiện rõ vai trò quan trọng, cần thiết của mình; GDHN cần tác động tới các em HS từ mọi phía, bằng mọi phương án,… *và phương án tích hợp GDHN trong các môn văn hóa là một phương án khả thi, dễ triển khai, gần gũi với GV và các bạn HS*,… Trong các môn học ở THPT thì mỗi môn học đều có khả năng tích hợp GDHN cho HS ở những nội dung khác nhau. Đối với môn Địa lí, HS có những hiểu biết cơ bản về các sự vật, hiện tượng Địa lí và mối quan hệ giữa chúng trong tự nhiên, xã hội và con người; việc khai thác chúng trong sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế, các vùng kinh tế; các vấn đề về dân cư, lao động,…. Từ những kiến thức này đã giúp

HS giải quyết được cả các vấn đề trong thực tiễn liên quan đến kiến thức Địa lí và kiến thức Hướng nghiệp. Mặt khác, trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Địa lí không chỉ đơn thuần cung cấp cho HS kiến thức, kỹ năng cần thiết, nó còn cùng với các môn học khác giúp cho HS làm quen với các tư duy khoa học, rèn kỹ năng liên hệ giữa kiến thức lý thuyết với thực tế và ngược lại; giúp HS có được những phẩm chất và năng lực cần thiết để thích ứng với cuộc sống, hình thành tính tích cực học tập, thích tìm tòi, khám phá thực tế,… Khi người GV giảng dạy môn Địa lí, nắm vững các kiến thức GDHN và nắm được cách thức tích hợp nó vào trong các giờ học thì đây chính là con đường cần thiết và hiệu quả của GDHN; có khả năng cung cấp cho các em kiến thức phổ thông cơ bản làm cơ sở nền tảng cho việc nhận thức nghề nghiệp của HS, giúp các em có nguyện vọng nghề nghiệp chính đáng, phù hợp với khả năng của bản thân và nhu cầu xã hội.

1.3. Đặc điểm chương trình Giáo dục phổ thông

1.3.1. Chương trình Địa lí 12 trung học phổ thông

Môn Địa lí THPT có nhiệm vụ: Hoàn thiện học vấn phổ thông cho học sinh (HS), phát triển tư duy logic, tạo điều kiện cho HS tiếp tục học lên ở các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; củng cố và phát triển các năng lực đã được hình thành và phát triển ở cấp trung học cơ sở, đáp ứng mục tiêu giáo dục và phát triển con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Toàn bộ chương trình Địa lí THPT được thể hiện trong SGK gồm 140 tiết, trong đó: lớp 12 là 52,5 tiết (1,5tiết/tuần), giảng dạy mỗi lớp trong 35 tuần. Các bài học trong SGK tương đối độc lập tương ứng với một tiết học, cũng có những đơn vị kiến thức khó chia tiết thì có thể để trong những bài tiếp theo. Mỗi bài học đều có cả kênh chữ, kênh hình và số liệu minh họa; Có câu hỏi giữa bài và câu hỏi cuối bài.

Cấu trúc chương trình chuẩn: **Lớp 12: ĐỊA LÍ VIỆT NAM**

I. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ

2. Lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ

3. Đặc điểm chung của tự nhiên

4. Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên

II. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

1. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư

2. Lao động và việc làm

3. Đô thị hóa

4. Chất lượng cuộc sống

III. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

2. Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp

3. Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp

4. Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

IV. ĐỊA LÍ CÁC VÙNG

1. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

2. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng

3. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Bắc Trung Bộ

4. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ

5. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên

6. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ

7. Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long

8. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở biển Đông và các đảo, quần đảo

9. Các vùng kinh tế trọng điểm

V. ĐỊA LÍ ĐỊA PHƯƠNG

Tìm hiểu Địa lí địa phương theo chủ đề

*Mức độ HS cần đạt về mặt kiến thức qua từng nội dung cụ thể của chương trình Địa lí lớp 12 như sau [9]:

+ *Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập:* HS biết công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế - xã hội; một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuốc Đổi mới; Biết bối cảnh và công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta.

+ Địa lí tự nhiên: HS trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng; HS trình bày được các giai đoạn phát triển của tự nhiên Việt Nam; Biết được mối quan hệ giữa lịch sử địa chất với các điều kiện địa lí của nước ta; Biết phân tích các thành phần tự nhiên để thấy được các đặc điểm cơ bản của tự nhiên Việt Nam; Phân tích, giải thích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta; Trình bày được một số tác động tiêu cực do thiên nhiên gây ra, đã phá hoại sản xuất, gây thiệt hại về người và của; Biết được sự suy thoái tài nguyên và một số nguyên nhân dẫn đến cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường; nắm được chiến lược, chính sách về tài nguyên và môi trường của Việt Nam.

+ Địa lí dân cư: HS phân tích được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam; Phân tích nguyên nhân và hậu quả của dân số đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân chưa hợp lí; Biết một số chính sách dân số ở nước ta; Hiểu và trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta; Hiểu vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết; hiểu được một số đặc điểm đô thị hóa ở Việt Nam, nguyên nhân và hậu quả; biết được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta; Biết được mức sống của nhân dân ta ngày càng được cải thiện, tuy nhiên có sự phân hóa giữa các vùng.

+ Địa lí các ngành kinh tế: HS phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; trình bày được ý nghĩa của sự chuyển dịch này đối với sự phát triển kinh tế nước ta; HS chứng minh và giải thích được các đặc điểm chính của nền nông nghiệp nước ta; hiểu và trình bày được cơ cấu của ngành nông nghiệp; tình hình phát triển và phân bố một số cây trồng, vật nuôi chính của nước ta; chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp; Hiểu và trình bày được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản và một số phương hướng phát

triển ngành thủy sản của nước ta; hiểu và trình bày được vai trò, tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ nông nghiệp nước ta; hiểu và trình bày được đặc điểm của 7 vùng nông nghiệp; trình bày được xu hướng trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; Trình bày và nhận xét được cơ cấu công nghiệp và nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp; hiểu và trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta; trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp nước ta; phân biệt một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp; trình bày được đặc điểm giao thông vận tải, thông tin liên lạc của nước ta; Phân tích được vai trò, tình hình phát triển và sự thay đổi trong cơ cấu cả nội thương, ngoại thương; phân tích được các tài nguyên du lịch ở nước ta; hiểu và trình bày được tình hình phát triển ngành du lịch, sự phân bố của các trung tâm du lịch chính; mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo về môi trường.

+ Địa lí các vùng: HS phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng; hiểu và trình bày được các thế mạnh và hạn chế của điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật của từng vùng; phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của từng vùng; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục; nắm được một số đặc điểm đặc trưng riêng biệt của từng vùng; Biết phạm vi lãnh thổ, vai trò, đặc điểm chính, thực trạng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm; thế mạnh của từng vùng trọng điểm đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.

+ *Địa lí địa phương*: Tìm hiểu địa lí địa phương theo 5 chủ đề: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và sự phân chia hành chính; đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư và lao động; đặc điểm kinh tế - xã hội; địa lí một số ngành kinh tế chính.

=> Vì vậy, nội dung GDHN thông qua bộ môn Địa lí là rất phong phú, nó có khả năng cung cấp cho HS kiến thức phổ thông cơ bản làm cơ sở nền tảng cho việc

nhận thức nghề nghiệp của HS giúp các em có nguyện vọng nghề nghiệp chính đáng, phù hợp với khả năng của bản thân và nhu cầu xã hội. Chính các kiến thức địa lí nếu được các em tiếp thu một cách tích cực sẽ có tác dụng làm chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng của các em về việc lựa chọn nghề tạo nên sự lựa chọn đúng đắn, tạo điều kiện để phát triển khả năng sáng tạo và cuối cùng thể hiện qua năng suất lao động cao nhất.

1.3.2. Chương trình Giáo dục hướng nghiệp trung học phổ thông

Theo "*Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp*" [10]:

- Vị trí: GDHN là một hoạt động GD trong nhà trường phổ thông nhằm giúp HS có những hiểu biết thông thường về hướng nghiệp để có thể định hướng phát triển, lựa chọn nghề phù hợp với hứng thú cá nhân, năng lực bản thân và nhu cầu nhân lực của xã hội. Trên cơ sở đó, các em tiếp tục học tập, rèn luyện để có thể phát triển trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. GDHN cho HS nhằm mục tiêu giáo dục toàn diện; góp phần vào việc phân luồng HS cấp THPT, là bước khởi đầu quan trọng của quá trình phát triển nguồn nhân lực xã hội.

- Mục tiêu:

+ Kiến thức: HS hiểu được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp tương lai; Biết được một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước và khu vực; về thế giới nghề nghiệp, thị trường lao động, hệ thống giáo dục nghề nghiệp (trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề), cao đẳng, đại học ở địa phương và cả nước.

+ Kĩ năng: Tự đánh giá được bản thân, truyền thống nghề nghiệp và hoàn cảnh gia đình trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai; Tìm kiếm được những thông tin nghề và thông tin cơ sở đào tạo cần thiết cho bản than trong việc chọn nghề; Định hướng và lựa chọn được nghề nghiệp tương lai của bản thân.

+ Thái độ: HS chủ động và tự tin trong việc chọn nghề phù hợp; có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn.

- **Nội dung:** Nội dung chương trình được xây dựng theo quan điểm chủ đề để HS chủ động tìm hiểu một số thông tin cơ bản về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước; về thị trường lao động; về thế giới nghề nghiệp và những cơ sở đào tạo. ngoài ra các em còn tự đánh giá năng lực bản thân, truyền thông nghề nghiệp và hoàn cảnh gia đình để lựa chọn nghề phù hợp.

Bảng 1.2. Chủ đề GDHN trung học phổ thông từ lớp 10 – 12[10]

STT	CHỦ ĐỀ	LỚP		
		10	11	12
1	Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc chọn nghề có cơ sở khoa học			
2	Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương			*
3	Thông tin về thị trường lao động		*	
4	Tìm hiểu năng lực của bản thân và truyền thống nghề nghiệp gia đình	*		
5	Vấn đề giới trong chọn nghề	*		
6	Tìm hiểu thông tin một số lĩnh vực ngành, nghề trong xã hội	*	*	
7	Các hướng đi sau khi tốt nghiệp THCS			
8	Xu hướng nghề nghiệp	*		
9	Định hướng nghề nghiệp tương lai	*	*	
10	Những điều kiện để thành đạt trong nghề			*
11	Thanh niên lập thân, lập nghiệp			*
12	Tìm hiểu thực tế cơ sở sản xuất nông nghiệp hoặc công nghiệp	*		
13	Tìm hiểu thực tế trường Đại học (cao đẳng, TCCN, dạy nghề) tại đại phương		*	
14	Tham quan hoặc tổ chức hoạt động giao lưu theo chủ đề HN			*
15	Tìm hiểu thông tin đào tạo			*
16	Hướng dẫn HS làm hồ sơ tuyển sinh			*
17	Tư vấn hướng nghiệp và chọn nghề			*

Nhiệm vụ tổng quát, bao trùm nhất của GDHN trong trường phổ thông là hình thành hứng thú nghề nghiệp, năng lực lao động nghề và chuẩn bị cho thanh niên sự sẵn sàng tâm lý đi vào lao động nghề nghiệp trên cơ sở đảm bảo sự phù hợp nghề. GDHN

là quá trình lâu dài, là hệ thống các biện pháp liên hoàn tác động liên tục vào nhân cách con người suốt từ khi họ ngồi trên nghề nhà trường phổ thông cho đến khi họ có một nghề trong tay. Nội dung của GDHN phục vụ mục tiêu đào tạo đang nhằm vào góp phần đào tạo từng học sinh thành con người lao động mới có lòng yêu nước, có lý tưởng, có kiến thức, óc thẩm mỹ, và sẵn sàng lao động, sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc hay đó chính là hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người lao động mới ở mỗi học sinh để từ đó góp phần đào tạo một đội ngũ đồng bộ những người lao động mới đáp ứng yêu cầu phân công lao động ở từng địa phương và trên cả nước từ đó góp phần đào tạo một đội ngũ đồng bộ những người lao động mới đáp ứng yêu cầu phân công lao động ở từng địa phương và trên cả nước.

Chương trình Giáo dục phổ thông – Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12 [10]

Bảng 1.3. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 12

Tháng	Tên chủ đề	Nội dung
9	Định hướng phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	- Một số định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. - Nhu cầu lao động của địa phương và cả nước. - Tìm hiểu thông tin về việc làm.
10	Những điều kiện để thành đạt trong nghề	- Những điều kiện để thành đạt trong nghề. - Những hướng đi sau khi tốt nghiệp THPT. - Kế hoạch học tập tu dưỡng để thành đạt trong nghề.
11	Tìm hiểu hệ thống đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề của trung ương và địa phương	- Tìm hiểu thông tin hệ thống trường Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề của trung ương và địa phương. - Tìm hiểu thông tin đào tạo cần thiết cho bản thân.
12	Tìm hiểu hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng	- Tìm hiểu thông tin hệ thống trường Đại học và Cao đẳng. - Tìm hiểu thông tin đào tạo cần thiết cho bản thân.

Tháng	Tên chủ đề	Nội dung
1	Tư vấn chọn nghề	- Quy trình tư vấn chọn nghề cho HS - Xem xét sự phù hợp nghề của HS và đưa ra những lời khuyên chọn nghề. - Sổ hướng nghiệp của HS.
2	Hướng dẫn HS chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh	- Hướng dẫn HS quyết định chọn nghề. - Một số điều cơ bản trong quy chế tuyển sinh. - Làm hồ sơ tuyển sinh.
3	Thanh niên lập thân, lập nghiệp	- Những phẩm chất cần thiết đẻ thanh niên lập thân, lập nghiệp. - Những điều kiện lập thân, lập nghiệp của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.
4-5	Tổ chức tham quan hoặc hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp	- Tổ chức hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp. - Tham quan một số Trung tâm Tư vấn nghề, trung tâm Xúc tiến việc làm của tổ chức, đoàn thể xã hội.

- *Về phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp*: Coi trọng tính giáo dục của công tác hướng nghiệp; Quán triệt quan điểm hoạt động trong tổ chức hoạt động Giáo dục hướng nghiệp nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS; Giáo dục HS tạo ra sự phù hợp nghề trên cơ sở tự rèn luyện, tu dưỡng và tự học; Gắn các buổi GDHN với thực tiễn sản xuất.

- *Về đánh giá kết quả học tập của HS*:

. Kiến thức: Đánh giá mức độ hiểu biết về nội dung các chủ đề hướng nghiệp bằng những phương pháp sau: Viết thu hoạch sau khi tham gia buổi hoạt động GDHN; Quan sát, trao đổi với HS về các chủ đề hướng nghiệp;Qua các sản phẩm của HS như bài kiểm tra, phiếu trắc nghiệm, phiếu điều tra nghề, bản thu hoạch..v.v... – Hình thức đánh giá có thể được thực hiện theo nhóm, lớp, đánh giá của GV, đánh giá của HS và tự đánh giá của bản thân.

. Kĩ năng: Đánh giá mức độ thành thạo của việc tìm hiểu thông tin nghề, thông tin cơ sở đào tạo, về tự đánh giá bản thân, về khả năng lập kế hoạch và định hướng nghề nghiệp tương lai.

. Thái độ: Đánh giá mức độ tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt dộng GDHN; Đánh giá ý thức chủ động trong việc tự định hướng nghề nghiệp cho bản thân; Đánh giá thái độ qua quan sát quá trình tham gia hoạt động của HS, qua vấn đáp để biết được tinh thần, thái độ, ý thức tham gia hoạt động GDHN của cá nhân và của tập thể HS.

- *Chuẩn kiến thức, kĩ năng lớp 12 THPT:*

Bảng 1.4. Chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ của nội dung GDHN lớp 12 THPT[10]

Chủ đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1. Định hướng phát triển kinh tế của đất nước và địa phương	-Kiến thức: Biết được một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu lao động của địa phương và đất nước. -Kĩ năng: Tìm hiểu được một số thông tin cơ bản về nhu cầu lao động trong nước và địa phương. - Thái độ: Định hướng chọn được những nghề có nhu cầu nhân lực.	
2. Những điều kiện để thành đạt trong nghề	-Kiến thức: Phân tích được những điều kiện cần thiết để thành đạt trong nghề. -Kĩ năng: xác định được hướng học tập hoặc lao động cho bản thân sau khi tốt nghiệp THPT; Xây dựng được kế hoạch học tập, tu dưỡng để có thể thành đạt trong nghề. - Thái độ: tích cực học tập, tu dưỡng để thực hiện ước mơ nghề nghiệp của mình.	-Là bước chuẩn bị cho việc quyết định chọn nghề. -Tiếp tục xem xét, điều chỉnh bản "kế hoạch nghề nghiệp tương lai".
3. Tìm hiểu hệ thống đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp và Dạy nghề của trung ương và địa phương	-Kiến thức: Nêu được những hiểu biết về hệ thống trường Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; Nêu được cách tìm những thông tin cơ sở đào tạo cần thiết. -Kĩ năng: Tìm được những thông tin cần thiết và liên hệ với bản thân để chọn trường học sau khi tốt nghiệp THPT. - Thái độ: Tích cực chọn ngành, chọn trường học sao cho phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội.	Trọng tâm là phương pháp tìm hiểu thông tin về cơ sở đào tạo.

Chủ đề	Mức độ cần đạt	Ghi chú
4. Tìm hiểu hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng	-Kiến thức: Nêu được những hiểu biết về hệ thống đào tạo Đại học và Cao đẳng; Biết được cách tìm thông tin về cơ sở đào tạo Đại học và Cao đẳng cần thiết cho bản thân. -Kĩ năng: Tìm được những thông tin cần thiết và liên hệ với bản thân để chọn trường học cho phù hợp - Thái độ: Tích cực chọn ngành, chọn trường học sao cho phù hợp với năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu nhân lực của xã hội.	Trọng tâm là phương pháp tìm hiểu thông tin về cơ sở đào tạo.
5. Tư vấn chọn nghề	-Kiến thức: Biết được ý nghĩa và sự cần thiết của tư vấn trước khi chọn nghề; biết cách thực hiện các bước của quy trình tư vấn chọn nghề. -Kĩ năng: Lắng nghe, phân tích, chọn lọc được các ý kiến tư vấn để chọn được nghề phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu nhân lực của xã hội. - Thái độ: Không chọn nghề theo cảm tính và dư luận xã hội; có ý thức lắng nghe và chọn lọc ý kiến người khác để chọn nghề phù hợp.	
6.Hướng dẫn HS chọn nghề và làm hồ sơ tuyển sinh	-Kiến thức: Biết được những thông tin cần thiết về quy chế tuyển sinh. -Kĩ năng: Chọn được nghề phù hợp; làm hồ sơ chính xác, đúng yêu cầu, đúng hạn. - Thái độ: Thận trọng khi chọn ngành và chọn trường.	
7. Thanh niên lập thân, lập nghiệp	-Kiến thức: Nêu được những phẩm chất và điều kiện cần thiết để lập thân, lập nghiệp của thanh niên trong giai đoạn hiện nay. -Kĩ năng: Trao đổi, thảo luận và liên hệ với bản thân để chuẩn bị lập thân, lập nghiệp. - Thái độ: có ý thức thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng để sẵn sàng cho việc lập thân, lập nghiệp và lao động ở bất cứ vị trí công tác nào trong xã hội.	
8. Tổ chức tham quan hoặc hoạt động giao lưu theo chủ đề hướng nghiệp	-Kiến thức: Có thêm được hiểu biết và kinh nghiệm về lựa chọn nghề nghiệp. -Kĩ năng: Tự bổ sung được những hiểu biết mới về lựa chọn nghề nghiệp. - Thái độ: Tích cực chuẩn bị và chủ động tham gia các hoạt động giao lưu, văn hóa về chủ đề hướng nghiệp.	

=> Các chủ đề này xây dựng cho chương trình hoạt động GDHN 27 tiết/năm, nhưng như trên đã đề cập, từ năm học 2008 – 2009, thời gian dành cho môn GDHN ở mỗi lớp cấp THPT đều bị rút ngắn 2/3, rút từ 27 tiết/năm (3tiết/tháng) xuống còn 9 tiết/năm (1tiết/tháng). Lượng kiến thức của từng chủ đề rất lớn và được truyền đạt trong 1 tiết, nên GV và HS rất khó để đạt được mục tiêu của GDHN, chưa kể đến trình độ của GV và cơ sở vật chất của nhà trường. Vì vậy, việc tích hợp GDHN trong môn Địa lý là một nghiên cứu cần thiết để thỏa mãn các mục tiêu của GDHN về lao động và việc làm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

1.4. Đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức của học sinh lớp 12 đối với Giáo dục hướng nghiệp

1.4.1. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh lớp 12

Lứa tuổi HS THPT, đặc biệt là HS lớp 12 THPT, có một vị trí đặc biệt quan trọng trong các thời kì phát triển của con người. Trong tâm lý học gọi lứa tuổi này là tuổi đầu thanh niên (Thanh niên học sinh), tuổi chứa đầy nguyện vọng, ước mơ, hoài bão về tương lai. Ở độ tuổi này, hầu hết thanh niên HS đã phát triển hoàn thiện về mọi mặt cả về tâm lý và thể chất.

Về thể chất: Sự phát triển của thanh niên mới lớn đã đạt tới sự hoàn thiện về thể chất. Cụ thể như về chiều cao, cân nặng, hệ xương, sự cân đối giữa các bộ phận trong cơ thể,… Đặc biệt, sự hoàn thiện cấu tạo của bộ não cùng với hệ thống hoạt động sinh lý thần kinh và các chức năng sinh lý khác. Lứa tuổi này sự phát triển của các em khá cân đối và hoàn thiện, không như các giai đoạn dậy thì trước.

Về tâm lý: Hoạt động nhận thức của HS THPT là lĩnh hội và tiếp thu những tri thức phổ thông, tri thức về thực tiễn cuộc sống để chuẩn bị cho lao động hướng nghiệp sau này. Sự phong phú về tri thức và kinh nghiệm mà các em lĩnh hội được thông qua từng môn học ở trường THPT giúp cho quá trình cảm giác, tri giác, sự tập trung chú ý, trí nhớ, ngôn ngữ, tư duy phát triển mạnh mẽ.

Thanh niên HS ngày càng độc lập và mức độ trách nhiệm đối với gia đình ngày càng rõ rệt. Họ tham gia lao động và các công việc trong gia đình, có ý thức chọn nghề nghiệp tương lai. Thời gian này, một mặt thanh niên HS muốn chứng tỏ

mình là người lớn, một mặt vẫn bị đối xử như trẻ còn nhỏ, nên thường dẫn đến một số mâu thuẫn giữa HS với GV và bố mẹ. Vì thế, ở tuổi này, các em cần được thầy cô và bố mẹ tin tưởng, tạo cơ hội cho thể hiện bản thân; được thấu hiểu và khích lệ bởi thầy cô và bố mẹ để các em luôn cố gắng, có trách nhiệm với học tập và lao động như những người trưởng thành.

Lúc này, quá trình tự ý thức của thanh niên HS diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, toàn diện. Tự ý thức phát triển ở mức độ cao nên bước đầu các em đã biết phân tích, tự đánh giá, tự điều chỉnh bản thân, các em sống nội tâm, sâu sắc hơn. Đời sống tình cảm phát triển mạnh mẽ, đa dạng,… nổi bật nhất ở lứa tuổi này là quan hệ tình cảm gia đình, bạn bè, tình yêu nam nữ,…. Do sự hoàn thiện về thể chất và trí tuệ, dẫn đến ý chí và tính cách của thanh niên HS cũng phát triển nhanh chóng và ổn định. Cảm xúc có tính ổn định, tình cảm đa dạng. Trong đó nổi bất nhất là mức độ bình đẳng, độc lập trong giao tiếp với người lớn và bạn cùng lứa tuổi. Các em mong muốn được đối xử tôn trọng, và rất tránh coi các em là "những kẻ thất bại, kém cỏi". Vì thế, trong các hoạt động học tập, các em cần được tham gia một cách chủ động, được thầy cô và bạn bè động viên để các em có thể tự hào về các sản phẩm học tập của mình, nỗ lực không ngừng trên con đường tìm kiếm tri thức, hoàn thiện nhân cách.

Lứa tuổi này các em đang tự xây dựng cho mình những quan điểm về thế giới, về cuộc đời và quyết định về cuộc sống tương lai, vì thế việc lựa chọn nghề có vai trò rất quan trọng, nó chi phối mọi ước mơ, dự định suy nghĩ của các em. Bởi đây là lần đầu tiên các em tự quyết định việc liên quan đến cả tương lai và cuộc đời các em sau này. Nhưng không ít các em HS đã có những quyết định vội vàng, thiếu chín chắn, thiếu căn cứ…để sau này các em gặp rất nhiều trắc trở, lo lắng, ân hận,… Cũng chính vì thế GDHN cho các em trong thời điểm này là rất cần thiết và nhà trường cần giữ vai trò chủ đạo, đồng thời phối hợp với gia đình, xã hội,… giúp các em HS có kiến thức đúng đắn và lựa chọn cho bản thân ngành nghề, hướng đi phù hợp. nhưng bố mẹ và thầy cô cũng cần hiểu và nắm bắt được tâm lý của lứa tuổi này để tránh các em rơi vào trạng thái phản kháng, bất cần do sự áp đặt không khéo của bố mẹ và thấy cô.

1.4.2. Nhận thức của học sinh lớp 12 với Giáo dục hướng nghiệp

Học sinh THPT nói chung và HS lớp 12 THPT nói riêng là lứa tuổi bắt đầu bước vào ngưỡng cửa cuộc đời. Một cuộc sống mới đầy bí ẩn, hấp dẫn, lý thú,… nhưng cũng đầy khó khăn đang chờ đợi các em. Tuy, lúc này, HS có sự chuẩn bị về tâm thế, suy nghĩ của các em cũng chín chắn hơn khi có quyết định chọn nghề, quyết định ảnh hưởng đến cả cuộc đời của mình sau này. Và đương nhiên việc chọn nghề, quyết định cuộc đời phía trước của mình không dễ chút nào đối với HS, nhất là khi các em còn quá trẻ, còn thiếu trải nghiệm. Mặt khác, ngành nghề trong xã hội rất phong phú, đa dạng và vô cùng phức tạp, mỗi ngành nghề đều có những yêu cầu, những đòi hỏi riêng phải thỏa mãn,… Vì vậy, câu hỏi "Em sẽ làm gì sau khi tốt nghiệp THPT?" khiến nhiều HS lúng túng, băn khoăn tìm câu trả lời. Hầu hết các em có ước mơ vào các trường đại học (kể cả những em có học lực yếu), trong khi có rất nhiều lĩnh vực nghề nghiệp trong xã hội đang cần các em lựa chọn và tham gia (như công nhân kĩ thuật lành nghề). Ước mơ của các em đôi khi còn rất xa với thực tế lao động, chưa thấy được giá trị đích thực của các nghề. Các em có kì vọng quá cao vào một số nghề, và khi tiếp xúc với nghề đó trong thực tế, các em lại làm thất vọng, chán nghề. Chọn nghề mà các em hiểu biết quá ít, thậm chí không hiểu gì về nghề mình định chọn thì chắc chắn các em sẽ gặp khó khăn, trở ngại trong hoạt động nghề sau này của mình. Điều này, sẽ khiến các em chán nản, hụt hẫng, miễn cưỡng trong lao động, gây ra những khó khăn, thất bại đối với nghề, nhiều khi là lỡ dở cả cuộc đời với sự ân hận, giá như,….

Về nhận thức học tập: Lứa tuổi này đã có nội dung hoạt động sâu hơn, đòi hỏi tính năng động và tính độc lập ở mức cao hơn. Ở lứa tuổi này, tính cách cũng đang dần được hoàn thiện. Các em cũng luôn tự đặt câu hỏi: Mình là ai? Mình như thế nào? Sau này mình sẽ như thế nào?,... Mỗi em HS đều phải tự định hướng cho bản thân, dự định, các kế hoạch cho tương lai,… nhưng không thể thiếu sự chỉ đạo, chèo lái của GV, đặc biệt là các thầy cô trực tiếp dạy các môn văn hóa, hàng ngày có thời gian và cơ hội tiếp xúc với các em nhiều nhất. HS càng trưởng thành

thì kinh nghiệm sống càng phong phú, các em đã ý thức được mình đang đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời, vì vậy thái độ đối với môn học đã có sự lựa chọn. Hứng thú học tập gắn liền với những khuynh hướng nghề nghiệp. Trí tuệ các em cũng phát triển hơn các giai đoạn trước, tri giác có mục đích, quan sát có hệ thống và toàn diện hơn. Tuy vậy, việc quan sát sẽ thiếu hiệu quả nếu thiếu sự chỉ đạo của GV. Vì vậy, GV cần quan tâm đến các em để hướng các em vào những nhiệm vụ nhất định, không vội vã kết luận khi chưa tích lũy đủ các dữ kiện.

Ở lứa tuổi THPT, đặc biệt là HS lớp 12 THPT, các em phải đứng trước sự lựa chọn quan trọng, mang tính quyết định cho tương lai đó là đi làm hay đi học tiếp; Nếu đi học tiếp thì học gì; Nếu đi làm thì làm gì,… Vào đầu học kì II của năm học lớp 12 THPT, các em phải hoàn thành bộ hồ sơ thi tốt nghiệp THPT và hồ sơ thi tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Đây là bước quan trọng để các em chọn cho mình một nghề nghiệp gắn bó lâu dài với nó trong suốt cuộc đời. Nhưng trong thực tế, có thể thấy nhiều em học sinh sau khi học xong lớp 12, không phải bao giờ cũng giải quyết đúng đắn vấn đề chọn nghề của mình thường tập trung ở hai nguyên nhân chính:

Thứ nhất, do các em có thái độ không đúng với các tình huống khác nhau của việc chọn nghề (chủ yếu do sự khuyên bảo của người đi trước và những hiểu biết không sâu của bản thân), những thành kiến và tiếng tăm nghề nghiệp do ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của những người khuyên bảo, sự yêu thích nghề… mới chỉ là bề ngoài, cảm tính. Cá nhân chưa thực sự hiểu được nghề đó.

Thứ hai, các em thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm về những nghề đó, không hiểu hết năng lực của bản thân, không biết, hoặc không đánh giá đầy đủ những đặc điểm phẩm chất cá nhân, không hiểu được đặc điểm và yêu cầu của nghề đòi hỏi với người lao động; các bước và trình tự của chúng khi các em chọn nghề.

Với các em, những câu hỏi: học lên đại học hay học nghề? Vào trường nào? Vì sao chọn nghề này nghề kia,… là những câu hỏi thường xuyên làm HS bận tâm vì việc chọn nghề gì sẽ liên quan đến toàn bộ kế hoạch đường đời của mình; mà lúc này đã là HS cuối cấp THPT rồi nên những băn khoăn của các em càng mong muốn nhanh có lời giải đáp.

1.5. Thực trạng Giáo dục hướng nghiệp ở trường Trung học phổ thông

Qua tham khảo một số tài liệu về thực trạng GDHN và tham gia một số các khảo sát về GDHN (phụ lục 13), tác giả nhận thấy, GDHN tại các trường phổ thông đạt kết quả chưa cao. Trong nghiên cứu của mình, để tìm hiểu vấn đề này, tác giả đã tiến hành khảo sát HS lớp 12 tại 4 trường THPT trong năm học 2015 – 2016 là: trường THPT B Kim Bảng (Hà Nam), trường THPT Hòn Gai (Hạ Long – Quảng Ninh), trường THPT Thăng Long (Lâm Hà - Lâm Đồng), trường THPT Lê Lợi (Hà Đông – Hà Nội).

Tham gia khảo sát có tổng số 336 HS, trong đó có:

- 91 HS lớp 12 (12A4: 45 HS và 12A5: 46 HS) trường THPT B Kim Bảng (Hà Nam); 79 HS Lớp 12 (12A6: 40 HS và 12A7: 39 HS) trường THPT Hòn Gai (Hạ Long - Quảng Ninh); 81 HS Lớp 12 (12B1: 40 HS và 12B2: 41 HS) trường THPT Thăng Long (Lâm Hà - Lâm Đồng); 85 HS Lớp 12 (12A7: 42 HS và 12A8: 43 HS) trường THPT Lê Lợi (Hà Đông – Hà Nội).

HS của các trường lựa chọn khá tương đồng về lực học, các lớp đều có tỉ lệ HS trung bình khoảng 40-50%, tỉ lệ HS khá giỏi khoảng 50-60%, tỉ lệ HS yếu kém khoảng 1-2%.

Tổng số phiếu phát ra: 336 phiếu HS và 50 phiếu GV và cán bộ quản lý; Tổng số phiếu đã được thu về: 336 phiếu HS và 50 phiếu GV và cán bộ quản lý. Trong đó 100% phiếu hợp lệ (đảm bảo đầy đủ các thông tin).

Thông tin chung về GV: 34,5% là nam, 65,5% là nữ; 1 GV là người dân tộc thiểu số; Số năm công tác: từ 2 năm đến 15 năm; trình độ chuyên môn thấp nhất là đại học, cao nhất là thạc sĩ (16%); 5 cán bộ quản lý và 45 GV trực tiếp giảng dạy các môn văn hóa (6 GV dạy Địa lí).

Thông tin chung về học sinh: 44,9% là nam, 45,1% là nữ; 0,6% HS là người dân tộc thiểu số; 78,6% HS ở đồng bằng, 21,4% ở miền núi, 45,1% HS thành thị, 45,9% HS ở nông thôn.

Thông tin chung về phụ huynh học sinh: Hầu hết phụ huynh đã tốt nghiệp THCS và THPT, nhưng phần lớn chưa được qua đào tạo (gần 60%); Gần 50% phụ

huynh học sinh làm nông nghiệp hoặc các nghề tự do; Trên 70% học sinh cho rằng về mặt kinh tế gia đình mình là trung bình, 15,5% là khá, có tới 6% cho rằng gia đình là diện nghèo.

Nội dung khảo sát (nằm trong 10 câu hỏi của phiếu khảo sát GV và cán bộ quản lý (phụ lục 1) và phiếu khảo sát HS (phụ lục 2)) tập trung vào 5 vấn đề:

1. Nhận thức của GV và HS về bản thân HS và thế giới nghề nghiệp.
2. Dự định của HS sau khi học xong THPT (kế hoạch nghề nghiệp).
3. Căn cứ để các HS chọn nghề.
4. GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí tại trường THPT.
5. Những thuận lợi và khó khăn của HS khi lựa chọn nghề và ý kiến của GV Địa lí về vấn đề tích hợp GDHN vào môn Địa lí ở nhà trường phổ thông hiện nay.

Kết quả khảo sát:

***** *Về Nhận thức của GV và HS về bản thân HS và thế giới nghề nghiệp*

Câu hỏi 1 của phiếu hỏi dành cho GV và cán bộ quản lý *(Phụ lục số 1)* và Câu hỏi 1 của phiếu hỏi dành cho HS *(Phụ lục số 2)*.

Khi trả lời cho câu hỏi "Sở thích và khả năng của bạn là gì?" thì có 78% các bạn HS chọn ý 2 là không biết sở thích và khả năng của mình. Chỉ có 22% các bạn chọn ý 1, nhưng khi viết câu trả lời của mình cho 1 ý về sở thích và khả năng thì gần nửa trong số đó (9%) ghi sở thích của mình là: "tiêu tiền", "ăn", "shopping",… và để trống ý 2 về khả năng =>Điều này chứng tỏ các bạn HS chưa nắm được sở thích và khả năng về nghề nghiệp của bản thân.

Bảng 1.5. Tổng hợp ý kiến GV và cán bộ quản lý đối với nhận thức của học sinh về bản thân và thế giới nghề nghiệp

Đơn vị: %

	Tốt	***Khá***	***Trung bình***	***Kém***
Bản thân	7	27	40	26
Thế giới nghề nghiệp	12	30	35	23

Quan sát bảng trên, NCS nhận thấy, GV và cán bộ quản lý cho rằng các em HS hiểu về bản thân và thế giới nghề nghiệp chưa cao (mức trung bình và kém chiếm hơn 50%). => Điều này thể hiện, cần tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông dưới mọi hình thức, để tăng sự hiểu biết của các bạn HS đối với bản thân và thế giới nghề nghiệp, góp phần có những sự lựa chọn đúng đắn cho các bạn sau này.

** Dự định của HS sau khi học xong THPT (kế hoạch nghề nghiệp)*

Hỏi về kế hoạch nghề nghiệp của HS được đề cập ở câu 2, câu 3 và câu 6 trong phiếu hỏi HS (phụ lục 2)

Bảng 1.6. Tổng hợp ý kiến HS về dự định sau khi học xong THPT

Đơn vị: %

Nội dung hỏi	***Phương án trả lời***
Học đại học, cao đẳng	77,4
Học trung học chuyên nghiệp	0,0
Học một nghề nào đó	13
Tham gia sản xuất ở địa phương	2
Không có dự định gì	7,6

Quan sát bảng số liệu, có thể thấy, tỉ lệ các HS chọn học đại học và cao đẳng sau khi rời trường THPT chiếm hơn 60%, điều này chùng với những nhận định của các đề tài chúng tôi đã tham khảo và những vấn đề đã được trình bày ở trên. Tuy nhiên, đối với khu vực miền núi (đại diện là trường THPT Thăng Long – Lâm hà – Lâm Đồng) thì tỉ lệ lựa chọn "Học một nghề nào đó", "Tham gia sản xuất ở địa phương", "Không có dự định gì" chiếm hơn 70%, số HS lựa chọn "Học đại học, cao đẳng" chỉ chiếm khoảng 30%. Quan sát bảng 1.6, nếu tỉ lệ HS dự định chọn con đường học đại học và cao đẳng khá cao, thì HS lại gần như không biết đến hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp. Vì vậy, cần tăng cường GDHN trong nhà trường phổ thông để giảm tình trạng tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ" hiện nay.

Qua tổng hợp câu hỏi số 3 (phụ lục 2), về lĩnh vực nghề mà các bạn HS sẽ chọn sau khi học xong THPT, thì thấy, có đến 77% các bạn HS chọn ý 2 là "*Đã dự định nhưng chưa cụ thể*", chỉ có 9% các bạn HS chọn ý 1 là "*Đã dự định"* nên số lượng các bạn tích vào ý tiếp theo khi được hỏi "*Nếu đã dự định thì lĩnh vực nghề bạn sẽ chọn sau khi học xong THPT là gì?"* chỉ chiếm có 30%.

Tổng kết câu 6 của phiếu hỏi HS (phụ lục 2), tỉ lệ HS chọn ý 4 "*Chưa tính gì, đến đâu hay đến đó*" cho câu hỏi: "*Trong trường hợp nếu không đỗ vào đại học và cao đẳng bạn sẽ làm gì*?" chiếm đến 60% => điều này cũng chứng tỏ, vẫn còn một số lượng khá lớn các bạn HS chưa nhận thức được hoặc chưa muốn nhận thức các kiến thức về GDHN, để có kế hoạch cho tương lai của bản thân.

** Căn cứ để các em chọn nghề*

Để khảo sát vấn đề này, phiếu hỏi HS (phụ lục 2) đã đề cập đến ở câu hỏi số 5 và câu hỏi số 4; phiếu hỏi GV (phụ lục 1) đã đề cập đến ở câu 2.

Bảng 1.7. Tổng hợp ý kiến HS về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành, nghề

Đơn vị: %

STT	Nội dung hỏi	Phương án trả lời		
		I	II	III
1	Sở thích và năng lực của bản thân	85	15	0
2	Theo định hướng của gia đình	62	15	23
3	Nhu cầu về nghề của địa phương	0	33	77
4	Các phương tiện thông tin, truyền thông	15	39	46
5	***Công tác GDHN của nhà trường***	***7***	***93***	***0***
6	Ảnh hưởng của bạn bè	7	70	23
7	Được tiếp xúc, trải nghiệm với nghề	85	15	0
8	Được tư vấn nghề	38	55	7
9	Dễ có việc làm	39	22	39
10	Yếu tố khác	0	22	78

(I** tương ứng với mức độ ảnh hưởng **nhiều; II** tương ứng với mức độ ảnh hưởng **ít; III** tương ứng với mức độ **không ảnh hưởng)

Quan sát bảng tổng hợp ở trên, có thể thấy, HS được khảo sát cho rằng việc lựa chọn nghề nghiệp của mình dựa trên yếu tố sở thích và năng lực của bản thân, nên tỉ lệ của yếu tố này khá cao, trên 80% số HS chọn mức độ ảnh hưởng nhiều; Tuy nhiên, trong phỏng vấn sâu thì các bạn khá lúng túng khi trả lời về sở thích và năng lực của bản thân,… điều này trùng với kết quả khảo sát ở câu 1 trong phiếu hỏi và kết quả tác giả đã khảo sát về GDHN ở tỉnh Quảng Nam (tháng 3 năm 2014 – PHỤ LỤC 13). => Vì vậy, cần GDHN tích cực và có hiệu quả cho HS THPT dưới nhiều hình thức để HS hiểu về chính bản thân mình mới có thể có được lựa chọn nghề đúng.

Ở yếu tố thứ 2, là "*Theo định hướng của gia đình*" cũng được các bạn HS cho rằng ảnh hưởng nhiều đến sự lựa chọn nghề của các bạn. Lý giải cho vấn đề này, khi chúng tôi phỏng vấn sâu thì một trong các lí do các bạn đưa ra là: Do phụ huynh không hiểu biết nên không dám định hướng con em mình. Và các bậc phụ huynh cùng các con em của mình đều rất muốn được tham gia các hoạt động hướng nghiệp để nâng cao hiểu biết của mình về lĩnh vực này. Nói cách khác, họ đều mong muốn nhà trường THPT, nơi con mình học tổ chức các hoạt động GDHN hoặc dạy tích hợp vào môn học, thường xuyên hơn.

Một yếu tố nữa cũng được các bạn HS đánh giá cao mức độ ảnh hưởng tới việc chọn nghề của các bạn là yếu tố "*Được tiếp xúc và trải nghiệm với nghề*". Hơn 80% HS lớp 12 tham gia khảo sát đã đánh giá nó ở mức độ ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn nghề. Nhưng các bạn cũng nói thêm rằng, việc này còn ít được tổ chức tại trường THPT, nơi các bạn học.

Quan sát bảng số liệu, tỉ lệ các bạn đánh giá sự ảnh hưởng yếu tố "*Nhu cầu nghề của địa phương*" khá thấp, dường như các bạn không quan tâm đến nó, nên xếp vào nhóm không ảnh hưởng gì; chiếm đến 77% HS cho rằng nó không ảnh hưởng đến việc chọn nghề của các bạn. Các bạn hầu như chỉ băn khoăn, lo lắng đến vấn đề việc làm sau khi học xong nên các bạn khá coi trọng yếu tố này (chiếm đến 40% HS cho rằng nó ảnh hưởng nhiều đến việc chọn nghề);

Đặc biệt, đối với yếu tố **"*Công tác Giáo dục hướng nghiệp của nhà trường*",** thì không có HS nào thấy nó là quan trọng đối với việc chọn nghề của bản thân (có đến 93% HS xếp nó vào mức ảnh hưởng ít). => Cần tổ chức GDHN trong trường dưới mọi hình thức. Khi các em được học hoặc tham gia các hoạt động liên quan đến GDHN thì các em mới thay đổi quan niệm và đánh giá cao nó, thấy nó cần thiết cho việc chọn nghề của bản thân, thấy mình có nhu cầu cần tham gia các hoạt động GDHN khác nhau.

Trả lời cho câu hỏi số 4 trong phiếu hỏi HS (phụ lục 2), có 70% HS chọn ý 1: "*Dễ xin việc làm của nghề đó sau khi học xong*", Ngược lại tỉ lệ các bạn chọn cho ý 2 và 3: "*Chương trình đào tạo của nghề, của trường mình chọn qua Internet", "Thông qua các môn học ở trường THPT*" là 29%. Chúng tôi nhận thấy, số lượng

HS chọn cho ý 4 rất thấp, chỉ có 1-2%, chứng tỏ các bạn còn rất ít được "*Đã được tham quan, trải nghiệm với nghề đó*".

Qua đây, càng khẳng định, việc GDHN cho HS là cần thiết và tích hợp GDHN trong môn học là một hình thức GDHN cần để góp phần tăng hiệu quả của GDHN; đồng thời, GDHN cũng cần tăng cường các hoạt động thực tế gắn với các cơ sở sản xuất nhiều hơn nữa, để giúp các bạn HS có các kiến thức thực tế.

Tổng hợp ý kiến GV và cán bộ quản lý về vấn đề này, NCS nhận thấy:

Bảng 1.8. Tổng hợp ý kiến GV về các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn ngành, nghề của HS

Đơn vị: %

STT	Nội dung hỏi	Phương án trả lời		
		Mức độ ảnh hưởng		
		Nhiều	Ít	Không
1	Sở thích và năng lực của bản thân	57	43	0
2	Theo định hướng của gia đình	72	28	0
3	Nhu cầu về nghề của địa phương	7	64	29
4	Các phương tiện thông tin, truyền thông	50	29	21
5	Công tác Giáo dục hướng nghiệp của nhà trường	79	14	7
6	Ảnh hưởng của bạn bè	48	38	14
7	Được tiếp xúc, trải nghiệm với nghề	0	50	50
8	Được tư vấn nghề	14	79	7
9	Dễ có việc làm	57	43	0
10	Yếu tố khác	0	21	79

Bảng số liệu cho thấy, các Thầy/Cô khá đề cao ảnh hưởng của gia đình, của bạn bè và của các phương tiện thông tin đại chúng đến việc lựa chọn nghề của HS. Yếu tố "Dễ có việc làm" cũng được khá đông các Thầy/Cô lựa chọn (57% lựa chọn phương án ảnh hưởng nhiều). Ở yếu tố: "*Công tác Giáo dục hướng nghiệp của nhà trường*", có đến 79% Thầy/Cô được hỏi cho rằng nó ở mức ảnh hưởng nhiều. Điều này, cũng thể hiện vai trò, sự cần thiết phải tăng cường GDHN trong nhà trường dưới mọi hình thức.

**** GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí tại trường THPT***

Để khảo sát vấn đề này, phiếu hỏi GV (phụ lục 1) đã đề cập đến ở câu 3, 4, 5, 6,7, 8, 9, 10 và phiếu hỏi HS (phụ lục 2) đã đề cập đến ở câu hỏi số 7, 8, 10.

Bảng 1.9. Tổng hợp ý kiến HS về những việc trường THPT, nơi HS học, đã làm để giúp HS hiểu và lựa chọn nghề

Đơn vị: %

STT	Nội dung hỏi	Phương án trả lời					
		Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả		
		I	II	III	A	B	C
1	***Hướng nghiệp qua các môn học***	***0***	***14***	***86***	***0***	***12***	***88***
2	Hướng nghiệp qua hoạt động GDHN	7	0	93	7	42	28
3	Tổ chức tham quan các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất.	0	0	100	0	0	100
4	Mời chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề	15	21	64	0	14	86
5	Mở các lớp dạy nghề	21	22	57	21	7	72
6	Tổ chức cuộc thi với các chủ đề về hướng nghiệp	0	50	50	7	50	43
7	Các hoạt động khác (ghi cụ thể)…	0	0	100	0	0	100

(Mức độ thực hiện: I** tương ứng với mức **thường xuyên, II** tương ứng với mức độ **thỉnh thoảng, III** tương ứng với mức độ **hiếm khi; Mức độ hiệu quả: A** tương ứng với mức độ **cao; B** tương ứng với mức độ **trung bình; C** tương ứng với mức độ **thấp)

Bảng 1.10. Tổng hợp ý kiến GV và cán bộ quản lý , về những việc trường THPT, nơi Thầy/Cô công tác, đã làm để giúp HS hiểu và lựa chọn nghề

Đơn vị: %

STT	***Nội dung hỏi***	***Phương án trả lời***					
		Mức độ thực hiện			***Mức độ hiệu quả***		
		I	***II***	***III***	***A***	***B***	***C***
1	***Hướng nghiệp qua các môn học***	***7***	***72***	***21***	***0***	***72***	***29***
2	Hướng nghiệp qua hoạt động GDHN	71	29	0	14	64	22
3	Tổ chức tham quan các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất.	0	0	100	0	0	100
4	Mời chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề	0	50	50	7	47	46
5	Mở các lớp dạy nghề	22	7	71	0	14	86
6	Tổ chức cuộc thi với các chủ đề về hướng nghiệp	0	64	36	0	51	49
7	Các hoạt động khác (ghi cụ thể)……	0	35	65	0	55	50

(Mức độ thực hiện: I** tương ứng với mức **thường xuyên, II** tương ứng với mức độ **thỉnh thoảng, III** tương ứng với mức độ **hiếm khi; Mức độ hiệu quả: A** tương ứng với mức độ **cao; B** tương ứng với mức độ **trung bình; C** tương ứng với mức độ **thấp)

Quan sát 2 bảng tổng hợp kết quả khảo sát ở trên (Bảng 1.9, Bảng 1.10), chúng tôi nhận thấy, việc "*Tổ chức tham quan các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất"* rất ít trường đã tiến hành nên mức độ thực hiện I và II đều có 0% số người lựa chọn và mức độ hiệu quả A và B cũng vậy; Các hoạt động "*Mời chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề", "Tổ chức cuộc thi với các chủ đề về hướng nghiệp*"… tình hình cũng gần như vậy, dường như các trường đều rất ít tổ chức các vấn đề này; Tuy nhiên, yếu tố "***Hướng nghiệp qua các môn học***", khảo sát HS thì hầu hết các bạn đều cho rằng mức độ thực hiện ít và mức độ hiệu quả thấp; Các Thầy/Cô thì cho rằng có tích hợp GDHN trong môn học, và có 72% các Thấy/Cô chọn ở mức II, nghĩa là thỉnh thoảng có dạy tích hợp và cũng có 72% đánh giá hiệu quả mức trung bình.

Và 95% Thầy/Cô chọn ý 1 cho câu hỏi số 3 (phụ lục 1) => Các trường THPT, nơi đề tài khảo sát khá coi trọng vấn đề GDHN cho HS.

Tổng hợp phiếu hỏi GV và cán bộ quản lý cho câu hỏi số 5: "***Trường học nơi Thầy/Cô công tác, GDHN đã được tích hợp vào môn Địa lí chưa?"*** (phụ lục 1), thì 35% chọn ý trả lời là 1: "Đã học". Khi phỏng vấn sâu về vấn đề này, thì NCS thấy các Thầy/Cô chọn ý "đã học" vì đều cho rằng bản thân nội dung các môn học như Địa lí, Giáo dục công dân, Sinh học… đã chứa các kiến thức của GDHN, qua bài học sẽ giúp HS nắm được kiến thức về GDHN, nhưng nhiều Thầy/Cô không chốt kiến thức về mảng này nên HS có học mà chưa thực sự nhận thức được vấn đề và hiệu quả GDHN chưa cao. Vì vậy, HS khi trả lời cho câu hỏi này (câu 8 - phụ lục 2), "***Tại trường phổ thông, nơi bạn học, GDHN đã được tích hợp vào môn Địa lí 12 chưa"*** hầu hết HS đã chọn ý 2 là "***Chưa"***.

**** Những thuận lợi và khó khăn của HS khi lựa chọn nghề và ý kiến của GV Địa lí về vấn đề tích hợp GDHN vào môn Địa lí ở nhà trường phổ thông hiện nay***

Tổng hợp ý kiến trong phiếu hỏi của GV và cán bộ quản lý (phụ lục 1), chúng tôi thấy: có đến 95% Thầy/Cô bỏ qua câu 6: "***HS có hứng thú khi học tích***

***hợp GDHN trong môn Địa lí không**?"*. Phỏng vấn sâu cho vấn đề này, thì đa số GV dạy Địa lí đều cho rằng, các Thầy/Cô chưa chú ý đến dạy tích hợp GDHN cho HS, dù trong kiến thức Địa lí có chứa nhiều kiến thức của GDHN hoặc có thể liên hệ gần, nhưng GV dạy Địa lí mới chỉ chú ý chốt mảng kiến thức, kĩ năng… của môn Địa lí;

Các Thầy/Cô khi trả lời cho câu hỏi tiếp theo trong phiếu hỏi, câu số 7: "*Trong 2 năm trở lại đây, trường Thầy/Cô đã đầu tư những cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ nào phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp?"* thì gần 100% các Thầy/Cô trả lời là: "Không mua sắm thêm…".

Ở câu hỏi số 8 (phụ lục 1), thì gần 100% các Thầy/Cô chọn phương án "Có" cho câu hỏi "*Hàng năm, trường học nơi Thầy/Cô công tác có tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về giáo dục hướng nghiệp và tích hợp giáo dục hướng nghiệp qua môn học không?"*. Điều này khẳng định GDHN đã được nhà trường và các cấp quan tâm và triển khai hàng năm, nhưng việc triển khai ở trường học chưa được chú trọng và đạt hiệu quả chưa cao.

Tổng hợp các ý kiến trả lời cho câu hỏi số 9 trong phiếu hỏi GV và cán bộ quản lý (phụ lục 1), khi liệt kê một số khó khăn trong việc tích hợp GDHN vào môn học cho HS là gì? thì các Thầy/Cô tập trung nhiều vào các khó khăn sau: *Thiếu tài liệu; HS chưa nhận thức được ý nghĩa của GDHN nên không thiết tha học kiến thức về hướng nghiệp; Trang thiết bị chưa đầy đủ; Số tiết dành cho GDHN còn quá ít, việc tích hợp vào môn học sợ ảnh hưởng đến thời gian và hiệu quả môn học chính; Ít tập huấn; Chưa có kinh phí và thời gian dành cho việc tham quan các cơ sở sản xuất hay mời các Nghệ nhân,…* Điều này chứng tỏ, dù vai trò của GDHN là cần thiết cho HS, nhưng nhận thức của HS, GV và phụ huynh HS chưa đánh giá cao GDHN và chưa dành nhiều sự quan tâm, tìm hiểu nó => Việc tích hợp GDHN trong môn học còn ít được triển khai tại các trường THPT.

Tổng hợp các ý kiến trả lời cho câu hỏi số 10 trong phiếu hỏi GV và cán bộ quản lý (phụ lục 1), các ý kiến đóng góp để giáo dục hướng nghiệp nói chung và tích hợp GDHN vào môn học đạt hiệu quả cao, thì hầu hết các Thầy/Cô đều tập

trung vào ý kiến cho rằng: *Cần có những chỉ đạo sát sao, cụ thể hơn về GDHN của các cấp; Đầu tư kinh phí nhiều hơn nữa; Tổ chức HS đi tham quan, trải nghiệm thực tế về nghề; Cung cấp thông tin về nghề và cách thức để GV bộ môn tích hợp GDHN trong môn học; tổ chức tập huấn cho GV về GDHN và tích hợp GDHN trong môn học*;….

Như vậy, các nhận định và ý kiến tổng hợp trong phiếu hỏi GV và cán bộ quản lý (phụ lục 1) về thực trạng GDHN ở trường THPT và việc tích hợp nó trong các môn văn hóa, đặc biệt là tích hợp trong môn Địa lí khá trùng với những ý kiến nhận định tác giả tìm hiểu, đề cập trong đề tài, đó là việc GDHN và dạy tích hợp GDHN qua môn học, đặc biệt là tích hợp GDHN qua môn Địa lí lớp 12 ở trường THPT còn ít được quan tâm, tích hợp GDHN ít được đưa vào nội dung giảng dạy các tiết học văn hóa trên lớp; dù trong nội dung của môn học, đặc biệt là môn Địa lí có chứa khá nhiều kiến thức nội dung GDHN; sau khi học xong bài Địa lí, GV bộ môn ít chốt kiến thức cho phần kiến thức, kĩ năng của mảng kiến thức hướng nghiệp nên hiệu quả GDHN không cao; mặt khác chính HS và phụ huynh HS cũng chưa nhận thức hết được tầm quan trọng của GDHN nên còn lơ là trong việc tìm hiểu mảng kiến thức này.

Tiểu kết chương 1

1.1. Sự nghiệp CNH-HĐH ở nước ta hiện nay đã, đang đặt ra hàng loạt yêu cầu đối với giáo dục phổ thông. Trong đó, đặc biệt quan trọng là đào tạo nguồn nhân lực cho các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân, đáp ứng nhu cầu đa dạng của hệ thống ngành nghề trong xã hội. Nhà trường phổ thông có nhiệm vụ cung cấp kiến thức và giúp các em HS có lựa chọn đúng khi đi vào các ngành nghề trong xã hội thông qua hệ thống giáo dục sau trung học. Hiện nay, cơ cấu nguồn nhân lực của chúng ta khá bất hợp lý, chất lượng thấp, trình độ thực hành thường không đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động. Sự thiếu hụt lao động kĩ thuật có năng lực phù hợp với công việc đang là mối quan tâm không chỉ của các nhà sử dụng lao động, mà là của toàn xã hội. Những bất cập này có liên quan chặt chẽ đến hoạt động GDHN cho thanh thiếu niên nói chung, cho HS trong các trường phổ thông nói riêng. Để giải quyết tình trạng này, GDHN cần được tổ chức như thế nào để đạt được mục tiêu đề ra; Cần có các giải pháp khả thi khi áp dụng trong thực tế. Do đó, đề tài "*Tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT*" là đề tài cần thiết để góp phần nâng cao hiệu quả GDHN ở trường phổ thông.

1.2. Đề tài đã nghiên cứu được khung lí luận cơ bản của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT: Các khái niệm cơ bản về Hướng nghiệp, GDHN, Tích hợp,…; Mục tiêu, nội dung của môn Địa lí và của GDHN; Đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của HS lớp 12 đối với GDHN... làm cơ sở cho chương 2 và chương 3 của đề tài.

1.3. Đề tài cũng đã nghiên cứu, tổng hợp các tài liệu và tiến hành khảo sát về thực trạng GDHN và tích hợp GDHN trong môn học, tích hợp GDHN trong môn Địa lí ở trường THPT. Qua khảo sát và tổng hợp tài liệu, có thể thấy việc GDHN và tích hợp GDHN ở trường THPT đạt kết quả chưa cao, rất cần có những nghiên cứu sâu, có khả năng vận dụng trong thực tế cao về vấn đề này, để giúp HS có những lựa chọn nghề phù hợp với sở thích, khả năng và phù hợp với gia đình và xã hội.

Chương 2. QUY TRÌNH VÀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 12 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

2.1. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT

2.1.1. Nguyên tắc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12

Chương 1 đã đề cập, việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT là việc làm cần thiết để nâng cao hiệu quả GDHN cho HS phổ thông. Nhưng để việc tích hợp không biến giờ học Địa lí thành giờ học GDHN, đảm bảo đúng mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ, nhưng vẫn góp phần nâng cao hiệu quả GDHN cho HS THPT, thì khi tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

2.1.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu

Trước hết, cần đảm bảo mục tiêu của môn Địa lí (đã trình bày ở trên) và mục tiêu (mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể) của GDHN. Mục tiêu chung là điểm xuất phát, định hướng, chi phối sự vận động của toàn bộ quá trình GDHN; Là cơ sở để xác định các mục tiêu cụ thể, các nhiệm vụ cụ thể, các nguồn lực và các biện pháp tiến hành GDHN. Sau khi đảm bảo mục tiêu chung, cần tiếp tục đảm bảo các mục tiêu GDHN cụ thể cho từng hình thức, hoạt động GDHN để có căn cứ xác định nhiệm vụ cụ thể, biện pháp thực hiện và phân bổ nguồn lực.

Đảm bảo tính mục tiêu của môn Địa lí (về kiến thức, về kĩ năng, về thái độ đã được trình bày ở chương 1) và không làm thay đổi đặc trưng của môn học, không biến bài học Địa lí thành bài học GDHN; Các kiến thức GDHN khai thác được tiềm ẩn trong nội dung bài học, có quan hệ logic chặt chẽ với các kiến thức có sẵn trong bài học.

2.1.1.2. Đảm bảo tính hệ thống

Chúng ta có thể thấy, mỗi cá nhân không tồn tại một cách độc lập, mà luôn tồn tại trong một hệ thống thống nhất; và khi một thành phần (trong hệ thống) thay đổi sẽ kéo theo các thành phần khác thay đổi theo và ngược lại. Trong tích hợp GDHN qua môn Địa lí lớp 12 cũng vậy, việc hiểu, biết để có lựa chọn hướng học,

chọn nghề của HS không chỉ phụ thuộc vào chính HS, mà chịu sự ảnh hưởng/tác động qua lại mạnh mẽ của các yếu tố khách quan như gia đình, ý kiến của bạn bè, trào lưu của xã hội, giới tính, phong tục tập quán ở địa phương,… Vì vậy, khi tổ chức tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT, GV Địa lí cần biết những tác động/ảnh hưởng đang xảy ra, nhất là những tác động ảnh hưởng trực tiếp đến việc chọn nghề của học sinh cũng như những hệ quả mà những tác động ấy mang lại. Từ đó, đưa ra cách thức tích hợp hợp lí giúp HS nhận thức được ý nghĩa của GDHN; tích cực tham gia để việc tìm hiểu bản thân, tìm hiểu nghề đạt hiệu quả hơn - tăng hiệu quả và hứng thú của HS.

Tính hệ thống còn thể hiện ở chỗ: chương I đã đề cập, GDHN nhằm giải quyết các bước, các năng lực: 1.Tìm hiểu bản thân; 2.Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp; và 3.lập kế hoạch nghề nghiệp - các bước này có quan hệ với nhau trong một thể thống nhất; Các bước 1, 2, 3 có ảnh hưởng, tác động qua lại chặt chẽ với nhau. Kết quả thực hiện bước trước là cơ sở để thực hiện bước sau. Ngược lại, kết quả thực hiện bước sau có thể giúp HS nhìn nhận, đánh giá lại kết quả thực hiện bước đã thực hiện trước đó để có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp. Ví dụ, sau khi lập kế hoạch nghề nghiệp (bước 3), học sinh có thể nhận ra mình chưa hiểu rõ về thị trường tuyển dụng lao động (bước 2) hoặc nhận ra mình chưa hiểu rõ về bản thân (bước 1). Trong trường hợp này, học sinh có thể quay trở lại thực hiện bước 2 hoặc bước 1 trước khi hoàn tất bước 3. Vì vậy, GDHN là một quá trình lâu dài và nên thực hiện từ khi các em còn nhỏ. Đến lớp 12, một lần nữa GV giúp các em rà soát lại, tìm hiểu thêm, bổ sung 3 bước ở trên và hoàn thành kế hoạch nghề nghiệp của mình.

Mặt khác, trong việc đảm bảo tính hệ thống, việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT, khi khai thác nội dung GDHN trong bài dạy phải có tính thống nhất, không tràn lan, trùng lặp. Nói cách khác, việc khai thác các kiến thức GDHN phải có tính hệ thống, được sắp xếp hợp lí, logic,… làm cho kiến thức môn học thêm phong phú, sát với thực tiễn, nhưng vẫn phù hợp với trình độ của học sinh, không gây quá tải, ảnh hưởng đến hứng thú học tập của HS. (Lý thuyết hệ thống đã trình bày ở chương 1 của đề tài).

2.1.1.3. Đảm bảo tính thực tiễn

Phát huy tính tích cực, khả năng vận dụng kiến thức thực tiễn, khai thác các kiến thức, kĩ năng có sẵn của HS. Nói cách khác, việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT tận dụng tối đa mọi khả năng để HS được tiệm cận với GDHN; HS hiểu về bản thân, thấy được thế giới nghề nghiệp xung quanh HS một cách cụ thể, nhưng không xa lạ với HS, với môn học. Việc đảm bảo tính thực tiễn có thể thông qua các hoạt động ngoại khóa của bộ môn. Qua tham gia hoạt động ngoại khóa, HS có cơ hội để khám phá khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp của bản thân. Trong trường THPT, tùy điều kiện và khả năng, có thể tổ chức theo lớp, theo tổ ngoại khóa trong môn Địa lí như tìm hiểu về các đài thiên văn, cách đo và quan trắc khí tượng, về sự phát triển của một ngành kinh tế cụ thể ở địa phương thuộc nhóm ngành công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải,… thậm chí có thể để những HS có xu hướng và năng khiếu trong từng lĩnh vực kể trên được tham gia hoạt động trong ngành. Việc tổ chức cho HS tham quan các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề,… nhằm tạo điều kiện cho HS được tận mắt quan sát cơ chế vận hành máy móc trong sản xuất, các hoạt động của người lao động và các sản phẩm của quá trình lao động. Nhờ đó, HS hiểu rõ hơn đối tượng lao động, yêu cầu lao động của ngành nghề mà HS mới chỉ biết qua sách vở, đồng thời khơi dậy trong các em hứng thú đối với nghề nghiệp, nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu của môn Địa lí lớp 12 THPT.

2.1.2. Yêu cầu đối với việc tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12

Việc tích hợp các kiến thức GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT phải đảm bảo các yêu cầu:

2.1.2.1. Phải phù hợp với cơ sở khoa học của Tâm lí học, Giáo dục học.

- Quan hệ của phương pháp dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí và cơ sở Tâm lí học, đặc biệt là tâm lí lứa tuổi rất chặt chẽ. GV khi dạy học Địa lí nói chung và dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 ở trường THPT cần có kiến thức về tâm lý người học nói chung và tâm lý học sinh lớp 12 nói riêng thì mới đảm bảo giảng dạy tốt và đảm bảo mục đích yêu cầu đặt ra. Việc tích hợp GDHN

trong dạy học Địa lí 12 THPT cần vận dụng sự hiểu biết về tâm lí lứa tuổi, nắm được các quy luật tiếp thu tri thức, hình thành kĩ năng,…của HS lớp 12 THPT. Nắm được những yếu tố này, người giáo viên sẽ biết cần dẫn dắt HS như thế nào, quá trình học được thiết lập từ những yếu tố nào, các khái niệm, các nội dung được tiếp cận theo lứa tuổi như thế nào,… để đạt hiệu quả cao nhất cho việc giảng dạy của GV và học tập của HS. Nói cách khác, khi GV nắm vững cơ sở khoa học của Tâm lí học, đặc biệt là tâm lí học lứa tuổi, sẽ giúp cho người giáo viên Địa lí có phương pháp tích hợp, nội dung tích hợp một cách phù hợp, đảm bảo tính vừa sức của tài liệu, nội dung, phương pháp,… góp phần tăng hiệu quả tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT.

- Giáo dục học nói chung, lí luận dạy học đại cương nói riêng cung cấp cho phương pháp dạy học Địa lí nói chung, phương pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 ở trường THPT nói riêng những hiểu biết về các quy luật chung, chuẩn bị cho các em đi vào cuộc sống lao động trong xã hội. Việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT dựa trên và tạo ra bởi cơ sở của hệ thống lí luận giáo dục. Nó sử dụng các khái niệm, các thuật ngữ của Giáo dục học. Nó thực hiện hóa mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục do Giáo dục học đề ra - phát triển trí tuệ, hình thành thế giới quan khoa học, phát triển tư duy sáng tạo, giáo dục tư tưởng đạo đức, phát triển óc thẩm mĩ, giáo dục tổng hợp, giáo dục lao động. Trong tích hợp GDHN vào môn Địa lí 12 THPT cần bám sát các nguyên tắc cơ bản của lí luận dạy học: nguyên tắc giáo dục và phát triển của dạy học, nguyên tắc vừa sức, nguyên tắc khoa học, nguyên tắc hệ thống, nguyên tắc gắn liền lí thuyết với thực hành, nguyên tắc trực quan, nguyên tắc tiếp cận cá thể và phân hóa trong dạy học,… và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đều phải đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc này.

2.1.2.2. Phải có tính thực tiễn

Nguyên lí giáo dục cơ bản của Đảng, của Nhà nước và của Chính phủ là: Lí thuyết gắn liền với thực tế. Do vậy việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT phải xuất phát từ thực tiễn, giải quyết được các vấn đề thực tiễn của HS; và quan trọng hơn nữa các vấn đề này cần được áp dụng một cách khả thi ở trường phổ

thông - hay nói cách khác là nó phải phục vụ cho thực tiễn. Vì vậy, Đề tài cần kết hợp hài hòa giữa lí luận chung với kinh nghiệm của thế giới và thực tiễn của đất nước, của địa phương. Các vấn đề đề tài đề tập, nghiên cứu cần gần gũi với thực tế và dễ dàng triển khai tại các trường THPT trên toàn quốc để giúp học sinh có những quyết định đúng đắn sau khi rời ghế nhà trường phổ thông. Kiểm chứng cho tính thực tiễn này, chuyên đề 3, sau khi thực nghiệm và khảo sát, tổng kết, nhận xét đã có đánh giá cho việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT phù hợp với sức học của HS; không làm bài học trên lớp bị quá tải; HS có hứng thú học tập,… và hơn hết, sau khi tham gia học thực nghiệm thì HS lớp thực nghiệm có các kiến thức về GDHN nghiệp cao hơn lúc đầu và cao hơn lớp đối chứng,… Chứng tỏ đề tài đã đạt được yêu cầu đặt ra là vận dụng được trong thực tế ở trường THPT.

2.1.2.3. Phải phù hợp với cơ sở pháp lí hiện hành

Đường lối, quan điểm chỉ đạo giáo dục của Đảng, của nhà nước và của Chính phủ là những định hướng quan trọng để thực hiện việc GDHN. Và trong quyết định số 126/CP của Hội đồng Chính phủ đã ban hành ngày 19 tháng 3 năm 1981, đã khẳng định mục tiêu của GDHN là giúp học sinh định hướng, chọn nghề phù hợp với hứng thú, nguyện vọng, năng lực và hoàn cảnh của bản thân và đáp ứng được sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội. Từ Đại hội Đảng lần thứ VIII (1996) đến Đại hội lần thứ XI (2011), Đảng ta luôn nhấn mạnh đến việc tăng cường GDHN cho học sinh, như trong văn kiện Đại hội IX: "*Thực hiện phương châm học đi đôi với hành,..., coi trọng công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh trung học, chuẩn bị cho thanh niên đi vào lao động nghề nghiệp phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương...*"[32]. Luật Giáo dục nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam cũng khẳng định: "*Giáo dục trung học phổ thông nhằm giúp học sinh củng cố và phát triển những kết quả của trung học cơ sở, hoàn thiện học vấn phổ thông và những hiểu biết thông thường về kĩ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động*"[59]. Ngày 17/8/1981, Bộ GD&ĐT ra thông tư 31/TT hướng dẫn thực hiện quyết định 126/CP. Mục 2 Thông tư đã quy định các hình thức GDHN trong nhà trường phổ thông: Hướng nghiệp qua các môn học; Hướng nghiệp

qua hoạt động lao động sản xuất; Hướng nghiệp qua việc giới thiệu các ngành nghề; Hướng nghiệp qua các hoạt động ngoại khóa. Như vậy, GDHN qua môn học là một trong 4 hình thức GDHN trong trường phổ thông. Vì Vậy, đề tài nghiên cứu tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT theo định hướng phát triển năng lực luôn bám sát theo chỉ đạo của Đảng, của Nhà nước và của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với cơ sở pháp lí hiện hành.

2.1.2.4. Tích hợp Giáo dục hướng nghiệp phải có hiệu quả

Tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT cần đảm bảo góp phần nâng cao hiệu quả GDHN nói chung, hiệu quả tích hợp GDHN qua môn học nói riêng, và đảm bảo mục tiêu môn học Địa lí 12 THPT. Cụ thể, học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, sẽ góp phần giúp HS hiểu được về bản thân mình (sở thích, khả năng,…), hiểu về thế giới nghề nghiệp (ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề; Một số kiến thức cơ bản về các nghề; Một số thông tin cơ bản về định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đất nước và khu vực; thị trường lao động, hệ thống giáo dục nghề (Trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề), CĐ và ĐH ở địa phương và cả nước; Biết cách tìm kiếm thông tin nghề và cơ sở đào tạo cần thiết cho bản thân;…) Và biết cách tự đánh giá năng lực bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội để định hướng học tập và chọn nghề tương lai (xây dựng kế hoạch nghề nghiệp phù hợp); Mặt khác, khi học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, không chỉ góp phần từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả của GDHN; Mà còn giúp HS hiểu và tự giác, hứng thú tham gia vào các hình thức hướng nghiệp khác (HS tham gia các chương trình tư vấn nghề nghiệp; các hoạt động GDHN của nhà trường và cộng đồng; Tìm kiếm thông tin về nghề trên mạng; HS biết lập kế hoạch cho hoạt động GDHN, kế hoạch nghề nghiệp của bản thân,...);...

2.2. Xác định nội dung tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông

Chương trình Địa lí lớp 12 THPT hiện hành thì hầu hết các bài đều có thể khai thác giảng dạy nội dung của GDHN, cụ thể:

Bài mở đầu: Giúp HS biết được công cuộc Đổi mới ở nước ta là một cuộc cải cách toàn diện về kinh tế - xã hội; một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc

Đổi mới; biết bối cảnh và công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta. Với quá trình tìm hiểu về con đường phát triển kinh tế - xã hội của nước mình trong thời gian qua, xu thế hội nhập cùng hàng loạt những thử thách gay gắt sẽ giúp cho HS có ý thức trách nhiệm trong việc làm cho đất nước giàu mạnh - đây cũng là nhiệm vụ của các em, những chủ nhân tương lai của đất nước. Như vậy, qua bài học này, dù GV Địa lí chỉ giảng dạy kiến thức Địa lí thông thường thì HS cũng có được rất nhiều kiến thức của GDHN. Vì vậy, nếu người GV khéo léo dẫn dắt và chốt kiến thức Địa lí, đồng thời liên hệ với kiến thức Hướng nghiệp thì HS sẽ thấy được bức tranh tổng thể về thế giới nghề nghiệp, thấy được sự phát triển kinh tế chung của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Qua đó HS cũng có thêm nhiều kiến thức cho giai đoạn Định hướng nghề nghiệp của mình.

Phần I: Địa lí tự nhiên: HS biết được vị trí, phạm vi, giới hạn lãnh thổ Việt Nam, phân tích được ảnh hưởng của nó đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; hiểu được đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam, qua đó sẽ thấy được những tác động tích cực, tác động tiêu cực đối với kinh tế - xã hội, có những nhận định đúng, ý thức đúng trong việc bảo vệ tự nhiên, phát triển kinh tế. HS sẽ có ý thức đúng trong việc sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên của đất nước, biết các chiến lược, chính sách và tài nguyên và môi trường của Việt Nam, đó cũng là điều kiện lao động của nghề mà các em lựa chọn, của vùng các em sinh sống. Đối với các bài của phần Địa lí tự nhiên này, GV Địa lí khi dạy tích hợp GDHN có thể khai thác rất nhiều các kiến thức về nghề nghiệp cho các em; để các em hiểu được điều kiện phát triển các nghề; từ đó biết và hiểu được các ngành kinh tế nào thuận lợi để phát triển; đồng thời cũng biết được tình cảm, sở thích của mình đối với tự nhiên, đối các lĩnh vực kinh tế thuận lợi hay không thuận lợi để phát triển;… hiểu được gốc rễ sự phát triển của từng ngành qua các điều kiện để ngành phát triển,… và đây cũng là giai đoạn giúp các em Định hướng nghề, tìm hiểu bản thân.

Phần II: Địa lí dân cư: Qua phần này, HS có thêm rất nhiều kiến thức về GDHN vì các em sẽ được tìm hiểu các đặc điểm dân số, nguồn lao động, việc sử dụng lao động của nước ta. Các em cũng được phân tích vấn đề việc làm hiện nay và hướng giải quyết. Vì vậy, qua phần này, GV Địa lí sẽ giúp các em nhận thức

đúng đắn về vấn đề nguồn lao động và nhu cầu việc làm của đất nước, của địa phương. Sự hiểu biết về thực trạng nhu cầu nghề hiện nay sẽ là cơ sở cho ý thức lựa chọn nghề của các em sau này.

Phần III: Địa lí kinh tế: Phần này gồm Địa lí các ngành kinh tế và Địa lí các vùng kinh tế.

+ Địa lí các ngành kinh tế: HS biết được đặc điểm thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước; đặc điểm từng ngành kinh tế: Nông nghiệp, Công nghiệp, Dịch vụ. Khi truyền tải cho HS những hiểu biết này, người giáo viên đã là những người GDHN khi cho HS thấy trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay chúng ta đang cần đội ngũ lao động trong các ngành nghề ở mức độ nào, các em cũng hiểu được xu thế phát triển nghề với các yếu tố đặt ra cho người lao động. Sau khi làm quen với một số ngành chủ đạo của nền kinh tế quốc dân, các em sẽ có những định hướng nghề nghiệp đúng đắn hơn.

+ Địa lí các vùng kinh tế: Qua phần này, HS hiểu được các thế mạnh và các hạn chế của điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất – kĩ thuật của từng vùng kinh tế ở Việt Nam; các chính sách và hướng phát triển của vùng cũng được nói đến rất cụ thể. Để phát triển kinh tế cần phát huy các thế mạnh; khắc phục các hạn chế và vấn đề cần đặt ra cho từng vùng. Các giải pháp cho khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, giải pháp cho phát triển trong tương lai của từng vùng sẽ giúp các em nhận thức sâu sắc hơn về điều kiện phát triển, xu thế phát triển của vùng mà địa phương các em trực thuộc. Qua đó, các em cũng thấy được vai trò, giá trị của lao động trong mọi ngành nghề và xác định được nhiệm vụ và vinh dự khi làm nghề mà mình lựa chọn. Đây cũng là cơ sở quan trọng trong quá trình định hướng phát triển nghề và thái độ của các em với nghề.

Phần IV: Địa lí địa phương: Đây là phần quan trọng để GDHN cho các em vì phần này đề cập sau đến những kiến thức về tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương nơi các em sinh sống. Phần này sẽ giúp các em có cái nhìn và khả năng đánh giá toàn diện, đúng đắn về hiện trạng kinh tế, cũng như nhu cầu lao động của địa phương. Đặc biệt, một phần yêu cầu của bài là chính các em phải viết báo cáo

theo chủ đề. Như vậy, nếu giáo viên biết cách khai thác theo hướng GDHN, có thể giúp các em gắn với mục tiêu, đường lối kinh tế của Đảng và Nhà nước, thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình, thì không chỉ giúp các em có định hướng nghề phù hợp với năng lực, nguyện vọng mà còn giúp các em biết điều chỉnh tự giác nguyện vọng theo yêu cầu của xã hội, nhiệt huyết với công việc để có năng suất lao động tốt nhất.

Chương trình Địa lí lớp 12, với thời lượng là 52 tiết: 35 tiết là bài lý thuyết, 7 tiết là bài thực hành. Có thể thấy, nội dung GDHN theo các mức độ khác nhau đều có thể xuất hiện:

Mức độ toàn phần: *Ví dụ bài 17: Lao động và việc làm*. Mục tiêu và nội dung của bài học trong sách giáo khoa phù hợp hoàn toàn với mục tiêu và nội dung của GDHN.

Mức độ bộ phận: *ví dụ bài 20: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.* Phần I: Cơ cấu kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa,... Qua phần I, HS thấy được việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ và theo các thành phần kinh tế đang ngày càng tạo ra nhiều công việc làm khác nhau cho người lao động.

Mức độ liên hệ: *Ví dụ bài 1: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập*. Bài có điều kiện liên hệ một cách logic với các kiến thức, các vấn đề của GDHN. Qua bài, HS ý thức được rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi công dân trong việc xây dựng đất nước giàu mạnh, các em cần nỗ lực học tập để có trình độ đáp ứng những tiêu chuẩn chung của lao động quốc tế.

=> Như vậy, khi GV và HS hoàn thành chương trình Địa lí lớp 12, bên cạnh việc đảm bảo nội dung, mục tiêu của môn Địa lí lớp 12 THPT, thì GV và HS đã hoàn thành một phần kiến thức của GDHN:

- Giúp cho học sinh đánh giá đúng đắn tiềm lực và đặc điểm phát triển KT - XH của địa phương và của đất nước, thấy được mối quan hệ của chúng tới yêu cầu phân công lao động xã hội như thế nào là hợp lí nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng kinh tế phục vụ cho quá trình xây dựng, cải tạo và phát triển đất nước.

- Từ việc cung cấp cho học sinh kiến thức vững chắc về môi trường địa lí và hoàn cảnh KT - XH của cả nước, của địa phương - giúp cho học sinh nhận thức rõ yêu cầu nghề nghiệp của xã hội trong thời kì phát triển mới của đất nước trong thời kì CNH - HĐH.

- Thông qua bồi dưỡng cho học sinh nhận thực về lao động sản xuất và tư duy kinh tế giúp cho học sinh có khả năng tự đánh giá năng lực nghề nghiệp bản thân phù hợp ở mức độ nào trong xu thế phát triển hiện tại của xã hội. Từ đó hình thành cho các em có thái độ đánh giá đúng tầm quan trọng của nghề nghiệp, năng lực nghề nghiệp của bản thân và hành vi đúng đắn trước sự lựa chọn nghề cho bản thân.

- Nếu khéo léo dẫn dắt, thì GV Địa lí có thể lồng vào đó các kiến thức về nghề (đặc biệt khi dạy phần Địa lí kinh tế ngành và vùng), về các cơ sở đào tạo các nghề đó và cho HS tìm hiểu về các trường đại học, cao đẳng, trung cấp nghề (tích hợp GDHN trong môn Địa lí ở mức độ liên hệ).

* Tích hợp GDHN qua môn Địa lí lớp 12 THPT là nhằm vào cả nhận thức, thái độ và hành vi phục vụ mục đích hướng nghiệp trong tương lai cho mỗi học sinh và góp phần giúp HS có được các năng lực: năng lực "nhận thức bản thân"; năng lực "nhận thức nghề nghiệp" và góp phần hoàn thiện năng lực "xây dựng kế hoạch nghề nghiệp".

Tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT cần đảm bảo nội dung của quy trình GDHN nói chung (sơ đồ 2.1): Quy trình gồm 3 bước

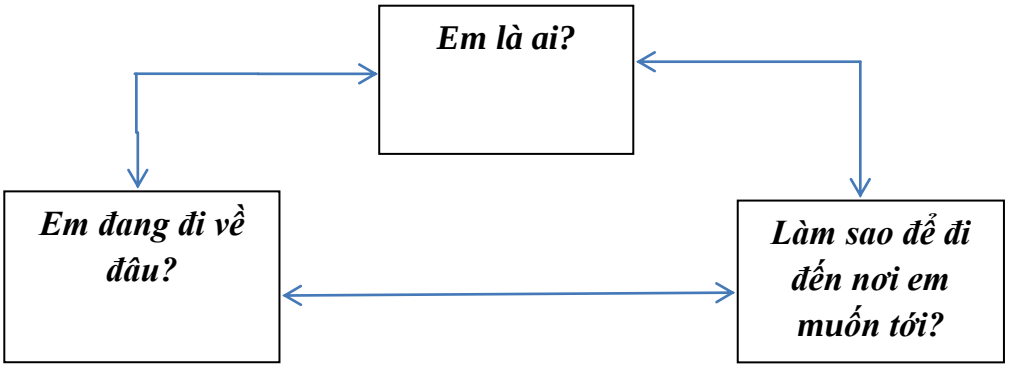

Sơ đồ 2.1. Các bước trong quy trình giáo dục hướng nghiệp

(Nguồn:Tài liệu Đổi mới GDHN trong trường trung học – VVOB [76])

Có thể thấy, quy trình 3 bước này khá tương đồng với 9 năng lực cần đạt của HS về: Tìm hiểu bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và xây dựng kế hoạch nghề nghiệp đã đề cập ở chương I; và cũng trùng với 2 khâu (Định hướng nghề và tư vấn nghề) trong GDHN của tác giả Đặng Danh Ánh.

Cụ thể:

Bước 1: Giúp cho HS trả lời câu hỏi: "*Em là ai?":* Hướng dẫn HS khám phá bản thân bằng nhiều cách khác nhau;… Bước này, khi các em học đến lớp 12, chủ yếu chỉ là giúp các em một lần nữa khẳng định các năng lực, sở thích,… của mình để có những quyết định nghề nghiệp đúng đắn,… (***Tìm hiểu bản thân***)

*Bước 2**:*** Giúp HS trả lời câu hỏi: "*Em đang đi về đâu?":* Hướng dẫn HS tìm hiểu thế giới nghề nghiệp qua các bài học Địa lí, qua Internet,… Việc làm này HS đã tích lũy từ các lớp dưới, đến lớp 12, một lần nữa được củng cố, mở rộng lượng kiến thức về vấn đề này. (***Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp***)

*Bước 3***:** Giúp học HS lời câu hỏi: "*Làm sao để đi đến nơi em muốn tới?":* Hướng dẫn, hỗ trợ HS lập kế hoạch nghề nghiệp (sự phối kết hợp giữa sở thích, khả năng với những hiểu biết về thế giới nghề nghiệp, những đòi hỏi của xã hội, của nghề…), và sau đó thực hiện kế hoạch nghề nghiệp nhằm đạt mục tiêu nghề nghiệp của mình. Để hoàn thành mục tiêu này, HS cần bắt đầu lập kế hoạch từ khi các em bước chân vào lớp 10 THPT, sau đó tiếp tục điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp của mình khi trải qua nội dung học các lớp 10, lớp 11 và khi đến lớp 12: có thể đưa ra quyết định đúng đắn vào cuối năm lớp 12 (lựa chọn học nghề hay hoàn thiện hồ sơ nộp vào các trường,… thực hiện sự lựa chọn con đường đi sau trung học của mình). (***Lập kế hoạch nghề nghiệp***).

Đối chiếu các bước ở trên với mục đích, nội dung GDHN của lớp 12 THPT (trình bày ở chương 1) thì tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT có thể góp phần giúp HS hoàn thiện bước 1, 2 và 3 của Quy trình GDHN nói chung là: Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và Lập kế hoạch nghề nghiệp; Bước 1, qua từng bài Địa lí được học, HS tích lũy rất nhiều kiến thức liên quan đến khả năng, sở thích của mình. Ví dụ: Khi cùng GV và các bạn nghiên cứu bài 31: "Vấn đề phát triển thương

mại và dịch vụ" hay bài 2: "Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ" – HS đều tự đánh giá được những thuận lợi để phát triển ngành Giao thông vận tải hay ngành du lịch và qua đó thấy được bản thân có yêu nghề này không, có thích nghề không; và qua tìm hiểu ngành Giao thông vận tải – HS hoàn thiện dần bước 2 và GV tiếp tục giao bài tập về nhà để tìm hiểu các em có lựa chọn nghề này hay không - Bước 3: "Lập kế hoạch nghề nghiệp").

* Nội dung và mức độ tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT: Trong khuôn khổ luận án, tác giả tổng hợp một cách khái quát nội dung, khả năng, mức độ tích hợp GDHN trong Địa lí 12 trong bảng 2.1: Bảng tổng hợp khái quát khả năng tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT.

Bảng 2.1. Bảng tổng hợp khái quát khả năng tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT

Chương - Bài	Nội dung địa lí	Nội dung hướng nghiệp	Mức độ tích hợp
Địa lí Việt Nam Bài 1: Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập	- Công cuộc đổi mới và thành tựu to lớn mà nước ta đã dành được sau 20 năm cải cách toàn diện nền kinh tế - xã hội. - Công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực dành được nhiều thành tựu rực rỡ. - Một số định hướng để đẩy mạnh công cuộc đổi mới và hội nhập.	- Giúp học sinh thấy được những thành tựu hết sức to lớn trong quá trình đổi mới và hội nhập của đất nước. - Đánh giá đúng đắn về khó khăn, thử thách mà hiện nay chúng ta đang phải đối mặt. - Ý thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người công dân trong việc xây dựng đất nước giàu mạnh. Đặc biệt học sinh phải nỗ lực học tập để có trình độ đáp ứng những tiêu chuẩn	Liên hệ

		lao động mang tính toàn cầu. *=>HS có cái nhìn tổng quan về thế giới nghề nghiệp ở cấp quốc gia và quốc tế; Đồng thời HS thấy được sở thích của bản thân phải gắn với trách nhiệm và nghĩa vụ công dân trong việc xây dựng đất nước (góp phần giải quyết bước 1 và bước 2 ở trên).*	
Địa lí tự nhiên - Vị trí Địa lí và lịch sử phát triển lãnh thổ.	- Đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí và lãnh thổ nước ta.	- Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí và lãnh thổ nước ta đã tạo ra nhiều thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế: Nông nghiệp nhiệt đới, Kinh tế đối ngoại, GTVT,…	Liên hệ
- Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam.	- Thiên nhiên nước ta đa dạng, phong phú và phân hóa phức tạp. Việt Nam là một nước giàu tài nguyên thiên nhiên, điều kiện tự nhiên khá thuận lợi cho hoạt động sinh sống, lao động sản xuất của dân cư, tuy nhiên cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn,	- Học sinh phải biết được những đặc điểm của thiên nhiên Việt Nam, thực trạng các nguồn tài nguyên hiện nay, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp để khai thác hợp lý, sử dụng và bảo vệ các nguồn lợi này.	Liên hệ
- Vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên,		- Về vấn đề phòng chống thiên tai, giúp các em nhìn nhận được thời gian, chu kì,	Liên hệ

phòng chống thiên tai	thách thức. Khai thác có hiệu quả đi đôi với việc bảo vệ sử dụng hợp lý điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên sẽ đảm bảo cho một tương lai bền vững của đất nước.	phạm vi phân bố, cũng như hậu quả,… Để có kế hoạch, biện pháp phòng chống nhằm hạn chế tối đa thiệt hại gây ra đối với sản xuất và đời sống. =>*Tìm hiểu các vấn đề có liên quan đến Thế giới nghề nghiệp và đánh giá sở thích của bản thân (Góp phần giải quyết bước 2 và bước 1 ở trên)*	
Địa lí dân cư - Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta	- Đề cập đến những đặc điểm cơ bản của dân cư Việt Nam: Quy mô lớn, dân số vẫn còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ đang già đi, Dân cư lao động phân bố không đồng đều giữa các vùng lãnh thổ, giữa đồng bằng và miền núi, nông thôn và thành thị.	- Dân cư, lao động phân bố không đồng đều sẽ dẫn đến hệ quả: Những nơi tập trung đông dân cư sẽ thừa lao động thiếu việc làm, ngược lại, những vùng thưa dân thiếu trầm trọng nguồn nhân lực để khai thác tài nguyên. Học sinh sẽ thấy cần phải có sự phân bố lại dân cư lao động một cách hợp lý, từ đó định hướng việc lựa chọn nơi làm việc sau này. - Nguồn lao động đang là lợi thế của nước ta trong thu hút đầu tư nước ngoài trong nhiều lĩnh vực và đang tạo ra nhiều việc làm mới nhưng	Bộ phận

- Lao động và việc làm	- Nước ta có nguồn lao động dồi dào, trẻ, giá nhân công rẻ. Người lao động cần cù sáng tạo, có kinh nghiệm sản xuất. Tuy nhiên chất lượng lao động của nước ta còn thấp so với nhu cầu hiện nay, lực lượng lao động có trình độ cao còn ít, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu - Cơ cấu lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo khu vực còn chậm chuyển biến. Đa phần lao động tập trung trong khu vực nông – lâm – ngư nghiệp thưa thớt trong công nghiệp, dịch vụ, tập trung ở nông thôn, thưa thớt ở thành thị.	đòi hỏi lao động có chất lượng cao. - Chất lượng lao động hiện nay nước ta còn thấp, do đó học sinh cần phải ra sức và nỗ lực học tập để kiếm và tự tạo việc làm trong thời kì mới.	Toàn phần
- Đô thị hóa	- Đặc điểm của quá trình đô thị hoá ở nước ta và những ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội	- Đô thị hóa đang thúc đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực, song cũng có nhiều mặt trái nếu không đi song	Liên hệ

		song với quá trình công nghiệp hoá nhất là vấn đề thất nghiệp. - Giúp học sinh thấy được chiến lược giải quyết vấn đề lao động và việc làm của nước ta trong từng giai đoạn như: Phân bố lại dân cư, lao động, đa dạng hóa ngành nghề, xuất khẩu lao động,… Dựa vào đó các em nắm bắt cơ hội việc làm cho bản thân. *=>Một lần nữa giúp các em tìm hiểu bản thân, nắm được thế giới nghề nghiệp và qua đó có thể điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp của mình cho phù hợp (góp phần giải quyết bước 1 và 2 ở trên; đồng thời cũng có thể phối kết hợp với các GV GDHN và GV chủ nhiệm để góp phần vào giải quyết bước 3).*	
Địa lí kinh tế - Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế	- Cơ cấu kinh tế của nước ta đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo định hướng phát	- Học sinh thấy được việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ và theo các thành phần kinh tế đang ngày càng tạo ra nhiều	Bộ phận và Liên hệ

	triển nền kinh tế nhiều thành phần và hội nhập.	công ăn việc làm cho người lao động.	
- Địa lí các ngành kinh tế	- Mỗi một ngành kinh tế đề cập đến những vấn đề như: Điều kiện, nguồn lực, thực trạng, cơ cấu ngành, cơ tổ chức lãnh thổ, và những định hướng phát triển…	- Nhận biết được ngành nghề nào đang có ưu thế, đang được ưu tiên phát triển, những ngành nào đang cần nhiều lao động, yêu cầu chất lượng nguồn lao động như thế nào..v.v - Mỗi ngành cụ thể không giống nhau, kĩ thuật, điều kiện phát triển và phân bố, nhu cầu nguồn nhân lực, phẩm chất người lao động.v.v...Trên những cơ sở đó, kết hợp với việc tự đánh giá năng lực của bản thân, các em sẽ quyết định lựa chọn ngành nghề nào cho phù hợp với mình.	Bộ phận
- Địa lí các vùng kinh tế	- Làm nổi bật những thế mạnh và những vấn đề đang đặt ra trong phát triển KTXH của từng vùng. Đặc biệt là các chiến lược khai thác tổng hợp những ưu thế đó phục vụ cho quá trình phát triển lãnh thổ.	- Mỗi một vùng kinh tế có những thế mạnh riêng. Khai thác có hiệu quả những thế mạnh đó sẽ thúc đẩy sự phát triển KT- XH, giải quyết công ăn việc làm cho dân cư lao động. HS biết địa phương mình đang sinh sống thuộc vùng nào, ở trong những vùng đó sẽ phải lựa chọn những hoạt động	Bộ phận và Liên hệ

		kinh tế, những ngành nghề nào cho phù hợp. *=> Có thể thấy phần này,,, đặc biệt giúp ích cho việc tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, đi sâu vào từng nghề (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ); thậm chí cả việc phát triển các ngành kinh tế (khai thác thế mạnh) theo từng vùng trên toàn lãnh thổ Việt Nam; HS cũng có thể tìm hiểu bản thân trong khi nghiên cứu sâu từng ngành xem bản thân có sở thích và năng lực về ngành này không; trong quá trình nghiên cứu nếu Gv có tổ chức cho HS tham quan thực tế thì qua việc tiếp xúc với nghề càng giúp hoàn thiện mục tiêu của việc tích hợp GDHN.(Góp phần giải quyết cả 3 bước đã được phân tích ở trên; đặc biệt là bước 2).*	
Địa lí địa phương	- Tìm hiểu Địa lí tỉnh, thành phố nơi học sinh đang sinh sống và học tập - Vị trí Địa lí, phạm vi	- Giúp cho học sinh có cái nhìn tổng quan, đúng đắn về tiềm năng, thực trạng cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa	- Toàn phần - Bộ phận

	lãnh thổ. - Đặc điểm tự nhiên. - Đặc điểm dân cư và lao động. - Đặc điểm kinh tế, xã hội. - Địa lí một số ngành kinh tế.	phương nơi các em đang sinh sống và học tập. - Định hướng và lựa chọn ngành nghề phù hợp để có việc làm và phát triển quê hương. *=>Nắm vững mối liên hệ giữa lý thuyết và thực tế; tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp chính tại nơi các em đang sinh sống. Hiểu và biết một số nghề cơ bản và nghề đặc trưng của địa phương nơi các em sinh sống. Gắn kế hoạch nghề nghiệp của bản thân HS với đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội ở tại địa phương của mình (góp phần giải quyết cả 3 bước: 1,2,3 đã phân tích ở trên - hoàn thiện bước 3).*	

2.3. Quy trình tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 Trung học phổ thông

Để đảm bảo các yêu cầu và nguyên tắc đã đề cập ở phần 2.1; khai thác được các nội dung GDHN đã đề cập trong bảng 2.1; góp phần đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả GDHN cho HS trong trường THPT thông qua việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, GV Địa lí khi dạy học tích hợp GDHN cần thực hiện theo quy trình sau:

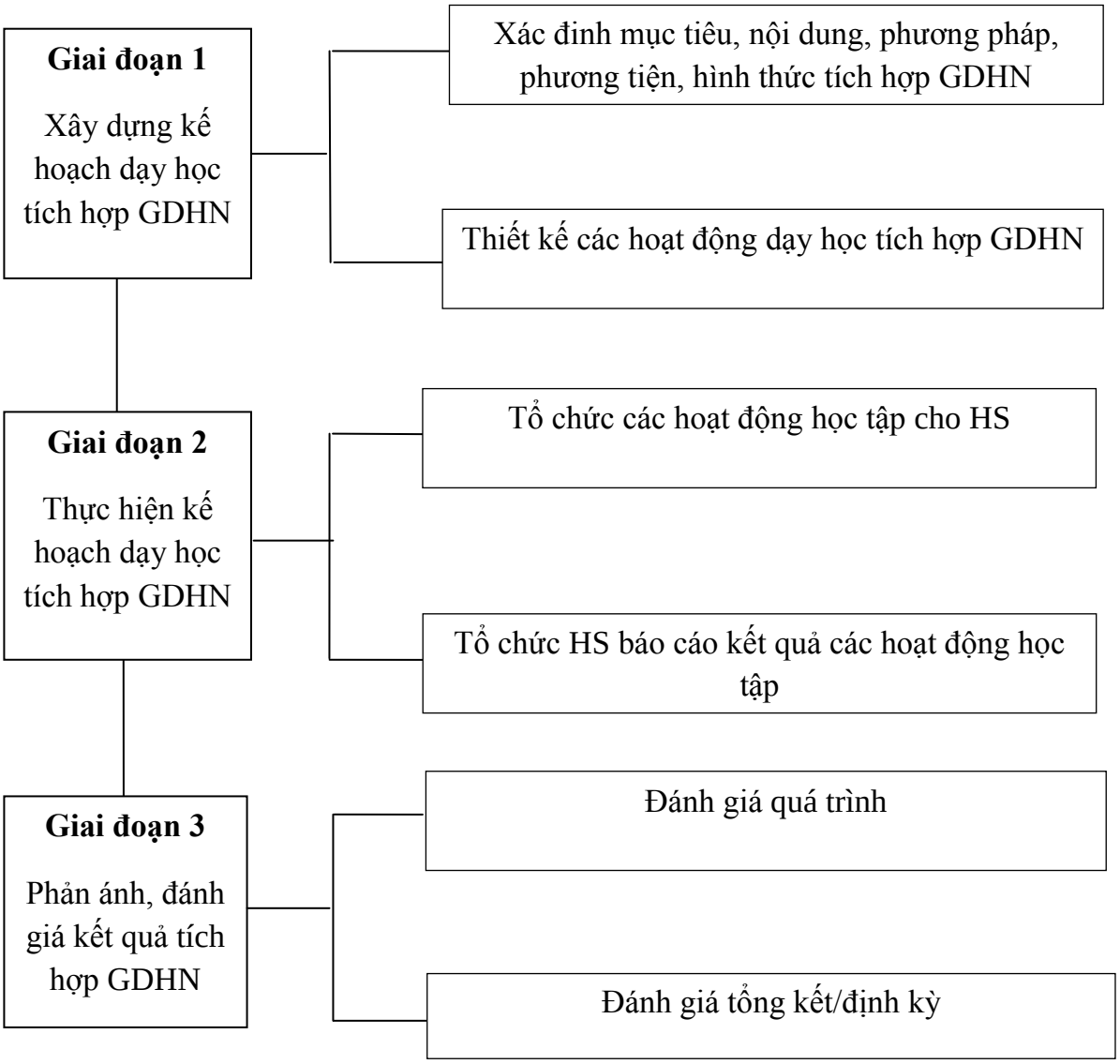

Sơ đồ 2.2. Quy trình tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12

2.3.1. Giai đoạn 1 – Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT

- *Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT*: Đối với mỗi phần, mỗi bài, mỗi tiết Địa lí, người GV cần soạn giáo án, lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy, cách thức dẫn dắt các hoạt động của HS để đảm bảo mục đích, yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của môn Địa lí; đồng thời xác định rõ mục tiêu, nội dung, mức độ,… tích hợp GDHN trong từng bài học Địa lý, sao cho bên cạnh việc đảm bảo kiến thức, kĩ năng, thái độ, của bài Địa lí, nhưng vẫn đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả

GDHN; đảm bảo HS hứng thú với môn học, bài học, tiết học không bị nặng, bị quá tải,…

- *Thiết kế các hoạt động dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT:* Trong bài học Địa lí khi dạy tích hợp GDHN, các hoạt động dạy học tích hợp kiến thức GDHN không tách riêng khỏi các hoạt hộng giảng dạy kiến thức bộ môn Địa lí, mà khai thác ngay trong hoạt động dạy học kiến thức Địa lí (mức độ tích hợp bộ phận, hoặc toàn phần); bên cạnh đó GV cũng có thể đưa các câu hỏi phụ về GDHN gần với với kiến thức Địa lí trong mỗi hoạt động (mức độ liên hệ); GV cũng có thể đưa kiến thức GDHN thành một hoạt động ngắn, 1 trò chơi, bổ sung trong hoặc sau các hoạt động khai thác kiến thức Địa lí của bài (mức độ liên hệ),… Khi thiết kế các hoạt động, GV Địa lí dạy tích hợp GDHN, cần lưu ý, dù tích hợp GDHN hình thức nào thì bản thân GV Địa lí cần nắm vững kiến thức về Hướng nghiệp, mục tiêu của mình trong phần học, bài học, tiết học này khai thác nội dung hướng nghiệp gì, góp phần hình thành nội dung nào của quy trình GDHN chung để thiết kế các hoạt động dạy học đi đúng hướng, đạt mục tiêu; tiết học, phần học không bị quá tải về mặt thời gian, kiến thức hoặc làm giảm hứng thú học tập của HS, không phát huy được tính độc lập, sáng tạo của HS,…

2.3.2. Giai đoạn 2 - Thực hiện kế hoạch dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT

- *Tổ chức các hoạt động học tập tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT:* Sau khi có sự chuẩn bị kĩ về giáo án đảm bảo nội dung đúng theo giai đoạn 1 của quy trình tích hợp GDHN. Đồng thời, nắm vững nội dung, kiến thức, phương pháp,…yêu cầu của việc tích hợp. GV Địa lí, thực hiện kế hoạch dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT của mình qua việc tổ chức các hoạt động học tập đã chuẩn ở giai đoạn 1 của quy trình. Các hoạt động này có thể diễn ra trên lớp học, cũng có thể diễn ra ngoài lớp học,… Nhưng luôn đảm bảo phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hứng thú, độ,… của HS; đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ,… đã chuẩn bị trong giáo án.

- *Tổ chức HS báo cáo kết quả các hoạt động học tập tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT:* Việc tổ chức báo cáo kết quả các hoạt động học tập, GV Địa lí có thể giao cho lớp trưởng hoặc một cán bộ lớp, còn mình đứng quan sát, tổng

hợp vấn đề, cuối buổi nhận xét và chốt kiến thức; Hoặc Thầy/Cô là người chủ động dẫn dắt các em báo cáo và chốt vấn đề. Khi chốt vấn đề, GV Địa lí cần chốt các vấn đề kiến thức cơ bản, cần đảm bảo của môn Địa lí; còn các kiến thức Hướng nghiệp có thể chốt dưới dạng các câu hỏi, các bài tập về nhà, các kế hoạch nghề nghiệp, các kiến thức về một nghề cụ thể,… HS có thể tiếp tục tìm hiểu, bổ sung, hoàn thiện mảng kiến thức này,… và đảm bảo HS củng cố, phát triển các kiến thức Hướng nghiệp quy trình GDHN chung (3 bước).

2.3.3. Giai đoạn 3– Phản ánh, đánh giá kết quả tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT

Mục đích chủ yếu của đánh giá kết quả học tập là so sánh kiến thức Địa lí và kiến thức hướng nghiệp của học sinh trước khi học và sau khi học, so với mức độ yêu cầu của chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ,… từ đó cải thiện kịp thời các bước của giai đoạn 1 và giai đoạn 2 – Quy trình tích hợp GDHN trong môn Địa lí. Cần sử dụng phối hợp các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau, kết hợp với việc tự đánh giá của HS.

Đánh giá gồm:

- *Đánh giá quá trình:* Trong đánh giá kết quả tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT của HS phải chú ý đánh giá cả quá trình học tập. Đánh giá thành tích học tập không giới hạn vào khả năng tái hiện tri thức mà chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong việc giải quyết các vấn đề thực tế (hiểu về bản thân; hiểu về thế giới nghề nghiệp; tự mình lập kế hoạch nghề nghiệp). Việc đánh giá này giúp hình thành những nhận định, phán đoán về quá trình học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được của đánh giá quá trình, đối chiếu với những mục tiêu đã đề ra về kiến thức, kĩ năng, thái độ, để có những quyết định phù hợp cải thiện thực trạng, điều chỉnh nâng cao chất lượng và hiệu quả việc dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT cho HS.

Đánh giá quá trình có thể thông qua: Đánh giá thông qua hoạt động nhóm; Đánh giá thông qua kỹ năng đặt câu hỏi và thảo luận trong lớp học; Đánh giá thông qua bài kiểm tra và bài tập về nhà; Đánh giá thông qua các phương pháp khác như: Thông qua các bài thực hành sau mỗi bài/chương; Cho học sinh làm một số bài tập hay trả lời các câu hỏi sau khi giáo viên hướng dẫn bài xong và kiểm tra lại câu trả

lời; Hỏi học sinh theo cá nhân/nhóm, về những suy nghĩ của họ khi họ giải quyết các vấn đề đặt ra trong bài học;…

Ví dụ: PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN KHI LÀM VIỆC NHÓM

Họ và tên:

Thuộc nhóm:

Tiêu chí	**Yêu cầu**		**Điểm**				
			1	**2**	**3**	**4**	**5**
Thái độ học tập	1	Tuân thủ theo sự điều hành người điều hành					
	2	Thể hiện sự hứng thú với nhiệm vụ được giao					
	3	Tích cực, tự giác trong học tập					
	4	Thể hiện sự hiểu biết, có câu hỏi với giáo viên liên quan đến chủ đề					
	5	Thể hiện được vai trò của cá nhân trong nhóm					
Tổ chức, tương tác	6	Cá nhân có đóng góp trong nhóm					
	7	Có sự sáng tạo trong hoạt động					
	8	Cá nhân tham gia vào tất cả các giai đoạn làm việc nhóm					
Kết quả	9	Sản phẩm có những điểm mới để nhóm khác học tập					
	10	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng					
Điểm trung bình							
Loại							

(Thang điểm: 1= kém; 2= yếu; 3= khá; 4= giỏi; 5= xuất sắc)

- *Đánh giá tổng kết/định kì:* Đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II và cuối năm học; hoặc sau một phần, sau một chương, sau một đơn vị kiến thức,…), nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với mục tiêu đề ra. Đánh giá định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác, chỉ để đánh giá sự tiến bộ của HS đó so với thời điểm trước. Đối với việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, việc đánh giá định kì nhằm kiểm tra việc nắm các kiến thức Địa lí và kiến thức Hướng nghiệp theo mục tiêu đề ra. (GDHN: Hiểu và vận dụng được 3 bước của Quy trình

GDHN chung: Hiểu về bản thân, hiểu về thế giới nghề nghiệp, lập được kế hoạch nghề nghiệp). (Ví dụ: Đánh giá thông qua bài kiểm tra 15 phút, 45 phút).

Công cụ đánh giá: Có thể đánh giá kết quả học tập của HS bằng phiếu học tập; phiếu tự đánh giá; hệ thống câu hỏi được sử dụng trong bài học, trong dự án; các bài kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm lúc đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ, cuối mỗi bài học, sau mỗi phần học, mỗi chương,… trong thời gian 5 phút, 15 phút, 45 phút,… ; bằng phiếu khảo sát, bằng câu hỏi phỏng vấn, hoặc bằng sự quan sát của GV và bạn học,… trong và ngoài lớp học.

Hình ảnh: Phỏng vấn sâu, đánh giá ngoài lớp học

2.4. Biện pháp tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 trung học phổ thông

2.4.1. Vận dụng có hiệu quả các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực để tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 THPT

Sau khi có sự chuẩn bị kĩ về kiến thức, nắm vững các bước của quy trình GDHN và quy trình tích hợp GDHN trong môn Địa lí, để đạt hiệu quả GDHN, đạt mục tiêu đề ra. Tùy theo từng phần, từng bài, GV dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, có thể vận dụng biện pháp và kĩ thuật dạy học tích cực khác nhau để đảm bảo kiến thức, kĩ năng, thái độ, đảm bảo tạo tnhs tích cực, chủ động sáng tạo, hứng thú học tập cho HS như: phương pháp kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học; phương pháp vận dụng dạy học giải quyết vấn đề; phương pháp dạy học theo tình huống; phương pháp dạy học theo định hướng hành động; phương pháp

tăng cường sử dụng phương tiện dạy học và công nghệ thông tin hợp lý trong dạy học; phương pháp sử dụng các kỹ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo; phương pháp tăng cường các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn; phương pháp bồi dưỡng học tập tích cực cho HS;… và các kĩ thuật dạy học như: kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật các mảnh ghép, kĩ thuật XYZ (635), kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy,…

Trong mỗi tiết dạy, để đạt hiệu quả cao nhất cho các kiến thức Địa lí và hiệu quả GDHN, GV cần vận dụng nhịp nhàng các phương pháp và kĩ thuật dạy học. Mỗi phương pháp và kĩ thuật dạy học có những ưu, nhược điểm và giới hạn sử dụng riêng. Vì vậy, việc lựa chọn và phối hợp nhịp nhàng, đa dạng các phương pháp và kĩ thuật dạy học trong quá trình tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT là phương hướng quan trọng để phát huy tính tích cực và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy học.

Ví dụ: Dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, GV Địa lí vận dụng:

- *Phương pháp dạy học truyền thống*: Các phương pháp dạy học truyền thống như thuyết trình, đàm thoại, luyện tập,… luôn là những phương pháp quan trọng trong dạy học và dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. *Ví dụ*: bài 20/tr82-86, SGK Địa lí 12: "*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế*" - phần Địa lí kinh tế: bên cạnh việc sử dụng các phương pháp như hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, ... Vẫn cần GV sử dụng phương pháp *Thuyết trình*, để HS hiểu: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và có một cơ cấu kinh tế hợp lí có ý nghĩa chiến lược trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Qua sự liên hệ uyển chuyển của GV với kiến thức GDHN, HS thấy được thế giới nghề nghiệp hiện tại ở Việt nam, trên thế giới và ở địa phương nơi HS sinh sống đang có những đặc điểm gì… Qua đó, HS nâng cao hiệu quả GDHN (góp phần giải quyết bước 1, 2 của quy trình GDHN chung là: Tìm hiểu bản thân và thế giới nghề nghiệp. Đồng thời có thể hình thành quyết định cho bước 3 của quy trình GDHN chung là: Lập kế hoạch nghề nghiệp - có được sự lựa chọn nghề cho phù hợp với xu thế của thời đại).

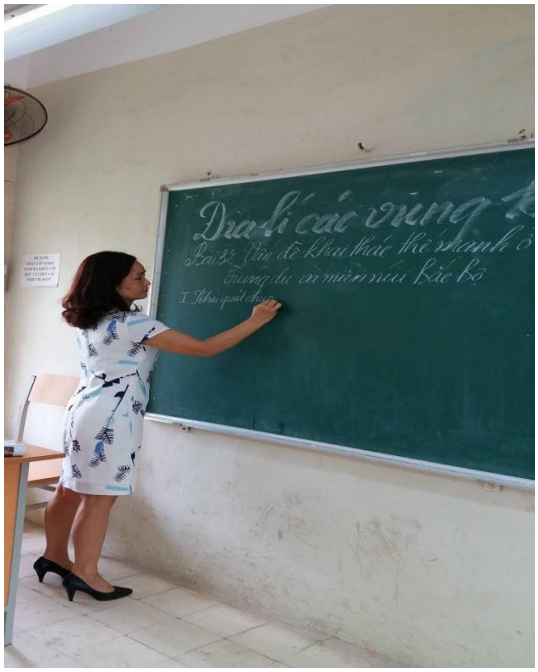

Hình ảnh: *GV Nguyễn Thị Tú Hồng trong giờ dạy thực nghiệm, sử dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với đàm thoại gợi mở và sử dụng các phương tiện trực quan..*

- *Vận dụng phương pháp dạy học đặt và giải quyết vấn đề*: phương pháp dạy học đặt và giải quyết vấn đề là việc học được đặt trong một tình huống có vấn đề, đó là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, thông qua việc giải quyết vấn đề, sẽ giúp HS lĩnh hội tri thức, phát triển và hoàn thiện kỹ năng, thái độ,… Qua đó đạt mục tiêu đề ra của bài học Địa lí và mục tiêu tích hợp GDHN. *Ví dụ:* Bài 22/tr93-97, SGK Địa lí 12: "*Vấn đề phát triển nông nghiệp*": GV và HS có thể đặt ra khá nhiều tình huống có vấn đề để HS giải quyết như: Tại sao việc đảm bảo an toàn lương thực là cơ sở để đa dạng hóa nông nghiệp? Tại sao các cây công nghiệp lâu năm ở nước ta lại đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu sản xuất công nghiệp? Nếu em là một nhà chăn nuôi bò sữa, công việc của em đang tiến triển rất tốt đẹp. Nhưng tại địa phương của em đang bắt đầu có dịch lở mồm long móng thì em sẽ làm gì trong tình huống này? HS giải quyết được các vấn đề đặt ra do GV và do chính các em - là đã góp phần hoàn thành được mục tiêu của bài Địa lí và tích hợp GDHN về kiến thức, kĩ năng, thái độ. Ở bài học Địa lí này, kiến thức hướng nghiệp chính là một bộ phận của kiến thức Địa lí. HS nắm được đặc điểm ngành Nông nghiệp trong các ngành kinh tế của VN, hiểu được thế giới nghề nghiệp quanh HS.

Hình ảnh: *bạn Phương Thảo trong giờ học thực nghiệm đang đặt ra những câu hỏi có vấn đề trong bài học để cả lớp cùng giải quyết.*

- *Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác theo nhóm:* Dạy học toàn lớp, dạy học nhóm đông, nhóm đôi và dạy học cá thể là những hình thức dạy học cần kết hợp với nhau; mỗi một hình thức dạy học có những chức năng, đặc thù riêng. Việc lạm dụng phương pháp thuyết trình, tình trạng độc tôn của dạy học toàn lớp cần được khắc phục, đặc biệt thông qua làm việc nhóm. Hiện nay, tại các trường THPT, nhiều giáo viên đã dạy học trên lớp theo hướng kết hợp thuyết trình của giáo viên với hình thức làm việc nhóm của HS để góp phần tích cực hoá hoạt động nhận thức của học sinh. Hình thức làm việc nhóm rất đa dạng, không chỉ giới hạn ở việc giải quyết các nhiệm vụ học tập nhỏ xen kẽ trong bài thuyết trình, mà còn có những hình thức làm việc nhóm giải quyết những nhiệm vụ phức hợp, có thể chiếm một hoặc nhiều tiết học, sử dụng những phương pháp chuyên biệt như phương pháp đóng vai, nghiên cứu trường hợp, dự án...

Ví dụ: Trong bài 24/tr100-105, SGK địa lí 12: "*Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp*". Trong các hoạt động trên lớp hoặc ở nhà, GV có thể chia lớp học thành 4 nhóm, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ nghiên cứu hoặc lập một Dự án về các vấn đề trong bài. Ví dụ như: nhóm 1, 3: Tìm hiểu ngành thủy sản; nhóm 2,4: Tìm hiểu ngành lâm nghiệp (trong đó, GV có thể yêu cầu HS vận dụng các kĩ thuật XYZ hoặc sơ đồ tư duy... trong việc hoàn thành nhiệm vụ nhóm mình với các

phân công cụ thể cho tưng thành viên,… có đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết sau bài học,…) –> Khi HS nắm vững kiến thức về các ngành kinh tế này, là các em đã hiểu về một trong các ngành kinh tế của thế giới nghề nghiệp quanh em (bước thứ 2 của Quy trình GDHN chung). Qua đó, có lựa chọn nghề, có những quyết định về nghề để xây dựng, hoàn thiện bản Kế hoạch nghề nghiệp của bản thân – kiến thức tích hợp GDHN trong bài là một bộ phận của kiến thức Địa lí. Như vậy, việc vận dụng phương pháp làm việc nhóm giúp HS và GV hoàn thành mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của bài 24. Đồng thời, các kiến thức này cũng góp phần bổ sung, hoàn thiện cho bước thứ 2, chuẩn bị vững chắc cho bước thứ 3 của Quy trình GDHN nói chung.

***Hình ảnh**: Lớp thực nghiệm đang hoạt động nhóm*

- *Vận dụng phương pháp dạy học theo dự án*: Dạy học theo dự án là một hình thức khá tối ưu của phương pháp dạy học tích cực. trong đó, HS tự mình thực hiện một nhiệm vụ học tập trong nhóm; gắn với các vấn đề thực tiễn, kết hợp lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể công bố. Trong dạy học theo dự án có thể vận dụng nhiều lý thuyết và quan điểm dạy học hiện đại như lý thuyết kiến tạo, dạy học định hướng học sinh, dạy học hợp tác, dạy học khám phá, sáng tạo, dạy học theo tình huống và dạy học định hướng hành động,... kết hợp với các kĩ thuật dạy học để đạt mục tiêu đề ra.

Ví dụ: Vận dụng *phương pháp dạy học theo dự án* trong các hoạt động phần Địa lí kinh tế (bao gồm từ bài 20 đến bài 31) với tiêu đề dự án là: *"TƯƠNG LAI CỦA EM"*. Giáo viên sẽ khởi động dự án cho HS ngay khi vào đầu chương III

(bài 20), đến khi kết thúc phần Địa lí các ngành kinh tế (bài 31) là lúc HS báo cáo dự án của mình. Như vậy, Dự án thành lập với thời gian học dự kiến là 6 tuần; Với chuẩn nội dung và kiến thức là kiến thức cơ bản cần đạt của 12 bài : Chuyển dịch cơ cấu kinh tế (1 bài) ; Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp (5 bài) ; Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp (4 bài); Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ (2 bài); Thông qua Dự án sẽ giúp HS hình thành và hoàn thiện kiến thức, kĩ năng, thái độ và cần đạt của môn Địa lí; Có khả năng tự giải quyết vấn đề đặt ra cho kế hoạch nghề nghiệp của mình; hiểu và đưa ra được những quyết định cho tương lai của chính mình. Mức độ tích hợp GDHN vào môn Địa lí 12 THPT có cả mức độ liên hệ (Chuyển dịch cơ cấu kinh tế), mức độ bộ phận (Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp, Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp, Một số vấn đề phát triển và phân bố các ngành dịch vụ). (và thông qua Dự án cũng góp phần giúp HS phần nào giải quyết 3 bước của quy trình GDHN nói chung).

[Cụ thể:

+ Dự án bao gồm bộ câu hỏi định hướng:

Câu hỏi khái quát: Tương lai bạn là ai?

Câu hỏi bài học: Ngành nghề mà tôi muốn làm, có phần nào đóng góp cho cơ cấu nền kinh tế không?

Câu hỏi nội dung: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nước ta? Sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp nước ta? Sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp nước ta? Sự phát triển và phân bố các ngành dich vụ ở nước ta? …

+ Kế hoạch đánh giá Dự án:

. *Trước khi bắt đầu Dự án*: GV lập kế hoạch để đánh giá học sinh

. *Trong quá trình thực hiện Dự án:* Cả GV và HS đều tham gia đánh giá quá trình và đánh giá định kì.

. *Sau khi hoàn thành Dự án:* GV tập hợp lại các bảng đánh giá của cả GV và của HS để đánh giá chung: kiến thức, kĩ năng, thái độ.

+ Các bước tiến hành Dự án:

. *Trước khi bắt đầu Dự án:* Xác định các mục tiêu Dự án, xây dựng bộ câu hỏi định hướng, lịch trình đánh giá để thiết lập kế hoạch bài dạy; Soạn các phiếu khảo sát để khảo sát trước, trong và sau Dự án; Biên soạn tài liệu hỗ trợ HS trong quá trình làm Dự án; Biên soạn ra các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ; Lên kế hoạch thời gian nộp sản phẩm Dự án và kế hoạch chung của Dự án.

. *Bắt đầu vào làm Dự án:* GV gặp lớp trao đổi thông tin và yêu cầu của Dự án HS sẽ làm. GV chia lớp thành các nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm. GV hỗ trợ cung cấp các tài liệu có liên quan đến Dự án của từng nhóm.

. *Những ngày làm Dự án:* GV giải đáp những câu hỏi, thắc mắc của các nhóm liên quan đến Dự án; Những vấn đề liên quan đến nội dung bài học đang xảy ra trong thực tế;… HS làm việc nhóm (các nhóm tự động quản lí thời gian và phân công việc để hoàn thành tốt Dự án của nhóm mình và nộp sản phẩm đúng thời gian trước ngày báo cáo); Khi các nhóm nộp sản phẩm, GV xem và góp ý nhanh cho các nhóm sửa và hoàn thiện sản phẩm của mình.

. *Ngày báo cáo Dự án:* GV giới thiệu qua về chương trình báo cáo; các nhóm lần lượt báo cáo dưới sự dẫn dắt của một bạn làm nhiệm vụ dẫn chương trình. (Các nhóm sẽ lần lượt lên báo cáo Dự án của mình; có phần phản biện cũng như góp ý giữa các nhóm); Các nhóm chấm điểm cho nhau theo các tiêu chí đã được thống nhất trước.

GV chuẩn kiến thức Địa lí (sau khi chuẩn kiến thức Địa lí, GV có thể chuyển tài liệu chuẩn kiến thức Địa lí cho các nhóm).

GV tổng kết Dự án với câu hỏi khái quát *"TƯƠNG LAI CỦA EM"* dẫn dắt HS so sánh lại câu trả lời trước và sau khi làm Dự án - Qua đó tìm được câu trả lời cho mình.

Lưu ý: Trong quá trình HS làm Dự án, GV luôn hỗ trợ, gợi ý để các nhóm có sự điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng: Học sinh tiếp thu chậm: tìm hiểu và thu thập tài liệu, đồng thời cũng làm diễn viên, nếu nhóm đó có sản phẩm là kịch; Học sinh giỏi về CNTT: Các em này sẽ được phân chia đều vào các nhóm và nhận nhiệm vụ là thiết kế sản phẩm cho nhóm,….; Học sinh có học lực khá: Trong số các em có học lực khá, sẽ chọn ra một bạn hòa đồng và có khả năng làm lãnh đạo để làm nhóm trưởng. Các bạn học lực khá có nhiệm vụ tìm kiếm cũng như tổng hợp và chọn lọc nội dung cần thể hiện,… các em cũng chính là người viết và duyệt kịch bản nếu như sản phẩm của nhóm có thêm kịch.

Hình ảnh: *đại diện các nhóm trong tiết học thực nghiệm đang trình bày Dự án của nhóm bằng Powerpoint*

- *Tăng cường các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn:* Đối với môn Địa lí thì các đặc trưng, đặc thù quen thuộc là việc sử dụng bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu, Át lát Địa lí Việt Nam trong dạy học. Việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT cũng cần áp dụng linh hoạt các phương pháp này để giúp HS đạt mục tiêu của môn địa lí và mục tiêu GDHN.

Ví dụ: Vận dụng việc khai thác Atlat Địa lí Việt Nam để hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ của Địa lí và GDHN. Bài 37/tr167-173, SGK Địa lí 12: "*Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên*".

Hình ảnh: *Học sinh lớp thực nghiệm với Át lát Địa lí Việt Nam*

Trong hoạt động của đơn vị kiến thức thứ 2 trong bài (2. Phát triển cây công nghiệp lâu năm), dù vận dụng theo hình thức hoạt động nào (nhóm, cá nhân hay cặp) GV đều có thể yêu cầu HS Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi như:

? Kể tên và nơi phân bố của các cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên?

? Trình bày những điều kiện thuận lợi về tự nhiên để Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước? Từ đó mô tả nghề thuận lợi phát triển ở Tây Nguyên mà em biết?

Và qua việc chốt kiến thức Địa lí trong bài, GV liên hệ kiến thức về thế giới nghề nghiệp hay những nghề thuận lợi để phát triển ở Tây Nguyên; đồng thời HS cũng tự đánh giá bản thân xem mình có yêu thích, có phù hợp với loại hình nghề như vậy không? – Góp phần hoàn thành các bước của Quy trình GDHN chung. Trong phần này, có thể thấy nội dung GDHN, HS có thể đạt là một bộ phận của kiến thức Địa lí trong bài.

- *Vận dụng kĩ thuật "Mảnh ghép":* Kỹ thuật các mảnh ghép là kĩ thuật dạy học mang tính hợp tác, kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác. Kĩ thuật mảnh ghép thường có 2 vòng:

. Vòng 1*: nhóm chuyên gia*: Lớp học sẽ được chia thành nhiều nhóm (khoảng từ 3- 6 người). Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ với những nội dung học tập khác nhau. (Ví dụ: Nhóm 1: Nhiệm vụ I; Nhóm 2: Nhiệm vụ II; Nhóm 3: Nhiệm vụ III,... Sau đó, mỗi cá nhân trong nhóm đều làm việc độc lập (trong một khoảng thời gian

nhất định), suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình. (Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2).

.Vòng 2: *Nhóm mảnh ghép*: lớp học hình thành nhóm mới khoảng từ 3 - 6 người (nhóm mới bao gồm thành viên các nhóm ở vòng 1), gọi là nhóm mảnh ghép. Các câu hỏi và câu trả lời của vòng 1 lúc này được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ với nhau. Khi tất cả các thành viên trong nhóm mới đều hiểu, nắm được tất cả các nội dung ở vòng 1, thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết (lưu ý nhiệm vụ mới này phải gắn liền với kiến thức thu được ở vòng 1). Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả. *Ví dụ*: bài 17/tr73-76, SGK Địa lí 12: "*Lao động và việc làm"*: Vòng 1 (nhóm chuyên gia) mỗi nhóm tìm hiểu một đặc điểm nguồn lao động Việt Nam; Vòng 2 (nhóm mảnh ghép) tìm hiểu chung về đặc điểm nguồn lao động Việt Nam. Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ trình bày và chia sẻ kết quả. GV chuẩn kiến thức. Bài17, mức độ tích hợp kiến thức GDHN là toàn phần, qua kiến thức Địa lí trong bài, giúp HS hiểu được về nguồn lao động và vấn đề việc làm của Việt Nam – đây cũng là điều các em cần biết để chuẩn bị chọn nghề cho mình cho phù hợp với đặc điểm và nhu cầu của xã hội. Có thể thấy, sau khi vận dụng kĩ thuật mảnh ghép HS đạt được các mục tiêu về Địa lí là cũng đồng thời đạt được mục tiêu GDHN – Giúp HS hoàn thiện 3 bước của quy trình GDHN nói chung.

- *Vận dụng kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy:* Sơ đồ tư duy là một sơ đồ trình bày một cách rõ ràng, khúc triết những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề nào đó. Sơ đồ tư duy có thể được thể hiện trên giấy, trên bảng hoặc trên máy tính. Thông thường, sơ đồ tư duy thường được cấu tạo chủ đề ở trung tâm, từ chủ đề trung tâm, vẽ các nhánh chính. Trên mỗi nhánh chính phản ánh một nội dung lớn của chủ đề. Từ mỗi nhánh chính vẽ tiếp các nhánh phụ để viết tiếp những nôi dung thuộc nhánh phụ đó. Tiếp tục như vậy ở các tầng phụ tiếp theo,… có thể phân biệt các nhánh bằng

màu sắc hoặc kiểu chữ. Đối với môn Địa lí có tích hợp GDHN thì sơ đồ tư duy có thể ứng dụng trong nhiều nội dung giảng dạy: Mỗi người có thể thể hiện nội dung cần nhớ, cần trình bày theo sơ đồ tư duy một cách khác nhau, phát huy tối đa tư duy, khả năng sáng tạo của mình. Sơ đồ tư duy còn được xem là một kĩ thuật nâng cao cách ghi chép. Bằng cách dùng giản đồ ý, tổng thể của vấn đề được chỉ ra dưới dạng một hình trong đó các đối tượng thì liên hệ với nhau bằng các đường nối. Với cách thức đó, các dữ liệu được ghi nhớ và nhìn nhận dễ dàng và nhanh chóng hơn. Sơ đồ tư duy còn là công cụ đồ họa nối các hình ảnh có liên hệ với nhau vì vậy có thể vận dụng vào hỗ trợ dạy học kiến thức mới, củng cố kiến thức sau mỗi tiết học, ôn tập hệ thống hóa kiến thức sau mỗi chương,... GV và HS đều có thể sử dụng phương pháp bản đồ tư duy trong việc nghiên cứu tài liệu mới, những kiến thức liên quan đến bài học và chuẩn bị cho bài học. (GV có thể hướng dẫn HS nghiên cứu trước bài học bằng phương pháp bản đồ tư duy, những kiến thức chính của bài học, những câu hỏi, thắc mắc cần trao đổi với GV và các bạn. Khi đó, bước vào bài học các em sẽ làm chủ được suy nghĩ của mình hơn, tập trung kiến thức hơn cho bài học). Đồng thời thông qua các hoạt động học tập trên lớp, cùng với thầy cô và các bạn lập sơ đồ tư duy về bài học, các em sẽ biết được mình đúng những điểm nào, còn thiếu sót những gì để từ đó rút kinh nghiệm. Đôi khi, chính các em lại có những ý tưởng nào hay muốn chia sẻ với thầy cô và các bạn, như vậy, hiệu quả đạt được sẽ cao hơn và các em sẽ hứng thú hơn trong tiết học của mình.

Ví dụ: Như bài 6 và bài 7/tr29,33, SGK Địa lí 12: Đặc điểm địa hình Việt Nam, GV vận dụng *phương pháp hợp tác theo nhóm và kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy* để triển khai các hoạt động trên lớp. Lớp có thể chia làm nhiều nhóm lớn, sử dụng giấy Ao, A2, A3 để lập bản đồ tư duy, hệ thống hóa kiến thức,… Sau thời gian các nhóm làm việc, báo cáo và GV chuẩn kiến thức,… kết quả có thể có nhiều sơ đồ tư duy khác nhau,… nhưng HS đã có được cái nhìn tổng thể về kiến thức của nội dung này. Kết quả hệ thống hoá chủ đề về địa hình Việt Nam theo 3 ý lớn và tóm tắt

những ý chính của mỗi ý theo các nhánh nhỏ,... có thể có sơ đồ tư duy như sơ đồ số 1 dưới đây:

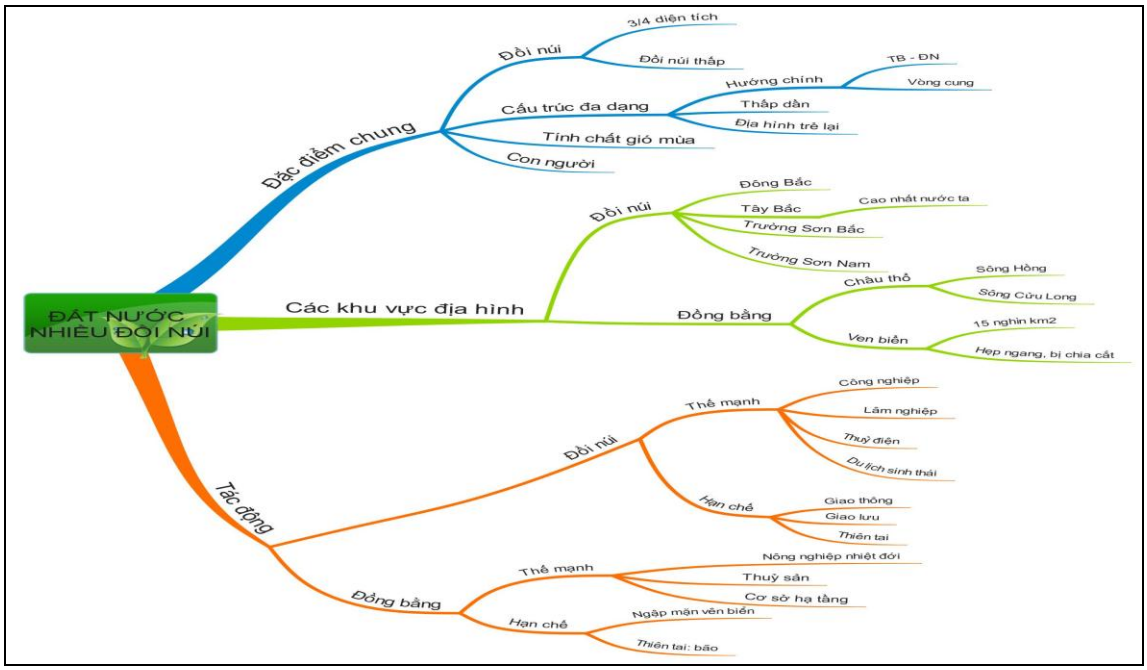

Sơ đồ 2.3. Bài 6 và Bài 7: Địa hình Việt Nam

Sau bài 6 và 7, khi HS hoàn thành sơ đồ tư duy để khái quát hóa kiến thức là các em cũng hoàn thiện các kiến thức, kĩ năng, thái độ đặt ra của bài. Trong quá trình HS học GV liên hệ để HS đạt được các mục tiêu của GDHN. Như liên hệ để HS thấy được thế mạnh và hạn chế của khu vực đồng bằng hay miền núi đối với việc phát triển kinh tế, vấn đề các ngành nghề và vấn đề việc làm,… Hoặc liên hệ cụ thể với địa phương HS đang sống hoặc 1 vùng đồng bằng hay miền núi nào ở VN,... Qua đó, HS thấy được cách khai thác và phát triển kinh tế tại các khu vực địa hình; thấy được bức tranh về các ngành nghề, về thế giới nghề nghiệp; cũng phần nào tìm hiểu được những sở thích và khả năng của bản thân khi đặt mình vào những môi trường đó;... Như vậy, HS phần nào đã giải quyết được bước 1, bước 2 trong quy trình GDHN chung, chuẩn bị cho bước 3 là lập kế hoạch nghề nghiệp sau khi rời trường THPT.

***Hình ảnh**: Đại diện nhóm ở lớp thực nghiệm lên báo cáo sản phẩm nhóm mình bằng sơ đồ tư duy*

2.4.2. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong môn Địa lí 12 THPT

Ngày nay, điện thoại di động, máy tính để bàn, thiết bị cầm tay, thư điện tử và việc sử dụng Internet đã trở thành tâm điểm trong văn hóa và cộng đồng của chúng ta. Công nghệ thông tin đã tạo nên một xã hội toàn cầu, nơi mà mọi người có thể tương tác và liên lạc với nhau một cách nhanh chóng và hiệu quả. Công nghệ thông tin đã đóng góp vào sự xóa bỏ rào cản ngôn ngữ. Ví dụ những công cụ như: thư điện tử, tin nhắn tức thời (IM), chatroom, và các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Skype, và rất nhiều các ứng dụng khác,… Cùng với nó là sự phát triển nhanh chóng của Internet, dữ liệu được tích hợp thành các kho thông tin khổng lồ trên các Website, có thể nói rằng Internet đã tạo ra môi trường và cơ hội rất lớn cho HS tiếp thu và tiếp cận với rất nhiều tri thức mới. Vai trò của GV là hướng dẫn và định hướng cho HS đi đúng hướng, khai thác đúng kiến thức cần thiết.

Với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT sẽ mang lại hiệu quả cao hơn; các em dễ dàng tìm hiểu về các nghề mà mình muốn biết trên mạng Internet; kiểm tra đối chứng với sở thích và khả năng của bản thân,… Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của việc này cũng cần phải phải xây dựng các kho tài nguyên để các HS dễ dàng truy cập, tìm kiếm thông tin như: các trò chơi rèn luyện nghề mình thích, các chương trình nghề; các thông tin về nghề; các thông tin về các trường đào tạo nghề,… thành một hệ thống liên hoàn

thống nhất. Công nghệ thông tin đang phát triển nhanh chóng các công nghệ hiện đại, giúp các em có thể ứng dụng nó trong việc học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT một cách hiệu quả nhất. Với Công nghệ thông tin, GV và HS cùng tạo những giờ học lý thú, cập nhật những kiến thức, những hình ảnh, những video liên quan đến bài học,... qua đó, giúp HS quan tâm, hứng thú và thậm chí là say mê môn Địa lí, hiệu quả tích hợp GDHN nhờ đó cũng được nâng cao.

Khi HS được làm việc nhiều với công nghệ thông tin, cộng với những hiểu biết của các em qua bạn bè, qua môi trường sống,… cộng với tham khảo các trang web mà tác giả đã liệt kê ở chương 1 sẽ giúp HS và gia đình tham khảo trongviệc tìm hiểu bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, và đưa ra quyết định nghề nghiệp đúng đắn.

2.4.3. Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 trung học phổ thông

Một trong các biện pháp để tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT chính là việc tổ chức cho HS tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo. Các hoạt động này rất phong phú và đa dạng: Tìm hiểu Địa lí địa phương; Tham quan cơ sở sản xuất ở địa phương (cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở dịch vụ); Tổ chức cho HS thực hiện một số dự án (như dự án trồng rau sạch, dự án trồng nấm, dự án kinh doanh với một số vốn ban đầu; lập dự án khai thác thế mạnh của 1 vùng, một khu vực,...); Tổ chức Ngày hội hướng nghiệp có sự giao lưu của các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn và các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học,… Qua đó, HS được trải nghiệm để hiểu thêm về nghề, về các cơ sở đào tạo nghề, hiểu thêm về bản thân,... Nói chung các em qua hoạt động trải nghiệm sẽ hiểu hơn và trả lời cho bước 1 và 2 trong quy trình GDHN nói chung và chuẩn bị cho bước 3 một cách tự tin.

Ví dụ:

- Hoạt động nghiên cứu địa lí địa phương (hoạt động này cũng có thể triển khai dưới dạng các Dự án để HS làm). Đặc biệt là phần kiến thức bài 44 và bài 45 của phần Địa lí Địa phương, các câu hỏi đã được chia theo chủ đề,… GV hướng dẫn HS xây dựng lên các Dự án về Kế hoạch nghề nghiệp của HS. Qua các Dự án này một lần nữa

giúp các em hoàn thành một cách hoàn hảo kế hoạch nghề nghiệp của bản thân và tự tin lựa chọn hướng đi cho mình vì lúc này cũng là lúc các em chuẩn bị rời ghế nhà trường THPT và hoàn thành bước 3 trong quy trình GDHN nói chung.

- Sau các bài học về các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ của phần Địa lí kinh tế thì GV có thể liên hệ với các cơ sở kinh tế để tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo tham quan: nhà máy, tham quan các cơ sở nông nghiệp, dịch vụ,… Qua các hoạt động này, HS được trải nghiệm, được quan sát thực tế về nghề, hiểu về nghề hơn, tự mình kiểm chứng kế hoạch nghề nghiệp của bản thân,... có thể có những mục tiêu cụ thể hoặc điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp của mình cho phù hợp với bản thân, thực tiễn của địa phương, của đất nước. Khi tổ chức cho HS trải nghiệm, GV chuẩn bị trước về mục đích, nội dung và giao nhiệm vụ cho cá nhân HS hoặc theo các nhóm HS: viết báo cáo theo các chủ đề cụ thể của buổi tham quan, về các nghề mà mình tham quan, tìm hiểu các kiến thức liên quan cả về kiến thức Địa lí và kiến thức hướng nghiệp.

- Hoặc khi học các bài học của phần Địa lý các vùng kinh tế, GV có thể yêu cầu HS lập các Dự án (theo nhóm hoặc theo cá nhân): Ví dụ: bài 32 – Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ/145-149, SGK địa lí 12: HS có thể lập dự án với đề tài: Hãy lập một dự án khai thác một trong các thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ một cách khả thi nhất, để nhà đầu tư có thể cấp vốn cho em? (Với giả thiết đang có một nguồn vốn đầu tư lớn, không hạn định số tiền để đầu tư phát triển vùng) (HS có thể tự chọn thế mạnh, tìm hiểu xem thế mạnh đó cần những gì, tìm hiểu giá cả thị trường cho nguồn vật liệu đầu tư...) – Sau khi HS lên được các dự án, GV có thể nhờ một nhà kinh tế, một nhà đầu tư tài ba (có thể là HS cũ của trường hoặc một doanh nghiệp thành đạt ở địa phương) đến lớp để các em được giao lưu và chấm thầu cho các em.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua việc giao lưu khách mời để tăng hiệu quả của tích hợp GDHN. GV dạy môn Địa lí, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy GDHN, cha mẹ học sinh và các cơ sở đào tạo nghề, các cơ sở sử dụng lao động có thể phối kết hợp với nhau tổ chức buổi Thảo luận về "nghề nghiệp quanh

ta", mời những vị khách mời thân thuộc và gần gũi với HS. Buổi thảo luận có thể tổ chức toàn trường hoặc giao lưu theo khối hoặc tổ chức giao lưu tại lớp học. (số lượng khách mời: 3 - 4 người (nam và nữ) nếu tổ chức giao lưu trong toàn trường; 2 - 3 người nếu tổ chức giao lưu toàn khối; 1 người nếu tổ chức giao lưu tại lớp học).

Khách mời có thể là: Bạn giáo viên hoặc cán bộ quản lí trong trường; Các tấm gương điển hình trong các nghề; Phụ huynh học sinh; Học sinh cũ của trường; Nghệ nhân nghề truyền thống ở địa phương. Khách mời có thể làm trong bất cứ lĩnh vực nào, từ dạy học, nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ, kĩ thuật, đến doanh nghiệp kinh doanh, nhà máy trong khu vực.

Khách mời có đặc điểm: Yêu thích và tự hào về nghề của mình; Có hiểu biết sâu về nghề; Quan tâm đến giáo dục, sẵn sàng chia sẻ; Có khả năng nói.

Một số câu hỏi cho buổi giao lưu như:

1. Anh/Chị làm việc này bao lâu rồi ạ?

2. Anh/Chị có thích công việc này không?

3. Ngày trước, khi còn học THPT, Anh/Chị giỏi nhất môn gì ạ?

4. Ngày trước, khi còn học THPT, Anh/Chị thích nhất môn gì?

5. Ngày trước, khi còn học THPT, ngoài việc học, Anh/Chị thích làm gì nhất? Làm gì giỏi nhất?

6. Ngày trước, khi còn học THPT, Anh/Chị có nghĩ mình sẽ làm công việc hiện tại không? Lí do?

7. Nếu được quay trở lại thời gian học THPT, Anh/Chị có chọn nghề đang làm hiện giờ không? Lí do?

8. Điều gì giúp Anh/Chị làm việc tốt công việc hiện nay? Anh/Chị có thấy những điểm mạnh hồi còn đi học giúp ích cho công việc hiện nay không ạ? Mà Anh/Chị từ THPT không? Anh/Chị có làm công việc này nữa không nếu không phải lo kiếm sống?

9. Để chúng em đạt được như Anh/Chị hiện này thì chúng em cần phải làm những gì ạ?

10. Anh/Chị cho em xin lời khuyên về việc chọn nghề ạ?

Hoặc sử dụng các câu hỏi sau để tìm hiểu về thông tin nghề nghiệp:

1. Công việc hiện tại của Anh/ Chị là gì ạ?

2. Anh/ Chị hàng ngày làm những việc gì?

3. Anh/Chị thích làm công việc gì nhất mỗi ngày?

4. Anh/Chị có thích công việc này khi bằng tuổi chúng em không?

5. Anh/Chị ghét nhất làm việc gì trong ngày?

6. Để hoàn thành tốt công việc này, cần những khả năng gì?

7. Nếu em muốn làm công việc giống như Anh/Chị, em cần phải học ngành nghề gì?

8. Nếu em muốn làm công việc giống như Anh/Chị, em cần phải có những khả năng gì?

9. Anh/Chị kể em nghe hồi mới vào nghề này ạ?

10. Em cũng muốn kiếm tiền để nuôi bản thân, để không phụ thuộc Bố/Mẹ, Em có làm nghề Anh/Chị được không ạ?

11. Anh/Chị cho em xin lời khuyên nếu em muốn theo nghề Anh/Chị?

***Hình ảnh**: Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS thông qua việc tổ chức Ngày hội hướng nghiệp*

2.5. Thiết kế và tổ chức dạy học tích hợp Giáo dục hướng nghiệp một số bài học trong môn Địa lí 12 trung học phổ thông

2.5.1.Thiết kế giáo án Bài 16 (Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta) và Bài 17 (Lao động và việc làm) thành một chủ đề "Dân số và việc làm"

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS cần

1. Kiến thức:

- Chứng minh và giải thích được những đặc điểm cơ bản của dân số và phân bố dân cư nước ta.

- Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của dân số đông, dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ và phân bố không hợp lí, biết được Chính sách phát triển dân số hợp lí và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động của nước ta.

- Chứng minh được nước ta có nguồn lao động dồi dào với truyền thống và kinh nghiệm sản xuất phong phú, chất lượng lao động đã được nâng lên.

- Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở nước ta.

- Hiểu được vì sao việc làm đang là vấn đề kinh tế - xã hội lớn đặt ra với nước ta hiện nay. Tầm quan trọng của việc sử dụng lao động trong quá trình phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hướng giải quyết việc làm cho người lao động.

2. Kĩ năng

- Phân tích và khai thác được các sơ đồ, lược đồ, biểu đồ, các bảng số liệu thống kê.

- Xác lập mối quan hệ giữa dân số, lao động và việc làm.

- Liên hệ các kiến thức Địa lí với kiến thức về GDHN (nhận thức bản thân, nhận thức về thế giới nghề nghiệp,…).

3. Thái độ

- Có nhận thức đúng đắn về vấn đề dân số, ủng hộ, tuyên truyền chính sách dân số của quốc gia và địa phương.

- Có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn;

- Chủ động tự tin trong việc chọn nghề phù hợp sau này.

- Quyết tâm học tập để trở thành người lao động có chuyên môn nghiệp vụ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC:

***** Giáo viên:

- Biểu đồ tỉ lệ gia tăng dân số trung bình năm qua các thời kì.
- Một số bảng số liệu. Bản đồ phân bố dân cư.
- Một số hình ảnh, tư liệu, video...về nguồn lao động, và các thành tựu của công cuộc CNH-HĐH .
- Atlát địa lí Việt Nam.
- Một số nội dung của chính sách dân số, giải quyết việc làm.
- Máy tính, máy chiếu, phấn bảng, bút, giáo án, các phiếu học tập. Biên bản làm việc nhóm, phiếu đánh giá hoạt động của nhóm.

* Học sinh:

- Giấy khổ rộng, bút dạ, sản phẩm powerpoint
- SGK, một số loại bản đồ, át lát và các tài liệu có liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

- Phương pháp: Dự án, hoạt động nhóm,…
- Hình thức tích hợp GDHN: Bộ phận, liên hệ, toàn phần

Dự án "Dân số và việc làm"

Thời gian thực hiện: 2 tuần

<u>Tiết 1</u>

HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động và giao nhiệm vụ.

1. Mục tiêu:
- Xác định vấn đề cần tìm hiểu (chủ đề của dự án).
- Thành lập các nhóm theo sở thích và khả năng của HS.
- Phổ biến nhiệm vụ cho các nhóm.
- Rèn luyện kĩ năng làm việc nhóm.

2. Thời gian: 1 tiết

3. Cách thức tổ chức hoạt động:

- GV giao nhiệm vụ HS: tìm hiểu, sưu tầm các tư liệu về các vấn đề dân số, lao động, việc làm ở Việt Nam. Trên cơ sở đó cho biết các vấn đề cần đặt ra đối với vấn đề dân số, lao động, việc làm ở địa phương em và ở Việt Nam? Đề xuất những biện pháp giải quyết?

(GV gợi ý: tìm hiểu trong SGK, các tài liệu hoặc Internet, sách báo ....)
- GV và HS cùng xem một số các hình ảnh, video về thực trạng dân số, tăng dân số, phân bố dân cư, việc sử dụng lao động, thực trạng việc làm ... ở Việt Nam.
GV giới thiệu nội dung chính của 2 bài 16,17: Dân số nước ta đông, tăng nhanh, có nhiều thành phần dân tộc. Những đặc điểm này đã mang lại rất nhiều tích cực, nhưng cũng có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và tài nguyên môi trường; Nguồn lao động nước ta dồi dào nhưng việc sử dụng lao động chưa thực sự hợp lý dẫn đến tỉ lệ lao động thất nghiệp, thiếu việc làm ngày càng tăng. Vậy chúng ta phải làm thế nào để phát huy được tính tích cực của dân cư, lao động, hạn chế được những mặt tiêu cực của vấn đề này tới sự phát triển bền vững của đất nước. Để giải quyết vấn đề này Đảng ta đã xây dựng chính sách dân số và giải quyết việc làm.
Bước 1: GV và HS cùng thảo luận và xác định nội dung của dự án:
- Nội dung 1: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư
- Nội dung 2: Nguồn lao động. Cơ cấu lao động. Vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm
- Nội dung 3: Chiến lược phát triển dân số hợp lí, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động, biện pháp giải quyết việc làm (Chính sách dân số và giải quyết việc làm)
Bước 2: Thành lập nhóm:
- GV chia lớp thành 3 nhóm theo sở thích, khả năng của HS.
- Các nhóm bàn bạc bầu nhóm trưởng, thư ký, tên nhóm.
Bước 3: Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm, hướng dẫn; lập kế hoạch nhóm: (PHỤ LỤC 3-1)
+ Nhóm 1: Dự án "*Dân số và việc làm*": Tìm hiểu về đặc điểm dân số và phân bố dân cư của Việt Nam - Liên hệ với địa phương nơi các em sinh sống? Với đặc điểm dân số và phân bố dân cư như vậy thì ảnh hưởng của nó đến vấn đề việc làm như thế nào? Liên hệ với trách nhiệm của mỗi cá nhân, của cả nhóm trong vấn đề dân số và việc làm?
+ Nhóm 2: Dự án "*Dân số và việc làm*": Tìm hiểu nguồn lao động? Cơ cấu lao động? Tìm hiểu về vấn đề việc làm? Liên hệ với địa phương nơi các em sinh sống? liên hệ đến việc chọn nghề và hướng đi sau khi rời THPT của bản thân mỗi cá nhân trong nhóm?
+ Nhóm 3: Dự án "*Dân số và việc làm*": Tìm hiểu chiến lược phát triển dân số, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động, biện pháp giải quyết việc làm (Chính sách dân số và giải quyết việc làm). Liên hệ với địa phương nơi các em sinh sống? liên hệ với trách nhiệm của mỗi cá nhân, của cả nhóm?
- Các nhóm phân công nhiệm vụ cho từng thành viên:

+ HS có lực học tập trung bình và yếu có nhiệm vụ tập hợp văn bản đã xử lí, nhập nội dung văn bản, tham gia tìm kiếm thông tin;
+ HS có lực học khá giỏi tham gia tìm kiếm thông tin, tóm tắt các nội dung tìm kiếm được;
+ Học sinh có khả năng tìm kiếm thông tin trên mạng tốt: Có nhiệm vụ tìm kiếm thông tin trên mạng;
+ Học sinh có khả năng sử dụng powerpoint và các ứng dụng khác: Có nhiệm vụ chuyển nội dung lên Powerpoint.
Bước 4: Các nhóm trao đổi

HOẠT ĐỘNG 2: Xây dựng kế hoạch làm việc

1. Mục tiêu:

Các nhóm xây dựng đề cương Dự án và kế hoạch cho việc thực hiện nhiệm vụ của dự án. Xác định những việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, phương pháp tiến hành.
Các nhóm phân công tìm hiểu, nghiên cứu, sưu tầm tư liệu tranh ảnh,... về nội dung được phân công.
Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm. Góp phần hình thành kỹ năng thu thập thông tin, phỏng vấn, điều tra thực tế.... trình bày vấn đề và viết báo cáo.
2. Cách thức tổ chức hoạt động:
Bước 1: Giáo viên định hướng cho các nhóm trong quá trình xây dựng kế hoạch làm việc.
Bước 2: Giải đáp thắc mắc cho học sinh, giúp đỡ học sinh khi học sinh yêu cầu.
Bước 3: Các nhóm dựa trên phiếu định hướng hoạt động phân công nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
Viết nhật kí và biên bản làm việc nhóm.
Sắp xếp các nội dung đã tìm hiểu, nghiên cứu được.
3. Sản phẩm:
- Đề cương chi tiết cho từng nội dung của các nhóm.
- Bản phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm và thời gian cho việc hoàn thành nhiệm vụ.

HOẠT ĐỘNG 3: Thực hiện dự án.

(Thời gian từ tuần 1 đến tuấn 2 (tiết 19 đến tiết 20 theo phân phối chương trình), HS làm việc theo nhóm ở nhà)

1. Mục tiêu:

Học sinh làm việc cá nhân và nhóm theo kế hoạch đề ra.

- Thu thập thông tin: Học sinh tìm kiếm thông tin trong SGK, tài liệu tham khảo, Internet, bản đồ ...

- Xử lí thông tin, tổng hợp kết quả nghiên cứu của các thành viên trong nhóm. Trong quá trình xử lí thông tin, các nhóm phải hướng đến việc làm rõ các vấn đề đặt ra trong đề cương nghiên cứu.

- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm.

2. Thời giam: Học sinh tự sắp xếp.

3. Cách thức tổ chức hoạt động:

Giáo viên yêu cầu nhóm trưởng báo cáo về tiến độ công việc của nhóm, đồng thời nêu khó khăn vướng mắc trong quá trình tìm hiểu.

Giáo viên giúp đỡ các nhóm thông qua đưa ra các câu gợi ý để học sinh có thể giải quyết tốt các vướng mắc của nhóm mình.

Các thành viến thông qua báo cáo của nhóm góp ý chỉnh sửa bài báo cáo của nhóm.

Nhóm trưởng tiếp nhận ý kiến đóng góp của các thành viên, hoàn thiện báo cáo của nhóm, chuẩn bị trình bày trước lớp vào tiết sau.

4. Sản phẩm.

- Mỗi nhóm có 1 bài thuyết trình trên powerpoint

- Các clip, hình ảnh... về các nội dung liên quan.

5. Các nhóm hoàn thành sản phẩm: Chuyển đến tất cả các bạn trong lớp để đọc trước và chuẩn bị các câu hỏi. Các bạn trong lớp nhận bài trình bày của các nhóm, nghiên cứu và chuẩn bị các câu hỏi.

Tiết 2

HOẠT ĐỘNG 4: Báo cáo

1. Mục tiêu:

- Học sinh báo cáo kết quả làm việc của nhóm: trình bày báo cáo thông qua thuyết trình, thảo luận
- Biết tự đánh giá sản phẩm của các nhóm khác
- Hình thành được kĩ năng: Lắng nghe, thảo luận, nêu vấn đề và thương thuyết
- Góp phần rèn luyện các kĩ năng bộ môn
- Nâng cao trách nhiệm công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm.

2. Nhiệm vụ của học sinh:

- Báo cáo các nội dung chủ đề theo sự phân công.
- Thảo luận và chuẩn bị các câu hỏi cho các nhóm khác.
- Tự đánh giá sản phẩm của nhóm mình và tham gia đánh giá sản phẩm của các nhóm khác.

3. Nhiệm vụ của giáo viên:

- Dẫn dắt vấn đề, tổ chức thảo luận.
- Quan sát, đánh giá.
- Hỗ trợ, cố vấn.
- Thu hồi các sản phẩm và các phiếu giao việc trong nhóm.
- Nhận xét đánh giá các sản phẩm của học sinh.

TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Bước 1: Giáo viên phát cho các nhóm phiếu tự đánh giá cá nhân (PHỤ LỤC 3-2)

Dẫn dắt vấn đề cho học sinh tiến hành báo cáo và thảo luận: Dân số nước ta đông, tăng nhanh, có nhiều thành phần dân tộc. Những đặc điểm này đã mang lại rất nhiều tích cực nhưng cũng có tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và tài nguyên môi trường. Nguồn lao động nước ta dồi dào nhưng việc sử dụng lao động chưa thực sự hợp lý dẫn đến tỉ lệ lao động thất nghiệp, thiếu việc làm ngày càng tăng. Vậy chúng ta phải làm thế nào để phát huy được tính tích cực của dân cư, lao động, hạn chế được những mặt

tiêu cực của vấn đề này tới sự phát triển bền vững của đất nước. Để giải quyết vấn đề này Đảng ta đã xây dựng chính sách dân số và giải quyết việc làm.

Bước 2: Các nhóm cử đại diện báo cáo dự án của nhóm mình theo nhiệm vụ được phân công:

*** <u>Nhóm 1</u>: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư.**

- Đại diện nhóm 1 trình bày bài thuyết trình.

(Thực hiện thuyết trình bằng powerpoint – Theo sản phẩm nhóm xây dựng)

- HS các nhóm khác lắng nghe bài thuyết trình và hoàn thành phiếu ghi nhận thông tin.
- Sau khi nhóm thuyết trình xong, GV yêu cầu HS các nhóm khác đặt câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu của nhóm 1.
- HS nhóm 1 ghi chép lại các câu hỏi và đưa ra phương án trả lời.
- GV nhận xét bài thuyết trình của nhóm báo cáo về nội dung, hình thức, cách trình bày và trả lời câu hỏi của các bạn.
- GV chuẩn nội dung kiến thức*:(Phần chuẩn kiến thức của GV sẽ chuyển cho các nhóm để HS không cần ghi vở*) (PHỤ LỤC 3-5)
- GV cho HS quan sát 1 số bản đồ, biểu đồ .... Yêu cầu HS thảo luận thêm và trả lời các câu hỏi:

Câu hỏi 1: Đọc đoạn thông tin kiến thức sau: *Số dân nước ta năm 2006 là 84,156 triệu người, đứng thứ ba khu vực Đông Nam Á và thứ 13 trên thế giới. Khoảng 3,2 triệu người Việt đang sinh sống ở nước ngoài, tập trung nhiều nhất ở Hoa Kì, Ôxtrâylia và một số nước châu Âu.*

Đặc điểm trên tác động như thế nào đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội nước ta?

Gợi ý trả lời:

- Thuận lợi

+ Nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, là nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế đất nước.

+ Đại bộ phận người Việt ở nước ngoài đều hướng về tổ quốc và đang góp công sức cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở quê hương.

- Khó khăn: Trong điều kiện nước ta hiện nay, số dân đông là trở ngại lớn cho vấn đề việc làm, áp lực lớn đến các ngành kinh tế, đến việc phát triển kinh tế - xã hội, đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Câu hỏi 2: *Nước ta có 54 dân tộc anh em và có khoảng 3,2 triệu người Việt ở nước ngoài đã có những ảnh hưởng tích cực gì cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội?*

Gợi ý trả lời:

**Đặc điểm:*

- Có 54 dân tộc, nhiều nhất là người kinh chiếm 86,2% dân số, các dân tộc khác chiếm 13,8%.
- Khoảng 3,2 triệu người Việt đang sinh sống ở nước ngoài, tập trung nhiều nhất ở Hoa Kì, Ôxtrâylia và một số nước châu Âu.

**Ảnh hưởng tích cực:*

- Các dân tộc luôn đoàn kết bên nhau, phát huy truyền thống sản xuất, văn hoá, phong tục tập quán tạo nên sức mạnh phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.
- Đại bộ phận người Việt ở nước ngoài đều hướng về tổ quốc và đang góp công sức cho xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở quê hương.

Câu hỏi 3: *Dựa vào biểu đồ sau, nhận xét tỉ lệ tăng dân số nước ta qua các giai đoạn.*

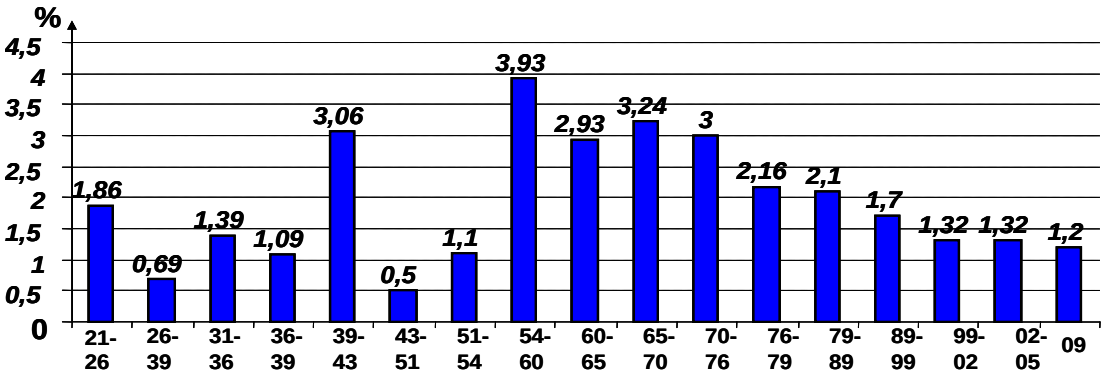

Biểu đồ thể hiện tỉ lệ tăng dân số trung bình năm qua các giai đoạn

Gợi ý trả lời:

- Tỉ lệ tăng dân số không đều qua các giai đoạn.

- Tỉ lệ tăng dân số ở giai đoạn sau đã giảm dần (Từ 1976 đến 2009)

Câu hỏi 4. *Dựa vào bản đồ phân bố dân cư, nhận xét sự phân bố dân cư giữa các vùng và xu hướng thay đổi trong phân bố dân cư giữa các vùng ở nước ta? Ảnh hưởng đến vấn đề việc làm?*

Hình 16.2. Phân bố dân cư

Gợi ý trả lời:

Giữa đồng bằng và miền núi trung du:

+ Dân cư tập trung đông ở đồng bằng, thưa ở miền núi.

+ Có sự thay đổi theo hướng tăng tỉ lệ dân ở miền núi trung du và giảm tỉ lệ dân ở đồng bằng. Do di dân tự phát và tự giác. Nhưng sự chênh lệch vẫn cao

+ Nơi thừa lao động, thiếu việc làm -> tỉ lệ Thất nghiệp ở đồng bằng cao hơn miền núi.

*** <u>Nhóm 2</u>: Tìm hiểu nguồn lao động. Cơ cấu lao động. Vấn đề việc làm.**

- Đại diện nhóm 2 trình bày bài thuyết trình: (Thực hiện thuyết trình bằng powerpoint – Theo sản phẩm học sinh xây dựng).

- HS các nhóm khác lắng nghe bài thuyết trình và hoàn thành phiếu ghi nhận thông tin.

- Sau khi nhóm 2 thuyết trình xong, GV yêu cầu HS các nhóm khác đặt câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu của nhóm 2.

- HS nhóm 2 ghi chép lại các câu hỏi và đưa ra phương án trả lời.

- GV nhận xét bài thuyết trình của nhóm báo cáo về nội dung, hình thức, cách trình bày và trả lời câu hỏi của các bạn.

- GV chuẩn nội dung kiến thức (HS có thể không cần ghi, phần kiến thức này GV

sẽ chuyển đến nhóm) (PHỤ LỤC 3-6)

- GV cung cấp 1 số thông tin về nguồn lao động, sử dụng lao động và việc làm ở địa phương.

- GV yêu cầu HS thảo luận thêm và trả lời 1 số câu hỏi sau:

***? Câu hỏi 1**: Từ bảng số liệu sau, hãy so sánh và rút ra nhận xét về sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kỹ thuật ở nước ta. Tại sao có sự chênh lệch về lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật giữa thành thị và nông thôn?*

(Đơn vị: %)

Trình độ		**1996**	**2005**
Đã qua đào tạo		**12,3**	**25,0**
Trong đó	**Có chứng chỉ nghề sơ cấp**	**6,2**	**15,5**
	Trung học chuyên nghiệp	**3,8**	**4,2**
	Cao đẳng, đại học và trên đại học	**2,3**	**5,3**
Chưa qua đào tạo		**87,7**	**75,0**

Gợi ý trả lời:

- Cơ cấu lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật có sự thay đổi: Tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng, chưa qua đào tạo giảm.

- Lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật ở thành thị cao hơn nhiều so với nông thôn.

- Thành thị thường là trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học, chính trị, đầu mối giao thông, có nhiều điều kiện để đào tạo và yêu cầu sử dụng lao động chất lượng cao.

- Ở nông thôn, kinh tế, văn hoá, cơ sở hạ tầng, giáo dục còn chậm phát triển nên chưa thể đào tạo kịp thời.

- Gây khó khăn cho vấn đề sử dụng lao động và phát triển kinh tế - xã hội trên cả nước.

***Câu hỏi 2**: Dựa vào bảng số liệu, nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu lao động theo ngành ở nước ta.*

Bảng: Cơ cấu lao động theo ngành

Đơn vị: %

Năm Ngành	2000	2002	2003	2004	2005
Nông– lâm – ngư nghiệp	65,1	61,9	60,3	58,8	57,3
Công nghiệp- Xây dựng	13,1	15,4	16,5	17,3	18,2
Dịch vụ	21,8	22,7	23,2	23,9	24,5
Tổng số	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**100,0**

Gợi ý trả lời:

+ Lao động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất và lao động trong khu vực công nghiệp - xây dựng luôn chiếm tỷ trọng nhỏ nhất, sự phân công lao động nước ta diễn ra chưa mạnh.

+ Lao động trong khu vực nông - lâm - ngư nghiệp chiếm tỷ trọng trên 50%, do nước ta vẫn là nước nông nghiệp.

+ Xu hướng chuyển dịch lao động từ khu vực nông, lâm, ngư nghiệp sang khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ nhưng còn chậm.

+ Từ năm 2000 đến năm 2005, lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp giảm 7,8%, lao động khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 5,1% và dịch vụ tăng 2,7%.

+ Do cuộc cách mạng KH – KT và quá trình đổi mới làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu sử dụng lao động xã hội nước ta.

? ***Câu hỏi 3.** Cho bảng số liệu về cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế, giai đoạn 2000 – 2005.* So sánh và nhận xét sự thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn trên.

Bảng: Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế

đơn vị: %

Năm / TPKT	2000	2002	2003	2004	2005
Nhà nước	9,3	9,5	9,9	9,9	9,5
Ngoài Nhà nước	9 1	89,4	88,8	88,6	88,9
Có vốn đầu tư nước ngoài.	0,6	1,1	1,3	1,5	1,6

Gợi ý trả lời:

- So sánh:

+ Lao động trong thành phần kinh tế Ngoài Nhà nước vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất và lao động trong thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài luôn chiếm tỷ trọng nhỏ nhất, sự phân công lao động nước ta diễn ra chưa mạnh.

+ Lao động trong thành phần kinh tế Ngoài Nhà nước quá cao do Nhà nước đã thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế.

- Nhận xét:

+ Xu hướng tỉ trọng lao động trong thành phần kinh tế Ngoài Nhà nước giảm, lao động theo thành phần kinh tế Nhà nước tăng và lao động trong thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

+ Từ năm 2000 đến năm 2005 lao động trong thành phần Ngoài Nhà nước giảm 1,2%, thành phần Nhà nước tăng 0,2% và thành phần có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1%.

+ Sự chuyển dịch trên vẫn còn chậm. Do nước ta phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhưng còn ít.

***? Câu hỏi 4**: Cho bảng số liệu về tỷ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm của các vùng năm 2005 (đơn vị: %)*

Bảng: Tỉ lệ thất nghiệp và tỉ lệ thiếu việc làm của các vùng năm 2005

đơn vị: %

Vùng	**Tỷ lệ thất nghiệp**	**Tỷ lệ thiếu việc làm**
Đồng bằng sông Hồng	2.69	5.46
Đông Nam Bộ	3.99	3.31
Đồng bằng sông Cửu Long	3.31	9.33

Hãy nhận xét và giải thích về tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm theo các vùng so với cả nước.

Gợi ý trả lời:

- Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm ở các vùng không đồng đều.

- Tỷ lệ thất nghiệp chênh lệch không nhiều nhưng cao nhất vẫn là Đông Nam Bộ, thấp nhất là đồng bằng sông Hồng.

- Tỷ lệ thiếu việc làm chênh lệch lớn, đồng bằng sông Cửu Long cao nhất và cao gấp 3 lần Đông nam Bộ, gấp 2 lần đồng bằng sông Hồng; Thấp nhất là Đông Nam Bộ.

- Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có tỷ lệ thiếu việc làm cao hơn tỷ lệ thất nghiệp, Đông Nam Bộ có tỷ lệ thất nghiệp cao hơn tỷ lệ thiếu việc làm. Nhưng tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của Đông Nam Bộ ít chênh lệch nhất, đồng bằng sông Cửu Long chênh lệch nhiều nhất.

- Đồng bằng sông Hồng có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, kinh tế chủ yếu là thuần nông cùng với sự phát triển nhanh của Công nghiệp hóa và Đô thị hóa.

- đồng bằng sông Cửu Long mới khai thác, cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và thuỷ sản.

- Đông Nam Bộ phát triển nhanh các đô thị lớn và Công nghiệp hóa mạnh.

*** Nhóm 3: Tìm hiểu chiến lược phát triển dân số, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động, biện pháp giải quyết việc làm (Chính sách dân số và giải quyết việc làm).**

- Đại diện nhóm 3 trình bày bài thuyết trình (Thực hiện thuyết trình bằng powerpoint – Theo sản phẩm học sinh xây dựng).

- HS các nhóm khác lắng nghe bài thuyết trình và hoàn thành phiếu ghi nhận thông tin.

- Sau khi nhóm 3 thuyết trình xong, GV yêu cầu HS các nhóm khác đặt câu hỏi liên quan đến nội dung nghiên cứu của nhóm 3.

- HS nhóm 3 ghi chép lại các câu hỏi và đưa ra phương án trả lời.

- GV nhận xét bài thuyết trình của nhóm báo cáo về nội dung, hình thức, cách trình bày và trả lời câu hỏi của các bạn.

- GV chuẩn nội dung kiến thức (phần kiến thức này, HS có thể không chép tại lớp, GV chuyển cho các nhóm) (Phụ lục 3-7)

- GV và HS chơi trò chơi giải ô chữ:

<u>Ô CHỮ 1</u>: Gồm 3 hàng ngang, mỗi hàng ngang ứng với phần trả lời của 1 câu hỏi:

+ Hàng ngang số 1: - Gồm 5 chữ cái.

Câu hỏi: Nước ta có tốc độ tăng dân số như thế nào?

+ Hàng ngang số 2: - Gồm 4 chữ cái.

Câu hỏi: Nước ta có số dân đứng thứ bao nhiêu ở Đông Nam Á?

+ Hàng ngang số 3: - Gồm 8 chữ cái.

Câu hỏi: Một trong những hậu qủa của việc tăng nhanh dân số đối với chất lượng cuộc sống của con người?

Đáp án:

1		N	H	A	N	H		
2	T	H	Ứ	3				
3	N	G	H	È	O	Đ	Ó	I

<u>Ô CHỮ 2</u>: Tìm từ khóa gồm 5 chữ cái. Các chữ cái của từ khóa nằm trong 3 gợi ý của ô chữ sau:

Ô chữ gồm 3 hàng ngang, mỗi hàng ngang ứng với phần trả lời của 1 câu hỏi:

+ Hàng ngang số 1: - Gồm 9 chữ cái.

Câu hỏi: Nước ta có diện tích vào loại ..... trên thế giới.

+ Hàng ngang số 2: - Gồm 7 chữ cái.

Câu hỏi: Quy mô dân số nước ta thuộc hàng các nước ..... trên thế giới.

+ Hàng ngang số 3: - Gồm 7 chữ cái.

Câu hỏi: Dân số tăng nhanh gây khó khăn cho việc nâng cao …..

1	T	R	U	N	G	B	Ì	**N**	H
2	Đ	Ô	N	G	**D**	**Â**	N		
3	Đ	Ờ	I	**S**	**Ố**	N	G		

Từ khóa:

D	**Â**	**N**	**S**	**Ố**

Bước 3: Củng cố:

GV yêu cầu các nhóm xây dựng sơ đồ cấu trúc bài (phần các nhóm phụ trách tìm hiểu).

GV sử dụng sản phẩm của các nhóm HS.

Đại diện các nhóm căn cứ sơ đồ trên màn hình tóm lược nội dung chính của bài.

- GV nhấn mạnh cho HS thấy rõ sự cần thiết phải có chính sách dân số, biện pháp giải quyết việc làm hợp lý, từ đó nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đồng thời, GV cũng đặt ra trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số.

Bước 4: Tổng kết hoạt động báo cáo - Về hoạt động chuẩn bị ở nhà: GV thu phiếu đánh giá cá nhân khi làm việc nhóm. GV nhận xét, biểu dương các nhóm có sự chuẩn bị tốt các sản phẩm của nhóm: + Đảm bảo thời gian hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu + Nội dung chất lượng sản phẩm tốt, thể hiện ý thức tự giác học tập, nghiên cứu + Sản phẩm có sự đóng góp của nhiều thành viên trong nhóm thể hiện rõ sự hợp tác có hiệu quả, các nhóm trưởng phát huy được vai trò lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt - Về hoạt động trên lớp: Nhận xét theo phiếu đánh giá sản phẩm (Phụ lục 4) - Qua các câu hỏi trong bài và sản phẩm dự án các nhóm đã làm, HS có bức tranh tổng thể về vấn đề lao động và việc làm hiện nay -> có nhận định sáng suốt về vấn đề việc làm và trách nhiệm của mỗi cá nhân -> có sự lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn, phù hợp với bản thân và xã hội.

VII. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

Cách thức đánh giá: Giáo viên đánh giá kết quả học tập của các nhóm học sinh thông qua phiếu đánh giá sản phẩm (Phụ lục 3-2 và 3-3).

VIII. CÁC SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH: Sản phẩm powerpoint của 3 nhóm.

Lưu ý: Trong bài soạn này, tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp hợp tác nhóm, dụng phương pháp dự án, tăng cường sử dụng công nghệ thông tin, kết hợp với phương pháp sử dụng các kĩ thuật dạy học phát huy tính tích cực và sáng tạo như tổ chức trò chơi "Điền ô trống", khai thác tối đa các phương pháp đặc thù của bộ môn Địa lí (sử dụng bản đồ, biểu đồ,…). Bên cạnh đó, GV có thể lựa chọn dạy bài này theo nhiều cách khác nhau và sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học theo tình huống, phương pháp dạy học định hướng hành động,… (đây là lúc dân số Việt Nam đang ở thời điểm "dân số vàng" nên được đề cập rất nhiều trên các phương tiện thông tin) hoặc HS có thể lập dự án cho mình khi đóng vai 1 ông chủ doanh nghiệp cần đầu tư và tuyển

dụng lao động. Các nội dung GDHN cần tích hợp chính là một phần kiến thức của bài 16, và toàn bộ kiến thức bài 17.

2.5.2. Thiết kế giáo án Bài7. Đất nước nhiều đồi núi (tiết 2) (PHỤ LỤC 3)

2.5.3. Thiết kế giáo án Bài 21. Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta (PHỤ LỤC 4)

2.5.4. Thiết kế giáo án Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ *(PHỤ LỤC 5)*

2.5.5. Thiết kế giáo án Bài 33. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng (PHỤ LỤC 6)

Tiểu kết chương 2

2.1. Từ việc vận dụng cơ sở lí luận và thực tiễn trình bày ở chương 1, tác giả nghiên cứu, đưa ra các yêu cầu, các nguyên tắc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT; đồng thời nghiên cứu, xác định quy trình tích hợp; nội dung và các phương pháp tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT… Đảm bảo tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS, đảm bảo vai trò chủ đạo của GV, tính vừa sức trong mỗi tiết học có tích hợp GDHN, góp phần nâng cao hiệu quả công tác GDHN trong trường THPT, góp phần HS 12 THPT hiểu bản thân, hiểu về thế giới nghề nghiệp và đua ra những quyết định lựa chọn nghề đúng đắn, phù hợp.

2.2. Để chuẩn bị cho thực nghiệm ở chương 3, NCS đã căn cứ theo nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT trình bày ở phần 2.1 - Chương 2; và Quy trình tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT (trình bày ở phần 2.3 – Chương 2), đảm bảo bám sát giai đoạn 1 của quy trình là: "Xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp GDHN", với 2 bước là: "Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức tích hợp GDHN"; và "Thiết kế các hoạt động dạy học tích hợp GDHN"; vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học được trình bày ở trên để xây dựng 5 giáo án dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT của 6 bài Địa lí 12 là:

+ Bài7 - Đất nước nhiều đồi núi (phần: Địa lí tự nhiên);

+ Bài 16 - Đặc điểm dân số và phân bố dân cư nước ta và Bài 17 - Lao động và việc làm (phần: Địa lí dân cư) (xây dựng thành 1 giáo án chủ đề: Dân số và việc làm);

+ Bài 21 - Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta (phần: Địa lí các ngành kinh tế);

+ Bài 32 - Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ và Bài 33 - Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng (phần: Địa lí các vùng kinh tế).

2.3. Tuy nhiên, muốn việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT thu được kết quả như mong muốn cần nhà trường, các cơ sở giáo dục, giáo viên dạy tích hợp GDHN trong bộ môn Địa lí, HS,… thực hiện đồng bộ các yêu cầu, nguyên tắc, giải pháp đề ra. Bên cạnh đó, cần có sự phối kết hợp động bộ giữa gia đình, nhà trường, các cơ sở sản xuất,…để giúp HS hiểu và tự tin chọn nghề. Việc dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT cũng cần căn cứ theo, đặc điểm của mỗi HS, điều kiện dạy học của từng trường, từng địa phương, khả năng của từng GV,… để có sự lựa chọn nội dung và phương pháp phù hợp.

CHƯƠNG 3. THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích, nhiệm vụ và nguyên tắc thực nghiệm

3.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính hiệu quả của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT. So sánh những kết quả đạt được với những giả thuyết ban đầu, qua đó có những điều chỉnh hợp lí để đảm bảo mục tiêu, cách thức tiến hành,… xác định tính khả thi, mức độ phù hợp của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT.

3.1.2. Nguyên tắc thực nghiệm sư phạm

- TNSP phải đảm bảo tính trung thực, khách quan của các thực nghiệm;

- Thực nghiệm phù hợp với đối tượng HS và sát với tình hình thực tế dạy học ở trường THPT.

3.1.3. Nhiệm vụ thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm thực hiện các nhiệm vụ:

- Đánh giá sự phối hợp các biện pháp sư phạm được lựa chọn để thể hiện ở giáo án đã soạn thảo đối với việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT.

- Đánh giá mức độ phù hợp của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí lớp 12 THPT.

- Đánh giá hiệu quả của việc tích hợp GDHN với môn Địa lí lớp 12 THPT.

3.2. Nội dung và phương pháp thực nghiệm

3.2.1. Nội dung thực nghiệm

TNSP gồm 2 đợt:

Đợt 1:

- Tác giả tổ chức cho GV Địa lí (GV của trường đề tài sẽ tiến hành thực nghiệm) tìm hiểu các kiến thức về Hướng nghiệp được trình bày ở chương 1 và chương 2; Trao đổi với GV Địa lí về mục đích, nội dung, phương pháp thực nghiệm; Cung cấp cho GV các tài liệu tham khảo cần thiết để GV trau dồi kiến thức về hướng nghiệp; Cung cấp và hướng dẫn cho GV Địa lí cách soạn giáo án có nội

dung tích hợp GDHN theo đúng quy trình tích hợp GDHN đã đề ra; GV dạy thực nghiệm tham khảo các giáo án đã soạn sẵn ở chương 2; Hướng dẫn GV tích hợp các câu hỏi, yêu cầu, nội dung về hướng nghiệp theo các mức độ liên hệ, bộ phận hay toàn phần.

- Dựa trên các kiến thức vừa trao đổi, tác giả luận án xin ý kiến đóng góp của GV về quy trình và biện pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT; góp ý chỉnh sửa hoàn thiện cho giáo án dạy thực nghiệm; Bổ sung, hoàn thiện nội dung tích hợp Giáo dục Hướng nghiệp trong dạy học Địa lí 12 (được trình bày ở chương 2 của luận án).

Đợt 2 (gồm 2 lần tiến hành TNSP):

+ ***Lần 1*:** Tác giả trực tiếp dạy 6 bài thực nghiệm tại lớp 12A7, trường THPT Lê Lợi – Hà Đông – Hà Nội: Bài 7 (Đất nước nhiều đồi núi); bài 16 (Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta) và bài 17 (Lao động và việc làm) - một giáo án với chủ đề: Dân số và việc làm; bài 21 (Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta); bài 32 (Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ); bài 33 (Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng song Hồng) theo 5 giáo án đã soạn và đã chỉnh sửa qua tập huấn đợt 1. Các tiết dạy này có các giáo viên Địa lí sẽ dạy thực nghiệm lần 2 cùng dự giờ.

Thực nghiệm lần 1, mục đích xin ý kiến của GV và HS đánh giá về tính phù hợp, khả thi của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT; góp ý hoàn thiện Quy trình và biện pháp tích hợp ở chương 2 của luận án; góp ý, bổ sung và hoàn thiện giáo án thực nghiệm.

+ ***Lần 2:*** GV Địa lí đã tham dự tập huấn đợt 1, dự giờ thực nghiệm lần 1 đợt 2, tiến hành dạy TNSP theo 5 giáo án đã chỉnh sửa; lớp đối chứng: GV dạy 6 bài trên bằng giáo án soạn dạy theo cách bình thường.

- Quá trình dạy thực nghiệm bao gồm cả việc quan sát, phỏng vấn, tham khảo ý kiến; kiểm tra kết quả học tập của HS, phân tích, so sánh kết quả với lớp đối chứng. Khảo sát, thăm dò sự hứng thú của HS khi các em tham gia học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, đánh giá định lượng và định đính sau thực

nghiệm và so sánh với lớp đối chứng và khảo sát trước thực nghiệm để rút ra những kết luận sau thực nghiệm cho vấn đề tác giả đề xuất.

3.2.2. Phương pháp thực nghiệm

+ Trước khi thực nghiệm sư phạm, chúng tôi phát phiếu khảo sát cho cán bộ quản lý, GV và HS (phiếu khảo sát phụ lục 1 và phụ lục 2) để tìm hiểu về việc GDHN trong nhà trường, việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí và việc nắm kiến thức hướng nghiệp của mỗi HS (kết quả của phiếu khảo sát này đã được trình bày ở chương I).

+ Trong quá trình thực nghiệm chúng tôi tiến hành 2 đợt thực nghiệm:

- *Đợt thực nghiệm thứ 1* tiến hành với GV dạy Địa lí để cung cấp kiến thức, xin ý kiến thực tế, hoàn thiện nội dung và giáo án thực nghiệm;

- *Đợt thực nghiệm thứ 2*: chúng tôi tiến thực nghiệm 2 lần:

Thực nghiệm lần 1 Đợt 2, tác giả trực tiếp dạy thực nghiệm, với sự dự giờ của 5 GV dạy Địa lí, nhằm mục đích xin ý kiến đóng góp về mục tiêu thực nghiệm, kiểm chứng sự hứng thú của HS, xin ý kiến đóng góp của GV và HS, qua đó hoàn thiện giáo án thực nghiệm để tiến hành thực nghiệm lần 2;

Thực nghiệm lần 2 Đợt 2: Lần TNSP này là thực nghiệm sư phạm có đối chứng. Trong đó tương ứng với các nội dung thực nghiệm, có một lớp đối chứng. Lớp đối chứng và lớp thực nghiệm đều do cùng một GV giảng dạy, chỉ khác nhau ở chỗ:

. Lớp thực nghiệm, GV thực hiện bài lên lớp, hướng dẫn HS tự học và tiến hành bài học tích hợp theo quy trình các bước chúng tôi đã xác lập và giáo án đã chỉnh sửa qua thực nghiệm lần 1 đợt 2 (được trình bày ở chương II);

. Lớp đối chứng, GV và HS tiến hành bài học theo giáo án và phương pháp vẫn dùng.

+ Sau mỗi đợt thực nghiệm và sau mỗi lần thực nghiệm, chúng tôi đều tiến hành nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm cả về mặt định tính và định lượng (nhận xét, đánh giá qua quan sát, phỏng vấn sâu, tổng hợp phiếu hỏi, tổng hợp bài kiểm tra,…).

3.2.3. Phương pháp đánh giá kết quả thực nghiệm

Để tiến hành nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm cả về mặt định tính và định lượng, tác giả đã sử dụng một số công cụ sau:

+ Hai bài kiểm tra 15 phút (PHỤ LỤC 11) (được HS làm sau giờ học thực nghiệm đầu tiên để kiểm tra kiến thức địa lí và hướng nghiệp ban đầu, sau một giờ học tích hợp) và bài kiểm tra 45 phút (PHỤ LỤC 12) (được HS làm sau khi kết thúc học thực nghiệm): bài kiểm tra giúp tác giả đánh giá việc lĩnh hội kiến thức địa lí và hướng nghiệp qua các tiết học thực nghiệm và qua đợt thực nghiệm. So sánh kết quả giữa lớp thực nghiệm với lớp đối chứng và so sánh với kết quả khảo sát trước thực nghiệm.

Nội dung bài kiểm tra dựa vào mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của từng bài thực nghiệm. Bài kiểm tra của cả lớp thực nghiệm và lớp đối chứng được GV chấm theo thang điểm từ 0 đến 10; Kiến thức hướng nghiệp nằm trong 2 bài kiểm tra 15 phút và bài kiểm tra 45 phút được lồng trong các câu hỏi về cả kiến thức Địa lí và kiến thức GDHN. Trên cơ sở nhận xét đánh giá về điểm số sẽ xác định được mức độ đạt được theo yêu cầu đề ra. Kết quả được trình bày chi tiết tại mục 3.3 của chương này.

+ Phiếu hỏi GV (PHỤ LỤC 8, 9): Xin ý kiến nhận xét, đánh giá của GV dạy thực nghiệm để tác giả tổng hợp đánh giá, nhận xét mức độ, sự hiểu biết của GV về GDHN và cách thức dạy học tích hợp; về tính khả thi, sự phù hợp, khả năng vận dụng vào thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông của tích hợp GDHN qua môn Địa lí 12 THPT.

+ Phiếu hỏi HS (PHỤ LỤC 10): Xin ý kiến nhận xét, đánh giá của HS để tác giả đánh giá mực độ nhận thức của HS đối với kiến thức địa lí và kiến thức hướng nghiệp và mức độ hứng thú, tích cực trong mỗi tiết dạy học.

+ Đàm thoại hoặc phỏng vấn sâu: Phương pháp này kết hợp với quan sát và phiếu hỏi sẽ bổ sung những vấn đề mà 2 phương pháp kia còn thiếu.

+ Quan sát lớp học: Quá trình quan sát diễn ra trong suốt các giờ học thực nghiệm và buổi tập huấn GV, để tiếp nhận sự phản hồi của GV và HS; thái độ của

HS – có hay không sự hứng thú, tích cực tìm hiểu vấn đề, phát biểu, hợp tác xây dựng bài,…

+ ***Phương pháp thống kê toán học:*** Sau khi chấm hai bài kiểm tra của hai nhóm (thực nghiệm và đối chứng) (các điểm là các số nguyên) của học sinh, các số liệu về điểm kiểm tra được tập hợp và xử lý theo công thức toán thống kê. Tác giả sử dụng một số công thức sau:

1.Điểm trung bình:

$$\overline{X} = \frac{1}{n}\sum_{i=1}^{k} n_i X_i.$$

Trong đó: $\overline{X}$ là điểm trung bình; X_i là điểm đạt được; n_i là số bài (số học sinh) đạt được điểm X_i tương ứng ở mỗi lần kiểm tra; k là số nhóm điểm khác nhau; n là kích thước mẫu (tổng số HS kiểm tra).

2. Phương sai được tính theo công thức phương sai hiệu chỉnh:

$$S^2 = \frac{1}{n-1}\sum_{i=1}^{k} n_i(X_i - \overline{X})^2$$

3. Độ lệch chuẩn tương ứng với phương sai hiệu chỉnh:

$$S = \sqrt{\frac{1}{n-1}\sum_{i=1}^{k} n_i(X_i - \overline{X})^2}$$

Độ lệch chuẩn cho biết độ phân tán của tập hợp điểm số xoay quanh giá trị trung bình. Chỉ số S càng thấp thì độ phân tán quanh giá trị điểm trung bình càng ít, độ tập trung điểm quanh giá trị trung bình càng cao.

3.3. Tổ chức thực nghiệm

3.3.1. Chuẩn bị thực nghiệm

Chọn mẫu*:*

- HS lớp 12 của 4 trường THPT - Các trường lựa chọn là mẫu đại diện cho các hoàn cảnh tự nhiên khác nhau: trường THPT B Kim Bảng (Hà Nam), trường THPT Hòn Gai (Hạ Long – Quảng Ninh), trường THPT Thăng Long (Lâm Hà - Lâm Đồng), trường THPT Lê Lợi (Hà Đông – Hà Nội).

- Lần 1 đợt 2, 1 lớp dạy thực nghiệm (lớp 12A5- trường THPT Lê Lợi – Hà Đông- Hà Nội, sĩ số 40 HS, do cô Định Thị Điệu phụ trách).

- Lần 2 đợt 2: Bốn trường thực nghiệm, mỗi trường 2 lớp (1 lớp học thực nghiệm và 1 lớp đối chứng)

Mẫu là HS các lớp 12 THPT có kết quả học tập của lớp 10 và lớp 11 ở mức ngang nhau và ở mức trung bình của trường; 5 giáo viên dạy Địa lí tại trường thực nghiệm (cả GV cơ hữu và GV hợp đồng).

Chuẩn bị đồ dùng học tập (máy chiếu, SGK, Át lát, bút dạ, băng dính, nam châm, giấy Ao, A3,...).

Tài liệu cung cấp các kiến thức cơ bản về GDHN, Phiếu khảo sát, bài kiểm tra,….

Bảng 3.1. Danh sách các trường dạy thực nghiệm và đối chứng

STT	Trường thực nghiệm	GV dạy thực nghiệm	Lớp TN		Lớp ĐC	
			Lớp	Sĩ số	Lớp	Sĩ số
1	THPT Lê Lợi (Hà Nội)	Nguyễn Thị Tú Hồng	12A7	42	12A8	43
2	THPT Thăng Long (Lâm Đồng)	Nguyễn Thị Hảo	12B1	40	12B2	41
3	THPT B Kim Bảng (Hà Nam)	Lê Thị Dung	12A4	45	12A5	46
4	THPT Hòn Gai (Quảng Ninh)	Đặng Thị Hải	12A6	40	12A7	39
Tổng số học sinh				**167**		**169**

Thông tin chung về HS, GV và phụ huynh học sinh đã được tác giả tổng hợp và đề cập trong chương 1 của đề tài.

3.3.2. Triển khai thực nghiệm

**** Thời gian thực nghiệm:*** Năm học 2015 – 2016 và năm học 2016 - 2017

**** Triển khai thực nghiệm:***

+) Đợt 1: Tập huấn cho GV Địa lí tại các trường thực nghiệm.(năm học 2015 – 2016)

+) Đợt 2:

Lần 1: Tác giả dạy 5 giáo án thực nghiệm tại lớp 12A5 với sự có mặt dự giờ của 5 GV Địa lí.

Lần 2: 4 GV Địa lí (cô giáo Nguyễn Thị Tú Hồng, Nguyễn Thị Hảo, Lê Thị Dung, Đặng Thị Hải) đã tham gia tập huấn đợt 1 và dự giờ thực nghiệm lần 1 đợt 2, tiến hành dạy thực nghiệm và đối chứng theo 5 giáo án đã trình bày ở chương 2.

=> Cả 2 đợt thực nghiệm đều triển khai theo đúng quy trình và biện pháp thực nghiệm đã đề cập ở trên.

3.4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm

3.4.1. Thực nghiệm đợt 1

3.4.1.1. Nhận xét về mặt định tính

- Trong quá trình tiến hành thực nghiệm, thông qua quan sát, trao đổi chuyên sâu với GV để kiểm tra sự hứng thú, khả năng tiếp thu kiến thức Địa lí, Hướng nghiệp và cách thức tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đề xuất trong luận án, có thể thấy:

+ GV Địa lí tham dự hứng thú, sôi nổi, tích cực, chủ động trong trao đổi và tìm hiểu kiến thức hướng nghiệp, các biện pháp và nội dung, mức độ tích hợp GDHN.

+ Đa số GV khi được hỏi đều cho rằng, việc tích hợp GDHN như vậy là khả thi. Bước đầu có thể thiết kế và dạy được tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT theo đúng quy trình đã đề ra trong chương 2 của đề tài.

+ Tổng hợp phiếu hỏi (phụ lục 8), cũng cho kết quả tương tự trao đổi, phóng vấn sâu GV.

Bảng 3.2. Bảng tổng hợp phiếu xin ý kiến GV sau thực nghiệm đợt 1

Số lượng GV	Tham dự tập huấn		5 GV	Tỉ lệ %
Mức độ hứng thú	Không hứng thú		0	
	Bình thường		1	20%
	Hứng thú		4	80%
Mức độ đáp ứng mục tiêu	*+Hiểu và vận dụng được các khái niệm: về Hướng nghiệp, GDHN, tích hợp, tích hợp GDHN, ...*	Không đáp ứng	0	
		Đáp ứng vừa phải	2	40%
		Đáp ứng tốt	3	60%
	+ Hiểu và vận dụng được các yêu cầu và nguyên tắc tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT..	Không đáp ứng	0	
		Đáp ứng vừa phải	2	40%
		Đáp ứng tốt	3	60%
	+ Hiểu và vận dụng được quy trình tích hợp GDHN.	Không đáp ứng	0	
		Đáp ứng vừa phải	2	40%
		Đáp ứng tốt	3	60%
	+ Hiểu về phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá trong việc tích hợp GDHN.	Không đáp ứng	0	
		Đáp ứng vừa phải	2	40%
		Đáp ứng tốt	3	60%
	+ Hiểu và soạn được giáo án tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT.	Không đáp ứng	0	
		Đáp ứng vừa phải	2	40%
		Đáp ứng tốt	3	60%

Qua bảng tổng hợp, ta có thể thấy: GV Địa lí khá hứng thú với việc tích hợp GDHN Địa lí 12 ở trường THPT (80% tự thấy hứng thú, chỉ có 20% ở mức độ bình thường và không có GV nào cho rằng mình không hứng thú); Qua buổi tập huấn, trao đổi, cộng với GV tự nghiên cứu trước các tài liệu ở nhà thì đa số các GV đều cảm thấy mình đã hiểu và vận dụng được các kiến thức về hướng nghiệp, đa số GV

đều cho rằng: mình có thể soạn được các giáo án dạy học theo đề xuất tích hợp này (chiếm 60% tự đánh giá tốt, 40% tự đánh giá ở mức độ vừa phải, không có GV nào cho rằng mình không hiểu và vận dụng được vấn đề và không làm được). vấn đề được tác giả đưa ra có tính khả thi, thiết thực và có thể vận dụng ngay trong các tiết dạy và học Địa lí 12 ở trường THPT; Việc làm này cũng sẽ làm cho việc học tập của HS có hiệu quả, ý nghĩa hơn, nâng cao các hiệu quả GDHN cho HS.

Đa số các GV đều cho rằng, sở dĩ có nhận định như vậy vì tác giả không hoàn toàn thay đổi nội dung giảng dạy. Tác giả đã hướng dẫn GV khai thác các kiến thức hướng nghiệp cũng chính là một phần kiến thức Địa lí trong SGK Địa lí 12 THPT, hoặc liên hệ các kiến thức hướng nghiệp gần với kiến thức Địa lí qua việc vận dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp; Quy trình tích hợp cũng rõ ràng, đơn giản, gần gũi dễ thực hiện, triển khai đối với GV và HS; Và hơn hết, nội dung và cách thức tích hợp GDHN được đề xuất khiến bài học Địa lí, vẫn đảm bảo các kiến thức Địa lí, không biến tiết Địa lí thành tiết GDHN, nên GV Địa lí có thể triển khai trong giờ dạy học bộ môn Địa lí của mình.

3.4.1.2. Nhận xét về mặt định lượng

Tác giả cùng đội ngũ GV Địa lí tham gia dạy thực nghiệm của các trường thực nghiệm đã tập trung trao đổi, sửa chữa, bổ sung và hoàn thành 5 giáo án của 6 bài tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT: Bài 7 (Đất nước nhiều đối núi), bài 16 (Đặc điểm dân số và phân bố dân cư ở nước ta), bài 17 (lao động và việc làm), bài 21 (Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta), bài 32 (Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ), bài 33 (Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng).

Kết quả thực nghiệm cho thấy sự hứng thú của GV tham dự khi tiếp cận nội dung này. Những sản phẩm hình thành sau tập huấn (5 giáo án tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT) và một số ví dụ cụ thể GV đề xuất bổ sung minh họa cho yêu cầu, nguyên tắc, quy trình tích hợp, phương pháp tích hợp) là minh chứng định lượng cho thấy việc nghiên cứu và đề xuất tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT là khả thi và có thể áp dụng vào việc dạy học môn Địa lí 12 ở trường THPT.

3.4.2. Thực nghiệm đợt 2

**** Thực nghiệm sư phạm lần 1***

Quy mô khảo sát đánh giá kết quả thực nghiệm:

- Tham gia học thực nghiệm và phỏng vấn sau thực nghiệm là: 42 HS lớp 12A5 trường THPT Lê Lợi - Hà Đông - Hà Nội.

Thông tin chung về học sinh: 47,6% là nam, 52,4% là nữ; 2,3% HS là người dân tộc thiểu số; 88,1% HS thành thị, 11,9% HS ở nông thôn.

Thông tin chung về phụ huynh học sinh: Hầu hết phụ huynh đã tốt nghiệp THCS và THPT, nhưng phần lớn chưa được qua đào tạo (gần 60%); Gần 50% phụ huynh học sinh làm các nghề tự do; Trong đó, 83,3% học sinh cho rằng về mặt kinh tế gia đình mình là trung bình, 2,4% là khá và 14,3% cho rằng gia đình là diện nghèo.

Kết quả thực nghiệm đợt 2, lần 1

a, Nhận xét về mặt định tính: Kết thúc 6 bài dạy, tác giả tiến hành xin ý kiến GV về mục tiêu, phương pháp, nội dung đã được thể hiện trong 6 bài tích hợp (PHỤ LỤC 9) để tiến hành đánh giá sản phẩm, thái độ hợp tác của cá nhân và nhóm. Qua tổng hợp, phân tích, tác giả rút ra một số vấn đề sau:

+ GV dự giờ có nhận xét tích cực khi tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại số lượng HS trong mỗi nhóm để tất cả HS cùng tích cực hoạt động, không ỉ lại các HS khác trong cùng nhóm hoạt động.

+ Không khí lớp học sôi nổi hào hứng. Dường như trong giờ học thực nghiệm sư phạm, HS tích cực học, tự tin hơn, không thấy môn học hàn lâm hoặc phân biệt môn chính, môn phụ; Đa số HS thấy được vai trò của môn học và việc tích hợp GDHN.

Tác giả cũng có tiến hành phỏng vấn sâu một số HS sau khi tham gia học thực nghiệm đợt 2, lần 1: Kết quả thu được là: đa số các em HS đều trả lời khá hứng thú với các vấn đề được khai thác và đề cập trong tiết dạy; Qua các bài học thực nghiệm, các em cũng hiểu, biết hơn về thế giới nghề nghiệp (lao động, việc làm, một số nghề có điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn khi phát triển ở các khu vực khác nhau, ở địa phương,…); hiểu về bản thân các em thích và hợp nghề gì; nghề đó

được đào tạo ở đâu; … Giúp các em tự tin hơn trong việc quyết định chọn trường, chọn nghề sau khi rời ghế nhà trường THPT. Đồng thời, qua việc học thực nghiệm tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, các em thấy sự cần thiết của GDHN.

b, Nhận xét về mặt định lượng

Mục đích của thực nghiệm lần 1 đợt 2 là lấy ý kiến GV và HS để điều chỉnh và hoàn thiện giáo án 6 bài thực nghiệm, điều chỉnh và bổ sung để hoàn thiện các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình và phương pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Sản phẩm định lượng của GV tham dự thực nghiệm là hoàn thiện 5 giáo án thực nghiệm trong chương 2 của đề tài, góp ý chỉnh sửa và hoàn thiện các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình và phương pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT.

Ở lần thực nghiệm này không có lớp đối chứng, sau thực nghiệm HS không làm bài khảo sát, chỉ tham gia phỏng vấn sâu và sản phẩm đánh giá về mặt định lượng của HS là bài kiểm tra 45 phút sau 6 bài học (phụ lục 12). Qua bài kiểm tra này, tổng hợp kết quả, tác giả nhận thấy, tỷ lệ điểm đạt khá, giỏi (7-10 điểm) đạt 85,7%; 9% HS đạt điểm trung bình; và còn 5,3% HS đạt điểm yếu => Tỉ lệ HS đạt điểm khá giỏi khá cao, chứng tỏ phương pháp sử dụng trong dạy thực nghiệm đạt mục tiêu đề ra của môn Địa lí và GDHN.

Tổng hợp kết quả phần câu hỏi nội dung GDHN - 4 điểm (trong tổng số 10 điểm của bài 45 phút), tác giả nhận thấy, hầu hết HS đã mô tả được nghề mà mình thích, phân tích được những thuận lợi và khó khăn để nghề phát triển; kể được ra những cơ sở đào tạo nghề đó. Điều này, chứng tỏ việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 ở trường THPT đã đạt mục tiêu đề ra (góp phần trong việc giúp HS hiểu về bản thân, về thế giwois nghề nghiệp và tự tin trong việc lập kế hoạch nghề nghiệp).

Tuy vậy, cũng vẫn còn một bộ phận không nhỏ HS lớp 12 đạt điểm trung bình và yếu (14,3% HS); Phần trả lời cho câu hỏi về GDHN chỉ đạt 1-2/4 điểm. Phỏng vấn sâu, lý giải cho vấn đề này, một số em cho rằng, mình vẫn chưa thực sự chú ý đến môn Địa lí và GDHN; chưa nhận thức hết tầm quan trọng của bộ môn,… Trong giờ học các em không tập trung, chưa hiểu được các mục tiêu về GDHN và Địa lí trong các bài thực nghiệm, nên chưa giải quyết được các yêu cầu đề ra trong bài kiểm tra.

**** Thực nghiệm sư phạm lần 2***

Quy mô khảo sát đánh giá kết quả thực nghiệm:

- Tham gia học thực nghiệm, đối chứng và khảo sát sau thực nghiệm là: 336 HS lớp 12 của các trường THPT Lê Lợi - Hà Đông - Hà Nội, THPT Thăng Long - Lâm Hà - Lâm Đồng, THPT Kim Bảng B - Hà Nam, THPT Hòn Gai - Quảng Ninh.

- Tổng số phiếu phát ra là: 336 phiếu khảo sát HS; Tổng số phiếu đã được thu về: 336 phiếu HS (cả lớp đối chứng và lớp thực nghiệm); 336 bài kiểm tra 15 phút (bài kiểm tra của cả lớp đối chứng và lớp thực nghiệm); và 336 bài kiểm tra 45 phút (bài kiểm tra của cả lớp đối chứng và lớp thực nghiệm). Trong đó 100% phiếu và bài kiểm tra hợp lệ được đưa vào phân tích

Bảng 3.3. Danh sách HS và GV tham gia thực nghiệm lần 2 đợt 2

Đơn vị: Học sinh

STT	Trường thực nghiệm	GV dạy thực nghiệm	Lớp TN		Lớp ĐC	
			Lớp	Sĩ số	Lớp	Sĩ số
1	THPT Lê Lợi (Hà Nội)	Nguyễn Thị Tú Hồng	12A7	42	12A8	43
3	THPT Thăng Long (Lâm Đồng)	Nguyễn Thị Hảo	12B1	40	12B2	41
4	THPT B Kim Bảng (Hà Nam)	Lê Thị Dung	12A4	45	12A5	46
5	THPT Hòn Gai (Quảng Ninh)	Đặng Thị Hải	12A6	40	12A7	39
Tổng số học sinh:		**336**		**167**		**169**

Bảng 3.4. Số lượng học sinh và giáo viên tham gia khảo sát, làm bài kiểm tra trong thực nghiệm và sau thực nghiệm

	Lớp đối chứng	***Lớp thực nghiệm***	***Tổng số HS***	***Tổng số phiếu khảo sát sau thực nghiệm***	***Tổng số bài kiểm tra 15 phút***	***Tổng số bài kiểm tra 45 phút***
HS	169 HS	167 HS	336 HS	167 phiếu	336 bài	336 bài
GV	12 GV			12 phiếu		

Kết quả thực nghiệm đợt 2, lần 2

Thông tin chung về HS, GV, cha mẹ HS: Đã trình bày phần 1.5 - chương 1.

a, Nhận xét về mặt định tính:

Thông qua quan sát các tiết học thực nghiệm sư phạm của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng, trao đổi với GV sau mỗi tiết dạy để rút kinh nghiệm và trao đổi với HS để kiểm tra hứng thú, khả năng tiếp thu bài của HS.

Sử dụng các phiếu khảo sát: Phiếu xin ý kiến 12 GV dạy và dự giờ (phụ lục 9); Phiếu lấy ý kiến 167 HS sau học thực nghiệm (phụ lục 10), tác giả thu được kết quả sau:

Bảng 3.5. Tổng hợp nhận xét của GV và HS sau TNSP đợt 2, lần 2

Đơn vị: %

TT	***Các vấn đề***	***Phương án được lựa chọn***			
A	***Nhận xét của GV về tiết dạy tích hợp***	***1***	***2***	***3***	***4***
1	Có tính khả thi			33,3	66,7
2	Có tính hiệu quả		8,3	41,7	50
3	HS hứng thú, tích cực tham gia tìm hiểu, xây dựng bài.			25	75
4	GV đảm bảo được kế hoạch bài học		8,3	41,7	50
5	HS đạt được mục tiêu về kiến thức Địa lí và kiến thức GDHN			25	75
6	HS đạt được mục tiêu cần đạt về kĩ năng, thái độ của Địa lí và GDHN			33,3	66,7
B	**Nhận xét của HS**				
1	HS có hứng thú, thích học, tích cực tìm hiểu, thảo luận các vấn đề của bài học	0,6	1,2	45,8	52,4
2	Em đạt được mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của Địa lí		0,6	43,1	56,3
3	Em đạt được mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của GDHN		1,2	47,9	50,9
4	Em lập được kế hoạch nghề nghiệp cho mình		22,2	40.7	37.1
5	GV đã dẫn dắt bài học một cách hợp lý, logic		0,6	40.1	59,3

Trong đó: 1 - Không đồng ý; 2 - Phân vân; 3 - Đồng ý; 4 - Hoàn toàn đồng ý

+ GV dự giờ có nhận xét tích cực về tính khả thi của tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Tiến trình bài học phù hợp với thực tế dạy học; bài dạy tích hợp đạt mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của Địa lí và GDHN; Cấu trúc logic, hợp lí, đảm bảo được kế hoạch bài học. GV dạy thực nghiệm có phương pháp sư phạm tốt, điều khiển tổ chức lớp hợp lí, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.

+ Việc học của HS: Không khí lớp học thực nghiệm sôi nổi, hào hứng hơn lớp đối chứng. Lớp đối chứng không khí học trầm hơn, HS gần như thụ động tiếp thu kiến thức và chưa quan tâm đến mảng kiến thức của hướng nghiệp. Trong giờ học thực nghiệm sư phạm, HS tích cực học, tự tin hơn, không thấy môn học hàn lâm hoặc phân biệt môn chính, môn phụ; Đa số HS thấy được vai trò quan trọng của GDHN và việc tích hợp GDHN; và HS lớp thực nghiệm thể hiện rõ tính chủ động, hợp tác nhóm trong các hoạt động học tập hơn lớp đối chứng. Gần 80% HS thực nghiệm đồng ý và hoàn toàn đồng ý chọn phương án: *"Em lập được kế hoạch nghề nghiệp cho mình"*.

Tổng hợp riêng câu hỏi số 3 trong phiếu khảo sát (phụ lục 10), tác giả có kết quả như sau:

Bảng 3.6. Tổng hợp câu 3 phiếu khảo sát sau thực nghiệm (phụ lục 10)

Đơn vị: %

Nội dung hỏi	**Phương án trả lời**			
	Hoàn toàn đồng ý	**Đồng ý**	**Bình thường**	**Không đồng ý**
Em hài lòng với dự án của nhóm khi học bài 16,17 SGK Địa lí 12 THPT	89,8	8,4	1,2	0,6
Em cảm thấy tự tin hơn khi làm việc cùng mọi người	78,4	18,6	1,8	1,2
Em thích học và làm việc theo nhóm	72,5	13,8	13,7	0
Em mong sẽ có nhiều dự án trong các tiết học tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT	64,1	24,6	7,2	4,1
Qua học thực nghiệm đã giúp em phần nào hiểu được thế giới nghề nghiệp quanh em	44,9	47,9	5,3	1,9
Em đã phần nào nhận biết được bản thân hợp với nghề nào	38,9	41,9	10,8	8,4
Học tích hợp GDHN đã phần nào giải đáp được những thắc mắc của em về việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai	64,1	25,2	7,8	2,9
Cùng bạn học tham gia học tích hợp GDHN và làm Dự án bài 16,17 đã tạo cảm hứng cho em tìm hiểu bài học và cuộc sống nhiều hơn	65,3	31,1	3,6	0

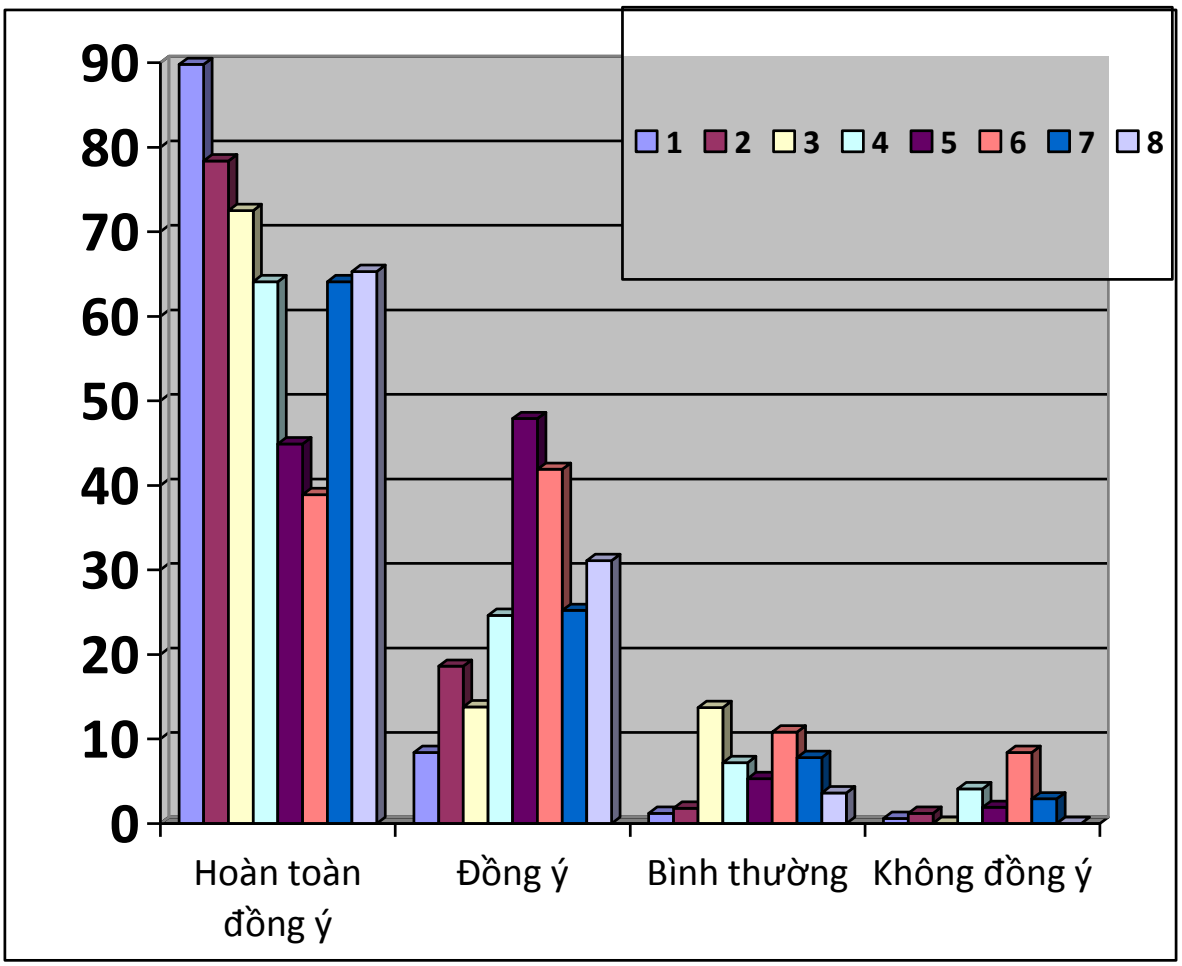

Biểu đồ 3.1. Tổng hợp câu 3 phiếu khảo sát sau thực nghiệm (phụ lục 10)

Ghi chú:

1 - Em hài lòng với dự án của nhóm khi học bài 16,17 SGK Địa lí 12 THPT

2 - Em cảm thấy tự tin hơn khi làm việc cùng mọi người

3 - Em thích học và làm việc theo nhóm

4 - Em mong sẽ có nhiều dự án trong các tiết học tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT

5 - Qua học thực nghiệm đã giúp em phần nào hiểu được thế giới nghề nghiệp quanh em

6 - Em đã phần nào nhận biết được bản thân hợp với nghề nào

7- Học tích hợp GDHN đã phần nào giải đáp được những thắc mắc của em về việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai

8 - Cùng bạn học tham gia học tích hợp GDHN và làm Dự án bài 16,17 đã tạo cảm hứng cho em tìm hiểu bài học và cuộc sống nhiều hơn

Qua việc quan sát trong suốt đợt thực nghiệm và phỏng vấn sâu HS, tác giả thấy các em đã có thêm kiến thức về thế giới nghề nghiệp, hiểu hơn về bản thân và sẵn sàng hoàn thiện kế hoạch nghề nghiệp của mình; HS lớp thực nghiệm khá tự tin, hứng thú khi trả lời các câu hỏi phỏng vấn sâu của tác giả.

Theo bảng tổng hợp 3.5 và biểu đồ 3.1, có thể thấy, các em chọn ý trả lời: *Hoàn toàn đồng ý* và *Đồng ý* cho 8 vấn đề được hỏi chiếm tỉ lệ cao (89.9% HS cho rằng "*Học tích hợp GDHN đã phần nào giải đáp được những thắc mắc của em về việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai*"; 80,8% HS hoàn toàn đồng ý và đồng ý với với ý "*Em đã phần nào nhận biết được bản thân hợp với nghề nào*"; Có 98,2% HS hài lòng về dự án của nhóm mình có nghĩa là các em đều đóng góp công sức trong bài tập nhóm và nhóm đã làm việc hiệu quả; 97% đồng ý là em tự tin và hoàn toàn tự tin khi làm việc cùng mọi người;…). Như vậy, việc học tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT, không những giúp các em nâng cao kiến thức GDHN, mà còn gây hứng thú cho các em việc tự tìm hiểu bài, kích thích khả năng sáng tạo, tự tin, khả năng làm việc nhóm,… của học sinh.

b, Nhận xét về mặt định lượng

Lớp thực nghiệm và lớp đối chứng cùng làm 2 bài kiểm tra (1 bài kiểm tra 15 phút (phụ lục 11) sau khi học xong bài 7 và 1 bài kiểm tra 45 phút (phụ lục 12) sau khi học xong 6 bài thực nghiệm: bài 7, bài 16, bài 17, bài 21 và bài 32, bài 33. Hai bài kiểm tra, đều có 2 phần: trắc nghiệm và tự luận. Phần tự luận có 2 câu: 1 câu kiểm tra nội dung Địa lí, 1 câu kiểm tra nội dung GDHN. Tổng điểm toàn bài là 10 điểm, điểm phần Địa lí là 6 điểm và điểm phần GDHN là 4 điểm. Kiến thức GDHN của bài kiểm tra số 2 đòi hỏi ở mức cao hơn so với bài kiểm tra số 1. Giúp so sánh kiến thức GDHN HS tích lũy được khi khảo sát trước thực nghiệm với kiến thức sau bài học đầu tiên và sau đợt thực nghiệm. Đồng thời cũng so sánh đánh giá HS về kiến thức, kĩ năng, thái độ sau các bài học thực nghiệm giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm. Tác giả tổng hợp điểm, tiến hành đánh giá, phân tích kết quả 2 bài kiểm tra như sau:

+ *Bài kiểm tra 1* (thời gian 15 phút): Đánh giá hiệu quả tiếp thu kiến thức, kĩ năng Địa lí, Kiến thức, kĩ năng GDHN sau bước đầu tiếp cận cách học tích hợp

GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Bài kiểm tra số 1 này được triển khai trên cả 2 đối tượng: HS lớp thực nghiệm và HS lớp đối chứng (Đề bài kiểm tra 15 phút - phụ lục số 11).

Kết quả điểm kiểm tra thu được của bài kiểm tra số 1 trên cả 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng như sau (TNSP đợt 2, lần 2):

Bảng 3.7. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 1 theo từng lớp, từng trường trường

STT	Trường thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Điểm kiểm tra										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TB
1	THPT Lê Lợi	TN 12A7	42	0	0	0	1	3	3	18	11	5	1	7,3
		ĐC 12A8	43	0	0	0	1	4	7	19	9	3	0	6,9
2	THPT Thăng Long	TN 12B1	40	0	0	0	2	5	5	16	9	3	0	6,9
		ĐC 12B2	41	0	0	0	1	6	6	17	8	3	0	6,8
3	THPT B Kim Bảng	TN 12A4	45	0	0	0	1	6	7	11	12	6	2	7,2
		ĐC 12A5	46	0	0	0	2	7	8	14	11	4	0	6,8
4	THPT Hòn Gai	TN 12A6	40	0	0	0	0	4	4	11	12	7	2	7,5
		ĐC 12A7	39	0	0	0	0	6	7	9	11	6	0	7,1

Bảng 3.8. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 1 theo nhóm Thực nghiệm – Đối chứng

Điểm	Lớp				Tổng số	
	Thực nghiệm		Đối chứng			
	HS	%	HS	%	HS	%
4	4	1,2	4	2,2	8	2,4
5	18	5,4	24	7,1	42	12,5
6	19	5,7	27	8,0	46	13,7
7	56	16,6	59	17,6	115	34,2
8	44	13,1	39	11,6	83	24,7
9	21	6,3	16	4,7	37	11
10	5	1,5	0	0	5	1,5
Tổng số HS	167	49,7	169	50,3	336	100

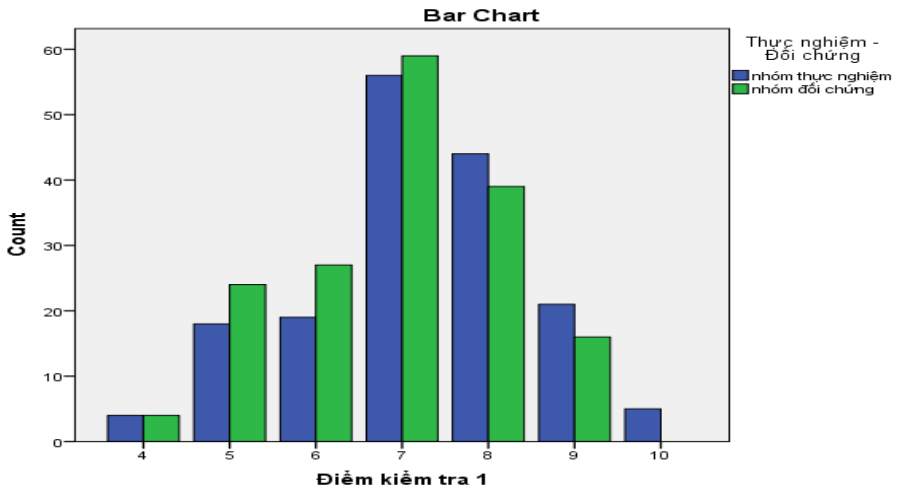

Biểu đồ 3.2. Điểm kiểm tra bài số 1 (TNSP đợt 2, lần 2)

Ở bài kiểm tra số 1 trong thời gian 15 phút này, HS lớp thực nghiệm mới bắt đầu tiếp cận với cách dạy - học tích hợp GDHN trong môn Địa lí lớp 12 THPT qua bài học đầu tiên của TNSP đợt 2, lần 2 (Bài 7). Kết thúc bài học đầu tiên theo cách tiếp cận này, tác giả và GV tiến hành cho HS làm bài kiểm tra để đánh giá hiệu quả tiếp thu kiến thức và việc phát triển các kĩ năng qua việc giải quyết các yêu cầu của bài kiểm tra đặt ra (và cũng là cơ sở nếu cần tác giả tiếp tục chỉnh sửa phương pháp và nội dung tích hợp của những bài sau).

Quan sát bảng thống kê (3.6 và 3.7) và biểu đồ (3.2), có thể thấy, sau giờ học tích hợp đầu tiên, điểm trung bình của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng khá tương đồng, sự chênh lệch điểm số sau bài đầu tiên chưa nhiều. Tuy nhiên, sự phân bố điểm kiểm tra giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng đã có sự khác biệt: số lượng các điểm trung bình và khá (5,6,7) ở lớp đối chứng cao hơn lớp thực nghiệm; điểm giỏi (8,9,10) ở lớp thực nghiệm cao hơn lớp đối chứng. Nhưng sự chênh lệch không nhiều.

Bảng 3.9. Tổng hợp điểm kiểm tra kiến thức GDHN bài kiểm tra số 1

Điểm	Nhóm				Tổng	
	Thực nghiệm		Đối chứng			
	HS	%	HS	%	HS	%
1	11	3,3	22	6,5	33	9,8
2	64	19,1	75	22,3	139	41,4
3	67	19,9	56	16,7	123	36,6
4	25	7,4	16	4,8	41	12,2
Tổng	167	49,7	169	50,3	336	100

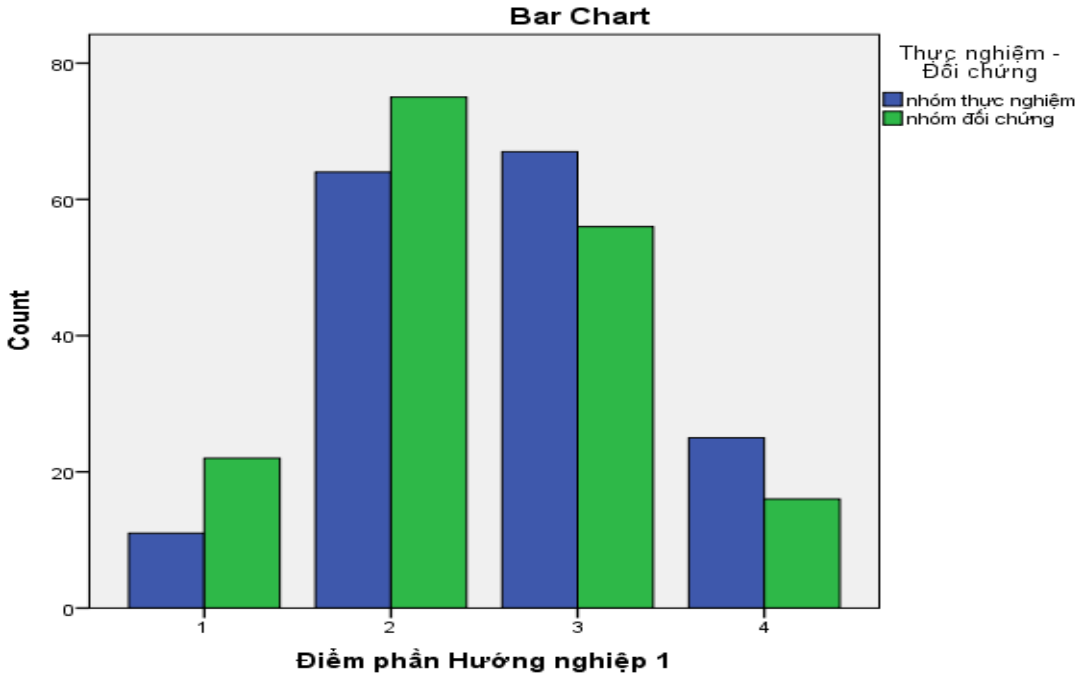

Biểu đồ 3.3. Tổng hợp điểm kiểm tra kiến thức GDHN bài kiểm tra số 1

Quan sát bảng số liệu 3.8 và biểu đồ 3.3, có thể thấy, Phân bố điểm kiểm tra giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng cũng có sự khác biệt đối với điểm kiểm tra nội dung GDHN, HS lớp thực nghiệm đạt điểm 3-4 nhiều hơn HS lớp đối chứng và HS lớp đối chứng đạt điểm 1-2 nhiều hơn lớp thực nghiệm; tuy nhiên mức độ chênh lệch điểm phần kiến thức GDHN giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm sau bài học tích hợp đầu tiên cũng không nhiều.

+ *Bài kiểm tra số 2 (45 phút):* Đánh giá việc vận dụng kiến thức đã học vào lập kế hoạch nghề nghiệp (HS đã hiểu được bản thân hơn, hiểu về thế giới nghề nghiệp hơn và có căn cứ để lập kế hoạch nghề nghiệp). Bên cạnh đó, trong đề kiểm tra, tác giả có thiết kế 6 điểm dành cho phần kiến thức Địa lí trên tổng số 10 điểm của bài - để kiểm chứng việc tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT vẫn đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của môn Địa lí.

Bài kiểm tra này cũng được triển khai trên cả 2 đối tượng: HS lớp thực nghiệm và HS lớp đối chứng (Đề bài kiểm tra - phụ lục số 12). Tổng hợp kết quả thu được trên các nhóm (thực nghiệm và đối chứng) như sau:

Bảng 3.10. Tổng hợp điểm bài kiểm tra số 2 theo từng lớp, từng trường

STT	Trường thực nghiệm	Lớp	Sĩ số	Điểm kiểm tra										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	TB
1	THPT Lê Lợi	TN 12A7	42	0	0	0	0	1	7	6	15	9	4	7,9
		ĐC 12A8	43	0	0	0	1	7	9	12	8	6	0	6,7
2	THPT Thăng Long	TN 12B1	40	0	0	0	0	3	5	10	13	7	2	7,6
		ĐC 12B2	41	0	0	0	0	8	9	9	10	5	0	6,9
3	THPT B Kim Bảng	TN 12A4	45	0	0	0	0	1	5	12	18	6	3	7,7
		ĐC 12A5	46	0	0	0	0	2	13	18	10	3	0	7,0
4	THPT Hòn Gai	TN 12A6	40	0	0	0	0	0	6	8	10	11	5	8,0
		ĐC 12A7	39	0	0	0	0	3	11	14	7	3	1	7,0

Bảng 3.11. Tổng hợp điểm kiểm tra bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Điểm	Nhóm				Tổng	
	Thực nghiệm		Đối chứng			
	HS	%	HS	%	HS	%
0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0
2	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0
4	0	0	1	0,3	1	0,3
5	5	1,5	20	6	25	7,5
6	22	6,5	42	12,5	64	19
7	39	11,6	53	15,8	92	27,4
8	54	16,1	35	10,3	89	26,4
9	33	9,8	17	5,1	50	14,9
10	14	4,2	1	0,3	15	4,5
Tổng	167	49,7	169	50,3	336	100

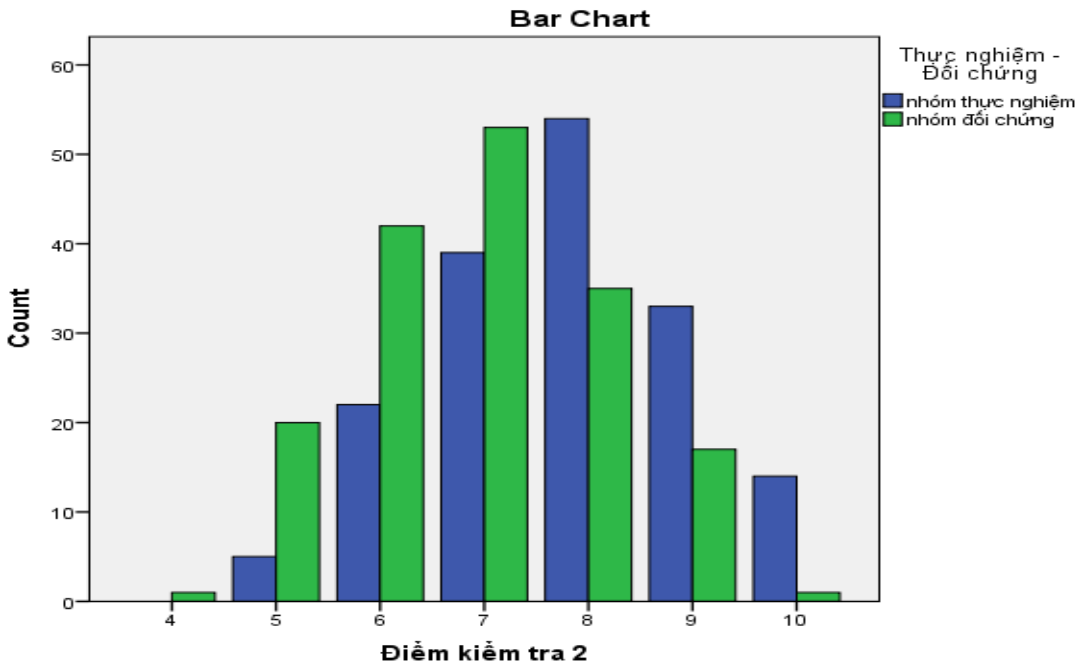

Biểu đồ 3.4. Tổng hợp điểm kiểm tra bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Ở bài kiểm tra số 2 (Phụ lục 12), nội dung Địa lí và nội dung GDHN đòi hỏi ở mức độ cao hơn, kiểm tra cả các kĩ năng bản đồ, biểu đồ, nhận xét và giải thích của môn Địa lí; Trong các câu hỏi trắc nghiệm kiến thức Địa lí, có liên hệ kiến thức GDHN; Câu 2 phần tự luận, vẫn dành để kiểm tra kiến thức GDHN (HS mô tả một nghề mà bản thân thích (có giải thích); nêu được những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển nghề đó; đồng thời kể tên được một số cơ sở đào tạo nghề). Trả lời được câu hỏi này là khẳng định HS đã biết thêm được khá nhiều kiến thức về nghề, cơ sở đào tạo nghề và nhiều được chính bản thân mình (sở thích, khả năng) – thỏa mãn mục tiêu đề ra của đề tài là góp phần nâng cao hiệu quả GDHN trong trường phổ thông và đạt mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của môn Địa lí 12 THPT.

Quan sát bảng thống kê (3.9, 3.10) và biểu đồ (3.4) ở trên, đã phần nào khẳng định tính hiệu quả của việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 ở trường THPT. Nếu như, điểm trung bình của lớp đối chứng và thực nghiệm khá tương đồng, sự chênh lệch không đáng kể ở bài kiểm tra số 1; thì ở bài kiểm tra số 2 - sự chênh lệch thể hiện khá rõ (Bảng 3.9); Phân bố điểm kiểm tra giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng cũng có sự khác biệt, các điểm 4,5,6,7 thì tỉ lệ điểm của lớp đối chứng cao hơn lớp thực nghiệm; còn điểm giỏi ở lớp thực nghiệm cao hơn hẳn lớp đối chứng

và sự chênh lệch giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng cao hơn hẳn bài kiểm tra số 1 (bảng 3.7 và biểu đồ 3.2).

Bảng 3.12. Tổng hợp điểm phần GDHN bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Điểm	Nhóm				Tổng	
	Thực nghiệm		Đối chứng			
	HS	%	HS	%	HS	%
1	2	0,6	16	4,8	18	5,4
2	35	10,4	89	26,5	124	36,9
3	76	22,6	56	16,6	132	39,2
4	54	16,1	8	2,4	62	18,5
Tổng	167	49,7	169	50,3	336	100

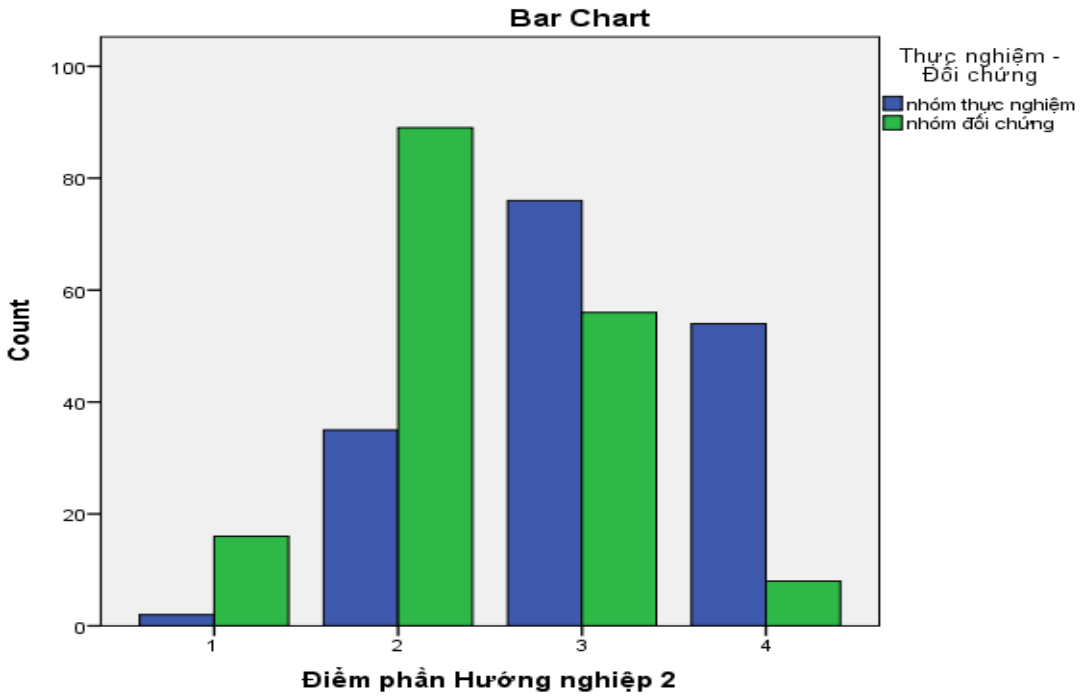

Biểu đồ 3.5. Tổng hợp điểm phần GDHN bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Đối với phần kiểm tra, đánh giá kiến thức GDHN, quan sát bảng 3.11 - Tổng hợp điểm cho câu hỏi số 2 phần tự luận (4 điểm) bài kiểm tra số 2, tác giả nhận thấy, sự chênh lệch điểm khá rõ giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng. Phân bố điểm kiểm tra giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng cũng có sự khác biệt: Tỉ lệ HS lớp thực nghiệm đạt điểm 3/4 và 4/4 cho câu hỏi này cao hơn hẳn lớp đối chứng (bảng 3.11 và biểu đồ 3.5). (điểm 4/4 lớp thực nghiệm chiếm 16,1%/18,5% tổng HS đạt điểm này); HS lớp đối chứng đạt điểm 1/4 và 2/4 nhiều hơn lớp thực nghiệm.

Điểm kiểm tra, đánh giá nội dung GDHN trong bài kiểm tra số 2 của HS thực nghiệm khá cao, chứng tỏ các em đã nâng cao kiến thức về GDHN (hiểu về bản thân hơn, hiểu hơn về thế giới nghề nghiệp và tự tin đặt kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân). Tuy nhiên, quan sát biểu đồ (3.5) và bảng số liệu (3.11) thì điểm của lớp đối chứng phần GDHN cũng không quá thấp, chứng tỏ các em HS khi học lớp 12 cũng đã có ý thức trang bị cho mình kiến thức GDHN qua nhiều kênh thông tin khác nhau để chuẩn bị kế hoạch cho bản thân sau khi rời ghế nhà trường THPT. Vì vậy, việc nâng cao kiến thức GDHN cho HS bằng nhiều con đường khác nhau là việc làm cần thiết, đáp ứng nhu cầu của HS.

Bảng 3.13. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 1 (phụ lục 11)

	Nhóm				Tổng	
	Thực nghiệm		Đối chứng		HS	%
	HS	%	HS	%		
0	0	0	0	0	0	0
1	0	0	0	0	0	0
2	1	0,3	0	0	1	0,3
3	17	5,1	17	5,1	34	10,2
4	59	17,6	68	20,2	127	37,8
5	71	21,1	64	19	135	40,1
6	19	5,6	20	6,0	39	11,6
Tổng	167	49,7	169	50,3	336	100

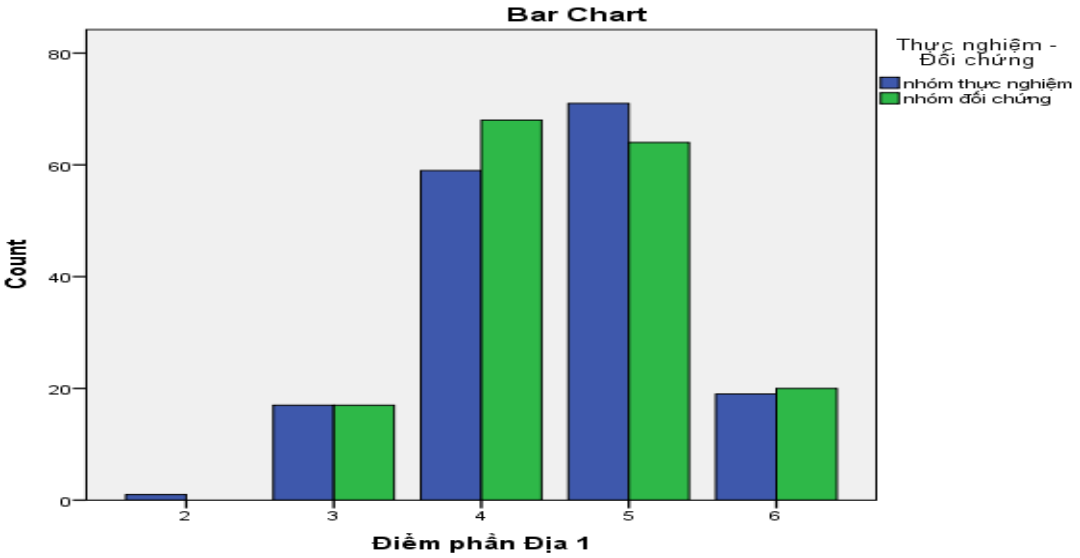

Biểu đồ 3.6. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 1 (phụ lục 11)

Bảng 3.14. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Điểm	Nhóm				Tổng	
	Thực nghiệm		Đối chứng			
	HS	%	HS	%	HS	%
1	0	0	0	0	0	0
2	1	0,3	0	0	1	0,3
3	7	2,1	11	3,3	18	5,4
4	57	17,0	66	19,6	123	36,6
5	80	23,8	75	22,3	155	46,1
6	22	6,5	17	5,1	39	11,6
Tổng	167	49,7	169	50,3	336	100

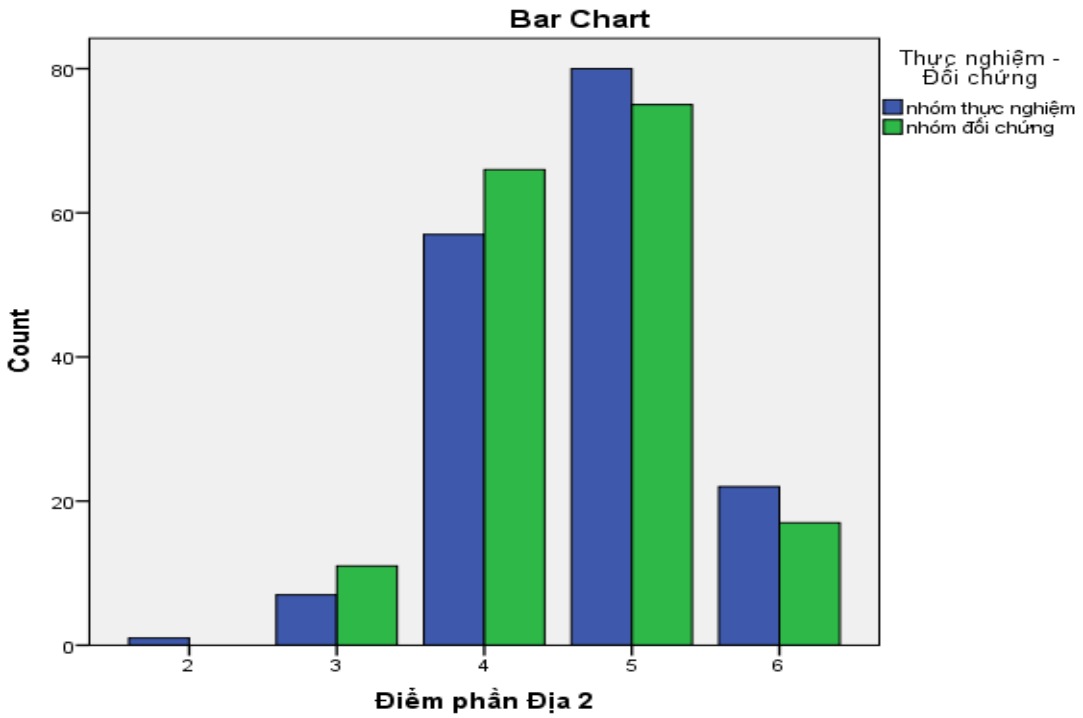

Biểu đồ 3.7. Tổng hợp điểm Địa lí bài kiểm tra số 2 (phụ lục 12)

Quan sát bảng số liệu 3.12, 3.13 và biểu đồ 3.6, 3.7, phân tích điểm kiểm tra phần Địa lí của bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2, tác giả thấy sự chênh lệch điểm Địa lí giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng gần như không đáng kể. Điều này, dường như kiểm chứng cho việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đã giúp HS tăng kiến thức bản thân về nội dung GDHN khá rõ rệt, nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu cần đạt về kiến thức, kĩ năng, thái độ cần đạt của môn Địa lí 12 THPT.

Bảng 3.15. Tổng hợp điểm Địa lí, điểm GDHN bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2 của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng

Nhóm		Điểm GDHN bài kiểm tra 1	Điểm GDHN bài kiểm tra 2	Điểm Địa lí bài kiểm tra 1	Điểm Địa lí bài kiểm tra 2	Thay đổi điểm GDHN sau 2 bài	Thay đổi điểm Địa lí sau 2 bài
Thực nghiệm	Giá trị TB	2.63	3.09	4.54	4.69	.4491	.1437
	Tổng số HS	167	167	167	167	167	167
	Độ lệch chuẩn	.817	.759	.848	.775	.76567	.88000
2 Đối chứng	Giá trị TB	2.39	2.33	4.51	4.58	-.0710	.0769
	Tổng số HS	169	169	169	169	169	169
	Độ lệch chuẩn	.832	.713	.832	.761	.84215	.91287
Tổng	Giá trị TB	2.51	2.71	4.53	4.63	.1875	.1101
	Tổng số HS	336	336	336	336	336	336
	Độ lệch chuẩn	.832	.828	.839	.769	.84498	.89597

Quan sát bảng 3.14 về giá trị trung bình, độ lệch chuẩn và sự thay đổi điểm sau 2 bài kiểm tra, một lần nữa khẳng định cho các nhận xét ở trên, điểm Địa lí của bài kiểm tra số 1 và bài kiểm tra số 2 không có sự khác biệt nhiều giữa 2 nhóm: nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm; và điểm phần GDHN 2 bài kiểm tra có sự thay đổi rất ít ở lớp đối chứng; nhưng sự thay đổi thể hiện rõ rệt ở điểm GDHN bài kiểm tra 1 và bài kiểm tra 2 của nhóm lớp học thực nghiệm sư phạm tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT.

Điều này, cũng được khẳng định khi quan sát bảng 3.15 dưới đây: Nếu giá trị Sig < 0.05 thì phương sai của 2 tổng thể khác nhau, nếu Sig>= 0.05 thì phương sai của 2 tổng thể không khác nhau, và quan sát điểm GDHN trong bảng: Sig của bài kiểm tra số 1 là .007, bài kiểm tra số 2 là .000 (đều <0.05) => có sự khác biệt về điểm số giữa lớp đối chứng và lớp thực nghiệm, sự khác biệt rõ rệt hơn ở bài kiểm tra số 2; Điểm Địa lí trong bảng: Sig của bài kiểm tra số 1 là .793 , bài kiểm tra số 2 là .195 (cao hơn 0.05 nhiều) nên điểm Địa lí gần như không có sự khác biệt giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng.

Bảng 3.14 và bảng 3.15, so sánh điểm trung bình cho thấy sự tương quan về mặt tổng thể đã đảm bảo độ tin cậy về mặt thống kê.

Bảng 3.16. Bảng so sánh điểm bài kiểm tra 1 và điểm bài kiểm tra 2 giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Điểm bài kiểm tra số 1	7.473	1	7.473	4.509	.034
Điểm bài kiểm tra số 2	61.457	1	61.457	41.484	.000
Điểm phần nội dung GDHN bài kiểm tra số 1	5.009	1	5.009	7.372	.007
Điểm phần nội dung GDHN bài kiểm tra số 2	48.320	1	48.320	89.118	.000
Điểm phần nội dung Địa lí bài kiểm tra số 1	.049	1	.049	.069	.793
Điểm phần nội dung Địa lí bài kiểm tra số 2	.993	1	.993	1.684	.195
Thay đổi điểm kiểm tra phần nội dung GDHN	22.722	1	22.722	35.060	.000
Thay đổi điểm kiểm tra phần nội dung Địa lí	.375	1	.375	.466	.495
Thay đổi của tổng điểm của 2 bài kiểm tra	26.069	1	26.069	19.710	.000

Qua bài kiểm tra số 2, phỏng vấn sâu HS,… có thể nhận thấy kiến thức về GDHN của HS sau khi học thực nghiệm đã cao hơn lúc khảo sát ban đầu (trình bày phần 1.5 chương 1): HS lúc đầu gần như chưa hiểu về sở thích và khả năng của chính mình, chưa có nhiều kiến thức về thế giới nghề nghiệp; dự định sau khi rời nhà trường THPT là đi học ĐH, nếu trượt ĐH thì có đến hơn 60% chưa tính gì; các em lúc đó chọn nghề chủ yếu căn cứ vào yếu tố: *"Dễ có việc làm"*.

Tiểu kết chương 3

1. Nội dung trình bày ở chương 3 đã phản ánh kết quả quá trình TNSP đạt mục đích đặt ra, kiểm chứng giả thuyết thực nghiệm; các tiêu chí đánh giá được xây dựng phù hợp với mục đích nghiên cứu, giả thuyết khoa học, đảm bảo cho quá trình thực nghiệm thu được kết quả khách quan, chính xác.

2. Nội dung thực nghiệm đã tuân thủ yêu cầu, nguyên tắc, quy trình tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT (đã xác lập ở chương 2). Tiến trình thực nghiệm diễn ra hợp lý, theo một logic chặt chẽ, khoa học. Bằng phương pháp thống kê trên các bảng số liệu, biểu diễn trên các biểu đồ và sử dụng phương pháp kiểm định giả thuyết bằng thống kê toán học, quan sát, phỏng vấn sâu, cho thấy: kết quả thực nghiệm sư phạm đã phản ánh tính hiệu quả của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT:

- HS lớp thực nghiệm tăng các kiến thức về GDHN (hiểu về bản thân hơn, hiểu thế giới nghề nghiệp hơn, tự tin lập kế hoạch nghề nghiệp, sẵn sàng ra quyết định chọn nghề…) cao hơn lớp đối chứng và cao hơn bài khảo sát đầu năm học.

- Học sinh các lớp đối chứng có thay đổi nhận thức về GDHN nhưng không nhiều; trong khi học sinh nhóm thực nghiệm có những thay đổi rất lớn (số liệu đã phân tích ở trên).

- Việc học tích hợp GDHN trong môn Địa lí đã đạt mục tiêu đề ra cho GDHN và vẫn đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của môn Địa lí.

- GV và HS đều cảm thấy mức độ phù hợp khi dạy và học theo hướng tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. HS khá hứng thú và không cảm thấy áp lực khi học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12.

3. Để vận dụng có hiệu quả việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT cần người GV dạy môn Địa lí 12 THPT không chỉ nắm vững phương pháp dạy học, nắm vững kiến thức chuyên ngành Địa lí, mà còn cần nắm vững kiến thức GDHN (vì có một số kiến thức được hỏi có chỉ số cao hơn không nhiều do phụ thuộc vào kiến thức GDHN và phương pháp dạy học của GV); và đặc biệt, số HS trong mỗi lớp học cần ít hơn để các em có thể tham gia thảo luận và được thực hành nhiều hơn.

Những ý kiến của Thầy/Cô và các bạn HS đã phản ánh nhu cầu hướng nghiệp rất cấp thiết hiện nay. Vì vậy, nếu được phổ biến, áp dụng rộng rãi hơn thì việc GDHN qua môn học sẽ đạt kết quả cao, thỏa mãn nhu cầu hướng nghiệp của HS hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đối chiếu với mục đích nghiên cứu và các nhiệm vụ cần giải quyết của đề tài, luận án đã đạt được những kết quả sau:

1. Đã hệ thống hóa và góp phần làm cụ thể các vấn đề về lý luận và thực tiễn của việc tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT. Luận án đã đề cập đến một số khái niệm, thuật ngữ cơ bản về GDHN; Khái niệm tích hợp; Phân tích vấn đề tích hợp GDHN qua các môn văn hóa ở trường phổ thông và khả năng tích hợp trong môn Địa lí 12 THPT; Đặc điểm tâm sinh lý, trình độ nhận thức của HS lớp 12.

Luận án đã phân tích khá sâu thực tiễn GDHN hiện nay tại các trường THPT từ những tài liệu tổng hợp, và qua việc khảo sát trước thực nghiệm sư phạm. Trong thời gian khảo sát, tác giả có tiến hành phỏng vấn sâu GV và cán bộ quản lý, phỏng vấn HS và phụ huynh HS để có những nhận định đúng đắn gắn với thực tế của các trường về GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT; Về việc hiểu về bản thân, về thế giới nghề nghiệp và việc xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của HS; Về việc dạy tích hợp GDHN của GV,... Từ những vấn đề tìm hiểu được, càng thấy rõ vị trí, vai trò, sự cần thiết phải GDHN trong nhà trường. Cần tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp để GDHN đạt được mục tiêu của mình và một trong những giải pháp khả thi góp phần nâng cao hiệu quả GDHN cho HS là tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT.

2. Luận án đã xác định rõ các yêu cầu và nguyên tắc và xây dựng quy trình, nội dung và phương pháp tích hợp GDHN trong dạy học Địa lí 12 THPT; Tác giả đã xây dựng quy trình khá cụ thể, đưa ra những nội dung tích hợp GDHN khá chi tiết để GV dạy Địa lí THPT dễ dàng vận dụng với các mức độ tích hợp khác nhau trong các bài Địa lí khác nhau. Đồng thời, tác giả đã xây dựng 5 giáo án minh họa cho việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Đây là căn cứ để triển khai thực nghiệm sư phạm, kiểm chứng tính khả thi và giả thiết của đề tài. Đây cũng là tài liệu để GV Địa lí có thể tham khảo khi giảng dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT và cán bộ quản lý tham khảo để chỉ đạo chuyên môn.

3. Tính khả thi của đề tại được kiểm chứng qua việc dạy thực nghiệm sư pham tại 4 trường thực nghiệm đại diện cho các hoàn cảnh tự nhiên khác nhau. Trong suốt thời gian thực nghiệm, gắn bó với trường lớp, dự giờ, điều chỉnh giáo án, cung cấp tài liệu cho GV trực tiếp giảng dạy, sau đó khảo sát và áp dụng các biện pháp toán học để thống kê, phân tích, đánh giá… Kết quả thực nghiệm sư phạm cho thấy, HS lớp thực nghiệm đã nâng cao kiến thức, kĩ năng, thái độ của GDHN hơn lớp đối chứng và hơn chính các em lúc đầu; và vẫn đạt mục tiêu đề ra của môn Địa lí. HS tự tin, tích cực, chủ động, không có sự phân biệt môn học khi học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Các buổi học thực nghiệm sôi nổi, với các sản phẩm sau các giờ học, cộng với kế hoạch các em đã trình bày ở câu 2 phần tự luận của bài kiểm tra là bằng chứng thuyết phục cho tính khả thi của đề tài nghiên cứu.

4. Đã có 5 Bài báo nội dung liên quan đến đề tài luận án đăng trên tạp chí Khoa học Giáo dục - Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam và tạp chí Giáo chức; 1 bài đăng trên kỉ yếu Hội nghị khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 9.

2. Khuyến nghị

- Đối với Bộ giáo dục và Đào tạo: Quan tâm đến GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT, để HS nâng cao kiến thức, kĩ năng, thái độ của GDHN.

- Đối với các trường THPT:

+ Đối với cán bộ quản lý: Cần nhận thức rõ tầm quan trọng của GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT; Đưa tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT vào chương trình và kế hoạch công tác của nhà trường;

+ Đối với GV: GV khi dạy học môn Địa lí 12 THPT cần có ý thức dạy học tích hợp GDHN. Khi dạy tích hợp, nếu chưa nắm vững kiến thức về GDHN, cần tham khảo kiến thức, nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, phương pháp tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT,…; bên cạnh đó, GV cần thường xuyên tìm hiểu, cập nhật, trao đổi, chia sẻ thông tin, chia sẻ các phương pháp, các kinh nghiệm giảng dạy tích hợp, cùng HS nghiên cứu, thảo luận, tìm hiểu, giải quyết các vấn đề,… để việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đạt mục tiêu đề ra.

+ Đối với HS: Cần hiểu tầm quan trọng, sự cần thiết của GDHN, không có tâm lí ỉ lại gia đình, bạn bè, xã hội trong việc đưa ra các kế hoạch nghề nghiệp của bản thân.

- Đối với Cha mẹ HS: Tuyên truyền để hiểu và có nhận thức đúng đắn về GDHN; Tham gia các lớp bồi dưỡng để có các kiến thức GDHN cần thiết; Biết cách hướng dẫn con mình, tạo động lực cho con trong việc đưa ra kế hoạch nghề nghiệp của mình.

- Đối với các cấp chính quyền địa phương: Có các quy định rõ ràng về sự phối kết hợp của nhà trường, các bậc phụ huynh, các cơ sở đào tạo sau THPT và các doanh nghiệp trên địa bàn,… về vấn đề GDHN.

- Đối với các cơ sở tuyển dụng lao động: Cần kết hợp với các trường THPT, các cơ sở đào tạo sau THPT để giúp cho việc phân luồng HS đạt hiệu quả cao, đúng hướng.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ BẰNG TIẾNG VIỆT NAM CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Luyến (2013), *Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học Địa lí lớp 12*, Tạp chí Giáo chức Việt Nam (ISSN 1859 – 2902), số 73, tháng 5/2013, tr36-38.
2. Nguyễn Thị Luyến (2013), *Tích cực hóa hoạt động Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh qua dạy học môn Địa lí ở trung học phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục (ISSN 0868 – 3662), số 94, tháng 7/2013, tr15-16.
3. Nguyễn Thị Luyến (2014), *Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong đổi mới phương pháp dạy học môn Địa lí ở trường phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục (ISSN 0868 – 3662), số 109, tháng 10/2014, tr23-25.
4. Nguyễn Thị Luyến; Nguyễn Hải Hà (2016), *Tự học môn Địa lí ở trường trung học phổ thông*, Tạp chí Khoa học Giáo dục (ISSN 0868 – 3662), số 130, tháng 7/2016, tr39-41.
5. Nguyễn Thị Luyến (2016), *Tích hợp Giáo dục hướng nghiệp trong dạy học Địa lí trung học phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh*, Kỉ yếu Hội nghị Khoa học Địa lí toàn quốc lần thứ 9, nhà xuất bản Khoa học và công nghệ, tháng 12/2016, tr1193-1203.
6. Nguyễn Thị Luyến (2017), *Giáo dục hướng nghiệp ở Canada*, Tạp chí Khoa học Giáo dục (ISSN 0868 – 3662), số 141, tháng 6/2017, tr109-113.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Danh Ánh (10/2002), *Hướng nghiệp trong trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, số 42.
2. Đặng Danh Ánh (2010), *Giáo dục hướng nghiệp ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hóa thông tin Hà Nội.
3. Đặng Danh Ánh (3/2013), *Đổi mới giáo dục hướng nghiệp bắt đầu từ đâu*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 90.
4. Allan Waker (1995), *Một số vấn đề về quản lý giáo dục ở Australia*, Tạp chí thông tin Khoa học Giáo dục, số 13.
5. Bernd Meier - Nguyễn văn Cường (2014), *Lí luận dạy học hiện đại*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1981), Thông tư 31/TT ngày 17/8/1981, *Hướng dẫn việc thực hiện quyết định 126/CP*.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Một số cơ sở của công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), Chỉ thị số 33/2003/CT-BGD&ĐT ngày 23.7.2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo *về tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động giáo dục hướng nghiệp*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Chương trình giáo dục phổ thông*, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 68/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Quy định về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm trong các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp*, Hà Nội.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Quyết định số 4385/QĐ-BGD&ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm 2009 – 2010.*
14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), Chỉ thị 33/2003/CT-BGD&ĐT về việc "*Tăng cường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông*"; Hướng dẫn tổ chức thực hiện môn Công nghệ, hoạt động giáo dục hướng nghiệp và hoạt động giáo dục nghề phổ thông năm học 2009 – 2010.
15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Quyết định số 1866/QĐ-BGD&ĐT ngày 17 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm 2012 – 2013.*
16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định số 1955/QĐ-BGDĐT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm 2014 – 2015.*
17. Đinh Quang Báo, Hà Thị Lan Hương (2014), *Dạy học tích hợp – Phương thức phát triển năng lực HS*, Kỉ yếu hội thảo Khoa học: Nâng cao năng lực đào tạo GV dạy tích hợp môn Khoa học Tự nhiên (tr 23-24), Hà Nội.
18. Nguyễn Trọng Bảo (1987), *Nhà trường phổ thông với việc giáo dục lao động kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và dạy nghề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
19. Chính phủ, Quyết định số 126/CP ngày 19/03/1981 của Hội đồng chính phủ về *công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý học sinh phổ thông các cấp THCS, THPT tốt nghiệp ra trường*, Hà Nội.
20. Chính phủ (2006), Nghị định số 139/2006/NĐ-CP ngày 20/11/2006 *Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục và Bộ luật Lao động và dạy nghề*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2012), Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 24/04/2012 của Thủ tướng về việc phê duyệt *Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 – 2020*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2012), Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/06/2012 của Thủ tướng về việc phê duyệt *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020*, Hà Nội.
23. Chính phủ (2015), Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng về việc phê duyệt *đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Hà Nội.

24. Hoàng Chúng (1983), *Phương pháp thống kê toán học trong khoa học Giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
25. Phạm Tất Dong (chủ biên) (1987), *Giáo trình công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
26. Phạm Tất Dong (2003), *Sự lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai*, Nhà xuất bản Tuổi trẻ, Hà Nội.
27. Phạm Tất Dong (chủ biên) (2010), *Hoạt động giáo dục hướng nghiệp lớp 9, lớp 10, lớp 11*, lớp 12, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
28. Quang Dương (2010), *Tư vấn hướng nghiệp (tập 1, tập 2)*, NXB Trẻ, Hà Nội.
29. Nguyễn Dược – Nguyễn Trọng Phúc (2010), *Lí luận dạy học Địa lí*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Sự thật, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện hội nghị lần thứ hai ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, HN.
35. Đỗ Ngọc Đạt (1997), *Tiếp cận hiện đại hoạt động dạy học*, NXB ĐHQG HN.
36. Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng (2003), *Phương pháp dạy học Địa lí theo hướng tích cực*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
37. Phạm Văn Đồng (1994), *Phương pháp dạy học phát huy tính tích cực - một phương pháp vô cùng quý báu*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 12, Hà Nội.
38. Geoffrey Petty (2002), *Dạy học ngày nay (Hướng dẫn thực hành)*, Dự án Việt - Bỉ "Đào tạo giáo viên các trường sư phạm 7 tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam", Hà Nội.
39. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (2013), *Từ điển Bách khoa Tâm lý học- Giáo dục Việt Nam*, NXB GDVN, Hà Nội.

40. Nguyễn Kế Hào (2009), *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
41. Bùi Hiển (chủ biên) (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB từ điển Bách khoa, Hà Nội.
42. Nguyễn Văn Hộ (1998), *Thiết lập và phát triển hệ thống hướng nghiệp*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
43. Nguyễn Văn Hộ (1998), *Cơ sở sư phạm của công tác hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
44. Nguyễn Văn Hộ, Hà Thị Đức (2002), *Giáo dục học đại cương*, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.
45. Nguyễn Văn Hộ (2006), *Hoạt động Giáo dục hướng nghiệp và giáo dục Kĩ thuật trong trường THPT*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
46. Nguyễn Hùng (chủ biên) (2008), *Sổ tay tư vấn hướng nghiệp và chọn nghề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
48. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế (2005), *Đối thoại Pháp – Á: Vấn đề và hướng đi cho giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
49. Nguyễn Văn Lê (chủ nhiệm) (2004), *Giáo dục phổ thông và hướng nghiệp - nền tảng để phát triển nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Báo cáo tổng hợp đề tài Khoa học công nghệ cấp nhà nước, Viện nghiên Cứu con người, Hà Nội.
50. Nguyễn Văn Lê, Hà Thế Truyền (2004), *Một số kinh nghiệm về giáo dục phổ thông và hướng nghiệp trên thế giới*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
51. Nguyễn Văn Lê (2006), *Phương pháp luận nghiên cứu Khoa học*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
52. Magumi Nishino (1995), *Cải cách giáo dục Nhật Bản hướng tới thế kỷ XI*, Tạp chí Thông tin Khoa học Giáo dục, số 46, Hà Nội.
53. Phan Văn Nhân (2012), *Khảo sát - đánh giá thực trạng Giáo dục hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông*, Báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo, mã số: B2010-37-26-NV, Hà Nội.

54. Hoàng Đức Nhuận (1994), *Cơ sở triết học và xã hội học của học vấn phổ thông*, tạp chí thông tin khoa học giáo dục, số 4, Hà Nội.
55. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
56. Hoàng Phê (chủ biên) (2011), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
57. Bùi Việt Phú (2013), *Đổi mới GDHN cho HS phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
58. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (1998), *Luật giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
59. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Nguyễn Viết Sự (12/1994), *Phạm trù nghề và sự phát triển của nó*, đề tài cấp viện - Viện nghiên cứu phát triển Giáo dục, Hà Nội.
61. Lê Thông (Tổng Chủ biên) (2012 - tái bản lần thứ tư), *Sách giáo khoa Địa lí lớp 10, lớp 11, lớp 12*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
62. Lê Thông (Tổng Chủ biên) (2012 – tái bản lần thứ 2), *Sách giáo viên Địa lí lớp 10, lớp 11, lớp 12*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
63. Lê Thị Thủy (2007), *Nghiên cứu đề xuất nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua chương trình các môn văn hóa ở trường trung học phổ thông*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hà Nội.
64. Trần Trọng Thủy (chủ biên) (2006), *Các chỉ số cơ bản về sinh lý và tâm lý học sinh phổ thông hiện nay*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
65. Bùi Đức Thiệp (2009), *Điều tra xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông*, Báo cáo tổng kết nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp Viện – Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
66. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2009), *Tâm lý học đại cương*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
67. Mạc Văn Trang (chủ nhiệm) (1993), *Nghiên cứu những yêu cầu tâm lý cơ bản đối với một số nghề và phương pháp xác định những đặc điểm tâm lý cá nhân phù hợp với nghề, làm cơ sở cho công tác hướng nghiệp tư vấn nghề*, Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ, Hà Nội.
68. Trung tâm lao động – Hướng nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo (9/2004), *Hướng dẫn sử dụng một số công cụ trong tư vấn hướng nghiệp*, Hà Nội.

69. Hà Thế Truyền (1996), *Một số giải pháp tổ chức hoạt động dạy học kĩ thuật ứng dụng (nghề phổ thông) cho học sinh bậc trung học tại các trung tâm kỹ thuật tổng hợp – hướng nghiệp – dạy nghề*, luận án PTS Giáo dục học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
70. Nguyễn Khắc Viện chủ biên (1994), *Từ điển xã hội học*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
71. Viện nghiên cứu Khoa học Dạy nghề (12/2013), *Tăng cường phân luồng học nghề sau trung học*, Tài liệu hội thảo, Hà Nội.
72. VVOB (2012), *Quản lí hướng nghiệp ở cấp trung học*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
73. VVOB (2013), *Tài liệu bổ sung sách giáo viên GDHN lớp 9*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
74. VVOB (2013), *Tài liệu bổ sung sách giáo viên GDHN lớp 10, lớp 11 và lớp 12*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
75. VVOB (2013), *Giáo dục hướng nghiệp qua hoạt động giáo dục nghề phổ thông*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
76. VVOB, Bộ Giáo dục và Đào tạo (12/2013), *Tài liệu tập huấn đổi mới giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học*, NXB ĐHQG, Hà Nội.
77. Wilbert J.McKeachie (2001), *Những thủ thuật trong dạy học*, Dự án việt – Bỉ (Bản dịch tiếng Việt), Hà Nội.
78. Ngô Hải Yến - Hà Văn Thắng (12/2008), *Khả năng tích hợp nội dung hướng nghiệp trong dạy – học môn Địa lí lớp 12 – THPT*, Kỷ yếu hộ thảo khoa học - Viện nghiên cứu Sư phạm – trường ĐHSP, Hà Nội.

Tiếng nước ngoài

79. Anja Kuckulenz (2007), *Studies on Continuing Vocational Training in Germany*, ZEW.
80. Antje Barabasch, Felix Rauner (2012), *Work and education in America, Springer*.
81. Atutov P.R, Klimov E A (1984), *Isses in Psychologycal preparation of the youth for work and for selection of profession*.
82. Ministry of Education & Human Resouces Development (2002-2003), *Eduacation in Korea*, Republic Korea.
83. Robert Nathan & Linda Hill (2006), *Career Counselling*.

84. Referat Berufhiche Bildung, *SPAS an Beruflichen Schulen-Integrierte Sprachforderug, Von Ursula Baxmann*.

85. Michael Farr and Laurence Shatkin (2009), *50 Best jobs for your Personality*.

86. James A. Athanasou, Raoul Van Esbroeck (2008), *International Handbook of Career Guidance*, Spinger.

87. Frank Molyneux, Harry Tolley (1987), *Teaching Geography*, Macmilan.

88. Frankiewiez H, Rothe B, Viets V. Handbuch (1986), *Produktive Arbeit Der schiiler*, Volk und Wissen, Volkseigner Verlag Berlin.

89. UNESCO (1998), *Education for the 21st century in the Asia Pacific region*, Report on the Mebourne conference.

Website

Weblinks

90. www.chinhphu.vn

91. www.luatvietnam.vn

92. https://vi.wikipedia.org

93.https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-31-2011-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-so-75-2006-nd-cp-huong-dan-luat-giao-duc-1e3ba.html

94.https://www.kuder.com/blog/education-providers/4-ways-to-integrate-career-guidance-concepts-in-the-classroom/

95. https://cica.org.au/wp-content/uploads/Careers-in-the-classroom-report.pdf

96. http://hdl.handle.net/10545/346008

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU XIN Ý KIẾN GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ VỀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Dành cho giáo viên THPT)

Để góp phần xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Thầy/Cô về các vấn đề nêu trong phiếu. Xin Thầy/Cô vui lòng đánh dấu (X) vào phương án mà Thầy/Cô lựa chọn hoặc điền vào chỗ trống câu trả lời.

(Những thông tin này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.)

Câu 1: ***Theo Thầy/Cô, học sinh cuối cấp trung học phổ thông hiện nay nhận thức về bản thân và thế giới nghề nghiệp như thế nào?***

- Về Bản thân: 1. Tốt □ 2. Khá □ 3. Trung bình □ 4. Kém □
- Về thế giới nghề nghiệp: 1. Tốt □ 2. Khá □ 3. Trung bình □ 4.Kém □

Câu 2: ***Theo Thầy/Cô, khi chọn nghề và trường đào tạo đa số học sinh của trường thường dựa vào các yếu tố trong bảng dưới đây như thế nào?***

STT	Yếu tố	Mức độ		
		Nhiều	Ít	không
1	Sở thích và năng lực của bản thân			
2	Theo định hướng của gia đình			
3	Nhu cầu về nghề của địa phương,			
4	Các phương tiện thông tin, truyền thông			
5	Công tác Giáo dục hướng nghiệp của nhà trường			
6	Ảnh hưởng của bạn bè			
7	Được tiếp xúc, trải nghiệm với nghề			
8	Được tư vấn nghề			
9	Dễ có việc làm			
10	Yếu tố khác			

<u>Câu 3:</u> ***Trong kế hoạch năm học của trường trung học phổ thông nơi Thầy/Cô công tác, Giáo dục hướng nghiệp có được đưa vào không?***

1. Có ☐ 2. Không ☐

<u>Câu 4:</u> ***Trường trung học phổ thông nơi Thầy/Cô công tác đã làm những việc dưới đây ở mức độ nào để giúp học sinh hiểu và lựa chọn nghề?***

STT	Công việc nhà trường làm	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả		
		Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Thấp	Trung bình	Cao
1.	Hướng nghiệp qua các môn học						
2.	Hướng nghiệp qua chương trình GDHN chính khóa						
3.	Tổ chức tham quan các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất						
4.	Mời chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề						
5.	Mở các lớp dạy nghề						
6.	Tổ chức các cuộc thi với các chủ đề về Hướng nghiệp						
7.	Các hoạt động khác (Ghi cụ thể)						

<u>Câu 5</u>: ***Trường học nơi Thầy/Cô công tác, GDHN đã được tích hợp vào môn Địa lí chưa?***

1. Đã học ☐ 2. Chưa học ☐

<u>Câu 6</u>: ***Nếu Trường học nơi Thầy/Cô công tác, GDHN đã được tích hợp vào môn Địa lí thì HS có hứng thú học không?***

1. Có ☐ 2. Không ☐

<u>Câu 7</u>: ***Trong 2 năm trở lại đây, trường Thầy/Cô đã đầu tư những cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ nào phục vụ cho hoạt động giáo dục hướng nghiệp?***

- ……

……

<u>Câu 8</u>: ***Hàng năm, trường học nơi Thầy/Cô công tác có tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về giáo dục hướng nghiệp và tích hợp giáo dục hướng nghiệp qua môn học không?***

1. Có ☐ 2. Không ☐

<u>Câu 9:</u> ***Thuận lợi và khó khăn mà Thầy/Cô gặp phải khi tích hợp giáo dục hướng nghiệp vào môn học cho học sinh là gì?***

- Thuận lợi: ……..……...…….....

.....

- Khó khăn: ....…….…....……

…….……...…….

<u>Câu 10</u>: ***Để giáo dục hướng nghiệp nói chung và tích hợp giáo dục vào môn học nói riêng đạt hiệu quả cao, Thầy/Cô có ý kiến đóng góp gì?***

- …….....……

……

Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin về bản thân

. Họ và tên:…….

. Trường: ……

. Công việc đảm nhận: ……

. Số năm công tác: ……

. Trình độ đào tạo cao nhất:………

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy/Cô

PHỤ LỤC 2

PHIẾU LẤY Ý KIẾN HỌC SINH VỀ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ TÍCH HỢP GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Dành cho học sinh lớp 12 THPT)

Để góp phần xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông. Xin Em vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề đã nêu trong phiếu bằng cách đánh dấu (X) vào phương án mà Em đồng ý hoặc điền vào chỗ trống câu trả lời.

(Những thông tin này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác).

Câu 1: ***Em có biết về sở thích và khả năng của mình không***

1. Có biết sở thích và khả năng của mình ☐
2. Không biết sở thích và khả năng của mình ☐

Nếu chọn ý 1, vui lòng viết sở thích và khả năng em là:

- Sở thích: ……..
- Có khả năng về: ……..……

Câu 2: ***Sau khi học xong trung học phổ thông, em dự định sẽ làm gì?***

1. Học đại học, cao đẳng ☐
2. Học trung học chuyên nghiệp ☐
3. Học một nghề nào đó ☐
4. Tham gia sản xuất ở địa phương ☐
5. Không có dự định gì ☐

Câu 3: ***Em đã có dự định chọn nghề cho mình sau khi học xong trung học phổ thông chưa?***

1. Đã dự định ☐
2. Đã dự định nhưng chưa cụ thể ☐
3. Chưa dự định ☐

Nếu đã có dự định chọn nghề, thì lĩnh vực nghề bạn sẽ chọn sau khi học xong THPT là gì?

1. Nghề liên quan đến sản xuất nông nghiệp ☐
2. Nghề liên quan đến sản xuất công nghiệp ☐
3. Nghề liên quan đến hoạt động văn hoá, nghệ thuật ☐
4. Nghề liên quan đến kinh doanh, buôn bán ☐
5. Nghề liên quan đến lĩnh vực khác (ghi cụ thể:…….)☐

Câu 4: ***Em biết được các thông tin về nghề mình sẽ chọn:***

1. Dễ xin việc làm của nghề đó sau khi học xong ☐
2. Chương trình đào tạo của nghề, của trường mình chọn qua Internet ☐
3. Thông qua các môn học ở trường THPT ☐
4. Đã được tham quan, trải nghiệm với nghề đó ☐

Câu 5: ***Các yếu tố dưới đây ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành, nghề của em ở mức độ như thế nào?***

STT	Yếu tố	Mức độ		
		Nhiều	**Ít**	**không**
1.	Sở thích và năng lực của bản thân			
2.	Theo định hướng của gia đình			
3.	Nhu cầu về nghề của địa phương,			
4.	Các phương tiện thông tin, truyền thông			
5.	Công tác Giáo dục hướng nghiệp của nhà trường			
6.	Ảnh hưởng của bạn bè			
7.	Được tiếp xúc, trải nghiệm với nghề			
8.	Được tư vấn nghề			
9.	Dễ có việc làm			
10.	Yếu tố khác			

Câu 6: Trong trường hợp nếu không đỗ vào đại học hoặc cao đẳng em sẽ làm gì?

1. Ôn thi tiếp đến khi đỗ đại học hoặc cao đẳng ☐
2. Dự thi Trung học chuyên nghiệp ☐
3. Tạm giúp việc nhà, sau đó học nghề ☐
4. Chưa tính gì, đến đâu hay đến đó ☐

<u>Câu 7</u>: ***Trường trung học phổ thông, nơi em học đã làm những gì để giúp học sinh hiểu và lựa chọn nghề?***

STT	Công việc nhà trường đã làm	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả		
		Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Thấp	Trung bình	Cao
1.	Hướng nghiệp qua các môn học						
2.	Hướng nghiệp qua chương trình GDHN chính khóa						
3.	Tổ chức tham quan các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất.						
4.	Mời chuyên gia, nghệ nhân nói chuyện về nghề						
5.	Mở các lớp dạy nghề						
6.	Tổ chức cuộc thi với các chủ đề về hướng nghiệp						
7.	Các hoạt động khác (ghi cụ thể)…… ……						

<u>Câu 8</u>: ***Tại trường phổ thông, nơi em học, GDHN đã được tích hợp vào môn Địa lí 12 chưa?***

1. Đã tích hợp ☐
2. Chưa tích hợp ☐

<u>Câu 9</u>: ***Theo em, những thuận lợi và khó khăn mà em gặp phải khi lựa chọn nghề là gì? (viết từ 1 đến 3 lí do quan trọng nhất)***

- Thuận lợi: ……

……

- Khó khăn: ……

……..

<u>Câu 10</u>: ***Tại trường phổ thông, nơi em học, GDHN nếu đã được tích hợp vào môn Địa lí 12 thì có giúp em giải quyết được những khó khăn ở trên không?***

- ……

……

Xin em cho biết một số thông tin về bản thân

. Họ và tên:……***Giới tính***: ……

. Trường THPT: …… ***Lớp:*** ……***Tỉnh (thành phố):*** ……..

. Dân tộc: ……

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của em!

PHỤ LỤC 3:

PHỤ LỤC 3-1:

PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CÁC NHÓM BÀI 16, 17

1. PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 1

Bài trình bày phải thể hiện được các nội dung sau 1. Dân số đông nhiều thành phần dân tộc - Chứng minh dân số đông, so sánh với thế giới và khu vực + Tác động của dân số với phát triển kinh tế xã hội: Tích cực, tiêu cực - Nhiều thành phần dân tộc + Thuận lợi, khó khăn 1. Dân số tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ - Chứng minh dân số tăng nhanh - Trình bày cơ cấu dân số trẻ - Ảnh hưởng tới phát triển kinh tế xã hội, việc làm, tài nguyên môi trường, chất lượng cuộc sống (Cơ cấu dân số Vàng). 3. Dân cư và lao động phân bố không đều: - Giữa đồng bằng và miền núi - Giữa thành thị và nông thôn 4. Liên hệ với địa phương và vấn đề việc làm, nghề nghiệp.

2. PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 2

Bài trình bày phải thể hiện được các nội dung sau 1. Nguồn lao động: - Ưu điểm: (Cơ cấu dân số Vàng) + Số lượng + Chất lượng - Hạn chế 2. Cơ cấu lao động - Cơ cấu lao động theo ngành và sự chuyển dịch - Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế và sự chuyển dịch - Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn và sự chuyển dịch 3. Vấn đề việc làm - Vấn đề việc làm là vấn đề kinh tế xã hội lớn - So sánh tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở khu vực thành thị và nông thôn 4. Liên hệ với địa phương và vấn đề dự định việc làm của bản thân mỗi thành viên trong nhóm.

3. PHIẾU ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHÓM 3

Bài trình bày phải thể hiện được các nội dung sau 1. Chiến lược phát triển dân số - Mục tiêu - Phương hướng 2. Biện pháp giải quyết việc làm - Mục tiêu - Phương hướng 3. Trách nhiệm của mỗi cá nhân trong nhóm đối với chiến lược dân số và biện pháp giải quyết việc làm. Liên hệ vấn đề chọn nghề của bản thân sau khi rời trường THPT? Tên và địa chỉ cơ sở đào tạo nghề mình chọn?

PHỤ LỤC 3-2:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN SAU KHI LÀM VIỆC NHÓM

Họ và tên:

Thuộc nhóm:

Thang điểm: 1= kém; 2= yếu; 3= khá; 4= giỏi; 5= xuất sắc

Tiêu chí	**Yêu cầu**		**Điểm**				
			1	**2**	**3**	**4**	**5**
Thái độ học tập	1	Tuân thủ theo sự điều hành người điều hành					
	2	Thể hiện sự hứng thú với nhiệm vụ được giao					
	3	Tích cực, tự giác tìm hiểu các kiến thức Địa lí và GDHN					
	4	Thể hiện sự hiểu biết, có câu hỏi với GV liên quan đến chủ đề					
	5	Thể hiện được vai trò của cá nhân trong nhóm					
Tổ chức, tương tác	6	Cá nhân có đóng góp trong nhóm					
	7	Có sự sáng tạo trong hoạt động					
	8	Cá nhân tham gia vào tất cả các giai đoạn làm việc nhóm					
Kết quả	9	Sản phẩm có những điểm mới để nhóm khác học tập					
	10	Sản phẩm đạt yêu cầu, có chất lượng					
Điểm trung bình							

PHỤ LỤC 3-3:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Tên nhóm:

Số lượng thành viên của nhóm: .

Nội dung nhóm trình bày:

Thang điểm: 1= kém; 2 = yếu; 3 = Khá, 4 = Giỏi; 5 = Xuất sắc

Tiêu chí	**Yêu cầu**		**Điểm**				
			1	**2**	**3**	**4**	**5**
Bố cục	1	Tiêu chí rõ ràng, hấp dẫn người xem					
	2	Cấu trúc mạch lạc, lôgic					
	3	Nội dung phù hợp với tiêu đề					
Nội dung	4	Nội dung chính rõ ràng, khoa học					
	5	Các ý chính có sự liên kết					
	6	Có liên hệ với thực tế					
	7	Có sự kết nối với kiến thức đã học					
	8	Sử dụng kiến thức GDHN					
Trình bày	9	Giọng nói rõ ràng, khúc triết					
	10	Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lý.					
	11	Ngôn ngữ diễn đạt dễ hiểu					
	12	Thể hiện được cảm hứng, tự tin					
	13	Có giao tiếp bằng ánh mắt, cử chỉ					
Sử dụng công nghệ	14	Thiết kế sáng tạo, màu sắc hài hòa					
	15	Phông chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý					
	16	Hiệu ứng, hình ảnh dễ nhìn, dễ đọc					
Tổ chức tương tác	17	Cách dẫn dắt vấn đề thu hút, không phụ thuộc vào phương tiện					
	18	Có nhiều học sinh trong nhóm tham gia trình bày					
	19	Trả lời các câu hỏi thêm tốt					
	20	Phân bố thời gian hợp lý					
Điểm trung bình							

PHỤ LỤC 3-4:

BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM

1.Thời gian, địa điểm, thành viên

- Địa điểm:

- Thời gian:

- Nhóm: Số thành viên: Có mặt: Vắng mặt:

Bảng: Phân công công việc

STT	Họ và tên	Công việc được giao	Thời gian hoàn thành	Ghi chú

2. Nhận xét chung

- Kết quả làm việc:
- Thái độ, tinh thần làm việc:
- Đánh giá chung:
- Ý kiến bổ sung:

Thư kí **Nhóm trưởng**

PHỤ LỤC 3-5: GV chuẩn kiến thức

I. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư.

*1**. Đông dân, có nhiều thành phần dân tộc**:*

**. Đông dân:*

- Theo thống kê, dân số Việt Nam là 90.493.352 người (4/2014), đứng thứ 3 ĐNA, thứ 13 thế giới.

- Đánh giá: Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

- Khó khăn: Phát triển kinh tế, giải quyết việc làm...

** Nhiều thành phần dân tộc:*

- Có 54 dân tộc, dân tộc Kinh chiếm 86,2%, còn lại là các dân tộc ít người.

- Thuận lợi: Đa dạng về bản sắc văn hoá và truyền thống dân tộc.

- Khó khăn: Sự phát triển không đều về trình độ và mức sống giữa các dân tộc.

2. Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ:

a. Dân số còn tăng nhanh: mỗi năm tăng hơn 1 triệu người.

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm. Ví dụ: giai đoạn 1989 - 1999 tỉ lệ gia tăng dân số trung bình là 1,7% đến giai đoạn 2002 - 2005 là 1,32%.

- Hậu quả của sự gia tăng dân số : tạo nên sức ép lớn về nhiều mặt.

b. Cơ cấu dân số trẻ:

- Tỉ trọng cao ở nhóm tuổi trẻ: Dưới 15 tuổi.

- Trong độ tuổi lao dộng chiếm 64%, mỗi năm tăng thêm khỏang 1,15 triệu người. Thời điểm có cơ cấu "Dân số vàng".

- Thuận lợi: Nguồn lao động đồi dào, năng động, sáng tạo.

- Khó khăn sắp xếp việc làm.

3. Phân bố dân cư chưa hợp lí:

- Dân cư phân bố không đều giữa đồng bằng và miền núi: Đồng bằng tập trung 75% dân số. (VD: Đồng bằng sông Hồng mật độ 1225 người/km$^{2)}$; miền núi chiếm 25% dân số (Vùng Tây Bắc 69 người/km^2)

- Dân cư phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn: Nông thôn chiếm 73, 1% dân số, thành thị chiếm 26,9% dân số.

** Nguyên nhân:*

+ Điều kiện tự nhiên.

+ Lịch sử định cư.

+ Trình độ phát triển KT-XH, chính sách...

4. Trách nhiệm của học sinh.

- Chấp hành chính sách dân số, pháp luật về dân số.

- Tuyên truyền, động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đồng thời đấu tranh chống những hành vi vi phạm chính sách dân số.

- Hiểu được tác động của dân số đến việc làm, để có sự lựa chọn nghề phù hợp với hiện trạng dân số Việt Nam.

PHỤ LỤC 3-6: GV chuẩn kiến thức

II. Lao động và việc làm.

1. Nguồn lao động

a) Mặt mạnh:

+ Nguồn lao động rất dồi dào 42,53 triệu người, chiếm 51,2% dân số (năm 2005).

+ Mỗi năm tăng thêm trên 1 triệu lao động.

+ Người lao động cần cù, sáng tạo có kinh nghiệm sản xuất phong phú.

+ Chất lượng lao động ngày càng nâng lên.

b) Hạn chế

- Nhiều lao động chưa qua đào tạo.

- Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.

- Phân công lao động xã hội còn chậm chuyển biến

- Chưa sử dụng hết thời gian lao động

2. Cơ cấu lao động

a) Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế

- Lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất.

- Xu hướng: giảm tỉ trọng lao động nông, lâm, ngư nghiệp; tăng tỉ trọng lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, nhưng còn chậm.

b) Cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế:

- Phần lớn lao động làm ở khu vực ngoài nhà nước.

- Tỉ trọng lao động khu vực 1 ngoài Nhà nước và khu vực Nhà nước ít biến động, lao động khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng.

c) Cơ cấu lao động theo thành thị và nông thôn:

- Phần lớn lao động ở nông thôn.

- Tỉ trọng lao động nông thôn giảm, khu vực thành thị tăng.

** Hạn chế.*

- Năng suất lao động thấp.

- Phần lớn lao động có thu nhập thấp.

- Phân công lao động xã hội còn chậm chuyển biến

- Chưa sử dụng hết thời gian lao động

3. Vấn đề việc làm và hướng giải quyết việc làm

Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay :

- Việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội lớn.

Nhà nước đã tạo ra được nhiều việc làm mới cho người lao động. Tuy vậy, tình trạng thiếu việc làm vẫn là vấn đề bức xúc ở cả nông thôn và thành thị.

- Năm 2005, cả nước có 2,1% lao động thất nghiệp và 8,1% thiếu việc làm, ở thành thị tỉ lệ thất nghiệp là 5,3%, mỗi năm nước ta giải quyết gần 1 triệu việc làm.

4. Trách nhiệm của học sinh.

- Chấp hành chính sách giải quyết việc làm và pháp luật về lao động.

- Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kĩ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn để tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung.

PHỤ LỤC 3 -7: GV chuẩn kiến thức

III. Chiến lược phát triển dân số và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động, biện pháp giải quyết việc làm:

1. Chiến lược phát triển dân số

*** Mục tiêu :*** *Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số, sớm ổn định quy mô, cơ cấu dân số và phân bố dân cư hợp lí, nâng cao chất lượng dân số nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước.*

****Phương hướng:***

- Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí, tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số từ Trung ương đến cơ sở.

- Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục với nội dung thích hợp, hình thức đa dạng nhằm phổ biến các chủ trương, biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

- Nâng cao sự hiểu biết của người dân về vai trò của gia đình, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản, nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân về thể chất, trí tuệ, tinh thần.

- Nhà nước đầu tư đúng mức, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước; thực hiện xã hội hoá dân số, tạo điều kiện thuận lợi để mọi gia đình, cá nhân tự nguyện, chủ động tham gia công tác dân số.

- Xây dựng chính sách chuyển cư phù hợp để thúc đẩy sự phân bố dân cư lao động giữa các vùng.

- Xây dựng, quy hoạch và chính sách thích hợp nhằm đáp ứng xu thế chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị

2. Biện pháp giải quyết việc làm

**** Mục tiêu :***

Tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp và tăng tỉ lệ người lao động đã qua đào tạo.

**** Phương hướng***

- Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

- Thực hiện tốt chính sách dân số, sức khỏe sinh sản.

- Thúc đẩy sản xuất và dịch vụ.

- Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tự do hành nghề, khôi phục các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên, đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm.

***3. Trách nhiệm của học sinh**:*

- Tìm hiểu và hiểu đúng chính sách dân số và giải quyết việc làm, pháp luật về dân số, pháp luật về lao động.

- Chấp hành tốt và tuyên truyền người thân và những người xung quanh thực hiện tốt chính sách dân số và giải quyết việc làm.

- Có sự lựa chọn nghề phù hợp với tình hình dân số - việc làm của địa phương và cả nước.

PHỤ LỤC 4:

Thiết kế giáo án Bài 7: Đất nước nhiều đồi núi (tiết 2)

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS cần:

1. Kiến thức

- Hiểu được đặc điểm của địa hình đồng bằng và sự khác nhau giữa các vùng đồng bằng ở nước ta.
- Đánh giá được các mặt thuận lợi và khó khăn trong việc sử dụng đất ở mỗi vùng đồng bằng.
- Hiểu được ảnh hưởng của đặc điểm thiên nhiên các khu vực đồi núi đối và đồng bằng với phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.
- Biết được những ngành kinh tế có nhiều ưu thế phát triển, những giải pháp để khai thác hợp lý, sử dụng và bảo vệ các nguồn lợi này. (Nắm bắt và hiểu về thế giới nghề nghiệp và năng lực bản thân).

2. Kĩ năng

- Khai thác các kiến thức từ bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Phân tích mối quan hệ của các yếu tố tự nhiên.
- Kĩ năng liên hệ các kiến thức Địa lí với kiến thức về hướng nghiệp (nhận thức bản thân và thế giới nghề nghiệp).

3. Thái độ

- Có tinh thần trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển của đất nước.
- Có ý thức, hành động khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên tự nhiên một cách hợp lí để các ngành kinh tế phát triển vững bền.
- Tích cực trong việc tìm hiểu thế giới nghề nghiệp; hiểu về bản thân (sở thích).
- Có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn;

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

*** Giáo viên.**

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Atlat địa lí Việt Nam.
- Tranh ảnh, video cảnh quan địa hình đồng bằng, đồi núi Việt Nam.

*** Học sinh.**

- Atlat địa lí Việt Nam.
- Đồ dùng học tập (giấy A4, bút dạ, thước, chì, tẩy, giấy dán mầu…)
- Tài liệu sưu tầm về địa hình Việt Nam về các nghề đặc trưng của mỗi loại địa hình

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định

2. Bài cũ

? Em hãy nêu những đặc điểm khác nhau về địa hình giữa hai vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

? Theo Em mỗi khu vực địa hình với đặc điểm như vậy thì ngành kinh tế nông nghiệp sẽ phát triển như thế nào? Thuận lợi cho loại cây trồng gì?

? Nếu Em đang sống ở vùng đồi núi, Em nghĩ mình sẽ phát triển ngành kinh tế gì để phát huy được thế mạnh của vùng?

3. Bài mới

Khởi động: HS quan sát 1 số tranh ảnh, video địa hình Việt Nam.

GV và HS thống nhất mục tiêu của bài về kiến thức, kĩ năng, thái độ.

GV: Các em đã nắm được đặc điểm chung của địa hình Việt Nam và đặc điểm địa hình khu vực đồi núi, qua đó, các em cũng một phần nhận thấy được sự phát triển từng ngành kinh tế ở VN, đặc biệt là ngành kinh tế nông nghiệp. Bằng hiểu biết của mình các em hãy cho biết ở khu vực đồi núi và đồng bằng có những thế mạnh để phát triển những ngành nghề nào? – HS trả lời; các bạn nhận xét; GV chuẩn kiến thức

Chúng ta sẽ còn thấy rõ và hiểu hơn về những yếu tố này khi nghiên cứu bài 7; Hiểu được những ngành nghề ở VN thuận lợi để phát triển trên cơ sở khai thác những thế mạnh của địa hình.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cơ bản
<u>Hoạt động 1</u>: Tìm hiểu đặc điểm khu vực đồng bằng *Hình thức: hoạt động Cả lớp* *Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ* *Bước 1:* GV đặt các câu hỏi: ? HS nhắc lại khái niệm đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển? ? HS lên chỉ vị trí của các đồng bằng trên bản đồ Tự nhiên Việt Nam? ? HS Đọc SGK mục b, quan sát bản đồ và	**b) Khu vực đồng bằng** - Đồng bằng chia làm hai loại: + Đồng bằng châu thổ + Đồng bằng ven biển

Atlat, hãy tự trình bày đặc điểm đồng bằng ven biển theo dàn ý: - Diện tích: ..... - Nguyên nhân hình thành: ..... - Địa hình..... - Đặc điểm đất đai..... - Các đồng bằng lớn:..... *Bước 2*: HS suy nghĩ (theo cá nhân hoặc theo cặp) trả lời các câu hỏi và viết nháp theo dàn ý trên. *Bước 3*: GV gọi HS trả lời, chỉ bản đồ, các bạn khác bổ sung, GV Chuẩn kiến thức. (Đồng bằng châu thổ do các sông lớn bồi đắp ở cửa sông, thường rộng và bằng phẳng,. Đồng bằng ven biển chủ yếu do phù sa biển bồi tụ, thường nhỏ, hẹp; GVchỉ trên bản đồ Tự nhiên Việt Nam: đồng bằng châu thổ sông Hồng, đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, đồng bằng Duyên hải miền Trung. *GV liên hệ với kiến thức Hướng nghiệp* *? Trong 3 đồng bằng lớn này, nếu được lựa chọn thì em thích sống và làm việc ở khu vực đồng bằng nào? Vì sao?* *-> HS thảo luận, GV gợi ý, nhận xét câu trả lời và chốt kiến thức về hướng nghiệp có liên quan đến các đồng bằng.* Chuyển ý: **Hoạt đông 2: Tìm hiểu, so sánh sự giống và khác nhau giữa 2 đồng bằng lớn ở Việt Nam.** *Hình thức: Thảo luận nhóm*	**** Đồng bằng ven biển:*** Đồng bằng duyên hải miền Trung. - Diện tích 15000 km^2 - Chủ yếu do phù sa biển bồi đắp. - Đất nhiều cát, ít phù sa. Đồng bằng hẹp chiều ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. - Các đồng bằng lớn: Đồng bằng sông Chu; sông Mã, đồng bằng sông Cả, sông Thu Bồn, ... **** Đồng bằng châu thổ sông gồm***: đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. **+ So sánh:đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.**

<table>
<tr>
<td>

Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ

Bước 1: GV chia lớp 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận về đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long theo câu hỏi:

? So sánh đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?

? Mô tả các ngành kinh tế thuận lợi ở mỗi đồng bằng mà em biết?

? Nếu là một nhà kinh tế, em sẽ đầu tư ngành kinh tế nào ở mỗi đồng bằng để khai thác được các thế mạnh của nó?

Bước 2: Các nhóm thảo luận độc lập, không trao đổi giữa các nhóm, ghi kết quả vào giấy Ao.

Bước 3: Các nhóm dán phần trình bày của nhóm mình lên các góc lớp.Mỗi nhóm cử một HS chỉ trên bản đồ và trình bày câu trả lời; Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến; GV chuẩn kiến thức.

=>GV liên hệ với kiến thức Hướng nghiệp: ngành kinh tế thuận lợi để phát triển ở từng đồng bằng; một số ngành nghề và ví dụ cơ sở đào tạo nghề đó.

Chuyển ý

</td>
<td>

**** Giống nhau:***

- Đều là đồng bằng châu thổ hạ lưu của các sông lớn, có bờ biển phẳng, vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- Đất đai màu mỡ, phì nhiêu.

**** Khác nhau:***

<table>
<tr>
<td>- Do sông Hồng và sông Thái bình bồi tụ.
- DT: 15.000 km^2.
- Cao ở Phía Tây, tây Bắc, thấp dần ra biển.
Bề mặt chia cắt thành nhiều ô, có hệ thống đê kiên cố.
- Vùng trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm.
- Ít chịu tác động của thuỷ triều</td>
<td>- Do sông Tiền và sông Hậu bồi tụ.
- DT: 40.000 km^2.
- Địa hình thấp, bề mặt tương đối bằng phẳng Nhiều vùng trũng ngập nước. Có hệ thống kênh rạch chằng chịt.
- Được bồi đắp phù sa hằng năm.
- Chịu tác động mạnh mẽ của thuỷ triều.</td>
</tr>
</table>

</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 3: Tìm hiểu Thế mạnh và hạn chế về thiên nhiên của các khu vực đồi núi và đồng bằng trong phát triển kinh tế - xã hội. *Hình thức: Thảo luận Nhóm* *Mức độ tích hợp GDHN: Bộ phận, liên hệ.* *Bước 1*: GV chia HS ra thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm. (GV tích hợp kiến thức Hướng nghiệp vào phần việc của mỗi nhóm) *Nhóm1,3*: ? Đọc SGK mục 3.a, và kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy nêu các dẫn chứng để chứng minh các thế mạnh và hạn chế của địa hình đồi núi tới phát triển kinh tế – xã hội? *? Nếu em có được nguồn đầu tư cho khu vực này, em sẽ tập trung phát triển ngành kinh tế gì?Mô tả đặc điểm của ngành?* *? Phân tích những lợi ích về tự nhiên khi phát triển ngành kinh tế em lựa chọn?* *Nhóm 2,4* : ? Đọc SGK mục 3.b, kết hợp hiểu biết của bản thân, hãy nêu các dẫn chứng để chứng minh các thế mạnh và hạn chế của địa hình đồng bằng tới phát triển kinh tế - xã hội? *? Nếu em có nguồn vốn đầu tư cho khu vực này, em sẽ tập trung phát triển ngành kinh tế gì? Mô tả đặc điểm của ngành?* *?Phân tích những lợi ích về tự nhiên khi phát triển ngành kinh tế em lựa chọn?*	**3. Thế mạnh và hạn chế về thiên nhiên của các khu vực đồi núi và đồng bằng trong phát triển kinh tế - xã hội** ***a. Khu vực đồi núi.*** **** Thuận lợi*** - Nhiều mỏ nội sinh tập trung thuận lợi cho phát triển các ngành công nghiệp. - Tài nguyên rừng giàu có, thành phần loài phong phú với nhiều loài quý hiếm, tiêu biểu cho sinh vật rừng nhiệt đới. - Bề mặt khá bằng phẳng thuận lợi cho việc xây dựng các vùng chuyên canh cây công nghiệp. - Các dòng sông có tiềm năng thuỷ điện lớn (sông Đà……). - Khí hậu mát mẻ, phong cảnh đẹp thuận lợi cho phát triển du lịch (Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, Ba Vì…). **** Khó khăn*** - Địa hình bị chia cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực, sườn dốc gây khó khăn cho giao thông vận tải, khai thác tài nguyên, giao lưu kinh tế... - Xảy ra nhiều thiên tai: lũ quét, xói mòn, trượt đất, tại các đứt gãy còn có động đất. Các thiên tai khác như lốc, mưa đá, sương mù, rét hại… ***b. Khu vực đồng bằng.***

Bước 2: HS trong các nhóm trao đổi, thảo luận, ghi kết quả ra giấy Ao. *Bước 3*: Các nhóm dán phần kết quả của mình lên bảng. Đại diện nhóm chỉ bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam trình bày; Nhóm khác nhận xét, bổ sung; GV chuẩn kiến thức. *GV đưa gợi ý, nhận xét câu trả lời của các nhóm về kiến thức GDHN*	**** Thuận lợi*** + Phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, các loại nông sản đa dạng, đặc biệt là gạo. + Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như khoáng sản, thuỷ sản và lâm sản. + Là nơi thuận lợi để tập trung các thành phố, các khu công nghiệp và các trung tâm thương mại. . **** Các hạn chế***: Thường xuyên chịu nhiều thiên tai bão, lụt, hạn hán...

IV. ĐÁNH GIÁ

? Ý nào không đúng về thế mạnh về tự nhiên của khu vực đồi núi đối với phát triển kinh tế –xã hội?

A. Rừng giàu về thành phần loài B. Tiềm năng thuỷ điện

C. Địa hình bị cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực D.Khoáng sản phong phú

- So sánh những đặc điểm giống và khác nhau về điều kiện hình thành, địa hình và đất của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?

**** HS làm bài kiểm tra 15 phút sau bài học (Phụ lục 11)***

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

- Học sinh về nhà học bài, làm các bài tập SGK/35.

- Viết bài thu hoạch cá nhân theo nội dung: *Nêu những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồi núi và khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta? Phân tích ngành kinh tế có điều kiện địa hình thuận lợi để phát triển ở mỗi vùng?Em có thích ngành đó không? Vì sao?*

- Xem trước bài 8.

Lưu ý: Bài 7, tác giả sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp hợp tác theo nhóm kết hợp với các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn như sử dụng bản đồ, khai thác kiến thức trên bản đồ… để soạn giáo án;

Nhưng đối với bài 7 này, bên cạnh các phương pháp kể trên, GV giảng dạy có thể sử dụng các phương pháp sử dụng các kĩ thuật dạy học như: Kĩ thuật sử dụng sơ đồ tư duy (sơ đồ đã được đưa ví dụ ở trên), Kĩ thuật mảnh ghép (các nhóm làm các việc được phân công khác nhau rồi ghép lại cùng nhau trong các hoạt động) để tăng tính tích cực của HS.

PHỤ LỤC 5:

Thiết kế giáo án Bài 21: Đặc điểm nền nông nghiệp nước ta

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được những thế mạnh và hạn chế của nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta.
- Biết được đặc điểm của nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta đang chuyển dịch từ nông nghiệp cổ truyền sang nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hoá quy mô lớn.
- Biết được xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ở nước ta.
- Hiểu về ngành nông nghiệp trong các ngành kinh tế của thế giới nghề nghiệp quanh em.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng khai thác kiến thức trên bản đồ, lược đồ, bảng số liệu: Đọc và phân tích khai thác các kiến thức từ Atlat, bản đồ giáo khoa treo tường và bản đồ trong SGK, Phân tích lược đồ hình 21.1, Phân tích các bảng số liệu có trong bài học.
- Kĩ năng thu thập và xử lí các tư liệu thu thập được;
- Kĩ năng liên hệ các kiến thức Địa lí với kiến thức về GDHN (nhận thức bản thân và thế giới nghề nghiệp; kĩ năng lập kế hoạch nghề nghiệp).

3. Thái độ:

- Có ý thức khai thác sử dụng tài nguyên nông nghiệp một cách hợp lí.
- Có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn;
- Hiểu về bản thân, hiểu về nghề, chủ động tự tin trong việc chọn nghề phù hợp;

II PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

GV:

- Bản đồ kinh tế Việt Nam
- Một số hình ảnh, video về hoạt động sản xuất nông nghiệp tiêu biểu
- Chuẩn bị các phương tiện dạy học: máy chiếu, phiếu học tập, tài liệu tham khảo về các nền nông nghiệp.

HS:

- Chuẩn bị các hình ảnh, video có thể hiện đặc điểm nền nông nghiệp nhiệt đới.

III HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Khởi động

+ GV yêu cầu HS hãy điền đúng tên các địa phương với các sản phẩm đặc trưng tương ứng.

1. Nhãn lồng .....:.....:.....
2. Bưởi năm roi.....:.....
3. Cam sành:.....
4. Sữa tươi Mộc Châu .....:.....
5. Bưởi Phúc Trạch .....
6. Chè Shan Tuyết:.....:.:.....:.....

+ GV yêu cầu các em giới thiệu thêm các đặc trưng nền nông nghiệp nhiệt đới mà em biết? (Quan sát một số tranh ảnh, video về cây trồng, vật nuôi của nông nghiệp Việt Nam).

+ GV và HS thống nhất mục tiêu của bài về kiến thức, kĩ năng, thái độ

Bài mới.

Bài hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu đặc điểm nền nông nghiệp VN.

Hoạt động của GV và HS	*Nội dung chính*
Hoạt động l: Tìm hiểu về sự ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nước ta đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới *Hình thức: cá nhân/cặp* *Mức độ tích hợp GDHN: Bộ phận* *Bước 1:* GV đặt câu hỏi với cả lớp ? Dựa vào kiến thức đã học và kiến thức trong SGK cho biết điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới? (chú ý lấy các ví dụ chứng minh) . *Bước 2:* HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung. GV giúp HS chuẩn kiến thức	**1. Nền nông nghiệp nhiệt đới** **a. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cho phép nước ta phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới** - Thuận lợi: + Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hoá rõ rệt, cho phép: . Đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp . Áp dụng các biện pháp thâm canh, tăng vụ,

Hoạt động 2: Tìm hiểu thực trạng khai thác nền nông nghiệp nhiệt đới; Tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hoá ***Hình thức: Nhóm*** ***Mức độ tích hợp GDHN:Bộ phận*** *Bước 1:* GV chia HS thành các nhóm (các em tự chọn thành viên và số lượng thành viên cho nhóm mình, từ 2 đến 5 người có sở thích về nghề gần nhau). ? Mỗi nhóm lập một dự án với tiêu đề: "***Nhà đầu tư tài ba***". *Câu hỏi khái quát*: ?Làm thế nào để tự tin trong cuộc sống? *Câu hỏi trong bài học*: ?Thành công trong nghề sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống như thế nào? *Câu hỏi nội dung*: ?Chúng ta đã làm gì để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới? Đặc điểm cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền và nền nông nghiệp hàng hóa? Các thành phần kinh tế nông thôn? Biểu hiện của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá? Một số nghề cụ thể của ngành nông nghiệp và cơ sở đào tạo nghề? *Bước 2:* Các nhóm thảo luận, tham khảo mạng (nếu có); viết kế hoạch cho dự án nhóm mình. • Hướng dẫn: Đầu tư lĩnh vực nông nghiệp;	chuyển dịch cơ cấu mùa vụ. . Địa hình và đất trồng cho phép áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng. - Khó khăn: Thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh… **b. Nước ta đang khai thác ngày càng có hiệu quả đặc điểm của nền nông nghiệp nhiệt đới.** **2. Phát triển nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa góp phần nâng cao hiệu quả của nông nghiệp nhiệt đới :**

nuôi, trồng cây, con gì? Lựa chọn hình thức sản xuất cổ truyền hay hiện đại? lí do? Lựa chọn mô hình thành phần kinh tế tư nhân, trang trại, doanh nghiệp, đầu tư nước ngoài,…? Lập Dự án thực thi… *Bước 3:* Các nhóm nộp sản phẩm, có kèm bảng ghi cụ thể công việc từng thành viên đã làm của mỗi nhóm và bảng tự đánh giá của các thành viên. Bước 4: Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác đặt câu hỏi hoặc bổ sung. GV chốt kiến thức.	

IV. Đánh giá:

1. Ý nào không hoàn toàn đúng với đặc điểm nên nông nghiệp nhiệt đới nước ta? (Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu câu ở một phương án trả lời đúng).

A. Sự đa dạng về cơ cấu mùa vụ.

B. Sự đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

C. Tính bấp bênh, không ổn đinh của một số sản phẩm nông nghiệp.

D. Năng suất và sản lượng luôn tăng trưởng ổn định.

2. GV đánh giá tổng hợp căn cứ vào phần tự đánh giá của HS, quan sát của GV, bảng công việc đã làm của từng thành viên.

V. Hoạt động nối tiếp

Về làm bài tập SGK/92; chuẩn bị bài 22; hoàn thiện Dự án của mình sau góp ý, bổ sung của các bạn và GV;

Lưu ý: GV có thể lựa chọn phương pháp khác như phần 2.4 đã đề cập để khai thác nội dung GDHN

PHỤ LỤC 6 :

Thiết kế giáo án

Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ

1.MỤC TIÊU: Sau bài học, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được các thế mạnh của vùng, hiện trạng khai thác và khả năng phát phát huy các thế mạnh đó để phát triển kinh tế xã hội.
- Biết được ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội sâu sắc của việc phát huy các thế mạnh của vùng.
- Biết được các ngành nghề có điều kiện thuận lợi để phát triển ở vùng và vấn đề việc làm của vùng.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng khai thác kiến thức trên bản đồ: Đọc và phân tích khai thác các kiến thức từ Atlat, bản đồ giáo khoa treo tường và bản đồ trong SGK;
- Kĩ năng thu thập và xử lí các tư liệu thu thập được;
- Kĩ năng liên hệ các kiến thức Địa lí với kiến thức về hướng nghiệp (nhận thức bản thân và thế giới nghề nghiệp; kĩ năng lập kế hoạch nghề nghiệp).

3. Thái độ

- Nhận thức được việc phát huy các thế mạnh của vùng không chỉ có ý nghĩa về kinh tế mà còn có ý nghĩa chính trị-xã hội sâu sắc;
- Hiểu về bản thân, hiểu về thế giới nghề nghiệp;
- Có hứng thú và khuynh hướng chọn nghề đúng đắn;
- Chủ động tự tin trong việc chọn nghề phù hợp;

II. CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

GV:

- Bản đồ tự nhiên VN treo tường.
- Bản đồ kinh tế vùng
- Tranh ảnh, phim tư liệu về đặc điểm tự nhiên, các ngành kinh tế ở Trung du và Miền núi Bắc Bộ

HS:

- Atlat Địa lí Việt Nam.
- Giấy A4, A3, bút dạ màu, kéo, băng dính 2 mặt…
- Tranh ảnh, tư liệu về vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. *Ổn định*

2. *Bài cũ*

? Tại sao tài nguyên du lịch lại là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu đối với việc phát triển du lịch?

? Phân tích các thế mạnh và hạn chế của tài nguyên du lịch nước ta? Liên hệ với địa phương em?

? Nếu làm trong lĩnh vực du lịch thì em thích làm nghề gì? Mô tả nghề mà em thích? Cơ sở đào tạo nghề đó?

3. Bài mới

Khởi động:

Bước 1: GV cho hs xem một số tranh ảnh về cảnh quan tự nhiên, các dân tộc ít người, các cơ sở công nghiệp (nếu có) của vùng và giới thiệu: đây là các hình ảnh về vùng Trung du và miền núi Bắc bộ.

Bước 2: GV đặt câu hỏi vùng này có những đặc điểm nổi bật gì về tự nhiên, xã hội và tình hình phát triển kinh tế xã hội ra sao

Bước 3: HS suy nghĩ, thảo luận với bạn bên cạnh

Bước 4: GV gọi 1 HS trả lời, HS khác bổ sung

Bước 5: GV chuẩn kiến thức từ đó kết nối vào bài học

+ GV và HS thống nhất mục tiêu của bài về kiến thức, kĩ năng, thái độ.

GV kết nối vào bài mới

Hoạt động của GV-HS	Nội dung kiến thức cơ bản
Hoạt động 1: Tìm hiểu Khái quát chung của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ *Hình thức: Hoạt động cả lớp* *Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ* *Bước 1:*GV đặt câu hỏi chung cho cả lớp: ? HS sử dụng bản đồ treo tường kết hợp Atlat, xác định vị trí tiếp giáp và phạm vi lãnh thổ của vùng? ? Nêu ý nghĩa của vị trí địa lí? ? HS xác định 02 bộ phận ĐB và TB (dựa vào SGK và Atlat) trên bản đồ treo tường? ? Với vị trí địa lí, đặc điểm diện tích, dân	**I. KHÁI QUÁT CHUNG:** -Gồm 15 tỉnh. -DT=101.000Km^2 = 30,5% DT cả nước. (I). -DS>12 triệu (2006) = 14,2% DS cả nước. -Tiếp giáp (Vị trí địa lí):

<table>
<tr>
<td>
số như thế này, Vùng có những thuận lợi và khó khăn cho phát triển những ngành kinh tế nào? Vì sao? Cho ví dụ một số nghề cụ thể và cơ sở đào tạo nghề đó?
Bước 2: HS (cá nhân/cặp) suy nghĩ để trả lời
Bước 3: HS trả lời (có gợi ý), các HS khác bổ sung. GV chuẩn kiến thức.
-> GV liên hệ kiến thức GDHN: ngành kinh tế thuận lợi và khó khăn để phát triển; một số nghề cụ thể của mỗi ngành và cơ sở đào tạo nghề đó (đại học, cao đẳng, trung cấp nghề,...)
Kết nối sang hoạt động 2
Hoạt động 2: Khai thác thế mạnh trong các hoạt động kinh tế.
Hình thức: Nhóm
Kĩ thuật dạy học: sơ đồ tư duy.
Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ, bộ phận
Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm, sau đó phân công công việc cho từng nhóm:
- Nhóm 1: Phiếu học tập 1
- Nhóm 2: Phiếu học tập 2
- Nhóm 3: Phiếu học tập 3
- Nhóm 4: Phiếu học tập 4
* Một số yêu cầu các nhóm cần hoàn thành cho phần kiến thức nhóm mình phụ trách:
Nhóm 1:
? Vùng có những thuận lợi và khó khăn gì trong việc khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện?
? Thế mạnh đó thể hiện thế nào ở hai tiểu vùng của vùng?
? Nếu được đầu tư để phát triển thế mạnh này, nhóm em sẽ làm những gì?
? HS điền thông tin theo bảng
<table>
<tr><th>Loại khoáng sản</th><th>Phân bố</th></tr>
<tr><td></td><td></td></tr>
</table>
</td>
<td>
->*Ý nghĩa*: VTĐL thuận lơi + GTVT đang được đầu tư -> thuận lợi giao lưu với các vùng khác trong nước và xây dựng nền kinh tế mở (điều kiện phát triển đa dạng các ngành kinh tế).

II. CÁC THẾ MẠNH KINH TẾ

1. Thế mạnh về khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.
</td>
</tr>
</table>

Tên nhà máy	Công suất	Phân bố
Thủy điện ……..		
Nhiệt điện ……		

Nhóm 2:

?HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình, tìm hiểu thế mạnh về trồng trọt?

? Cá nhân mỗi thành viên trong nhóm, những bạn nào thích làm trong ngành này khi học xong THPT? Vì sao?

? Nếu được cấp một số vốn đầu tư, yêu cầu phát triển và khai thác thế mạnh này cho vùng thì nhóm em sẽ chọn phát triển nghề gì? Cho biết một số cơ sở đào tạo ngành nghề đó?

2. Thế mạnh về cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới:

Nhóm 3:

? HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình, tìm hiểu thế mạnh về chăn nuôi?

? Cá nhân mỗi thành viên trong nhóm, những bạn nào thích làm trong ngành này khi học xong THPT? Vì sao?

? Nếu được cấp một số vốn đầu tư, yêu cầu phát triển và khai thác thế mạnh này cho vùng thì nhóm em sẽ chọn phát triển nghề gì? Cho biết một số cơ sở đào tạo ngành nghề đó?

3. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc

Nhóm 4:

? HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình nêu các ngành kình tế biển ở Việt Nam?

? Vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ thuận lợi phát triển những ngành kinh tế biển nào? Vì sao?

? Nếu có một nguồn vốn đầu tư để phát triển thế mạnh này, nhóm em dự định sẽ khai thác phát triển nhóm em sẽ chọn phát triển nghề gì? Cho biết một số cơ sở đào tạo ngành nghề đó?

(HS thảo luận theo 4 nhóm, trình bày trên cả sơ đồ tư duy và phần kế hoạch

4. Kinh tế biển

=> +) Điều kiện phát triển (Thuận lợi, Khó khăn)
+) Tình hình phát triển
+) Hướng phát triển

Sơ đồ tư duy: Các thế mạnh kinh tế của vùng

phát triển nghề thế mạnh của nhóm mình). *Bước 2:* Các nhóm tập trung trao đổi, thảo luận… sau đó viết phần trình bày của mình trên giấy A3 theo sơ đồ tư duy (một bạn thư kí có thể viết tóm tắt phần trình bày của nhóm mình bằng chưc trên tờ A3 khác). GV viết khung ở giữa với tiêu đề: Các thế mạnh của vùng, với 4 nhánh tương ứng với 4 thế mạnh của vùng. GV hướng dẫn HS khai thác kiến thức và giải đáp thắc mắc khi lập bản đồ tư duy cho phần của nhóm mình. *Bước 3:* Các nhóm lên dán sơ đồ về thế mạnh của nhóm mình lên 4 góc trong khung sơ đồ tư duy của GV. Đại diện các nhóm trình bày. GV chuẩn kiến thức và liên hệ với kiến thức về GDHN. => GV chốt kiến thức GDHN trong bài.	 => Sự phát triển các nghề (thế giới nghề nghiệp).

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Tự Luận

- Tại sao nói việc phát huy các thế mạnh của Trung du và miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa kinh tế to lớn, có ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc?

- Xác định trên bản đồ các trung tâm công nghiệp của vùng?

- Giải pháp khắc phục các hạn chế để phát huy thế mạnh của vùng

2. Trắc nghiệm

Câu 1: Yếu tố quyết định nhất để TD&MNBB thành vùng chuyên canh chè lớn nhất nước ta:

a. Có đất Feralit màu mỡ b. Có địa hình hiểm trở

c. Khí hậu có mùa Đông lạnh và nhiều đồi núi d. Truyền thống canh tác lâu đời

Câu 2: Cây công nghiệp được trồng nhiều nhất ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

a. Cà Phê b.Cao su

c.Hồ tiêu d.Chè

3. GV tổng hợp đánh giá theo sản phẩm của mỗi nhóm, bản tự đánh giá của cá nhân và của nhóm, qua sự quan sát và trình bày của mỗi nhóm.

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

- Học và trả lời các câu hỏi trong SGK.
- Xem trước bài mới cho tiết học sau.

VI. PHỤ LỤC

1. Phiếu học tập 1: Nghiên cứu, thảo luận trình bày theo sơ đồ tư duy thế mạnh về ngành khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện:

+) Điều kiện phát triển (Thuận lợi, Khó khăn)

+) Tình hình phát triển

+) Hướng phát triển

2. Phiếu học tập 2: Nghiên cứu, thảo luận trình bày theo sơ đồ tư duy thế mạnh về ngành trồng và chế biến cậy công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới:

+) Điều kiện phát triển (Thuận lợi, Khó khăn)

+) Tình hình phát triển

+) Hướng phát triển

3. Phiếu học tập 3: Nghiên cứu, thảo luận trình bày theo sơ đồ tư duy thế mạnh về ngành chăn nuôi gia súc:

+) Điều kiện phát triển (Thuận lợi, Khó khăn)

+) Tình hình phát triển

+) Hướng phát triển

4. Phiếu học tập 4: Nghiên cứu, thảo luận trình bày theo sơ đồ tư duy thế mạnh về ngành kinh tế biển:

+) Điều kiện phát triển (Thuận lợi, Khó khăn)

+) Tình hình phát triển

+) Hướng phát triển

Hướng dẫn:

a. Điều kiện phát triển:

Thuận lợi		**Khó khăn**	
Tự nhiên	KT-XH	Tự nhiên	KT-XH

b. Tình hình phát triển và phân bố:

Tên/loại	**Tình hình phát triển và phân bố**

Một số thông tin phản hồi:

a. Thế mạnh khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện

+) Điều kiện phát triển:

. *Thuận lợi:* Giàu khoáng sản; Trữ năng thủy điện lớn nhất nước.

. *Khó khăn*: Khai thác KS, xây dựng các công trình thủy điện đòi hỏi phải có các phương tiện hiện đại và chi phí cao; Một số loại khoáng sản đang có nguy cơ cạn kiệt…

+) Tình hình phát triển:

. Khai thác, chế biến khoáng sản: Kim loại: (atlat); Năng lượng: (atlat); Phi KL: (atlat); Vật liệu xây dựng (atlat)… -> Cơ cấu công nghiệp đa dạng.

. Thủy điện: Atlat.

Tên nhà máy	Công suất	Phân bố
Thủy điện……...		
Nhiệt điện……		

*Cần chú ý đến vấn đề môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên.

b. Thế mạnh về trồng trọt:

+) Điều kiện phát triển:

Thuận lợi		**Khó khăn**	
Tự nhiên	Kinh tế-Xã hội	Tự nhiên	Kinh tế-Xã hội
-Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh. -Đất: có nhiều loại: đất feralit, phù sa cổ, phù sa… -Địa hình cao. -> Có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới.	- Có truyền thống và kinh nghiệm sản xuất lâu đời. - Có các cơ sở chế biến công nghiệp. - Chính sách, thị trường, kỹ thuật,… khá thuận lợi	- Địa hình hiểm trở. - Khí hâu: rét, sương muối, mưa đá, còn thiếu nước về mùa đông…	- Cơ sở chế biến còn nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ,… - GTVT chưa thật hoàn thiện. - Vốn ít.

+) Tình hình phát triển và phân bố:

Tên/loại	Tình hình phát triển và phân bố
• Chè - Hồi, tam thất, đỗ trọng… - Đào, lê, táo, mận… - Rau ôn đới	- Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái, Hà Giang… - Hoàng Liên Sơn, Cao Bằng, Lạng Sơn… - Lạng Sơn, Cao Bằng… - SaPa…

c. Thế mạnh về chăn nuôi:

+) *Điều kiện phát triển:* Thuận lợi: Nhiều đồng cỏ; trồng trọt phát triển,...

Khó khăn: Vận chuyển khó khăn, các đồng cỏ nhỏ và đang xuống cấp.

+) Tình hình phát triển

Tên/loại	Tình hình phát triển và phân bố
- Trâu - Bò - Gia súc nhỏ	- Chăn thả trong rừng với 1,7 triệu con=50% cả nước - Lấy thịt + lấy sữa – trên các cao nguyên Mộc Châu, Sơn La…với 900.000 con=18%cả nước. - Lợn, dê…(Lợn=5,8 triệu con=21% cả nước)

d. Thế mạnh kinh tế biển

+) Điều kiện phát triển:

+) Tình hình phát triển:

- Đánh bắt.
- Nuôi trồng.
- Du lịch.
- GTVT biển…

PHỤ LỤC 7:

Thiết kế giáo án Bài 33. Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng

A. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của Đồng bằng sông Hồng.
- Phân tích đựơc các thế mạnh chủ yếu và những hạn chế của Đồng bằng sông Hồng.
- Hiểu được tính cấp thiết phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và những định hướng về sự chuyển dịch đó
- Biết được một số nghề thuận lợi phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng.

2. Kĩ năng

- Khai thác được các thông tin kinh tế - xã hội từ bảng số liệu, biểu đồ.
- Xác định trên bản đồ một số tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, thuỷ sản, …), mạng lưới giao thông và đô thị ở Đồng bằng sông Hồng.
- Kĩ năng thu thập và xử lí các tư liệu thu thập được;
- Phân tích được các hình ảnh và bảng biểu trong SGK.
- Kĩ năng liên hệ kiến thức Địa lí với kiến thức GDHN (hiểu về sở thích, khả năng của bản thân; hiểu về thế giới nghề nghiệp; lập kế hoạch nghề nghiệp cho mình).

3. Thái độ

- Có ý thức khai thác sử dụng tài nguyên nông nghiệp một cách hợp lí.
- Hiểu về nghề, chủ động tự tin trong việc chọn nghề phù hợp; Hiểu về bản thân;
- Có thái độ đúng đắn với việc lập kế hoạch nghề nghiệp; Tự tin lựa chọn nghề cho bản thân sau khi rời trường THPT.

II PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

*** GV**

- Bản đồ Kinh tế Việt Nam.
- Atlát địa lí Việt Nam
- Bản đồ tự nhiên Đồng bằng sông Hồng.
- Tranh ảnh, phim tư liệu về đặc điểm tự nhiên, các ngành kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng.
- Máy chiếu.

* Học sinh:

- Một số loại bản đồ, át lát.
- Chuẩn bị các hình ảnh, video có thể hiện đặc điểm nền nông nghiệp nhiệt đới.
- Tìm hiểu một số cơ sở đào tạo sau THPT ở Đồng bằng sông Hồng

III HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Khởi động

Bước 1: Đồng bằng sông Hồng là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, là vùng có nền kinh tế phát triển mạnh đứng hàng thứ hai cả nước sau Đông Nam Bộ. Vậy điều kiện nào tạo nên thế mạnh đó? Tại sao lại phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch như thế nào?

Bước 2: GV đặt câu hỏi vùng này có những đặc điểm nổi bật gì về tự nhiên, xã hội và tình hình phát triển kinh tế xã hội ra sao

Bước 3: HS suy nghĩ, thảo luận với bạn bên cạnh

Bước 4: GV gọi 1 HS trả lời, HS khác bổ sung

Bước 5: GV chuẩn kiến thức từ đó kết nối vào bài học

+ GV và HS thống nhất mục tiêu của bài về kiến thức, kĩ năng, thái độ

2. Bài mới

Hoạt động 1: Xác định vị trí địa lí Đồng bằng sôngHồng

Hình thức: cả lớp/cá nhân

Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG KIẾN THỨC
- Bước 1: Yêu cầu HS dựa vào Atlat Địa lí VN trang 21 hoặc H-46.3. Trả lời các câu hỏi sau: *1) Xác định các đơn vị hành chính của Đồng bằng sông Hồng.* *2) Xác định ranh giới.* *3) Nhận xét diện tích, dân số của ĐBSH.* *4) Nêu ý nghĩa đối với vấn đề kinh tế - xã hội và việc làm..* - Bước 2: HS trả lời, GV chuẩn kiến thức	**I/ Các thế mạnh và hạn chế của vùng:** **1. Các thế mạnh:** **a. Vị trí địa lí:** - Diện tích: 15.000 km^2, chiếm 4,5% diện tích tự nhiên của cả nước. - Dân số: 18,2 triệu người (2006), chiếm 21,6% dân số cả nước. - Gồm 11 tỉnh, thành: Hà Nội, Hải Phòng, Vĩnh Phúc, Hà Tây, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương,Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. - Giáp Trung du - miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và vịnh Bắc Bộ.

GV liên hệ với kiến thức GDHN: Thuận lợi và khó khăn đối với vấn đề việc làm; kể tên một số nghề và cơ sở đào tạo nghề.	→Ý nghĩa: + Dễ dàng giao lưu kinh tế với các vùng khác và với nước ngoài. + Gần các vùng giàu tài nguyên. phú, có giá trị lớn về kinh tế: nước sông (hệ thống đất nông nghiệp khoảng 760.000 ha, trong đó 70% có độ phì cao và trung bình, có giá trị lớn về sản xuất nông nghiệp. - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh làm cho cơ cấu cây trồng đa dạng. - Tài nguyên nước phong

Hoạt động 2: ***Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội*** Đồng bằng sông Hồng

Hình thức: Nhóm/Cặp đôi

Mức độ tích hợp GDHN: Liên hệ

Bước 1: HS tự chọn nhóm/ cặp đôi, nghiên cứu SGK, H-46.1, Atlat trang 21. Trả lời các câu hỏi sau: *1) Nêu đặc điểm tự nhiên của Đồng bằng sông Hồng: đất đai, khí hậu, nguồn nước, tai nguyên biển, khoáng sản.* *2) Phân tích cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng.* *3) Phân tích điều kiện kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.* *4) Phân tích sức ép dân số tới sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng.* *⇨ Điều đó có ảnh hưởng như thế nào đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng?Các nghề thuận lợi để phát triển ở đây là gì? Cá nhân*	**b. Tài nguyên thiên nhiên:** - Diện tích sông Hồng và sông Thái Bình), nước ngầm, nước nóng, nước khoáng. - Tài nguyên biển: bờ biển dài 400 km, vùng biển có tiềm năng lớn để phát triển nhiều ngành kinh tế (đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản, giao thông, du lịch) - Khoáng sản không nhiều, có giá trị là đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên. **c. Điều kiện kinh tế - xã hội:** - Dân cư đông nên có lợi thế: + Có nguồn lao động dồi dào, nguồn lao động này có nhiều kinh nghiệm và truyền thống trong sản xuất, chất lượng lao động cao.

em có thích nghề đó không? Cho biết cơ sở đào tạo nghề đó ở Đồng bằng sông Hồng - Bước 2: HS trình bày có phản hồi thông tin. - Bước 3: GV chuẩn kiến thức và lien hệ kiến thức GDHN: Các nghề thuận lợi để phát triển; Một số cơ sở đào tạo nghề.	+ Tạo ra thị trường có sức mua lớn. - Chính sách: có sự đầu tư của Nhà nước và nước ngoài. - Cơ sở vật chất kĩ thuật và kết cấu hạ tầng phát triển mạnh (giao thông, điện, nước, thuỷ lợi, xí nghiệp, nhà máy…) **2. Hạn chế:** - Dân số đông, mật độ dân số cao gây sức ép về nhiều mặt kinh tế - xã hội, việc làm. - Thường có thiên tai. - Sự suy thoái một số loại tài nguyên.

HĐ3: ***Tìm hiểu về sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở ĐBSH***

Hình thức: Nhóm

Mức độ tích hợp GDHN: Bộ phận

- Bước 1:GV chia lớp thành 6 nhóm và giao nhiệm vụ. ❖ ***Nhóm 1,2:*** *Giải thích tại sao ĐBSH lại phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế?* ❖ ***Nhóm 3,4:*** *Nhận xét biểu bảng về sự chuyển dịch cơ cấu GDP của cả nước và ĐBSH.* ❖ ***Nhóm 5,6:*** *Trình bày các định hướng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ĐBSH* *Bước 2: HS làm việc cá nhân, ghi vào vở* *Sau đó các nhóm thảo luận hoàn thiện vào phiếu học tập* *Bước 3: Đại diện các nhóm báo cáo* *Bước 4: Các nhóm nhận xét, bổ sung.* *Bước 5: GV chuẩn kiến thức*	**II/ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:** **1. Thực trạng:** Cơ cấu kinh tế đồng bằng sông Hồng đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. - Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II v à III. - Trước 1990, khu vực I chiếm tỉ trọng cao nhất. Sau 1990, khu vực III chiếm tỉ trọng cao nhất. **2. Định hướng:** - Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III. - Chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế: + Trong khu vực I: • Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thuỷ sản. • Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây thực phẩm và cây ăn quả. + Trong khu vực II: chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm dựa vào thế mạnh về tài nguyên và lao động. + Trong khu vực III: phát triển du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo,…
GV liên hệ kiến thức GDHN về thông tin đào tạo và cơ sở đào tạo, sau khi HS	**II/ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:** **1. Thực trạng:** Cơ cấu kinh tế đồng bằng sông Hồng

hiểu các ngành thuận lợi và đang có sự chuyển dịch nâng dần tỉ trọng ở Đồng bằng sông Hồng và định hướng phát triển của vùng.	đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng còn chậm. - Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II v à III. - Trước 1990, khu vực I chiếm tỉ trọng cao nhất. Sau 1990, khu vực III chiếm tỉ trọng cao nhất. **2. Định hướng:** - Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III. - Chuyển dịch trong nội bộ từng ngành kinh tế: + Trong khu vực I: • Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thuỷ sản. • Trong trồng trọt: giảm tỉ trọng cây lương thực, tăng tỉ trọng cây thực phẩm và cây ăn quả. + Trong khu vực II: chú trọng phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm dựa vào thế mạnh về tài nguyên và lao động. + Trong khu vực III: phát triển du lịch, dịch vụ tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo,…

IV. ĐÁNH GIÁ

1. HS trả lời 1 số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Các tỉnh thành phố nào sau đây ***không thuộc*** vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng

B. Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Ninh Bình

C. Hà Nam, Nam Định, Thái Bình

D. Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh

Đáp án: D

Câu 2. Đồng bằng sông Hồng ***không tiếp giáp*** với vùng nào sau đây?

A. Trung du miền núi bắc Bộ B.Bắc Trung Bộ

B. C. Vịnh Bắc Bộ D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Đáp án: D

Câu 3. Đồng bằng sông Hồng là sản phẩm bồi tụ phù sa của

A. Hệ thống sông Hồng và sông Cầu

B. Hệ thống sông Hồng và sông Thương

C. Hệ thống sông Hồng và sông Lục Nam

D. Hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình

Đáp án: D

Câu 4. Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo chiều hướng tích cực của đồng bằng sông Hồng là:

A. Tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III

B. Tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III

C. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III

C. Giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, giảm tỉ trọng khu vực III

Đáp án: C

Câu 5. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu trong khu vực I của đồng bằng sông Hồng là

A. Giảm tỉ trọng của ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng của ngành chăn nuôi và thủy sản

B. Giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản

C. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản

D. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt và chăn nuôi, giảm tỉ trọng ngành thủy sản

Đáp án: A

Câu 6. Ngành nghề đang có xu hướng chuyển dịch cơ cấu có thể đăng kí theo học ở những cơ sở đào tạo nào?

2. GV đánh giá dựa trên tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của nhóm, sản phẩm nhóm và sự quan sát của GV trong giờ học và việc chuẩn bị trước giờ học của HS.

V. HOẠT ĐỘNG NỐI TIẾP

- Vì sao đồng bằng sông Hồng phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế?

Gợi ý: + Do có vai trò quan trong trong cả nước

+ Cơ cấu kinh tế còn chậm chuyển biến

+ Để phát huy thê mạnh về tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng

+ Tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân

- Lập kế hoạch nghề nghiệp cho bản thân.

- Cho bảng số liệu yêu cầu HS vẽ **b**iểu đồ thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của ĐBSH.

Cơ cấu kinh tế theo ngành của ĐBSH(Đơn vị %)

Năm	**Tổng**	**Nông lâm thủy sản**	**CN- XD**	**Dịch vụ**
1990	**100**	**45,6**	**22,7**	**31,7**
2005	**100**	**25,1**	**29,9**	**45**

*** HS làm bài kiểm tra 45 phút sau 6 bài thực nghiệm (phụ lục 12)**

*** HS làm phiếu khảo sát sau thực nghiệm (Phụ lục 10)**

PHỤ LỤC 8

PHIẾU XIN Ý KIẾN GIÁO VIÊN SAU THỰC NGHIỆM ĐỢT 1

(Dành cho giáo viên Địa lí THPT)

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, chúng tôi đã tiến hành chia sẻ, thảo luận các vấn đề về quy trình, biện pháp dạy học tích hợp GDHN trong Địa lí 12 và các kiến thức cơ bản về GDHN cho các Thầy/Cô giảng dạy môn Địa lí THPT. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Thầy/Cô về các vấn đề nêu trong phiếu. Xin Thầy/Cô vui lòng đánh dấu (X) vào phương án mà Thầy/Cô lựa chọn hoặc điền vào chỗ trống câu trả lời.

(Những thông tin này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác).

Câu 1: ***Thầy/Cô cảm thấy hứng thú với các vấn đề được nêu ra trong buổi chia sẻ, thảo luận về tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT ở mức độ nào?***

1. Hứng thú ☐ 2. Bình thường ☐ 3. Không hứng thú ☐

Câu 2: ***Thầy/Cô cho ý kiến về mức độ bản thân có thể đáp ứng các yêu cầu của việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT?***

STT	Vấn đề	Mức độ đáp ứng		
		Không đáp ứng	Đáp ứng vừa phải	Đáp ứng tốt
1	*Hiểu và vận dụng được các khái niệm: về Hướng nghiệp, GDHN, tích hợp, tích hợp GDHN, …*			
2	*Hiểu và vận dụng được các yêu cầu và nguyên tắc tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT…*			
3	*Hiểu và vận dụng được quy trình tích hợp GDHN.*			
4	*Hiểu về phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá trong việc tích hợp GDHN.*			
5	*Hiểu và soạn được giáo án tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT.*			

<u>Câu 3</u>: ***Theo ý kiến của Thầy/Cô thì vấn đề tác giả trình bày và đề xuất có khả thi không?Có áp dụng vào thực tế giảng dạy ở trường THPT không?***

- Ý kiến Thầy/Cô: ……

……

<u>Câu 4</u>: ***Theo ý kiến của Thầy/Cô thì việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT sẽ tác động như thế nào đến việc kết quả việc học tập và phát triển các năng lực của HS?***

- Ý kiến Thầy/Cô: ……..

……

<u>Câu 5</u>: ***Xin Thầy/Cô vui lòng cho biết một số ý kiến đóng góp để việc dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đạt kết quả cao?***

- Ý kiến Thầy/Cô: …….

……..

Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin về bản thân

. ***Họ và tên***:…….

. ***Trường:*** ……

. ***Công việc đảm nhận:*** ……

. ***Số năm công tác:*** ……

. ***Trình độ đào tạo cao nhất:…***……

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy/Cô

PHỤ LỤC 9

PHIẾU XIN Ý KIẾN GIÁO VIÊN SAU THỰC NGHIỆM ĐỢT 2 LẦN 2

(Dành cho giáo viên Địa lí THPT)

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Thầy/Cô về các vấn đề nêu trong phiếu. Xin Thầy/Cô vui lòng đánh dấu (X) vào phương án mà Thầy/Cô lựa chọn hoặc điền vào chỗ trống câu trả lời.

(Những thông tin này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác).

Câu 1: ***Ý kiến của Thầy/Cô về tiết dạy học thực nghiệm tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT?***

STT	Nhận xét của GV về tiết dạy tích hợp	Phương án lựa chọn			
		Không đồng ý	***Phân vân***	***Đồng ý***	***Hoàn toàn đồng ý***
1	Có tính khả thi				
2	Có tính hiệu quả				
3	HS hứng thú, tích cực tham gia, tìm hiểu, xây dựng bài				
4	GV đảm bảo được kế hoạch bài học				
5	HS đạt được mục tiêu về kiến thức Địa lí và kiến thức Hướng nghiệp				
6	HS đạt được mục tiêu về kĩ năng, thái độ của Địa lí và Hướng nghiệp				

<u>Câu 2</u>: ***Theo ý kiến của Thầy/Cô thì việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT có khả thi không? Có áp dụng vào thực tế giảng dạy ở trường THPT không?***

- Ý kiến Thầy/Cô : ……

……..

<u>Câu 3</u>: ***Thầy/Cô vui lòng đóng góp các ý kiến (nếu có) để việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đạt hiệu quả cao?***

- Ý kiến Thầy/Cô: …….

……

Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin về bản thân

. ***Họ và tên***:…….

. ***Trường:*** ……..

. ***Công việc đảm nhận:*** …….

. ***Số năm công tác:*** ……

. ***Trình độ đào tạo cao nhất:…***…….

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Thầy/Cô

PHỤ LỤC 10

PHIẾU LẤY Ý KIẾN HỌC SINH SAU THỰC NGHIỆM

(Dành cho học sinh lớp 12 THPT)

Để góp phần nâng cao hiệu quả công tác Giáo dục Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm dạy học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT. Xin Em vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề đã nêu trong phiếu bằng cách đánh dấu (X) vào phương án mà bạn đồng ý hoặc điền vào chỗ trống câu trả lời.

(Những thông tin này chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác).

Câu 1: ***Xin Em cho biết ý kiến của bản thân về các vấn đề được hỏi trong bảng dưới đây?***

STT	***Nhận xét của HS về tiết dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT***	***Phương án lựa chọn***			
		Không đồng ý	***Phân vân***	***Đồng ý***	***Hoàn toàn đồng ý***
1	Em có hứng thú, thích học, tích cực tìm hiểu, thảo luận các vấn đề của bài học.				
2	Em đạt được mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của Địa lí				
3	Em đạt được mục tiêu về kiến thức, kĩ năng, thái độ của GDHN				
4	Em lập được kế hoạch nghề nghiệp cho mình				
5	GV đã dẫn dắt bài học một cách hợp lý, logic.				

<u>Câu 2</u>: ***Sau tiết học thực nghiệm, Em có cảm thấy thoải mái, hài lòng không?***

1. Có ☐ 2. Không ☐

<u>Câu 3</u>: ***Xin Em cho biết ý kiến của bản thân về các vấn đề được hỏi trong bảng dưới đây?***

STT	Nội dung hỏi	Phương án trả lời			
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Bình thường	Không đồng ý
1	Em hài lòng với dự án của nhóm khi học bài 16,17 SGK Địa lí 12 THPT				
2	Em cảm thấy tự tin hơn khi làm việc cùng mọi người				
3	Em thích học và làm việc theo nhóm				
4	Em mong sẽ có nhiều dự án trong các tiết học tích hợp GDHN trong Địa lí 12 THPT				
5	Qua học thực nghiệm đã giúp em phần nào hiểu được thế giới nghề nghiệp quanh em				
6	Em đã phần nào nhận biết được bản thân hợp với nghề nào				
7	Học tích hợp GDHN đã phần nào giải đáp được những thắc mắc của em về việc lựa chọn nghề nghiệp cho tương lai				
8	Cùng bạn học tham gia học tích hợp GDHN và làm Dự án bài 16,17 đã tạo cảm hứng cho em tìm hiểu bài học và cuộc sống nhiều hơn				

<u>Câu 4</u>: Em ***vui lòng đóng góp các ý kiến (nếu có) để việc dạy tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT đạt hiệu quả cao?***

- Ý kiến: …….

……

Xin Em cho biết một số thông tin về bản thân

. ***Họ và tên***:……***Giới tính***: …….

. ***Trường THPT:*** …… ***Lớp:*** ……***Tỉnh (thành phố):*** ……

. ***Dân tộc:*** ……

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Em !

PHỤ LỤC 11

BÀI KIỂM TRA 15 PHÚT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ của bài Địa lí thông qua trình bày một đối tượng, hiện tượng địa lí.

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh về kiến thức Hướng nghiệp thông qua việc hiểu về sở thích của bản thân và việc hiểu để trình bày một nghề của vùng.

- Qua bài kiểm tra giúp tác giả và GV đánh giá được kết quả giảng dạy tích hợp và có biện pháp điều chỉnh hợp lý.

II. CHUẨN BỊ

*** Giáo viên**

- Ra đề kiểm tra.
- Đảm bảo trọng tâm, chính xác, khoa học.

*** Học sinh**

- Ôn tập và học bài
- Chuẩn bị dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

1. **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số.
2. **Kiểm tra bài cũ:** Không.
3. **Bài mới:** Giáo viên phát đề kiểm tra cho học sinh.

ĐỀ KIỂM TRA 15 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm. (2 điểm)

Câu 1: Hệ thống núi ở Việt Nam có sự phân bậc rõ ràng trong đó chiếm ưu thế là:

A. Núi cao B. Đồi núi thấp C. Núi trung bình D. B và A đúng

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng về thế mạnh thiên nhiên khu vực đồi núi đối với phát triển kinh tế –xã hội?

A. Rừng giàu về thành phần loài B. Tiềm năng thuỷ điện

C. Địa hình bị cắt mạnh, nhiều sông suối, hẻm vực D. Khoáng sản phong phú

II. Phần tự luận : (8 điểm)

Câu 1: (4 điểm)

Nêu đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung?

Câu 2: (4 điểm)

Em hãy cho biết tên một ngành kinh tế có thế mạnh phát triển ở khu vực đồi núi hoặc khu vực đồng bằng? Em có thích ngành kinh tế đó không? Vì sao? Tên cơ sở đào tạo ngành đó?

ĐÁP ÁN

I.Phần trắc nghiệm.(2 điểm)

1	2
D	C

II.Phần tự luận. (8 điểm)

Câu 1: Nêu đặc điểm của dải đồng bằng ven biển miền Trung (4 điểm)

-Diện tích: 15 nghìn km2

-Đồng bằng nhỏ, hẹp, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

-Đất nhiều cát, ít phù sa, nghèo dinh dưỡng

-Một số đồng bằng lớn: đồng bằng Thanh Hóa, đồng bằng nghệ An, đồng bằng Quảng Nam, đồng bằng Tuy Hòa,…

Câu 2: (4 điểm)

Em hãy cho biết tên một ngành kinh tế có thế mạnh phát triển ở khu vực đồi núi hoặc khu vực đồng bằng? Em có thích ngành kinh tế đó không? Vì sao? Tên cơ sở đào tạo ngành đó?

- HS nêu tên ngành và thế mạnh của ngành (2 điểm)
- HS hiểu được sở thích của bản thân và giải thích được. (1 điểm)
- Tên cơ sở đạo tạo (1 điểm)

IV. RÚT KINH NGHỆM

PHỤ LỤC 12

BÀI KIỂM TRA 45 PHÚT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh về kiến thức môn Địa lí thông qua trình bày một đối tượng, hiện tượng địa lí.

- Qua bài kiểm tra nhằm đánh giá kiến thức, kĩ năng, thái độ của học sinh về kiến thức Hướng nghiệp thông qua việc hiểu về nghề mình thích.

- Qua bài kiểm tra giúp tác giả và GV đánh giá được kết quả của việc tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT.

II. CHUẨN BỊ

*** Giáo viên**

- Ra đề kiểm tra.
- Đảm bảo trọng tâm, chính xác, khoa học.

*** Học sinh.**

- Ôn tập và học bài
- Chuẩn bị dụng cụ học tập.

III. TIẾN TRÌNH LÊN LỚP

4. **Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số.
5. **Kiểm tra bài cũ:** Không.
6. **Bài mới:** Giáo viên phát đề kiểm tra cho học sinh.

ĐỀ KIỂM TRA 45 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm. (2,0 điểm): Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu của một phương án trả lời đúng.

Câu 1: Nhận định nào sau đây không đúng về thế mạnh thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế –xã hội?

A. Phát triển nông nghiệp nhiệt đới.

B. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác: khoáng sản, thủy sản, lâm sản

C. Là nơi có điều kiện tập trung các thành phố, các khu công nghiệp, các trung tâm thương mại.

D. Thường xuyên chịu nhiều thiên tai, bão lụt, hạn hán…

Câu 2: Ý nào không phải là khó khăn do dân số đông gây ra ở nước ta?

A. Lực lượng lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

B. Trở ngại lớn cho việc phát triển kinh tế.

C. Việc làm không đáp ứng nhu cầu.

D. Khó khăn cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân

Câu 3: Ngành kinh tế nào không phải là thế mạnh kinh tế của khu vực trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

A. Thế mạnh về khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện.

B. Thế mạnh về trồng cây lương thực và cây ăn quả.

C. Thế mạnh về chăn nuôi gia súc.

D. Thế mạnh về kinh tế biển.

Câu 4: Ý nào không hoàn toàn đúng với đặc điểm nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta?

A. Sự đa dạng về cơ cấu mùa vụ.

B. Sự đa dạng về cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

C. Tính bấp bênh, không ổn định của một số sản phẩm nông nghiệp.

D. Năng suất và sản lượng luôn tăng trưởng ổn định.

II. Phần tự luận: (8,0 điểm)

Câu 1: (4,0 điểm). Cho bảng số liệu mật độ dân số một số vùng nước ta, năm 2006 (đơn vị: người/km^2).

Vùng		**Mật độ dân số**
Đồng bằng sông Hồng		1225
Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đông Bắc	148
	Tây bắc	69
Bắc Trung Bộ		207
Duyên hải Nam Trung Bộ		200
Tây Nguyên		89
Đông Nam Bộ		511
Đồng bằng sông Cửu Long		429

a. Vẽ biểu đồ thể hiện mật độ dân số một số vùng nước ta?

b. Từ đó rút ra nhận xét và giải thích ảnh hưởng của sự phân bố dân cư đến sự phát triển kinh tế - xã hội?

Câu 2: (4 điểm) Em hãy mô tả một nghề mà bản thân thích? Phân tích những những thuận lợi và khó khăn để nghề đó phát triển? Kể tên một số cơ sở đào tạo nghề em chọn?

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm (2,0 điểm)

1	2	3	4
D	A	B	D

II.Phần tự luận (8,0 điểm)

Câu 1: (4,0 điểm)

a. Vẽ biểu đồ hình cột. Chính xác rõ ràng : **1,5 điểm.**

b. * Nhận xét : **1,5 điểm.**

- Qua biểu đồ và bảng số liệu ta thấy sự phân bố dân cư ở Việt Nam chưa hợp lí giữa đồng bằng với trung du, niền núi và giữa các vùng với nhau.

- Sự phân bố dân cư không hợp lí này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội:

+ Tích cực:

+ Tiêu cực:

* Giải thích :**1,0 điểm.**

- Do ảnh hưởng của tự nhiên (đặc biệt là yếu tố địa hình)

- Do sự phát triển kinh tế - xã hội không đều giữa các vùng.

- Do chính sách di dân và phát triển kinh tế.

- Do lịch sử khai thác lãnh thổ.

Câu 2: (4 điểm). Em hãy mô tả một nghề mà bản thân thích? Phân tích những những thuận lợi và khó khăn để nghề đó phát triển? Kể tên một số cơ sở đào tạo nghề em chọn?

- Mô tả nghề bản thân thích – Giải thích. *1 điểm*

- Phân tích thuận lợi, khó khăn. 2 *điểm*

- Kể tên một số cơ sở đào tạo nghề. *1 điểm*

IV. RÚT KINH NGHỆM

PHỤ LỤC 13

TÓM TẮT BÁO CÁO KHẢO SÁT

Về tổ chức hoạt động trải nghiệm trong tích hợp Giáo dục hướng nghiệp tại tỉnh Quảng Nam

Thời gian khảo sát: Từ ngày 23 đến ngày 26 tháng 3 năm 2014

--------*****-------

I. Phỏng vấn phụ huynh và học sinh lớp 12 trong ngày hội hướng nghiệp tại Trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát, Núi Thành, Quảng Nam.

1. Tổng quan về ngày hội hướng nghiệp

Thứ Hai, ngày 24 tháng 3 năm 2014, một hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp là "Ngày hội Hướng nghiệp" đã được tổ chức tại trường Trung học phổ thông Cao Bá Quát, tỉnh Quảng Nam dưới sự tài trợ của ILO và Trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật - du lịch Quảng Nam.

Đến dự ngày hội hướng nghiệp có: 550 học sinh lớp 12 THPT tỉnh Quảng nam, gồm: 450 học sinh lớp 12 của trường THPT Cao Bá Quát, 50 học sinh lớp 12 của trường THPT Nguyễn Dục, 50 học sinh lớp 12 của trường THPT Lê Quý Đôn;

50 phụ huynh học sinh lớp 12 của trường THPT Cao Bá Quát; và đại diện của các doanh nghiệp: công ty ô tô Trường Hải, công ty du lịch Sao Phương Nam, công ty du lịch Hùng Cường, ngân hàng Vietcombank…

Chương trình của Ngày hội Hướng nghiệp:

- Khai mạc Ngày hội hướng nghiệp

- Đại diện các trường, các doanh nghiệp chia sẻ, giới thiệu về các trường, các nghề trên địa bàn; kinh nghiệm giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân… Giới thiệu các cơ hội việc làm cho học sinh.

- Các giảng viên, đại diện các doanh nghiệp giải đáp thắc mắc của học sinh, phụ huynh xung quanh vấn đề chọn trường, chọn nghề.

- Đại diện chính quyền Quảng Nam chia sẻ về tình hình nhân lực và thực tiễn nhu cầu nguồn nhân lực của tỉnh để giúp học sinh có định hướng lâu dài về việc lựa chọn nghề nghiệp.

- Trò chơi và ca nhạc giao lưu

- HS tham quan các gian trưng bày giới thiệu một số ngành đào tạo hiện có của trường Trung cấp Văn hóa nghệ thuật - Du lịch Quảng Nam, đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh Quảng Nam.

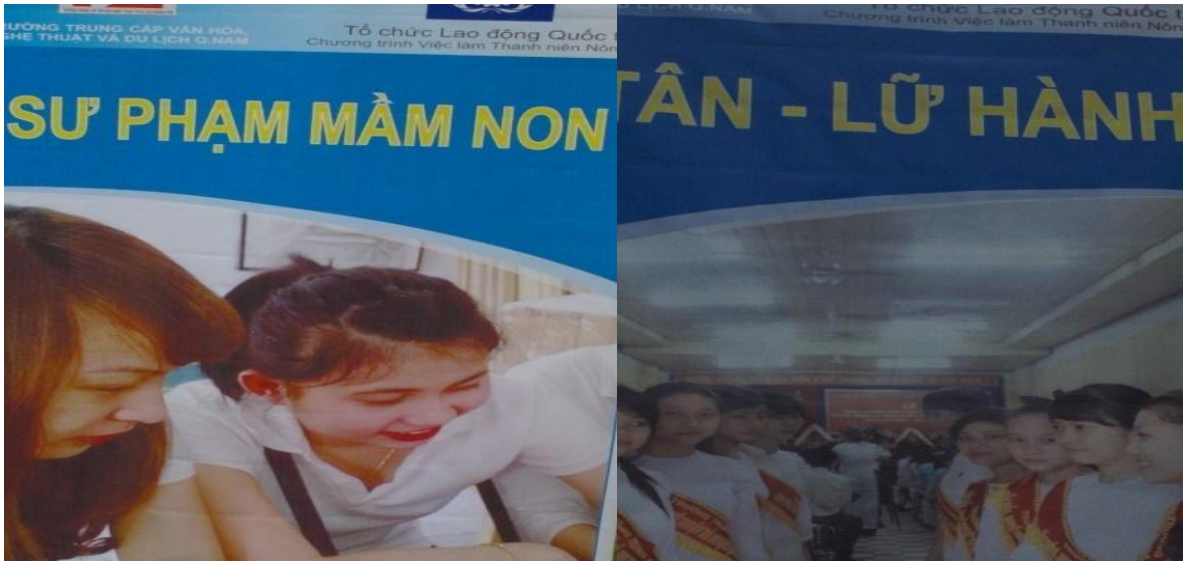

Hình ảnh: Một số gian trưng bày giới thiệu ngành nghề của trường trung cấp Văn hóa, nghệ thuật và du lịch Quảng Nam trong ngày hội hướng nghiệp

2. Phỏng vấn phụ huynh và học lớp 12 tham gia ngày hội hướng nghiệp

Quy mô phỏng vấn:

- 15 phụ huynh học sinh lớp 12 của trường THPT Cao Bá Quát
- 25 HS lớp 12 đại diện cho 550 HS tham dự Ngày hội Hướng nghiệp.

Nội dung phỏng vấn:

- Kế hoạch nghề nghiệp của HS.
- Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.
- Xin ý kiến nhận xét về GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT ở trường các em học.

Tóm tắt kết quả phỏng vấn

- Hơn 80% học sinh lớp 12 được phỏng vấn đã học GDHN. 100% HS đều cho rằng GDHN là rất cần thiết và có ý nghĩa với bản thân và bạn bè (vì các em đều muốn biết về các ngành nghề; muốn biết về năng lực, sở thích của bản thân...). Tuy nhiên, các em chưa thực sự hiểu và chưa áp dụng được cho việc lựa chọn nghề nghiệp của mình
- Gần 90% HS đã có quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.
- Nguyên nhân chọn nghề: 80% do sở thích; 2% kế nghiệp truyền thống gia đình; 2% do học tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT; 16% các lí do khác. (Tuy nhiên, các em lựa chọn nghề theo sở thích, mà chưa hiểu về thế giới nghề nghiệp, chưa hiểu bản thân có thích hợp với nghề không,… nên các em khá băn khoăn, lo lắng về vấn đề chọn nghề).
- Phụ huynh học sinh: Phần lớn đều làm nông nghiệp; không tin vào hiểu biết của bản thân; lo lắng về kinh phí nếu con chọn học đại học và cao đẳng; việc lựa chọn nghề là do con quyết định; lo lắng về vấn đề việc làm sau khi học xong… Nói chung phụ huynh không có kiến thức về GDHN.

II. Kết quả đạt được

Một số nhận xét:

•*Tổ chức ngày hội hướng nghiệp ở Trường THPT Cao Bá Quát*: Ngày hội đã mang đến những thông tin hữu ích, thiết thực về một số ngành nghề cũng như tư vấn lựa chọn nghề, giải đáp thắc mắc cho học sinh lớp 12. Thông qua ngày hội,

học sinh và phụ huynh đã có thêm một số hiểu biết về thế giới nghiệp. Tuy nhiên lượng kiến thức tiếp thu được không nhiều vì thời gian quá ngắn. Thông qua phỏng vấn phụ huynh và học sinh, phần lớn học sinh đều không có kiến thức về GDHN; các em đều chọn nghề đều theo sở thích; chưa am hiểu về bản thân và về thế giới nghề nghiệp; lo lắng không biết đầu ra sẽ thế nào; gia đình không định hướng vì không am hiểu,… Cả phụ huynh và HS đều lo lắng về việc chọn nghề và việc làm của HS sau này, vì vậy đều cho rằng việc GDHN và tích hợp GDHN trong môn Địa lí 12 THPT là hết sức cần thiết.

• *Phỏng vấn Ban giám hiệu, giáo viên dạy GDHN:* Ban Giám hiệu và GV chia sẻ khó khăn và thuận lợi trong quá trình thực hiện GDHN và dạy tích hợp GDHN trong môn học. Trong đó, khó khăn lớn nhất được nhà trường nhấn mạnh là đội ngũ GV còn thiếu kiến thức về GDHN và kinh phí còn thiếu thốn.

PHỤ LỤC 14

MỘT SỐ HÌNH ẢNH THỰC NGHIỆM CỦA ĐỀ TÀI

Hình ảnh: Cô giáo Nguyễn Thị Tú Hồng và Lê Thị Dung trong giờ học thực nghiệm

Hình ảnh: Các lớp thực nghiệm thảo luận nhóm.

Hình ảnh: Đại diện nhóm báo cáo sản phẩm nhóm và trả lời câu hỏi đặt ra của các bạn trong lớp

Hình ảnh: HS mô tả và nhập vai vào nghề mình yêu thích

Hình ảnh: GV khá hào hứng trao đổi cùng tác giả sau tiết dạy thực nghiệm